

TRUNG TÂM VĂN HÓA THÔNG TIN - THỂ THAO
HUYỆN SƠN DƯƠNG

Sơn Dương

Một vùng quê
cách mạng

THÁNG NĂM 2009

TRUNG TÂM VĂN HÓA THÔNG TIN - THỂ THAO
HUYỆN SƠN DƯƠNG

Sơn Dương
Một vùng quê
cách mạng

THÁNG 5 NĂM 2009

LỜI NÓI ĐẦU

Huyện Sơn Dương tỉnh Tuyên Quang là một vùng quê cách mạng, chính trên mảnh đất này đã diễn ra nhiều sự kiện lịch sử quan trọng. Đặc biệt là thời kỳ khởi nghĩa, Sơn Dương là trung tâm khu căn cứ địa cách mạng có Tân Trào được chọn làm thủ đô kháng chiến, thủ đô giải phóng.

Trong cuộc trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Sơn Dương là an toàn khu nơi ở và làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Trung ương Đảng Chính phủ, các Bộ, Ban ngành, Quân đội, xưởng sản xuất và vũ khí đạn dược, kho bạc, kho lương thực, thực phẩm, kho lưu trữ tài liệu quan trọng của nhà nước. Đóng hầu khắp trong toàn huyện. Sơn Dương cũng là mảnh đất làm nên những chiến công như: Bình Ca, Đèo Chấn, Đèo Khế, Đốc Đỏ... đánh và tiêu diệt Pháp - Nhật bảo vệ khu giải phóng.

Để góp phần tìm hiểu về quê hương có Tân Trào trung tâm thủ đô kháng chiến, thủ đô giải phóng. Có đình Hồng Thái nơi Quốc dân Đại hội đầu tiên lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Có lán Nà Lừa nơi ở và làm việc trong kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu của dân tộc. Sự khởi sắc của nhân dân các dân tộc trong huyện ngày càng một đổi mới.

Chúng tôi sưu tầm biên soạn cuốn sách "Sơn Dương một vùng quê cách mạng" cuốn sách gồm ba phần:

Phần thứ I: Những bài phát biểu về thủ đô kháng chiến, thủ đô giải phóng. Của các đồng chí lãnh đạo huyện, tỉnh, Trung ương, các đồng chí đã từng báo vệ Bác, các nhà văn, nhà báo trong và ngoài tỉnh...

Phần thứ II: Những kỷ ức về Bác Hồ kính yêu trong thời gian ở và làm việc tại Sơn Dương. Một tấm gương trong sáng về đạo đức của Người để lại cho nhân dân các dân tộc huyện Sơn Dương nói riêng và dân tộc ta học tập, noi theo nói chung.

Phần thứ III: Sự đổi mới của Thủ đô kháng chiến ngày nay về kinh tế - chính trị trở thành một huyện của tỉnh có nhiều tiềm năng kinh tế, du lịch, về lịch sử và sinh thái.

Phần IV: Ca ngợi quê hương qua thơ và nhạc.

Nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn của cả nước đặc biệt là kỷ niệm 119 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh. 61 năm Ngày thành lập Đảng bộ và chính quyền huyện Sơn Dương 1948-2009.

Được sự nhất trí của Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện Sơn Dương chúng tôi xuất bản cuốn “Sơn Dương một vùng quê cách mạng”.

Trong quá trình sưu tầm và biên soạn chúng tôi đã được các đồng chí lãnh đạo Trung ương, Tỉnh, Huyện và các Nhà văn, Nhà thơ, Nhà báo, Nhạc sĩ trong và ngoài tỉnh đã tạo điều kiện giúp đỡ.

Xin chân thành cảm ơn.

MỘT LÒNG LÀM THEO LỜI BÁC

Hoàng Bình Quân

Ủy viên TW Đảng

Bí thư Tỉnh ủy Tỉnh Tuyên Quang



Hôm nay, tại Sơn Dương lịch sử, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Tuyên Quang tổ chức trọng thể Lễ kỷ niệm 60 năm Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh trở lại Tuyên Quang - Thủ đô Khu giải phóng, Thủ đô kháng chiến, lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược đi đến thắng lợi.

Trong giờ phút thiêng liêng này, với niềm xúc động và biết ơn vô hạn, chúng ta tưởng nhớ Bác Hồ muôn vàn kính yêu -

Người đã sáng lập và rèn luyện Đảng ta, vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam đã cống hiến trọn đời mình cho độc lập tự do của Tổ quốc, cho hạnh phúc của nhân dân.

Chúng ta kính cẩn tưởng nhớ các chiến sĩ cách mạng tiền bối, đồng bào, đồng chí đã anh dũng hy sinh vì một nước Việt Nam độc lập - tự do, thống nhất và chủ nghĩa xã hội, để nhân dân ta có được cuộc sống ấm no, hạnh phúc, đất nước, quê hương rạng rỡ như ngày hôm nay.

Chúng ta rất vui mừng được đón các đồng chí đại biểu về với Thủ đô kháng chiến, với tất cả niềm vinh dự và sự trân trọng, thay mặt Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, xin nhiệt liệt chào mừng và kính chúc sức khoẻ các đồng chí lãnh đạo các bộ, ban, ngành Trung ương, Quân khu II, các đồng chí lão thành cách mạng, các vị nhân chứng lịch sử, các vị đại biểu khách quý và toàn thể đồng bào, đồng chí đã có mặt tại lễ kỷ niệm hôm nay.

Tuyên Quang - vùng đất lịch sử đã chứng kiến nhiều hoạt động và mãi khắc ghi sâu đậm hình ảnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng những sự kiện trọng đại của dân tộc Việt Nam. Trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Tuyên Quang vinh dự được Trung ương Đảng và Bác Hồ chọn làm trung tâm cách mạng của cả nước, nơi diễn ra nhiều sự kiện lịch sử gắn liền với vận mệnh dân tộc. Hội nghị toàn quốc của Đảng quyết định chủ trương lãnh đạo toàn dân tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Tuyên Quang một lần nữa lại vinh dự được chọn làm Thủ đô kháng chiến, là nơi Bác Hồ, Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận và 65 bộ,

ngành, cơ quan Trung ương đóng trụ sở làm việc, lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta kết thúc thắng lợi bằng chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ.

Trong lễ kỷ niệm trọng thể này, chúng ta cùng nhau ôn lại những năm tháng Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu đã từng sống và làm việc tại Tuyên Quang, cùng suy nghĩ về những công việc phải làm trong chặng đường tới để xứng đáng với công lao to lớn và tình cảm của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, với truyền thống cách mạng của quê hương Thủ đô Khu giải phóng, Thủ đô Kháng chiến.

Trong đường lối lãnh đạo cách mạng Việt Nam, cùng với việc quan tâm xây dựng đội tiên phong lãnh đạo cách mạng, xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm tới việc xây dựng và củng cố các khu căn cứ địa cách mạng. Năm 1941, khi về nước trực tiếp chỉ đạo xây dựng căn cứ địa Cao Bằng, đồng chí Nguyễn Ái Quốc cũng đồng thời chỉ ra cần phải từ Cao Bằng tiến về Tuyên Quang để liên lạc với Trung ương ở miền xuôi, liên lạc với phong trào toàn quốc.

Phong trào cách mạng ở Tuyên Quang được xây dựng từ năm 1937, đến đầu năm 1945 đã phát triển cả bề rộng lẫn chiều sâu, bảo đảm những điều kiện cơ bản để tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền. Ngày 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp ở Đông Dương, tuy chỉ thị "*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*" của Trung ương chưa kịp đến, nhưng nhờ sự chủ động, nhạy bén, đánh giá đúng tình hình, ngày 10-3-1945, Phân khu uỷ Nguyễn Huệ đã lãnh đạo khởi nghĩa giành chính quyền thành công ở xã Thanh La, nay là xã Minh Thanh, rồi từ đó tiến về giải phóng toàn bộ huyện Sơn Dương. Đây là cuộc khởi nghĩa giành

chính quyền về tay nhân dân ở cấp xã và cấp huyện đầu tiên trong cả nước. Từ căn cứ Sơn Dương, vùng giải phóng tiếp tục được mở rộng ra toàn tỉnh và các vùng lân cận, Tuyên Quang trở thành căn cứ địa trung tâm của cách mạng cả nước.

Tháng 5-1945, trước những chuyển biến và yêu cầu mới của cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh rời Pác Bó về Tân Trào, huyện Sơn Dương, Bác ở và làm việc tại nhà cụ Nguyễn Tiến Sự, đến cuối tháng 5 năm 1945, Người chuyển vào ở, làm việc tại lán Nà Lừa, thôn Tân Lập, xã Tân Trào, huyện Sơn Dương. Trong thời gian này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ đạo, chủ trì nhiều hội nghị quan trọng của Đảng, ban hành những chủ trương có ý nghĩa quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam như: Mở Trường Quân chính Kháng Nhật tại Tân Trào để đào tạo cán bộ, thành lập Khu giải phóng gồm các tỉnh Tuyên Quang, Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Thái Nguyên, thống nhất các lực lượng vũ trang đặt tên là Quân giải phóng, Tân Trào - Sơn Dương trở thành Thủ đô Khu giải phóng. Cuối tháng 7-1945, tại lán Nà Lừa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ thị: *"Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải cương quyết giành cho được độc lập"*. Ngày 13-8-1945, Hội nghị cán bộ Toàn quốc của Đảng được triệu tập tại Tân Trào, quyết định tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc, Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc được thành lập, ra Quân lệnh số 1 hạ lệnh tổng khởi nghĩa trong cả nước. Ngày 16-8-1945, Đại hội quốc dân họp tại đình Tân Trào đã bầu ra Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam (tức Chính phủ lâm thời) do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Tân Trào trở thành Thủ đô lâm thời của nước Việt Nam mới.

Ngày 17-8-1945, trước cửa đình Tân Trào, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc lời tuyên thệ: *"Chúng tôi là những người được Quốc dân đại*

biểu bầu vào Ủy ban giải phóng dân tộc... nguyện kiên quyết lãnh đạo nhân dân tiến lên, ra sức chiến đấu chống quân thù, giành lại độc lập cho Tổ quốc. Dù phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng quyết không lùi bước...". Với tinh thần quật khởi ấy, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, toàn dân tộc ta đã nhất tề đứng lên làm cuộc tổng khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền thành công trong cả nước.

Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hoà - Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á ra đời có sức cổ vũ to lớn đối với các dân tộc bị áp bức trên thế lực đế quốc, phản động quốc tế lo ngại và tìm mọi cách chống phá nhằm thủ tiêu nước Việt Nam dân chủ cộng hoà non trẻ. Ngày 23-9-1945, quân Pháp nổ súng ở Sài Gòn, mở đầu cho cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương lần thứ hai. Tình thế khẩn cấp, ngày 18-12-1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã quyết định phát động cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược trên phạm vi cả nước. Ngày 20-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Hưởng ứng Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thực hiện đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh của Đảng, cả dân tộc ta đã đồng lòng đứng lên kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, bảo vệ độc lập dân tộc.

Ngay sau Cách mạng Tháng Tám thành công Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dự đoán chiến cuộc còn tiếp diễn vì dã tâm xâm lược nước ta của thực dân Pháp. Do vậy, trước khi rời Tân Trào về Hà Nội, Người đã cử cán bộ ở lại tiếp tục củng cố khu căn cứ địa Tân Trào và căn dặn: *"Một số các cô, các chú còn ở lại địa phương đây, giúp đồng bào tổ chức cuộc sống sao cho tươi đẹp hơn, ấm no, văn minh hơn... Biết đâu, chúng ta còn trở lên đây*

cây nhờ đồng bào lân nũa...". Và sự tiên đoán, trù liệu đó của Người đã trở thành hiện thực khi thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai.

Trước ngày toàn quốc kháng chiến, theo chỉ thị của Bác, căn cứ địa Việt Bắc vẫn tiếp tục được củng cố, khi chiến sự lan rộng, sau khi nghe báo cáo tình hình và khả năng phòng thủ của ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định *"Ta lại trở về Tân Trào"* và chỉ đạo thực hiện cuộc tổng di chuyển các cơ quan, kho tàng, máy móc vào các an toàn khu nhằm bảo toàn lực lượng, xây dựng thực lực để tiến hành kháng chiến trường kỳ. Tháng 2-1947, Chính phủ quyết định chọn vùng trung tâm Việt Bắc làm An toàn khu. Tuyên Quang, nơi có vị trí chiến lược, địa thế hiểm yếu, có thể cơ động linh hoạt sang các vùng khác, nơi có cơ sở chính trị, có tổ chức Đảng, chính quyền và phong trào cách mạng vững chắc, từng là Thủ đô Khu giải phóng, nhân dân có truyền thống yêu nước nồng nàn, đoàn kết, tuyệt đối trung thành với Đảng, với cách mạng đã được chọn làm trung tâm của căn cứ địa Việt Bắc, an toàn khu của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Trung ương Đảng, Chính phủ, Quốc hội, Mặt trận và các cơ quan Trung ương.

Ngày 2-4-1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh về đến Làng Sào, xã Hợp Thành, huyện Sơn Dương. Đây là nơi ở, làm việc đầu tiên của Chủ tịch Hồ Chí Minh (từ ngày 2-4 đến 19-5-1947) khi Người trở lại Việt Bắc để cùng Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ lãnh đạo cuộc kháng chiến của dân tộc ta chống thực dân Pháp xâm lược. Tại đây, Người chủ trì Hội nghị cán bộ Trung ương Đảng, rút kinh nghiệm những tháng đầu toàn quốc kháng chiến, tiếp tục khẳng định đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh của Đảng ta và yêu cầu khẩn trương di chuyển các cơ quan lên Việt Bắc; ngày 19-4-1947,

Người chủ trì phiên họp của Hội đồng Chính phủ, trọng tâm bàn về vấn đề ngoại giao, Người cũng yêu cầu tất cả các vị Bộ trưởng nhanh chóng chuyển vào an toàn khu càng sớm càng tốt. Theo chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã có 11 bộ trong tổng số 12 bộ (lúc bấy giờ) và hầu hết các cơ quan Trung ương đặt trụ sở làm việc tại hàng trăm địa điểm khác nhau trên tất cả các huyện, thị xã của tỉnh Tuyên Quang như: Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương Đảng, Ban Tuyên huấn Trung ương Đảng, Chủ tịch phủ, Thủ tướng phủ, Ban Thường trực Quốc hội, Mặt trận Việt Minh, Mặt trận Liên Việt... Tuyên Quang trở thành Thủ đô kháng chiến của cả nước.

Ngày 19-12-1947, tại thôn Khuổi Tấu, xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn, Người viết Lời kêu gọi gửi đồng bào và chiến sĩ cả nước nhân kỷ niệm một năm ngày toàn quốc kháng chiến, nêu rõ: *“Chính phủ Hồ Chí Minh thể quyết lãnh đạo nhân dân và quân đội chiến đấu đến cùng, để phá tan xiềng xích của bọn thực dân, để tranh lại quyền thống nhất và độc lập”*. Người kêu gọi toàn thể đồng bào và chiến sĩ, kêu gọi mọi người đều phải ra sức thi đua với tinh thần mới, để đưa kháng chiến và kiến quốc đến thắng lợi mới và thành công mới. Tại Tuyên Quang, Người đã ký Sắc lệnh thành lập nhiều cơ quan của Chính phủ như: Ngân hàng Quốc gia Việt Nam, Ban Thanh tra Chính phủ, Ban Kinh tế Chính phủ, Bộ Công an... Từ Tuyên Quang, đầu tháng 01-1950, Người lên đường thăm Trung Quốc, Liên Xô để mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước trên thế giới và cũng từ Tuyên Quang Người đã lên đường chỉ đạo chiến dịch biên giới Thu Đông 1950 giành thắng lợi.

Từ tháng 1-1951 đến tháng 5-1952, tại Chiêm Hoá, Tuyên Quang, Người đã chủ trì, tham dự nhiều hội nghị, đại hội quan

trọng, gắn liền với thành công của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng tổ chức tại khu rừng Nà Loáng thuộc thôn Phú An, xã Vinh Quang (nay là thôn Bó Củng, xã Kim Bình), huyện Chiêm Hoá; Đại hội đã quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai, lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam; đây là Đại hội đầu tiên của Đảng được tổ chức ở trong nước, đánh dấu một mốc quan trọng trong quá trình lãnh đạo và trưởng thành của Đảng ta. Tiếp đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh dự và chỉ đạo Đại hội liên minh nhân dân ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia; Đại hội Anh hùng chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu toàn quốc lần thứ nhất được tổ chức tại Kim Bình, Chiêm Hoá, Tuyên Quang.

Từ ngày 1-12 đến 4-12-1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh dự kỳ họp thứ 3 Quốc hội khoá I được tổ chức tại xóm Bồng, xã Tân Trào, huyện Sơn Dương, đây là kỳ họp duy nhất của Quốc hội được tổ chức trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Từ đầu năm 1954 đến tháng 8 năm 1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ở và làm việc tại xã Kim Quan, huyện Yên Sơn. Người đã chủ trì nhiều phiên họp của Bộ Chính trị, Hội đồng Chính phủ, lãnh đạo toàn Đảng toàn quân, toàn dân ta giành thắng lợi trong chiến dịch Đông Xuân 1953-1954 mà đỉnh cao là Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ, đưa cuộc kháng chiến của dân tộc ta chống thực dân Pháp xâm lược đi đến thắng lợi. Cũng chính từ đây, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã theo dõi, chỉ đạo hoạt động của đoàn ngoại giao của Chính phủ ta tại Hội nghị Giơnevơ, buộc thực dân Pháp phải ký hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Bác Hồ đã ở Tuyên Quang gần 5 năm, tại hơn 20 địa điểm khác nhau.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ lãnh đạo toàn dân kháng chiến, kiến quốc và kết thúc bằng Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ “Chấn động địa cầu”, chấm dứt sự thống trị của thực dân Pháp ở nước ta, đưa miền Bắc tiến lên Chủ nghĩa xã hội, làm hậu phương vững chắc cho cuộc đấu tranh giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Người đã có nhiều bài viết, bài phát biểu và hoạt động thực tiễn trong lãnh đạo cách mạng, trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giáo dục và rèn luyện đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên như: Cách làm việc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; Thế nào là “*cần, kiệm, liêm, chính*” và nhiều tác phẩm khác. Các bài viết cùng những hoạt động thực tiễn, tấm gương sáng ngời của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định sâu sắc vai trò lãnh đạo của Đảng, yêu cầu cấp thiết phải thường xuyên xây dựng, củng cố Đảng trong sạch, vững mạnh, xứng đáng là người lãnh đạo, người đẩy tố trung thành của nhân dân.

Xứng đáng với niềm tin của Bác Hồ và Trung ương Đảng, quân và dân Tuyên Quang đã lập nhiều chiến công vang dội, đập tan các cuộc tấn công của thực dân Pháp lên Việt Bắc. Suốt chín năm trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Tuyên Quang luôn làm tròn nhiệm vụ thiêng liêng: Xây dựng, bảo vệ Thủ đô kháng chiến, bảo vệ an toàn tuyệt đối Bác Hồ và các cơ quan đầu não kháng chiến; góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Những địa danh: Lán Nà Lừa, đình Tân Trào, cây đa Tân Trào, đình Hồng Thái, Kim Bình, Kim Quan, Bình Ca, Khe Lau... của Tuyên Quang mãi mãi đi vào lịch sử dân tộc, lịch sử cách mạng Việt Nam.

Tháng 3 năm 1961 Bác Hồ trở về thăm lại tỉnh ta, trong bài nói chuyện với đồng bào các dân tộc tỉnh nhà, Bác đã căn dặn: *"Trước kia, đồng bào tỉnh ta đã góp phần xứng đáng trong Cách mạng Tháng Tám và cuộc kháng chiến cứu nước. Ngày nay tôi chắc rằng đồng bào ta sẽ phát huy truyền thống anh dũng sẵn có và góp phần nhiều hơn nữa trong công cuộc kiến thiết chủ nghĩa xã hội..."*. Ghi nhớ sâu sắc và quyết tâm làm theo lời Bác Hồ dạy, trên nền tảng lịch sử, văn hoá, phát huy mạnh mẽ truyền thống của quê hương cách mạng, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã đoàn kết, chung sức, chung lòng vượt qua mọi khó khăn thử thách, thi đua lao động, sản xuất, chiến đấu, học tập và công tác giành nhiều thành tựu quan trọng, viết tiếp trang sử vẻ vang trong giai đoạn mới: Kinh tế tăng trưởng khá; văn hoá - xã hội phát triển; quốc phòng - an ninh được giữ vững; hệ thống chính trị được củng cố, tăng cường. Đời sống nhân dân các dân tộc trong tỉnh không ngừng được cải thiện và nâng cao.

Với những đóng góp to lớn trong suốt quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chúng ta đã được Đảng và Nhà nước phong tặng Huân chương Sao Vàng, tỉnh Anh hùng. Tuyên Quang có 4 huyện, thị xã, 6 xã, 3 đơn vị được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; 3 tập thể, 1 cá nhân được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động.

Thay mặt Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc tỉnh, tôi nhiệt liệt biểu dương những nỗ lực cố gắng và những thành tựu trên mọi lĩnh vực của cán bộ, đảng viên, đồng bào và chiến sĩ trong toàn tỉnh. Chúng ta bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan Trung ương đã quan tâm chăm lo tạo điều kiện để Tuyên Quang ngày càng phát triển.

Chúng ta cảm ơn sự giúp đỡ chân tình của cả nước và bạn bè gần xa đối với nhân dân các dân tộc tỉnh Tuyên Quang.

Những thành tựu mà Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh nhà đạt được là rất đáng mừng, song tỉnh ta vẫn còn là một tỉnh nghèo, tốc độ và trình độ phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; đời sống của một bộ phận nhân dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc ít người, vùng căn cứ địa cách mạng còn khó khăn, thiếu thốn. Vì thế, xây dựng Tuyên Quang ngày càng phát triển, văn minh không những phát huy được truyền thống cách mạng của quê hương Thủ đô Khu giải phóng, Thủ đô Kháng chiến mà còn là sự tri ân của đồng bào cả nước đối với nhân dân Tuyên Quang. Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, với quyết tâm xây dựng tỉnh Tuyên Quang giàu đẹp, văn minh, xứng đáng với truyền thống hào hùng và tầm vóc lớn lao mà lịch sử đã trao cho Tuyên Quang.

Năm 2006 chúng ta đã nỗ lực rất lớn giành thắng lợi toàn diện trên tất cả các lĩnh vực: Chính trị, kinh tế văn hoá - xã hội, an ninh - quốc phòng, tạo tiền đề quan trọng để bước vào năm 2007 với tinh thần “*tăng tốc*” hoàn thành và hoàn thành vượt mức các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Phát huy truyền thống vẻ vang, khắc ghi lời dạy của Bác Hồ kính yêu, với tinh thần phấn khởi, tự tin chúng ta đã và đang tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2007, đó là:

Phát triển mạnh kinh tế để phấn đấu tăng trưởng GDP trên 13%, trong đó tập trung cho phát triển hạ tầng giao thông, thông tin, thúc đẩy tiến độ thực hiện các dự án công nghiệp, đồng thời tích cực khai thác nguồn lực triển khai các dự án mới. Đẩy mạnh

phát triển du lịch, dịch vụ, chỉ đạo quy hoạch, sản xuất nông, lâm nghiệp hiệu quả; hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển kinh tế hộ, khai thác tiềm năng trong nhân dân.

Đẩy mạnh phát triển và nâng cao chất lượng các lĩnh vực văn hoá - xã hội, trong đó tập trung giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động, xoá đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng y tế, giáo dục - đào tạo, thực hiện tốt phong trào thi đua "*Dạy tốt, học tốt*" và cuộc vận động nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục.

Giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

Đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng học tập, quán triệt và thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước cho cán bộ, đảng viên và nhân dân; thực hiện có hiệu quả cuộc vận động "*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*", nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng ở cơ sở, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đảm bảo hiệu quả, thiết thực; nâng cao chất lượng công tác cán bộ, thực hiện phân cấp mạnh và triệt để trong công tác quản lý cán bộ trong toàn hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở.

Tiếp tục thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở, đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới lề lối làm việc của các cấp, các ngành, thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá X) và Chương trình hành động của Tỉnh uỷ thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 (khoá X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Lãnh đạo tổ chức thành công cuộc bầu cử Đại biểu Quốc hội khoá XII, nhiệm kỳ 2007 - 2012.

Những nhiệm vụ to lớn, nặng nề trong năm 2007 đòi hỏi sự quyết tâm, nỗ lực vượt bậc của toàn Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh, đòi hỏi sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, nhạy bén, hiệu quả của các cấp, các ngành cùng với phong trào thi đua sôi nổi, rộng khắp của nhân dân các dân tộc trong toàn tỉnh.

Kỷ niệm 60 năm Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh trở lại Tuyên Quang, lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, đúng vào thời điểm toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đang tập trung triển khai thực hiện cuộc vận động “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*”, chúng ta càng khắc ghi lời dạy của Bác Hồ, phấn đấu vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh, Đảng bộ, nhân dân các dân tộc Tuyên Quang nguyện hứa với Bác sẽ tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng, đoàn kết thống nhất, năng động, sáng tạo, vượt qua khó khăn, thách thức xây dựng tỉnh Tuyên Quang ngày càng giàu đẹp, văn minh, cùng nhân dân cả nước vững bước tiến lên theo con đường xã hội chủ nghĩa - con đường mà Đảng, Bác Hồ kính yêu đã lựa chọn.

2/4/1947 - 2/4/2007

(Bài phát biểu cuộc mít tinh tại Sơn Dương kỷ niệm lần thứ 60 năm Ngày Bác Hồ trở lại Sơn Dương - Tuyên Quang chỉ đạo cuộc kháng chiến chống Pháp).

KHO TÀNG DI TÍCH LỊCH SỬ CÁCH MẠNG ĐỘC ĐÁO VÀ VÔ GIÁ CỦA THỦ ĐỘ KHÁNG CHIẾN

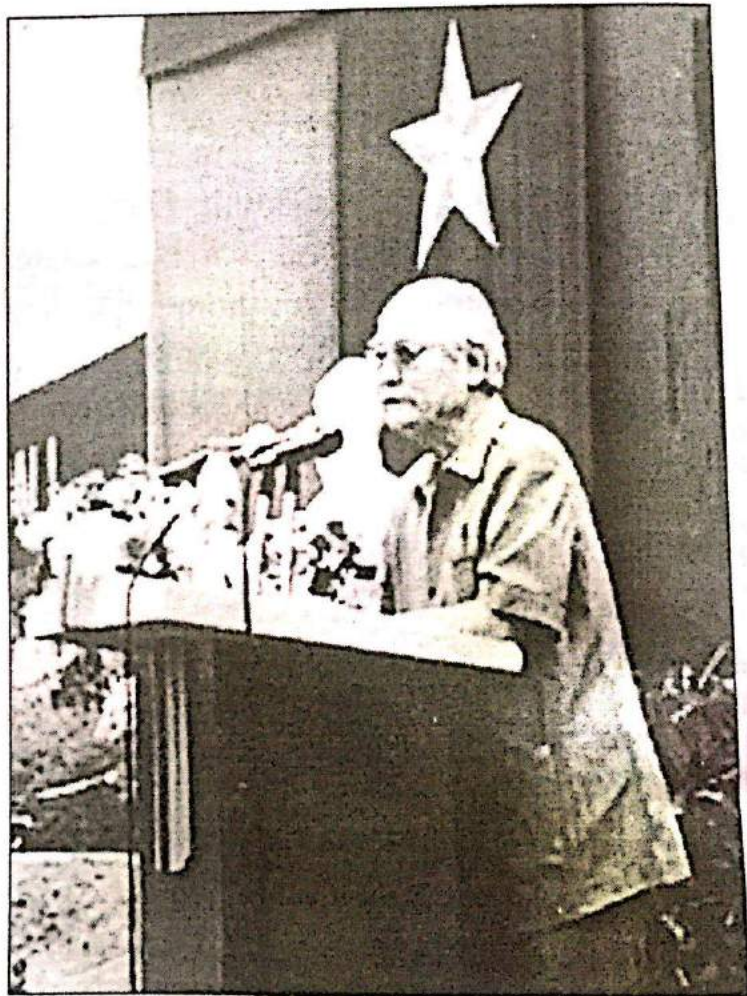
Tạ Quang Chiến

*Nguyên Tổng cục trưởng Tổng cục TDTT
nguyên cán bộ bảo vệ Bác Hồ
trong thời kỳ kháng chiến 1947-1954*

Là nhân chứng lịch sử, hôm nay tôi rất vui mừng và vinh dự được có mặt tại buổi Lễ kỷ niệm 60 năm Ngày Bác Hồ trở lại Tuyên Quang lãnh đạo kháng chiến; cho phép tôi được gửi lời chào mừng nhiệt liệt đến đồng bào, đồng chí Tuyên Quang.

60 năm trước đây, sau hơn 3 tháng hành quân qua Hà Tây, Phú Thọ, đúng ngày 2-4-1947 chúng tôi thắp tùng Bác Hồ

kính yêu đến Làng Sảo, xã Hợp Thành, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Sự kiện này như một dấu son in đậm nét trong



lịch sử cuộc trường kỳ kháng chiến của Việt Nam chống thực dân Pháp xâm lược, tiếc rằng nhiều người chưa biết rõ tường tận và thời gian đã đi quá xa nên bị lãng quên. Lễ kỷ niệm đầu tiên này sẽ làm hồi sinh lịch sử, giúp chúng ta nhìn nhận chính xác hơn những mốc quan trọng của chặng đường kháng chiến vĩ đại của dân tộc do Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp là Tổng tư lệnh tối cao.

Những năm gần đây, có nhiều dịp về thăm các tỉnh Việt Bắc, đặc biệt là Tuyên Quang - Trung tâm ngôi sáng của Thủ đô kháng chiến, tức ATK Trung ương năm xưa, tôi may mắn được đi lại nhiều nơi trong tình thương yêu của đồng bào các dân tộc. Hồ Chủ tịch lựa chọn căn cứ địa Việt Bắc, trong đó Tuyên Quang là trung tâm làm đại bản doanh cho các cơ quan đầu não kháng chiến đã được lịch sử chứng minh là hoàn toàn sáng suốt và chính xác. Bác Hồ khẳng định: *“Cách mạng đã do Việt Bắc mà thành công thì kháng chiến sẽ do Việt Bắc mà thắng lợi”*. Nay Việt Bắc đã để lại gần 1.000 di tích cho mọi thế hệ chiêm ngưỡng, soi sáng và phát huy.

Riêng Tuyên Quang là tỉnh có kho tàng di tích lịch sử cách mạng độc đáo và vô giá, không nơi nào trong cả nước có thể so sánh được đó là:

Thời kỳ Cách mạng Tháng Tám: Bác Hồ từ Cao Bằng về thẳng Tân Trào để trực tiếp lãnh đạo tổng khởi nghĩa. Tân Trào được tôn vinh là Thủ đô khu giải phóng, được cả nước biết đến và ngưỡng mộ.

Thời kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược: Tuyên Quang là Thủ đô kháng chiến. Ngày 2-4-1947 Bác Hồ về lại Việt

Bác bắt đầu từ Làng Sáo. Người ở và làm việc tại đây đến 20-5 thì chuyển sang Thái Nguyên một thời gian ngắn. Từ cuối năm 1948, Người ổn định nơi ở, làm việc tại địa bàn Tuyên Quang cho đến chiến thắng Điện Biên Phủ (tháng 7-1954). Trong thời gian đó, tháng 2/1951 Hồ Chủ tịch đã chỉ đạo Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II tại Kim Bình huyện Chiêm Hoá thành công rực rỡ. Tiếp đón Đại hội thống nhất Việt Minh - Liên Việt, đại hội anh hùng chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ nhất cũng diễn ra tại đây.

Theo thống kê tỷ mỉ của chúng tôi, những người luôn luôn tiếp cận Bác Hồ thời đó, thì Người đã ở và làm việc tại nhiều địa điểm khác nhau ở Tuyên Quang với thời gian gần 6 năm trong suốt 8 năm kháng chiến. Tổng cộng 30 lần chuyển cơ quan trong căn cứ Việt Bắc thì 20 lần ở Tuyên Quang, 7 lần ở Thái Nguyên, 2 lần ở Bắc Kạn và 1 lần ở Cao Bằng.

Xin đặc biệt lưu ý: Thời kháng chiến Bác Hồ là Chủ tịch Đảng, Chủ tịch nước kiêm Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch phủ - Thủ tướng phủ, Ban Thường trực Quốc hội và các bộ, các cơ quan trực thuộc Chính phủ đều định vị ở địa bàn Tuyên Quang, chủ yếu ở huyện Sơn Dương. Đại bản doanh Chủ tịch phủ và Thủ tướng phủ ổn định tại Thác Dắng, thôn Lập Bình, xã Bình Yên liền kề với xã Tân Trào. Bộ Văn hoá - Thông tin đã ra quyết định công nhận di tích lịch sử Chính phủ kháng chiến từ tháng 12-2000, nay đã xúc tiến khôi phục, tôn tạo thành trung tâm đặc sắc về du lịch lịch sử - văn hoá - sinh thái nằm trong Cụm di tích lịch sử Quốc gia Tân Trào để phát huy tác dụng về lâu dài. Tuyên Quang là một trọng điểm trong năm du lịch quốc gia 2007 và sẽ tồn tại vĩnh cửu ở vị trí đó trong lịch sử của Tổ quốc Việt Nam thân yêu.

Nói về Làng Sảo, những ngày tháng đầy áp kỷ niệm còn in đậm nét trong tôi nhiều hình ảnh cảm động, nay xin được kể đôi điều:

Mấy ngày đầu chúng tôi ở tạm nhà ông Thủ Thanh, Phó Hiến rồi làm lán để Bác Hồ ở và làm việc tại khu rừng nửa bạt ngàn, bên cạnh kho thóc. Xung quanh lán chúng tôi chặt nửa (có cả sự tham gia của Bác) làm hàng rào ken kín dày đặc để bảo vệ an toàn và chống thú dữ.

Về ăn uống hàng ngày, Bác hướng dẫn theo kinh nghiệm thời khu giải phóng chống Nhật, làm thịt băm nhỏ cho vào ống nứa để ăn dần trên đường hành quân (2 phần thịt, 1 phần muối rang, 1 phần ớt tán nhỏ trộn lẫn). Rau xanh thì đồng bào địa phương mang đến, khi vào rừng kiếm măng hoặc rau tàu bay mọc tự nhiên, cuốc đất trồng rau cải, bí ngô để tự túc...

Từ đó, thành thông lệ đi đến đâu Bác cháu chúng tôi cũng đặt kế hoạch tăng gia sản xuất trồng rau và chăn nuôi để cải thiện bữa ăn.

Tại đây, thỉnh thoảng chúng tôi đón các đồng chí Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp, Trần Đăng Ninh, Nguyễn Lương Bằng đến làm việc với Bác Hồ và đôi lần đưa Bác Hồ vượt suối sâu, rừng rậm ra huyện lỵ Sơn Dương họp Hội đồng Chính phủ. Nơi ở và làm việc của Hồ Chủ tịch tại rừng nửa Làng Sảo tuy đơn sơ thế nhưng là Tổng hành dinh của Tổng tư lệnh tối cao kháng chiến, mang ý nghĩa thiêng liêng không bao giờ phai nhòa.

Nay chúng ta gắn bia lưu niệm di tích lịch sử Làng Sảo là một việc làm hợp tình, hợp nghĩa: "*Uống nước nhớ nguồn*", để lưu danh mãi mãi cho các thế hệ hôm nay và mai sau về một địa chỉ đỏ mang dấu chân Bác Hồ những ngày đầu trở về Việt Bắc

lãnh đạo toàn dân đánh thực dân xâm lược đi tới đại thắng Điện Biên Phủ. Chúng ta phải khôi phục, giữ gìn, phát huy di tích này như báu vật quốc gia trường tồn, nhắc nhở mọi người hãy kiên định đi theo con đường mà Hồ Chí Minh đã vạch ra.

Cùng với việc khôi phục tôn tạo di tích Làng Sào, chúng tôi mong rằng các đồng chí lãnh đạo Tuyên Quang cũng đồng thời xúc tiến khí thế trong toàn tỉnh, để tỉnh ta thành một quần thể lớn độc đáo về du lịch lịch sử - văn hoá - sinh thái của quốc gia, góp phần tích cực phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ đổi mới. Bác Hồ kính yêu của chúng ta sống mãi với Việt Bắc, với Tuyên Quang, như luôn vẫy gọi chúng ta vững bước trên con đường xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu dân giàu nước mạnh xã hội công bằng dân chủ văn minh.

02/4/1947 - 02/4/2007

Bài phát biểu cuộc mít tinh tại Sơn Dương kỷ niệm 60 năm ngày Bác Hồ trở lại Sơn Dương chỉ đạo kháng chiến.

KỶ NIỆM VỀ NHỮNG NĂM THÁNG PHỤC VỤ BÁC HỒ

Nguyễn Kiên “Bảo vệ Bác Hồ từ năm 1947 đến 1951”

Ngày 11-10-1947 tôi được giao nhiệm vụ phục vụ Bác Hồ, hôm đó đúng vào ngày Bác di chuyển chỗ ở. Nghe tin báo địch sẽ nhảy dù xuống một số địa điểm, vì vậy nửa đêm chúng tôi đã phải lên đường. Đoàn chúng tôi đi trước để chuẩn bị địa điểm. Đến Tràng Xá, chúng tôi mượn nhà dân để đón Bác, sau đó mới làm lán để Bác ở.

Ở Tràng Xá, Tân Hồng, anh em vận động nhân dân ủng hộ đội võ trang tuyên truyền. Dân có gì ủng hộ nấy. Nhiều nhà có lợn, gà đã đem cúng cho người ốm khỏi bệnh, nên họ ủng hộ một con chó. Tôi về báo cáo Bác, Bác nói:

- Mình đang thiếu thốn, dân ủng hộ gì cũng quý cả, cần gì cứ phải gà với lợn. Nhưng các chú phải ghi lại để sau này có điều kiện hoàn trả lại cho dân, cho tương xứng với cái người ta đã ủng hộ mình.

Biết là nhân dân rất tình cảm, yêu quý những người cách mạng, đã ủng hộ một cách vô tư, nhưng nhớ lời Bác dặn, sau đó chúng tôi đã mua thuốc Lào mang đến làm quà cho mỗi nhà một bánh.

Lán của Bác lúc đầu làm ở phía ngoài bìa rừng, sau đó có tin Pháp nhảy dù mới làm sâu vào bên trong. Thời gian này Bác phải di chuyển chỗ ở đến nhiều nơi.

Năm 1947 lên Bản Ca. Năm 1948 ở chân đèo De và ăn Tết ở đó. Ở Tràng Xá một thời gian Bác lại chuyển lên Khuôn Tát, ở

nhà anh Thảo. Ở Khuôn Tát cứ sáng dậy nấu ăn xong lại lên núi, được ba, bốn ngày thì không ở đó nữa mà lên Bản Ca (cuối năm 1947). Đồng chí Lê Giản đưa Bác đi, Bác cũng đi bộ. Ở Bản Ca một thời gian, năm 1948 chuyển về chân đèo De, ở một cái lán bên cạnh "Trại nhi đồng".

Năm 1949 sang Tân Trào ở nhà anh Quyết, dưới chân núi Hồng. Thời gian này Bác di chuyển chỗ ở liên tục. Bác lên ở Bản Ca hai lần. Lần thứ nhất, giặc Pháp nhảy dù, đồng chí Lê Giản đưa Bác lên Bản Ca. Lần thứ hai vào năm 1951 Bác lại lên Bản Ca ở xã Thành Công.

Năm 1951 tôi đánh bóng bị đau tức ngực sau đó bị ốm. Bác cho tôi đi nghỉ cùng anh Tô (đồng chí Phạm Văn Đồng), anh Đáu và anh Trần Quý Kiên. Tôi đi nghỉ trở về thì Bác đã chuyển lên đèo Cón, ở ngã ba, một đường đi Bắc Cạn, một đường đi Thành Công, một đường rẽ vào chỗ Bác ở.

Tôi và đồng chí Phúc được chọn vào phục vụ Bác cùng một đợt. Lần đầu tiên vào gặp Bác chúng tôi rất lúng túng. Chúng tôi chào Bác bằng Cụ, Bác cười và bảo đừng gọi thế, gọi Bác thôi.

Bác hỏi tên hai chúng tôi, khi biết chúng tôi tên là Nga và Phúc, Bác nói:

- Bác đặt tên mới cho hai chú là Kiên, Quyết. Các chú phải làm việc như thế nào cho xứng đáng với cái tên của mình.

Tôi còn nhớ mấy anh em phục vụ Bác lúc đó: đồng chí Trung, đồng chí Dũng và tôi. Tôi được Bác đổi tên là Kiên, đồng chí Phúc đổi tên là Quyết, đồng chí Lộc nấu ăn đổi tên là Đồng và bác sĩ Chánh đổi tên là Tâm. Cùng với những người bảo vệ được Bác đặt tên Trường, Kỳ, Kháng, Chiến, Nhất, Định, Thắng, Lợi, những cái tên được Bác đặt mang nhiều ý nghĩa, thể hiện

quyết tâm, đồng lòng kháng chiến. Dù được giao nhiệm vụ gì chúng tôi cũng cố gắng làm thật tốt.

Trong thời gian phục vụ Bác chúng tôi được Bác rất quan tâm. Nhưng Bác quan tâm một cách công bằng chứ không thiên vị ai.

Năm 1950, sau Chiến thắng Biên giới, Bác được nhân dân tặng một số quần áo may sẵn, Bác không dùng mà làm quà thưởng cho anh em chúng tôi. Nhưng trong số quần áo đó có nhiều loại khác nhau. Bác tặng chúng tôi, rồi đề nghị bắt số hay nhường nhau, chứ Bác không tự tay thưởng từng người một. Bác bảo làm thế cho công bằng.

Khi anh Lộc, người nấu cơm cho Bác bị ốm, rồi qua đời. Bác buồn lắm. Anh Bảy (đồng chí Phan Mỹ) nói tìm người thay anh Lộc nấu ăn cho Bác. Thấy thế Bác nói:

- Cũng không cần thiết lắm, Bác ăn uống cũng dễ. Trong nhà này cứ một chú ra nấu ăn đỡ phải tìm người. Mà các chú cũng phải học mà nấu ăn, sau này về nhà khi có khách còn biết nấu các món ăn. Các chú đóng một quyển sổ nhỏ, gửi mấy cô phụ vận ở Văn phòng Trung ương nhờ các cô ấy ghi cách nấu nướng về mà thực tập.

Do đó năm ấy không lấy người ngoài vào nữa mà chuyển đồng chí Trung sang nấu ăn cho Bác.

Đồng chí Trung chuyển sang nấu ăn cho Bác nhưng cứ băn khoăn, đi bộ đội mà chẳng được đánh trận nào, súng đeo rách cả vai áo. Đồng chí Trung xin chuyển sang chỗ anh Ninh. Biết việc này, một buổi tối Bác cháu cùng ngồi sinh hoạt bên bếp lửa, Bác đem câu chuyện chiếc đồng hồ ra kể với ý nhắc chúng tôi hãy

yên tâm với công việc được giao. Bác cũng cho gọi đồng chí Trung lên và nói:

- Công tác cách mạng do Đảng phân công, mỗi người một việc, các chú làm nhiệm vụ bảo vệ, hãy làm tốt việc được phân công đã.

Tuy thế, đến cuối năm 1952 đồng chí Cán được cử về thay đồng chí Trung nấu ăn cho Bác. Đồng chí Trung được chuyển sang quân đội.

Những năm kháng chiến, Bác ở trên chiến khu Việt Bắc, mà ở chiến khu cũng không được an toàn lắm, cứ phải di chuyển chỗ ở luôn. Thấy thế một số đồng chí thì thầm với nhau:

Về Thái Nguyên ở có tốt hơn không, làm gì cứ phải bí mật, di chuyển mãi thế này cho vất vả.

Bác nghe các đồng chí nói vậy thì giải thích:

- Có bí mật mới có công khai, cũng như có kháng chiến mới có thắng lợi.

(Theo cuốn "Chuyện kể của những người giúp việc Bác Hồ" do Bảo tàng Hồ Chí Minh xuất bản. NXB Thông tấn, Hà Nội-2003).

SƠN DƯƠNG THỦ ĐÔ KHÁNG CHIẾN - THỦ ĐÔ CÁCH MẠNG

Nguyễn Đình Quang

Tỉnh uỷ viên - Bí thư Huyện uỷ Sơn Dương

Sơn Dương là một huyện miền núi và trung du nằm ở phía nam tỉnh Tuyên Quang. Phía bắc giáp huyện Yên Sơn; phía nam và phía tây - nam giáp ba huyện Đoan Hùng, Phù Ninh (Phú Thọ), Lập Thạch (Vĩnh Phúc); phía đông giáp hai huyện Đại Từ, Định Hoá (Thái Nguyên). Toàn huyện có tổng diện tích tự nhiên là 78.863 ha.

Đây là vùng đất có địa hình tương đối phức tạp và được chia thành hai vùng khá rõ nét. Vùng cao phía bắc chiếm khoảng 50% diện tích toàn huyện, có tiềm năng phát triển cây công nghiệp, lâm nghiệp, nông nghiệp, công nghiệp. Phía nam huyện là vùng đồi thấp và các soi bãi rộng màu mỡ cùng các thung lũng ven sông Lô, sông Phó Đáy. Đây là vùng đất giàu tiềm năng, kinh tế chủ yếu cây lương thực, cây công nghiệp, chăn nuôi và khai thác khoáng sản.

Sơn Dương có nhiều sông, suối, ngòi. Lớn nhất là sông Lô chảy qua địa phận huyện, phân cách với các huyện, tỉnh bạn. Sông Phó Đáy, cùng hàng chục suối ngòi khác, như: Suối Lê, Ngòi Thia, Ngòi Khổng, Ngòi Xoan, Ngòi Lẹm... tạo thành một mạng lưới dày đặc. Hệ thống sông ngòi của Sơn Dương có giá trị lớn về cung cấp nước, thuỷ sản phục vụ đời sống và sản xuất.

Do diện tích tự nhiên có nhiều đồi núi, nên Sơn Dương có hệ động, thực vật tương đối phong phú, đa dạng. Trước đây, rừng Sơn Dương có nhiều loại gỗ tốt như đinh, lim, sến, nghiến, lát; các loại tre, nứa, song, mây cùng các loài dược liệu như sa nhân, ba kích, thực, sâm; nhiều loại muông thú: báo, trăn, lợn rừng. Lòng đất Sơn Dương chứa nhiều khoáng sản: thiếc, ba rít, chì, vonfram...

Địa danh và địa giới của vùng đất này trải qua các thời kỳ đã có nhiều lần thay đổi. Từ khi xuất hiện nền Văn minh sông Hồng của người Việt cổ đến thế kỷ XV, được gọi là châu Đê Giang (*Đê là Đáy, Giang là Sông, tức là châu Sông Đáy - vùng đất chạy dọc theo Sông Đáy*). Đến thế kỷ XVI, dưới thời nhà Lê châu Đê Giang được đổi tên thành châu Sơn Dương (*Sơn là núi, Dương là ánh sáng lúc mặt trời mọc lên - dịch nghĩa là Mặt trời mọc trên đỉnh núi*). Từ năm 1888 trở về trước, Sơn Dương thuộc về phủ Đoan Hùng, trấn Sơn Tây. Đầu năm 1888, vua Hàm Nghi ra đạo dụ tách châu Sơn Dương từ phủ Đoan Hùng, nhập vào thừa tuyên Tuyên Quang. Ngày 16-3-1945, vùng thượng huyện được cách mạng đặt tên là châu Tự Do; ngày 15-5-1945, vùng trung và hạ huyện được đặt tên là châu Kháng Địch; giữa tháng 2-1946, châu Tự Do và châu Kháng Địch được sát nhập lấy tên là Sơn Dương.

Về dân số và dân tộc, từ thời kỳ dựng nước vùng đất này là địa bàn cư trú của người Việt cổ. Trải qua quá trình lịch sử lâu dài, đồng bào các dân tộc khác đã đến khai phá, canh tác vùng đất dọc theo lưu vực sông Lô, sông Đáy. Đến năm 2007, dân số toàn huyện có 180.495 người, với 10 dân tộc anh em: Kinh, Tày, Cao Lan, Nùng, Dao, Sán Chí, Sán Diêu, Mông, Hoa, Mường sinh sống gắn bó, đoàn kết trong 33 xã, thị trấn.

Qua hàng ngàn năm chinh phục thiên nhiên, đức tính cần cù, lòng dũng cảm, sự sáng tạo của nhân dân Sơn Dương đã

được hun đúc. Bằng sức lực, trí tuệ của mình, đồng bào đã biến các thung lũng hoang vu thành những đồng ruộng tươi tốt, biến đầm lầy, gò bãi thành những trền ruộng, ao hồ để phát triển trồng trọt và chăn nuôi.

Từ tiến trình dựng nước và giữ nước, từ lao động và chiến đấu, với tình yêu quê hương đất nước, đôi bàn tay cần cù, khéo léo và tâm hồn trong sáng, nhạy cảm, nhân dân các dân tộc Sơn Dương đã sáng tạo, gìn giữ và làm giàu lên kho tàng văn hoá của mình. Những làn điệu sli, lượn, páo dung, sinh ca, lễ cấp sắc, những đường nét hoa văn duyên dáng, tinh xảo trên những tấm thổ cẩm, trên trang phục, hàng mây tre đan và đồ trang sức. Mặt khác, sự giao lưu văn hoá với các miền đã tạo thành đời sống văn hoá tinh thần hết sức phong phú đa dạng của nhân dân các dân tộc Sơn Dương.

Do nằm ở vị trí chiến lược quan trọng "*tiến khả dĩ công, thoái khả dĩ thủ*" (tiến có thể đánh, lui có thể giữ), nên từ xa xưa nhân dân Sơn Dương đã luôn sát cánh cùng nhân dân cả nước đứng lên chiến đấu chống kẻ thù xâm lược, bảo vệ chủ quyền độc lập dân tộc.

Năm 1884, thực dân Pháp chiếm đóng Tuyên Quang. Nhân dân Sơn Dương bị đặt dưới ách cai trị của bọn đế quốc, phong kiến. Chúng thiết lập chính sách cai trị cực kỳ hà khắc, tước đoạt quyền tự do, dân chủ tối thiểu của nhân dân. Chúng cướp đoạt ruộng đất của nông dân để lập đồn điền, biến người dân thành tá điền làm thuê cho chúng.

Với tình yêu quê hương, đất nước, không khuất phục trước áp bức, bất công, các cuộc đấu tranh của nhân dân diễn ra mạnh mẽ. Hưởng ứng phong trào Cần vương, nhân dân đã tích cực tham gia khởi nghĩa vũ trang dưới sự chỉ huy của các tù trưởng, thủ lĩnh

trong vùng. Phong trào nông dân đấu tranh cũng được nhân dân Sơn Dương hưởng ứng mạnh mẽ, nhất là cuộc Khởi nghĩa nông dân Yên Thế, do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo đã lôi cuốn sự tham gia của hàng ngàn nông dân thuộc các xã: Hồng Lạc, Văn Phú, Văn Sơn, Đông Lợi, Phú Lương, Tam Đa, Lâm Xuyên.

Đầu thế kỷ XX, nhân dân các xã Lâm Xuyên, Hào Phú, Hồng Lạc, Tân Trào, Bình Yên, Lý Lâm, Thượng Âm, Thiện Kế bằng nhiều hình thức, đã liên tiếp nổi dậy chống các hành động lấn chiếm ruộng đất và chế độ bóc lột dã man của thực dân Pháp và tay sai.

Tuy cuộc đấu tranh nổ ra lẻ tẻ, manh động và bị thất bại. Song đã thể hiện truyền thống yêu nước, chí khí quật cường của nhân dân các dân tộc Sơn Dương trong chiến đấu chống giặc ngoại xâm. Đồng thời, cũng có báo hiệu một phong trào cách mạng to lớn nổ ra khi có đường lối lãnh đạo đúng đắn.

Năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Từ đây, một phong trào cách mạng phát triển mạnh mẽ, rộng khắp trong cả nước. Sẵn có tinh thần yêu nước, yêu quê hương làng bản từ ngàn xưa để lại, nhân dân Sơn Dương một lòng một dạ đi theo Đảng, quyết tâm đánh đuổi quân xâm lược, giành lại độc lập, tự do.

Thực dân Pháp áp đặt ách thống trị vô cùng tàn bạo tại Sơn Dương. Chúng thiết lập hệ thống đồn bốt dày đặc nhằm đàn áp phong trào nổi dậy của quần chúng, bảo vệ các cơ quan thống trị.

Chính sách cai trị hà khắc, khai thác bóc lột dã man của đế quốc, phong kiến làm cho đời sống nhân dân ngày càng cơ cực. Đời sống vô cùng khổ cực là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến những cuộc đấu tranh của nhân dân liên tiếp nổ ra. Đặc biệt là cuộc đấu tranh chống thu thuế, chống thu tô liên đới của hàng

trăm nông dân Khe Thuyền, Văn Phú diễn ra ngày 7-11-1936, do thầy giáo Nha và Lý Tàng chỉ huy giành được thắng lợi, có tiếng vang và ảnh hưởng khắp cả vùng.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, cơ sở cách mạng đã được gây dựng ở khắp các địa phương. Ở các xã vùng phía nam huyện Sơn Dương, cán bộ của Đảng đã về hoạt động tuyên truyền vận động nhân dân làm cách mạng đánh đuổi quân xâm lược và bè lũ tay sai bán nước.

Tháng 6-1940, đồng chí Đào Văn Thại (tức Lê Đồng) về hoạt động tại vùng Khổng Xuyên, Văn Phú, Đông Lợi. Nhờ sự che chở, giúp đỡ của nhân dân, đồng chí đã liên tiếp tổ chức các buổi lễ ăn thề tại Kim Xuyên, Gò Kiêu, Núi Lịch tuyên truyền, vận động, giác ngộ cho nhân dân về tinh thần yêu nước, lòng căm thù đế quốc phong kiến, chống sự áp bức của chủ đồn điền.

Tháng 11-1941, thực hiện sự phân công của Đảng, đồng chí Nguyễn Cao Đàm, Phương Cương, Phúc Quyền, Nhì Phung... đã vượt vòng vây của địch đến gây dựng cơ sở cách mạng mới ở vùng chân núi Hồng, thuộc các xã Lương Thiện, Bình Yên, Tân Trào, Trung Yên, Minh Thanh huyện Sơn Dương và các huyện xung quanh.

Những năm 1942-1943, đường lối cách mạng của Đảng tiếp tục được cán bộ cách mạng tuyên truyền mạnh mẽ vào các vùng trong huyện. Phong trào Việt Minh phát triển nhanh chóng, các cuộc đấu tranh chống bắt phu, bắt lính chống thuế nổ ra ở nhiều nơi; các xã: Thanh La, Trúc Khê, Phượng Liễn, Lũng Tẩu, Khuổi Kịch, Ngòi Nho, Khuôn Đào, Ao Búc đã có Ban Việt Minh.

Tháng 11-1943, cán bộ Việt Minh hoạt động tại vùng xung quanh núi Hồng đã họp bàn việc mở rộng cơ sở cách mạng. Sau

đó, phân khu Nguyễn Huệ được thành lập. Sơn Dương được chọn là trung tâm chỉ huy của Phân khu Nguyễn Huệ, nơi đặt đại bản doanh của cơ quan Khu uỷ và nơi đóng quân của Trung đội Cứu quốc quân III, làm nòng cốt cho công tác vũ trang, tuyên truyền cách mạng.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Khu uỷ Nguyễn Huệ, phong trào cách mạng đã hình thành và phát triển ở khắp các vùng nông thôn trong huyện Sơn Dương. Phong trào đấu tranh của quần chúng phát triển thành cao trào, trọng tâm của các hoạt động cách mạng là chuẩn bị lực lượng khởi nghĩa để giành chính quyền về tay nhân dân.

Đáp ứng đòi hỏi của phong trào cách mạng đang lên rất cao, tháng 10-1944, Xứ uỷ Bắc Kỳ quyết định tổ chức vượt ngục cho 12 đồng chí bị địch giam giữ tại nhà tù Chợ Chu. Cuộc vượt ngục thành công, các đồng chí: Song Hào, Trần Thế Môn, Lê Hiến Mai, Tạ Xuân Thu, Chu Quý Lương và Trần Tùng được phân công về Phân khu Nguyễn Huệ, trực tiếp hoạt động cách mạng tại Sơn Dương.

Đêm 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp. Đảng ta ra Chỉ thị "*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*", quyết định phát động cao trào cách mạng giành chính quyền về tay nhân dân.

Ngày 10-3-1945, tại xóm Ao Búc, xã Trung Yên, huyện Sơn Dương nhận thấy thời cơ khởi nghĩa giành chính quyền đã chín muồi, Khu uỷ Nguyễn Huệ họp dưới sự chủ trì của đồng chí Song Hào, đã quyết định chọn Thanh La (nay là xã Minh Thanh) làm nơi khởi nghĩa và giành được chính quyền cách mạng cấp xã đầu tiên trong cả nước.

Đêm 10-3-1945, ta đã giải phóng hoàn toàn xã Thanh La. Thừa thắng, quân cách mạng tiến về giải phóng đồn Đãng Châu, huyện lỵ Sơn Dương và các xã lân cận. Sau khi Đãng Châu được giải phóng, ngày 16-3-1945, Khu uỷ Nguyễn Huệ tổ chức mít tinh tại Đình Thanh La, tuyên bố thành lập châu Tự Do và Uỷ ban cách mạng lâm thời Châu. Đây là huyện đầu tiên trong cả nước đã giành được chính quyền cách mạng về tay nhân dân.

Sau khi khởi nghĩa Thanh La thắng lợi, đồn Đãng Châu bị tiêu diệt, châu Tự Do được thành lập, phong trào cách mạng phát triển cực kỳ nhanh chóng. Từ châu Tự Do, các đoàn quân khởi nghĩa được lệnh toả đi giải phóng các nơi: Đại Từ, Định Hóa, Yên Sơn, Chiêm Hoá, Nà Hang, Phù Ninh, Đuan Hùng...

Đầu tháng 5-1945, dưới sự chỉ huy của các đồng chí Lê Dục Tôn, Hoàng Bắc Dũng, Kim Ngọc Quân và dân ta đã giải phóng hoàn toàn vùng trung và hạ huyện Sơn Dương, chính quyền cách mạng các xã nhanh chóng được thành lập. Ngày 15-5-1945, quân cách mạng tổ chức cuộc mít tinh lớn tại xóm Đồng Khuôn, xã Phú Lương; đồng chí Lê Dục Tôn thay mặt Khu uỷ Nguyễn Huệ tuyên bố thành lập châu Kháng Địch, bao gồm trung, hạ huyện Sơn Dương và một phần Đuan Hùng, Phù Ninh (Phú Thọ), Lập Thạch (Vĩnh Phúc).

Đến đây, công cuộc vận động cách mạng giải phóng đầy hy sinh, gian khổ và mất mát đã hoàn toàn thắng lợi trên phạm vi toàn huyện. Sơn Dương được giải phóng, kết thúc ách thống trị tàn bạo dã man của chế độ đế quốc phong kiến, ước mong tự do độc lập bao đời nay trở thành hiện thực.

Có được thắng lợi to lớn đó, là do Đảng ta có đường lối cách mạng đúng đắn, được các cán bộ Việt Minh tuyên truyền, vận

động nhân dân đứng lên làm cách mạng. Nhân dân trong huyện đã hiểu rõ mục tiêu cao cả của cách mạng, kiên quyết theo Đảng nguyện hy sinh sức người, sức của và cả xương máu suốt chặng đường chông gai của cách mạng.

Thắng lợi này đã tạo ra bước phát triển vượt bậc của phong trào cách mạng trong huyện, là điều kiện quan trọng tiên quyết để Bác Hồ cùng Trung ương Đảng quyết định về Sơn Dương - Tân Trào lãnh đạo cách mạng.

Ngày 21-5-1945, lãnh tụ Hồ Chí Minh về tới Tân Trào. Ngay sau khi về đến Tân Trào, một trong những chỉ thị đầu tiên của Người cho các đồng chí lãnh đạo Việt Minh là phải khẩn trương mở trường đào tạo cán bộ, đặc biệt là cán bộ quân sự. Sau đó, ngày 25-6-1945 Trường quân chính kháng Nhật khoá I chính thức khai giảng tại xóm Khuổi Kịch, xã Tân Trào, do đồng chí Hoàng Văn Thái làm Hiệu trưởng đầu tiên. Bác Hồ đã đến trường kiểm tra và thăm hỏi tình hình học tập và sinh hoạt của các học viên.

Những ngày đầu khi về đến Tân Trào, Bác Hồ ở và làm việc tại nhà đồng chí Nguyễn Tiến Sự, Chủ nhiệm Việt Minh làng Kim Long (nay là làng Tân Lập). Khoảng một tuần sau, để đảm bảo bí mật và tiện làm việc Bác chuyển lên ở, làm việc tại lán Nà Lừa.

Ngày 27-5-1945, quân Nhật "đánh hơi" thấy "trung tâm cách mạng" Trung ương Đảng và Bác Hồ đã chuyển về đến Tân Trào - Sơn Dương, chúng huy động hơn 500 quân đánh lên Tú Trạc, Thanh La hòng từ đó đánh thẳng vào Tân Trào. Dưới sự lãnh đạo của Phân Khu uỷ Nguyễn Huệ, quân và dân Sơn Dương đã sát cánh cùng Trung đội Giải phóng quân do đồng chí Trần

Thế Môn chỉ huy anh dũng chiến đấu tiêu diệt hơn 40 tên, buộc chúng phải tháo chạy về thị xã Tuyên Quang và Thái Nguyên. Từ đây, quân Nhật không dám tiến công vào Thủ đô Khu giải phóng. Chiến thắng của quân dân ta đã giữ vững vùng giải phóng, bảo vệ an toàn lãnh tụ Hồ Chí Minh và căn cứ địa cách mạng. Chiến thắng làm nức lòng nhân dân các dân tộc trong huyện, củng cố niềm tin tưởng của nhân dân cả nước vào sức mạnh vô địch của chế độ mới.

Trong thời gian Bác Hồ ở và làm việc tại lán Nà Lừa, mọi văn bản, chỉ thị, chủ trương, kế hoạch để chỉ đạo cuộc Tổng khởi nghĩa Cách mạng Tháng Tám đều được Bác soạn thảo tại đây. Đây thực sự được coi là *Đại bản doanh* của vị Tổng Tư lệnh chỉ huy tối cao của cách mạng, đó là Bác Hồ.

Tại đây, Bác đã chủ trì những hội nghị rất quan trọng, đặc biệt là Hội nghị ngày 4-6-1945, hội nghị này được gọi là Hội nghị cán bộ toàn khu, quyết định thành lập Khu giải phóng. Thống nhất các lực lượng vũ trang cách mạng thành quân giải phóng. Đề ra 10 chính sách lớn của Việt Minh. Tân Trào - Sơn Dương vinh dự được trở thành Thủ đô Khu giải phóng.

Suốt chặng đường Pác Bó - Tân Trào cũng như thời gian Bác ở Tân Trào, Bác luôn giữ liên lạc với quân Đồng Minh ở Côn Minh (Trung Quốc). Tại Tân Trào, Người được thông báo: Một toán người Mỹ, do một sĩ quan cao cấp sẽ thả dù xuống Tân Trào. Được tin, đích thân Người đến xóm Lũng Cò, xã Thanh La (nay là Minh Thanh) khảo sát để làm sân bay đón quân Đồng Minh. Được sự giúp đỡ của nhân dân chỉ trong hai ngày một sân bay dã chiến đã được hình thành ngay trong lòng trung tâm Khu giải phóng.

Khi làm việc ở lán Nà Lừa, do điều kiện làm việc của Bác hết sức gian khổ và khó khăn, với những bữa ăn đạm bạc chỉ có măng rừng chấm muối vừng, cơm chan nước chè xanh. Trước hoàn cảnh sống và làm việc như vậy cộng với sự khắc nghiệt của khí hậu núi rừng, sức khỏe của Bác có giảm sút. Cuối tháng 7-1945, giữa lúc tình hình trong nước cũng như thế giới đang tiến triển có lợi cho ta thì Bác ốm rất nặng. Bác sốt liên miên, trong những ngày đó mọi người đều lo lắng cho Bác, đồng bào Tân Trào cử người vào rừng tìm lá thuốc về sắc nước cho Bác uống, có người ra sông Đáy bắt được con ba ba đem về cắt tiết nhỏ vào rượu cho Bác uống và cầu mong cho Bác mau khỏi bệnh.

Đồng chí Võ Nguyên Giáp lúc đó đang ở và làm việc dưới làng Tân Lập, hàng ngày thường lên lán Nà Lừa báo cáo tình hình công việc với Bác. Một hôm lên báo cáo công việc, đồng chí thấy Bác rất yếu đã xin phép Bác nghỉ lại với Bác. Đêm ấy sau cơn sốt, Người nói với đồng chí Võ Nguyên Giáp *“Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”*. Lúc khác Bác lại dặn: *“Lúc nào cũng phải chú trọng xây dựng chi bộ, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên và các phân tử trung kiên, trong chiến tranh du kích lúc phong trào lên ta phải hết sức phát triển vừa phát triển vừa chú ý xây dựng căn cứ cho thật vững chắc để phòng lúc khó khăn mới có chỗ đứng chân được”*.

Hôm sau, đồng chí Võ Nguyên Giáp báo cáo tình hình sức khỏe của Bác với các đồng chí Trung ương và đi tìm người chữa bệnh cho Bác. Nhờ sự mách bảo của bà con Tân Trào, một cụ lang già người dân tộc Tày ở chân Núi Hồng đã đến chữa bệnh cho Bác. Sau khi xem mạch cho Bác, cụ cho biết sức khỏe của Người là *“chín phần xấu chỉ có một phần tốt”* rồi vội vàng vào

rừng lấy thuốc. Cụ lang già đốt cháy một thứ củ vừa lấy ngay trong rừng Nà Lừa đem hoà vào nước cháo loãng mời Bác uống. Sau vài lần như vậy, Bác đỡ dần và lại tiếp tục làm việc.

Cùng với cao trào kháng Nhật đang phát triển rất mạnh trong cả nước, cuộc chiến tranh Châu Á - Thái Bình Dương đang diễn ra màn chót. Cục diện chung đang chứng minh lời Bác dặn ít ngày trước đó tại lán Nà Lừa: *"Thời cơ thuận lợi đã tới"*. Bác chỉ thị xúc tiến gấp Hội nghị toàn quốc của Đảng và Đại hội Quốc dân. Người nói với các đồng chí Thường vụ Trung ương Đảng *"Nên họp ngay và không nên kéo dài Hội nghị, chúng ta phải tranh thủ từng giây, phút. Tình hình sẽ chuyển biến nhanh chóng, quyết không thể để lỡ cơ hội"*.

Ngày 13-8-1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp với gần 30 đại biểu, đại diện cho ba miền Bắc, Trung, Nam và các chiến khu. Sau khi phân tích mọi mặt về điều kiện khách quan, chủ quan và đi đến kết luận: *"Những điều kiện khởi nghĩa đã chín muồi, cơ hội tốt cho ta giành chính quyền, độc lập đã đến"*, Hội nghị quyết định phát động toàn dân Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc được thành lập gồm các đồng chí: Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp, Trần Đăng Ninh, Lê Thanh Nghị, Chu Văn Tấn, do đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh trực tiếp phụ trách.

Nửa đêm ngày 13-8-1945, Ủy ban khởi nghĩa ra Bản Quân lệnh số 1, hạ lệnh toàn dân đứng dậy giành chính quyền.

Ngày 15-8-1945, sau khi được tin phát xít Nhật chính thức đầu hàng quân Đồng Minh vô điều kiện. Bác Hồ đề nghị Hội nghị nên kết thúc sớm để đại biểu còn kịp về các địa phương lãnh đạo khởi nghĩa.

Hai ngày 16, 17-8-1945, Quốc dân Đại hội họp tại đình Tân Trào. Đến dự Quốc dân Đại hội có hơn 60 đại biểu ở khắp nơi đại diện cho ba miền Bắc - Trung - Nam, các ngành, các giới, các đảng phái chính trị, một số kiều bào về dự và nhận lệnh Tổng khởi nghĩa.

Chiều ngày 16-8-1945, trước khi Quốc dân Đại hội được khai mạc là Lễ xuất quân của Quân giải phóng Việt Nam, do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy tiến sang giải phóng thị xã Thái Nguyên và tiến về Hà Nội. Các vị đại biểu về dự Đại hội Quốc dân và nhân dân địa phương đã ra Cây đa đầu làng để tiễn đưa đoàn quân lên đường. Đồng chí Trần Huy Liệu thay mặt các đại biểu Đại hội Quốc dân nói lời cổ vũ động viên bộ đội quyết chiến, quyết thắng.

Sau lễ xuất quân Nam tiến tại Cây đa Tân Trào, Quốc dân Đại hội được khai mạc ở đình Tân Trào. Tại Đại hội Quốc dân, các vị đại biểu được nghe các bản báo cáo, như: Báo cáo của đồng chí Trường Chinh phân tích tình hình thế giới, trong nước làm rõ quân Đồng Minh đang thắng lớn trên các mặt trận và ngày thất bại của phát xít Đức - Ý - Nhật sắp đến; đồng chí Hoàng Quốc Việt báo cáo phong trào công nhân; đồng chí Nguyễn Đức Thỉnh báo cáo phong trào nông dân; đồng chí Nguyễn Đình Thi báo cáo về văn hoá trí thức; đồng chí Hoàng Đạo Thuý báo cáo phong trào hướng đạo; đồng chí Vũ Oanh báo cáo phong trào cách mạng tại Hà Nội. Các bản báo cáo được Bác Hồ cùng các đại biểu Bắc - Trung - Nam lần lượt phát biểu ý kiến đồng tình với chủ trương khởi nghĩa trong cả nước giành chính quyền.

Với không khí sôi nổi khẩn trương, Quốc dân Đại hội đã nhất trí tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng Cộng sản

Đông Dương, thông qua mười chính sách lớn, trong đó điểm đầu tiên là phải "*Giành chính quyền, xây dựng một nước Việt Nam dân chủ cộng hoà trên nền tảng hoàn toàn độc lập*" và lập ra Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam do đồng chí Hồ Chí Minh làm chủ tịch. Ủy ban dân tộc giải phóng cũng như Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam, trước khi thành lập một Chính phủ chính thức. Ủy ban này thay mặt quốc dân giao thiệp với nước ngoài và chủ trì mọi công việc trong nước. Đại hội cũng quy định Quốc ca, Quốc kỳ: Quốc ca lấy bài hát "*Tiến quân ca*" của nhạc sĩ Văn Cao; Quốc kỳ lấy sao vàng năm cánh trên nền cờ đỏ làm lá cờ chung của cả nước.

Sáng ngày 17-8-1945, Ủy ban dân tộc giải phóng ra mắt Quốc dân Đại hội và làm lễ tuyên thệ. Thay mặt uỷ ban, Chủ tịch Hồ Chí Minh long trọng đọc lời tuyên thệ: "*Chúng tôi là những người được Quốc dân Đại hội bầu vào Ủy ban dân tộc giải phóng để lãnh đạo cuộc cách mạng của nhân dân ta. Trước lá cờ thiêng liêng của Tổ quốc, chúng tôi nguyện kiên quyết lãnh đạo nhân dân tiến lên, ra sức chiến đấu chống quân thù giành độc lập cho Tổ quốc. Dù hy sinh đến giọt máu cuối cùng quyết không lùi bước. Xin thề!*".

Giọng Chủ tịch Hồ Chí Minh trang nghiêm, lời thề ngắn gọn, hùng hồn thể hiện khí phách kiên cường, bất khuất của dân tộc Việt Nam. Mảnh đất Tân Trào - Sơn Dương vinh dự được chứng kiến lời thề của Bác, chứng kiến khí thế sôi nổi của Quốc dân Đại hội trong những ngày sục sôi của Tổng khởi nghĩa Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Hội nghị toàn quốc của Đảng và Quốc dân Đại hội họp trong bối cảnh tình hình trong nước và quốc tế như nước sôi, lửa bỏng. Vì thế, công tác bảo vệ an toàn tuyệt đối cho các đại biểu, cho

hội nghị và đại hội là vấn đề có ý nghĩa vô cùng lớn lao. Toàn thể nhân dân Tân Trào - Sơn Dương đã tham gia thực hiện sứ mệnh cao cả đó. Các tổ nhóm giao thông liên lạc được thành lập toả đi mọi nẻo đường rừng để đón đưa đại biểu. Lán Nà Lừa và Đình Tân Trào là hai địa điểm được bảo vệ nghiêm ngặt. Nhiều trạm gác được hình thành hai vòng bảo vệ, vòng trong do bộ đội Cứu quốc quân III đảm nhận, vòng ngoài do các đội du kích địa phương canh gác. Các gia đình làng Kim Long phấn khởi đón tiếp các đại biểu về dự Đại hội, nhường nhà, chăn màn, giường chiếu, bố trí nơi ăn nghỉ chu đáo cho đại biểu. Nhân dân đã đem lương thực, thực phẩm, củi đuốc đến ủng hộ, cất cử người giúp bộ phận hậu cần nấu cơm, đun nước uống phục vụ Đại hội rất chu đáo, tận tình.

Khi Đại hội họp, một Đoàn đại biểu thay mặt nhân dân Tân Trào đến chào mừng Đại hội. Đoàn gồm có đồng chí Nguyễn Tiến Sự - Chủ nhiệm Việt Minh, đồng chí Hoàng Thị Mộc, đồng chí Nông Thị Mơ... và một em bé đi theo. Đồng chí Nguyễn Tiến Sự và hai nữ đồng chí gánh theo hai đôi giỏ trong có mấy con gà, một con lợn, vài nải chuối... Đồng chí Hoàng Thị Mộc thay mặt đoàn nói: *"Nhân dân Tân Trào không có gì, xã nghèo chỉ có mấy con gà, nải chuối và một con lợn giống mừng Ủy ban dân tộc mới được bầu, xin chúc Ủy ban lãnh đạo nhân dân giải phóng cả nước"*.

Bác Hồ cử đồng chí Trần Huy Liệu, Phó Chủ tịch Ủy ban dân tộc giải phóng lên cảm ơn Đoàn đại biểu nhân dân Tân Trào. Sau đó, Bác ngồi tựa lưng vào cột đình và nói: *"Chúng ta trong Ủy ban dân tộc giải phóng và các đồng chí cách mạng hãy nhớ lấy lời thề, hãy xem em bé này, các cháu cùng lứa tuổi cháu này ở các nước khác thì đã đi học và được đùa chơi, tuổi chơi, tuổi học"*

của các cháu ấy lại được ăn no mặc lành. Nhưng các đồng chí có biết cháu bé này 9 tuổi ở trong làng cháu phải làm gì không? Cháu phải chăn trâu, chặt củi, công nước mà áo không có mặc để hở bụng xanh xao. Chúng ta làm cách mạng để làm gì? Là để giải phóng dân tộc làm cho nhân dân ấm no hạnh phúc, để cho các cháu bé con em của chúng ta như cháu bé này đều được ăn no mặc ấm và được đi học. Nhiệm vụ của Ủy ban dân tộc giải phóng là thế thôi”.

Lời nói của Bác Hồ với giọng rất xúc động ngắt ra từng tiếng làm cho các vị đại biểu vô cùng xúc động, nhiều người rơm rớm nước mắt.

Quốc dân Đại hội kết thúc, Bác đọc lời tổng kết chúc mừng các vị đại biểu trở về địa phương nỗ lực phấn đấu cùng toàn dân chớp lấy thời cơ đưa cách mạng đến thắng lợi.

Quốc dân Đại hội Tân Trào là mốc son chói lọi mãi được ghi vào lịch sử vẻ vang của dân tộc. Đình Tân Trào ghi nhớ giờ phút lịch sử trọng đại của dân tộc. *"Đại hội Quốc dân Tân Trào là hội nghị Diên Hồng thứ hai trong lịch sử nước ta"*, thể hiện lòng tin sâu sắc của đồng bào với Đảng, Mặt trận và Chủ tịch Hồ Chí Minh, sự đoàn kết nhất trí của toàn dân trong giờ phút quyết định vận mệnh đất nước.

Từ Tân Trào - Sơn Dương, lệnh Tổng khởi nghĩa được truyền đi, cả nước nhất loạt đứng lên giành chính quyền. Ngày 19-8-1945, chính quyền ở thủ đô Hà Nội đã về tay nhân dân. Ngày 22-8-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh rời Tân Trào về Hà Nội. Ngày 2-9-1945, thay mặt Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc Việt Nam.

Thực hiện chỉ thị số 06-CT/TW, ngày 7-11-2006 của Bộ Chính trị về tổ chức cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", nhằm "làm cho toàn Đảng, toàn dân nhận thức sâu sắc về những nội dung cơ bản và giá trị to lớn của tư tưởng đạo đức và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về ý thức tu dưỡng, rèn luyện và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh sâu rộng trong toàn xã hội". Với yêu cầu tổ chức cuộc vận động sâu rộng, thiết thực, không phô trương, hình thức. Gắn cuộc vận động với triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp và Nghị quyết Đại hội X của Đảng.

Ngày 12-2-2007, Ban thường vụ Huyện uỷ xây dựng Kế hoạch số 36-KH/HU về tổ chức thực hiện Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" yêu cầu nghiêm túc các bước của cuộc vận động: Học tập, liên hệ tự phê bình và phê bình; xây dựng tiêu chuẩn đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, công chức để phấn đấu rèn luyện. Cùng ngày, Huyện uỷ ban hành Quyết định số 1071-QĐ/HU về thành lập Ban chỉ đạo Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", của huyện gồm 18 đồng chí; đồng chí Nguyễn Đình Quang, Tỉnh uỷ viên, Bí thư Huyện uỷ làm Trưởng ban chỉ đạo.

Ngay từ tháng 3-2007, triển khai kế hoạch học tập cuộc vận động, trong toàn huyện, đã tổ chức 79 lớp học tập trong cán bộ, đảng viên, công chức với 6.880 đảng viên; 3.489 cán bộ, công chức; 6.360 cán bộ, đoàn viên công đoàn học tập tại 72 chi, đảng bộ cơ sở và 168 công đoàn cơ sở. Tổ chức tuyên truyền, học tập trong hội viên, đoàn viên với gần 30.000 lượt người.

Thông qua học tập, đã có 10.369 lượt cán bộ, đảng viên, công chức, chiến sĩ lực lượng vũ trang viết bản thu hoạch, liên hệ

về nhận thức và đạo đức lối sống trong thời gian qua. Các chi, đảng bộ cơ sở, cơ quan, đơn vị đã hoàn thành nội dung lấy ý kiến góp ý của nhân dân cho tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên, công chức, 33 xã, thị trấn đã tổ chức 424 hội nghị Khu dân cư do Ban công tác Mặt trận chủ trì với 12.344 lượt người đại diện hội gia đình dự họp. Các cơ quan, đơn vị tổ chức 52 hội nghị do công đoàn tổ chức với 1.171 người dự họp. Tổng số ý kiến của quần chúng tham gia tại hội nghị là 3.792 ý kiến; số ý kiến tham gia bằng phiếu xin ý kiến là 9.022 ý kiến; số cán bộ, đảng viên được góp ý là 2.946 đồng chí.

Ban chỉ đạo cuộc vận động của huyện đã tổ chức Hội thi *Kể chuyện về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*, tại 3 cụm và vòng chung khảo toàn huyện, với sự tham gia của 39 thí sinh, thu hút trên 1.500 lượt cán bộ, đảng viên, đoàn viên, học sinh và nhân dân tham dự. Hội thi đã tuyên truyền sâu rộng trong toàn Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện về tư tưởng, đạo đức cách mạng cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư và tấm gương đạo đức sáng ngời của Bác. Thông qua đó, tạo sự chuyển biến về ý thức tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức lối sống của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, thanh niên, học sinh, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp và Nghị quyết Đại hội X của Đảng.

Sau 1 năm thực hiện Cuộc vận động, Huyện uỷ Sơn Dương đã xây dựng phương hướng, nhiệm vụ tiếp tục thực hiện cuộc vận động đến năm 2011. Đẩy mạnh toàn diện thực hiện nội dung cuộc vận động đi vào chiều sâu; gắn việc thực hiện các tiêu chuẩn đạo đức theo tấm gương Hồ Chí Minh với học tập gương Bác Hồ thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu. Đưa nội dung học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh

vào sinh hoạt hàng tháng của tổ chức Đảng, cơ quan, đơn vị, tạo thành nền nếp thường xuyên. Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng các nội dung Cuộc vận động. Tổ chức học tập trong Đảng và hệ thống chính trị chuyên đề *Chủ tịch Hồ Chí Minh với vấn đề thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, quan liêu*. Mở rộng việc giảng dạy và học tập đạo đức Hồ Chí Minh trong các trường phổ thông theo chỉ đạo, hướng dẫn của Tỉnh uỷ và Trung ương; tiếp tục thực hiện việc giảng dạy và học tập đạo đức Hồ Chí Minh trong Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện. Hằng năm, các chi, đảng bộ cơ sở, các cơ quan, đơn vị và mỗi cán bộ, đảng viên liên hệ, kiểm điểm về kết quả thực hiện Cuộc vận động "*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*".

Dưới ánh sáng tư tưởng và tấm gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện đoàn kết, ra sức phấn đấu xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh, xứng đáng với truyền thống quê hương Cách mạng Tân Trào lịch sử, Sơn Dương trở thành huyện giàu mạnh, phồn vinh như Bác Hồ lúc sinh thời hằng mong muốn.

Tư liệu tham khảo (Bác Hồ với Sơn Dương. Bảo tàng Tuyên Quang)

MỘT TẤM GUƠNG SÁNG ĐỜI ĐỜI

Trần Quốc Cừ

Trong bản Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh có hai lần Người dẫn thơ. Một lần do Người sáng tác khi viết về cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước:

Còn non, còn nước, còn người

Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay.

Một câu thơ lục bát biến thể, câu thứ hai theo lẽ thường là tám chữ, câu thơ của Người là mười một chữ, khi đọc ta vẫn thấy vẫn điệu của câu thơ lục bát. Một niềm tin tất thắng không gì lay chuyển được, đi thẳng vào lòng người.

Một lần Người dẫn câu thơ của nhà thơ Đỗ Phủ đời nhà Đường Trung Quốc ở phần đầu bản Di chúc, đó là câu: "*Nhân sinh thất thập cổ lai hy*" (người thọ bảy mươi xưa nay hiếm). Đây là câu thơ thứ tám trong một bài thơ Đường Luật vần bằng.

Ai cũng biết, thơ thất ngôn bát cú luật Đường có cấu trúc rất chặt chẽ, đến từng câu, từng chữ.

Câu thứ nhất gọi là Phá (phá đề) câu mở đầu.

Câu thứ hai gọi là Thừa (thừa đề) mở ý từ câu đầu.

Câu thứ ba, bốn gọi là Thực (tích thực) đối nhau từng lời, từng ý nói rõ chủ đề bài thơ.

Câu thứ năm, sáu gọi là Luận cũng theo luật đối lời đối ý của câu Thực nhằm làm tăng ý chính của bài thơ.

Hai câu cuối cùng bảy và tám gọi là Kết, thâu tóm ý tưởng của cả bài thơ, gây cảm xúc mạnh cho người đọc. Khi trích dẫn thơ Đường thông thường người viết thường dẫn trọn vẹn cả cặp thơ, hai câu thực, hoặc hai câu luận, hay hai câu kết mới thật rõ ý. Nhưng ở Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ dẫn một câu kết câu thứ tám của bài thơ, ấy là câu: Nhân sinh thất thập cổ lai hy. Như thế cũng là đủ, nói rõ được dụng ý của Người rồi. Khi cầm bút viết Di chúc, Người đã nhận thấy "*Sức khoẻ đã thấy*". Người muốn nói với đồng bào, đồng chí cả nước việc ra đi của Người là lẽ thường tình của tạo hoá. Một nghịch lý mà không một ai trên thế gian này cưỡng lại được: "*Khi người đã ngoài bảy mươi xuân, thì tuổi càng cao, sức khoẻ càng thấp; điều đó cũng không có gì lạ*".

Bản thân Người cũng không phải là trường hợp ngoài lẽ thường ấy! Bản Di chúc của Người được viết vào những năm cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đang ở giai đoạn cam go quyết liệt nhất, đang đòi hỏi sự hy sinh to lớn, nỗ lực phi thường của toàn Đảng, toàn dân. Người không muốn sự ra đi của Người làm cho: "*Đồng bào cả nước, đồng chí trong Đảng và bầu bạn khắp nơi đều khỏi cảm thấy đột ngột*". Sự đau buồn trong lúc này có thể ảnh hưởng đến cuộc chiến đấu mà suốt đời Người đã nguyện hiến dâng: "*Nước nhà được độc lập, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, được học hành*".

Một nhân cách sống trong sáng, đẹp đẽ, trọn vẹn xiết bao. Ngay cả những năm tháng biết mình sẽ ra đi vẫn không muốn để bận lòng ai, nhất là với sự nghiệp của cả dân tộc. Cứ xem sự ra đi của Người là lẽ thường tình ở đời, hợp với lẽ thông thường của tạo hoá có sinh, có tử nỗi thương tiếc đau đớn sẽ vơi bớt đi, hãy dành toàn lực cho mục đích lớn nhất, đó cũng là ước mong của Người - chống Mỹ cứu nước.

Ông Đỗ Phủ đời nhà Đường cách đây đã trên một ngàn năm đã nói "Nhân sinh thất thập cổ lai hy" nay Người đã ngoài bảy mươi xuân, thuộc lớp người "Xưa nay hiếm" đã là quý lắm rồi, về thân xác làm sao trái với lẽ thường của tạo hoá được.

Hai câu kết trong bài thơ Đường thất ngôn bát cú của Đỗ Phủ là:

Tâm trái tâm thường hành sứ hữu

Nhân sinh thất thập cổ lai hy

(Nghịen rượu là kẻ tâm thường ở đâu cũng có

Người thọ bảy mươi tuổi xưa nay hiếm).

Ý tứ hai câu kết của Đỗ Phủ thật rõ ràng, chả có gì phải bàn cãi. Quan niệm của những nhà hiền triết Phương Đông xưa, rượu là người bạn, làm với đi nổi sâu muộn chất chứa trong lòng, chấp cánh cho những khát vọng lớn lao đó là tiên tử. Còn uống rượu mà để rượu uống người, không còn nhận ra mình không kiểm soát được ý chí, tình cảm của mình hơn thế còn làm bao điều trái với đạo lý thông thường là kẻ nghịch tử. Đó là những kẻ tâm thường ở đâu cũng có. Qua cuộc rượu có thể nhận ra đâu là quân tử đâu là kẻ tiểu nhân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh chưa từng xem ai là kẻ thường nhân cả. Người quan niệm sinh ra trên cõi đời này ai cũng như ai, phân ra hiền - dữ "Phân nhiều do giáo dục mà nên". Một nhìn nhận thấm đậm tính nhân văn làm nên một cốt cách sống một tính nhân sinh ở tầm cao không phải ai cũng vươn tới được. Tất cả hợp thành một lẽ sống "Thương người như thể thương thân", làm nên tấm gương sáng vằng vặc giữa đời. Không ít những câu thơ hay viết về tấm gương này của Người.

Bác vẽ tóc Bác sừng ghi

Chắc đôi sợi đã bạc vì chúng con.

Xuân Diệu

*Bác ơi! Tim Bác mênh mông thế
Ôm cả non sông mọi kiếp người*

Tố Hữu

*Rồi Bác đi đêm chẵn
Tìm người, tìm người một
Sợ cháu mình giật thột
Bác đón chân nhẹ nhàng.*

Minh Huệ

Ngay cả khi Người là “*Chiến sỹ cách mạng*” trước cách mạng tháng 8 năm 1945 Người về Tân Trào chỉ đạo tổng khởi nghĩa giành chính quyền, Người rất gần gũi nhân dân, hướng dẫn nhân dân sản xuất.

Năm 1961 Người là Chủ tịch nước, khi về Tân Trào thăm lại Thủ đô kháng chiến, nói chuyện với cán bộ đảng viên nhân dân Sơn Dương song Người xuống bờ ruộng ngồi cùng các cụ già trong bản trò chuyện, mời thuốc lá... Người lên nhà sàn năm xưa ở và làm việc trước khi lên lán Nà Lừa thăm hỏi bà Tiến Sự uống nước lá vối, ăn khoai lang cùng gia đình...

Tấm gương sáng ngời ấy là một tư thế lắng đọng trong lòng nhân dân các dân tộc huyện Sơn Dương.

Và còn nhiều nữa. Trộm nghĩ có phải vì vậy mà khi dẫn thơ Đỗ Phủ vào bài Di chúc của Người, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ chọn câu “*Nhân sinh thất thập cổ lai hy*” chọn một câu thôi chứ không lấy thêm câu “*Tửu trái tâm thường hành sứ hữu*”. Văn chính là thước đo tâm hồn của người viết là vậy.

QUỐC DÂN ĐẠI HỘI TÂN TRÀO - TIỀN THÂN CỦA QUỐC HỘI

Phù Ninh

Kể từ cuộc bầu cử Quốc hội đầu tiên ngày 6 tháng 1 năm 1946, hơn nửa thế kỷ, nhân dân ta thực hiện quyền phổ thông đầu phiếu đã qua 11 kỳ bầu cử Quốc hội. Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân ngày càng hoàn thiện về tổ chức là lập pháp. Trước thềm cuộc bầu cử Quốc hội khóa XII, Quốc hội của thời kỳ đổi mới sâu sắc, toàn diện, đưa đất nước ta vào hàng các quốc gia phát triển, cùng nhau nhìn lại tổ chức tiền thân của Quốc hội - Quốc dân Đại hội Tân Trào.

Ngay từ năm 1941, trong hội nghị Trung ương lần thứ 8, Bác Hồ đã chủ trương khi cách mạng thành công sẽ lập nên nhà nước dân chủ. Mùa thu năm 1945, tình hình thế giới và trong nước chuyển biến mau lẹ, ngày càng thuận lợi cho cách mạng, thời cơ khởi nghĩa đã cận kề Bác Hồ cùng thường vụ Trung ương chỉ đạo gấp rút hoàn tất mọi công việc cho cuộc tổng khởi nghĩa. Một trong những công việc đó là khẩn trương triệu tập Quốc dân Đại hội.

Trước Cách mạng Tháng Tám, trên bản đồ thế giới chỉ có xứ Đông Dương thuộc địa Pháp, sau đó phát xít Nhật chiếm đóng mà không có nước Việt Nam. Phát xít Nhật đầu hàng, phe Đồng Minh cho quân Trung Hoa Tưởng Giới Thạch và quân đội Hoàng gia Anh vào Đông Dương tước vũ khí - Việc đáng lẽ phải do quân Giải phóng đảm nhiệm. Thực dân Pháp trong phe Đồng Minh ngang nhiên đưa quân trở lại Đông Dương hòng chiếm thuộc địa cũ. Các khu giải phóng của ta mới có chính quyền ở châu huyện,

làng xã. Tình hình đòi hỏi phải có Chính phủ cách mạng thống nhất trên phạm vi toàn quốc thực hiện nhiệm vụ cấp bách là tổng khởi nghĩa đánh đổ ách thống trị của phát xít Nhật. Quốc dân Đại hội Tân Trào chính là được triệu tập trong hoàn cảnh đó. Đại hội phát huy truyền thống dân chủ từ Hội nghị Diên Hồng hơn bảy trăm năm trước, vừa mang tinh thần mới của thời cách mạng.

Đại hội do Tổng bộ Việt Minh triệu tập. Tham dự Đại hội có hơn 60 đại biểu khắp mọi miền đất nước. Từ Nam bộ xa xôi trở ra Trung bộ, Bắc bộ, kiều bào ở nước ngoài, các đảng phái chính trị, các đoàn thể nhân dân, các dân tộc, các tôn giáo. Các đại biểu trải nhiều vất vả và cả mối nguy hiểm mới đến được Tân Trào. Nhà hoạt động cách mạng Nguyễn Ái Quốc, tại đại hội lần đầu tiên được giới thiệu là Hồ Chí Minh.

Nhiều đại biểu Việt Minh dự Quốc dân Đại hội về sau là những nhà cách mạng xuất sắc, những cán bộ ưu tú của Đảng, Nhà nước, quân đội: Trường Chinh, Nguyễn Lương Bằng, Hoàng Quốc Việt, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Chí Thanh, Hoàng Văn Thái, Lê Đức Thọ, Song Hào, Lê Thanh Nghị, Xuân Thủy, Trần Quốc Hoàn.

Có khá nhiều đại biểu là những nhân sĩ trí thức đại diện các giới đồng bào: Cù Huy Cận, nhà thơ; Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Huy Tưởng, nhà văn; Phạm Ngọc Thạch, bác sĩ.

Đại hội tiêu biểu ý chí, nguyện vọng của toàn dân ra nghị quyết thống nhất chủ trương khởi nghĩa vũ trang toàn quốc giành lấy độc lập dân tộc của Mặt trận Việt Minh.

Đại hội bầu ra Ủy ban Giải phóng dân tộc gồm 15 thành viên do cụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Các đồng chí Trường Chinh, Nguyễn Lương Bằng, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Chí Thanh, Lê Văn Hiến là thành viên Ủy ban. Khi tổng khởi nghĩa thắng lợi, Ủy ban Giải phóng dân tộc sẽ chuyển thành Chính phủ lâm thời. Lịch sử đã diễn ra đúng như vậy.

Chương trình Đại hội như một kỳ họp đặc biệt của Quốc hội. Đại hội thông qua 10 chính sách lớn của Việt Minh. Trong đó nhiệm vụ đầu tiên là giành lấy chính quyền, xây dựng một nước Việt Nam dân chủ Công hoà trên nền tảng hoàn toàn độc lập. Để giành chính quyền phải vũ trang toàn dân, phát triển Quân Giải phóng Việt Nam. Tiếp theo là chính sách về ruộng đất, về thuế, về lao động. Những quyền công dân trong Hiến pháp năm 1946 đã có trong 10 chính sách lớn:

Ban bố những quyền dân chủ cho dân, gồm Nhân quyền, Tài quyền (quyền sở hữu) và Dân quyền (Quyền phổ thông đầu phiếu, quyền tự do dân chủ tự do tín ngưỡng, tự do tư tưởng, ngôn luận, hội họp, di lại), dân tộc bình đẳng nam nữ bình quyền.

Rồi đến các chính sách: Xây dựng nền kinh tế quốc dân, phát triển nông nghiệp, mở mang ngân hàng. Xây dựng nền quốc dân giáo dục, chống nạn mù chữ, phổ thông và cưỡng bách giáo dục đến bậc sơ học. Kiến thiết nền văn hóa mới.

Đại hội định ra quốc kỳ, quốc ca của nước Việt Nam mới.

Đoàn thể, nhân dân xã Tân Trào cử đoàn đên chào mừng, tặng quà Đại hội. Có mấy em nhỏ đi theo đoàn quần rách áo vá và thân thể gầy gò. Bác Hồ nói với các đại biểu:

- Nhiệm vụ của chúng ta là làm cho các em nhỏ có cơm no, có áo ấm, được học hành, không lam lũ mãi thế này.

Câu nói của vị Chủ tịch Ủy ban làm các đại biểu hết sức xúc động, ghi nhớ mãi về sau.

Những nguyên tắc cơ bản về hoạt động của Quốc hội - cơ quan quyền lực, cơ quan lập pháp tối cao được định ra từ Đại hội Quốc dân Tân Trào.

Quyền và nhiệm vụ của mỗi công dân Việt Nam trong cuộc bầu cử sắp tới là lựa chọn để bầu vào Quốc hội khoá XII những đại biểu vẹn đủ đức tài, trung thành với những nguyên tắc từ Quốc dân Đại hội Tân Trào gánh vác trọng trách đất nước thời kỳ mới.

HÀNH TRÌNH BÁC HỒ ĐẾN TÂN TRÀO LẦN THỨ HAI

Mạc Ninh

Trước ngày Toàn quốc kháng chiến 19 tháng 12 năm 1946, Trung ương bố trí Bác Hồ rời Hà Nội về Vạn Phúc Hà Đông, một cơ sở từ trước cách mạng. Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến được thu và phát đi từ vùng ngoại thành ngày 20 tháng 12 năm 1946. Ngày 26 tháng 12 năm 1946, tại thị xã Hà Đông Bác chủ trì phiên họp khoáng đại (mở rộng) của Hội đồng Chính phủ. Bác Hồ nói:

- Chúng ta đem lực lượng của 20 triệu đồng bào chống lại mấy vạn thực dân Pháp. Chúng ta nhất định thắng lợi.

Đầu năm 1947, Bác Hồ và các cơ quan Trung ương vẫn di chuyển trong vòng bán kính hai chục ki lô mét của Hà Nội để tiện việc chỉ đạo mặt trận chính. Thời gian này Bác từ Vạn phúc Hà Đông về Thanh Hối, một làng ven sông Đáy, gần ngã ba Thá.

Đầu tháng 2 năm 1947, Bác Hồ vào Ninh Bình dự hội nghị bàn việc tổ chức giúp đỡ đồng bào tản cư. Ngày 18 đến 20 tháng 2, Người vào Thanh Hoá nói chuyện và kêu gọi các giới đồng bào đoàn kết hăng hái tham gia kháng chiến.

Chiều 2 tháng 3 năm 1947 đồng chí Võ Nguyên Giáp tới Viên Nội, một làng thuộc Quốc Oai, báo cáo tình hình chính sự với Bác và đề nghị Bác di chuyển trong đêm. Đồng chí Trần Đăng Ninh được phân công đi với Bác. Tháng 3 Bác Hồ tới thị xã Sơn Tây. Xe ô tô hỏng, đồng chí Trần Đăng Ninh đề nghị Bác

dùng xe ngựa. Trên đường đồng bào tản cư rất đông, không ai nhận ra cụ già trùm đầu bằng chiếc khăn mặt ngồi trên xe ngựa lại chính là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tối Bác qua sông Đà sang Trung Hà thì gặp xe đồng chí Hoàng Văn Thái.

Bác ở lại Cổ Tiết bên ghềnh Bà Triệu một thời gian. Chính tại đây Bác đặt tên: Trường Kỳ Kháng Chiến Nhất Định Thắng Lợi cho các đồng chí cùng đi với Bác. Đây là nguyên tắc giữ bí mật Người thường làm, nhưng lần này Bác còn nói: Các chú là khẩu hiệu sống của Bác. Suốt những năm kháng chiến cơ quan giúp việc của Bác vẫn có chừng ấy người.

Từ Cổ Tiết Bác qua Phú Thọ, vượt sông Lô đến Sơn Dương, lúc này vẫn mang tên châu Tự Do.

Địa điểm làm việc đầu tiên tại ATK là Làng Sáo xã Hợp Thành Sơn Dương. Thời gian này có sự kiện ngày 12 tháng 5 năm 1947 Bác gặp Pôn Muýt đại diện Chính phủ Pháp tại thị xã Thái Nguyên.

Thời gian sau Bác và Thường vụ Trung ương ở vùng Chợ Chu, thuộc châu Định Hoá. Cuối mùa hè năm 1947, Bác ở Điểm Mac, thuộc Chợ Chu. Trong thời gian Chiến dịch Việt Bắc, khoảng cuối tháng 1 năm 1947, để phòng địch nhảy dù bất ngờ, từ Điểm Mac Bác chuyển vào Khuổi Tát.

Ngày 22 tháng 11, có tin quân của Bôphơ đã đến Đài Thị và quân của Commuynan cũng sắp tới. Nhận định quân địch có thể vây ép khu tứ giác Tuyên Quang - Đài Thị - Bắc Kạn - Thái Nguyên, đồng chí Võ Nguyên Giáp viết thư hoá tốc đề nghị Bác và đồng chí Trường Chinh di chuyển lên Bản Cốc xã Hùng Lợi huyện Yên Sơn. Đúng lúc Bác đang mệt, đồng chí Trường Chinh rất phân vân. Nhưng Bác nói cứ làm theo kế hoạch. Đường lên Bản Cốc rậm rạp, Bác phải bỏ ngựa, nhiều đoạn phải rẽ lau, vạch cỏ mà đi.

Bác ở Bản Cốc ít ngày, sau khi dịch rút khỏi Việt Bắc thì Bác trở về Khuổi Tát.

Trung tuần tháng 9 năm 1948, Bác mới chuyển đến làm việc ở xóm Lũng Tàu xã Tân Trào.

Từ đó, trong suốt cuộc kháng chiến vào những thời khác nhau, Bác còn làm việc tại nhiều địa điểm khác thuộc Tân Trào.

Hành trình Hà Nội - Tân Trào của Bác Hồ có những đặc điểm khác hành trình, hành trình Pác Bó - Tân Trào. Nếu hành trình lần trước là cực kỳ khẩn trương kịp về đến trung tâm chỉ đạo tổng khởi nghĩa không để lỡ thời cơ. Thời gian đi trên đường chưa đến 20 ngày. Hành trình Hà Nội - Tân Trào, dừng lại nhiều nơi theo diễn biến chiến sự, vừa di chuyển vừa chỉ đạo kháng chiến. Diễn biến hành trình cũng thể hiện tính chất trường kỳ của cuộc kháng chiến.

Cả hai hành trình đều dẫn đến thắng lợi quyết định của cách mạng Việt Nam: Tổng khởi nghĩa Tháng Tám và Chiến dịch Điện Biên Phủ.

(Theo sách “*Chiến đấu trong vòng vây*” của Đại tướng Võ Nguyên Giáp và “*Bác Hồ với Hà Tuyên*”) Ta lại trở về Tân Trào.

Ngày 23 tháng 9 năm 1945, thực dân Pháp gây hấn ở Nam Bộ. Cuộc kháng chiến chống Pháp chính là đã bắt đầu từ ngày đó.

Bác Hồ đã không bỏ lỡ bất cứ cơ hội nào sớm mang lại hoà bình. Nhưng thực dân Pháp mưu toan cướp nước ta một lần nữa, chúng liên tiếp đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn, ngang nhiên tàn sát đồng bào ta ở Hà Nội. Ngày 19 tháng 12, đèn điện Hà Nội phụt tắt, đại bác từ pháo đài Láng gầm lên. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược bắt đầu.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp sẽ diễn ra là điều Bác Hồ đã dự báo từ những ngày Tân Trào.

Tháng 7 năm 1945 trong buổi tiếp tổ tình báo Con nai Bác Hồ nói với những quân nhân Pháp có mặt:

- Người Pháp làm le đặt lại ách thống trị là không thể được. Nhân dân chúng tôi quyết không để người Pháp làm việc đó.

Tại Hội nghị cán bộ Đảng toàn quốc họp từ ngày 13 đến ngày 15 tháng Tám, Bác Hồ phân tích dã tâm của thực dân Pháp.

Ta biết mưu toan của thực dân Pháp đã lộ rõ từ bản tuyên bố về Đông Dương ngày 24 tháng 3 năm 1945 của tướng Đờ Gôn, là tiếp tục thực hiện ở Đông Dương chế độ thuộc địa như cũ.

Đêm 17 tháng 8 sau khi Đại hội Quốc dân kết thúc, Bác Hồ đến thăm đoàn đại biểu Hà Nội Người căn dặn:

- Có một việc cần làm tốt ngay từ bây giờ, trong quá trình khởi nghĩa và sau đó là hết sức chú ý thu lượm súng ống đạn dược, thu càng nhiều càng tốt. Thu được rồi thì bí mật cất giấu, lại nhớ lau dầu mỡ cho khởi han rỉ.

Về sau mới hiểu ra thu súng để kháng chiến. Phải cất giấu, nếu không quân Đồng minh sẽ thu mất. Chúng cho rằng Việt Minh chưa sản xuất được vũ khí, đó chỉ có thể là vũ khí của Nhật. "*Sứ mệnh*" của chúng là vào Đông Dương tước khí giới quân Nhật.

Trước khi về Hà Nội Bác Hồ đã trao nhiệm vụ cho đồng chí Phạm Văn Đồng và một số cán bộ ở lại Tân Trào một thời gian để củng cố khu căn cứ. Bác Hồ nói:

- Các đồng chí nhận một nhiệm vụ nặng nề là ở lại duy trì và phát triển phong trào của địa phương, gìn giữ và tiếp tục xây

dụng căn cứ địa hết sức quan trọng này. Có Kim Long, Tân Trào, khu Giải phóng mới có ngày Chính phủ về Hà Nội. Tôi biết sẽ có đồng chí buồn. Các đồng chí cần nhận rõ ý nghĩa đặc biệt của nhiệm vụ để làm cho tốt.

Lên đường về Hà Nội, Bác Hồ nói với các đồng chí ở lại:

- Biết đâu có lúc chúng ta còn trở lại đây nhờ cây bà con lần nữa.

Nhiều người không tin điều ấy sẽ xảy ra. Chỉ có Bác Hồ là người tiên liệu được hết mọi việc.

Cuối tháng 10 năm 1946, sau khi vừa ở Pháp về Bác Hồ lại cử đồng chí Nguyễn Lương Bằng lên Việt Bắc để lãnh đạo việc củng cố căn cứ địa, chuẩn bị mọi mặt cho việc di chuyển các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước khi cần. Tiếp theo một số đội công tác do đồng chí Trần Đăng Ninh chỉ đạo lên Việt Bắc chuẩn bị các an toàn khu (ATK). Nhiều nhà máy, kho tàng của ta ở thành phố được đưa dần về vùng căn cứ.

Một hôm, sau cuộc họp của Hội đồng Chính phủ ở Hà Nội, khi mọi người đã ra về Bác Hồ hỏi đồng chí Võ Nguyên Giáp:

- Nếu địch mở rộng chiến tranh trên miền Bắc, Hà Nội có thể giữ được bao lâu?

Đồng chí Võ Nguyên Giáp thưa với Bác:

- Có thể giữ được một tháng.

Bác lại hỏi:

- Các thành phố khác thì sao?

- Các thành phố khác thì ít khó khăn hơn.

- Còn vùng nông thôn?

- Vùng nông thôn nhất định ta giữ được.

Người suy nghĩ giây lát rồi nói:

- Ta lại trở về Tân Trào.

ĐẾN VỚI THỦ ĐÔ KHÁNG CHIẾN

Hoàng Quảng Uyên

Năm 1947, Bác Hồ cùng Trung ương Đảng và Chính phủ trở lại núi rừng Việt Bắc, lập an toàn khu (ATK), xây dựng thủ đô kháng chiến tại 3 tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Bắc Kạn (các huyện Định Hoá, Đại Từ, Yên Sơn, Sơn Dương, Chợ Đồn), lãnh đạo thắng lợi cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược. Những địa danh thuộc Định Hoá (Thái Nguyên), Sơn Dương (Tuyên Quang) dưới chân núi Hồng sừng sững, hiên ngang có rừng cây bạt ngàn che phủ đã trở thành Trung tâm ATK Trung ương, trở thành Thủ đô gió ngàn - Thủ đô kháng chiến. Sáu mươi năm đã trôi qua kể từ ngày ấy. Mùa xuân này chúng ta cùng hành hương trở lại cội nguồn, thăm lại đất và người Thái Nguyên, Tuyên Quang, Bắc Kạn để nhớ lại và tự hào về một vùng đất *"Suối dài xanh mát nương ngô/Bốn phương lồng lộng Thủ đô gió ngàn"*. Vùng đất đã đi vào lịch sử của dân tộc.

Từ rất sớm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thấy được dã tâm quay trở lại xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp nên ngày 20-8-1945 khi quyết định rời Tân Trào, thủ đô cách mạng về Hà Nội Người đã có một quyết định xa hơn để đồng chí Phạm Văn Đồng và một số đồng chí khác ở lại, chuẩn bị cho kế hoạch trở lại của Chính phủ Việt Nam khi tình hình bắt buộc. Đầu năm 1946 khi khả năng nổ ra kháng chiến toàn quốc đã đến gần, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cử các đồng chí Nguyễn Lương Bằng, Trần Đăng Ninh lên Việt Bắc xây dựng căn cứ địa kháng chiến. Ngày 19-12-

1946 Bác Hồ đọc lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, liền sau đó các cơ quan lãnh đạo Đảng và Nhà nước, Quân đội đã làm cuộc thiên đô qua 5 tỉnh từ đồng bằng sông Hồng lên chiến khu, nằm giữa vùng thượng du trong khu tam giác Bắc Kạn, Tuyên Quang, Thái Nguyên. Huyện Định Hoá nằm giữa Trung tâm khu tam giác đó, có đường thông sang Chiêm Hoá, Chợ Đồn, Chợ Mới, Yên Sơn, Sơn Dương rất phù hợp với việc xây dựng Thủ đô kháng chiến đã trở thành Trung tâm an toàn khu Trung ương.

Ngày 20-5-1947 Chủ tịch Hồ Chí Minh có mặt tại ATK Định Hoá. Lúc đầu Người ở nhà ông Ma Đình Tương là Chủ tịch Ủy ban hành chính kháng chiến huyện Định Hoá. Vài hôm sau Người ra làm việc tại lán nhỏ dựng trên đồi Khau Tý, thôn Nà Tra, cách nhà ông Ma Đình Tương khoảng 300 mét. Lán Khau Tý là nơi làm việc đầu tiên của Bác Hồ tại ATK - Thủ đô kháng chiến. Ngày 20-5-1947 được lấy làm mốc ghi dấu ngày Bác Hồ và các cơ quan Đảng, Chính phủ trở lại chiến khu Việt Bắc.

Đồi Khau Tý (tiếng Tày nghĩa là đồi Cây Thị). Trên đỉnh đồi um tùm cây lá, bạt ngàn nứa, một cái lán nhỏ (nhà sàn) được dựng lên bên cạnh cây đa cổ thụ để Bác Hồ ở và làm việc. Bác ở đây từ cuối tháng 5 đến ngày 15-10-1947. Tại căn lán nhỏ này Người đã viết tác phẩm "*Sửa đổi lối làm việc*", soạn thảo tài liệu tổng kết chiến tranh du kích ở Trung Quốc, viết thư cho nhân dân Pháp kêu gọi ủng hộ nhân dân Việt Nam lên án tội ác của thực dân Pháp và khẳng định quyết tâm kháng chiến và sự tất thắng của nhân dân Việt Nam. Đặc biệt Người và Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị "*Phải phá tan cuộc tấn công mùa đông lên Việt Bắc của thực dân Pháp*".

Cách mạng, tranh và thơ luôn song hành trong cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ vĩ đại, nhà thơ lớn của dân tộc.

Trên đồi cao, giữa cảnh đẹp trăng và cây, suối và hoa, trong những phút giây tĩnh lặng giữa bận bịu công việc, bận bịu gian lao chuẩn bị đánh lại cuộc hành binh của Pháp lên Việt Bắc tìm diệt Chính phủ kháng chiến, tâm hồn thơ của Người vẫn rung động và vang lên những câu thơ về nỗi niềm riêng và nỗi niềm dân tộc.

*- Tiếng suối trong như tiếng hát xa
Trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa
Cảnh khuya như vẽ Người chưa ngủ
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.*

Đứng trên đồi Khau Tý hôm nay, ngược nhìn cây cổ thụ bên chiếc lán nhỏ, nghe tiếng suối chảy quanh sườn đồi vọng về như có ánh trăng xưa in hình bóng Bác trên từng ngọn cỏ, lá cây trong những đêm không ngủ vì “Lo nỗi nước nhà” vẫn còn chìm đắm dưới gót giầy của quân xâm lược và những kế hoạch kháng chiến đánh bại quân Pháp xâm lược đem lại hoà bình, độc lập, tự do cho dân tộc.

Ngày 15-10-1947 Chủ tịch Hồ Chí Minh rời Khau Tý chuyển sang làng Vang (xã Liên Minh, huyện Võ Nhai, Thái Nguyên), để chỉ đạo đập tan cuộc phản công của thực dân Pháp lên Việt Bắc. Ngày 20-11-1947 Bác lại trở về Định Hoá, lần này Bác ở lán trên đồi Nà Đình, cạnh con suối Khuôn Tát (thường gọi là lán Khuôn Tát, thuộc xã Lục Dã, nay gọi là xã Phú Đình, chỉ cách đồi Khau Tý vài cây số). Bác Hồ đã ở lán Khuôn Tát 3 lần: Lần thứ nhất từ ngày 20-11 đến ngày 28-11-1947; Lần thứ hai từ 11-1 đến ngày 7-3-1948; Lần thứ ba từ ngày 5-4 đến ngày 1-5-1948. Những ngày ở lán Khuôn Tát Người viết nhiều tài liệu nhằm củng cố chính quyền, củng cố hậu phương, đẩy mạnh xây dựng lực lượng vũ trang, tiếp khách trong nước và quốc tế. Cạnh lán Bác ở có con suối Khuôn Tát trong lành, lòng suối có nhiều tảng đá lớn,

Bác thường cùng các đồng chí cảnh vệ ra tắm giặt. Tháng 1-1948 Hội đồng Chính phủ đã họp phiên đặc biệt tại Khuôn Tát do Hồ Chủ tịch chủ tọa ra Sắc lệnh số 110/SL quyết định phong hàm Đại tướng cho đồng chí Võ Nguyên Giáp, hàm Trung tướng cho đồng chí Nguyễn Bình, hàm Thiếu tướng cho các đồng chí: Trần Tử Bình, Văn Tiến Dũng, Lê Thiết Hùng, Trần Đại Nghĩa, Lê Hiến Mai, Hoàng Sâm, Nguyễn Sơn, Hoàng Văn Thái, Chu Văn Tấn... vào ngày 28-5-1948 lễ phong tướng được tổ chức trang trọng trên một quả đồi gần đấy. (nay được gọi là đồi Phong Tướng).

Tin Keo (tiếng Tày nghĩa là chân đèo) nằm dưới chân núi Hồng. Đồi Nà Lọm xưa kia là rừng cây cổ thụ, dưới những tán cây rừng là những cái lán nhỏ, đơn sơ là nơi Bác ở và làm việc, lán Bác ở Nà Lọm thường được gọi là lán Tin Keo ở phía ngoài suối Khuôn Tát (đồi Nà Đình ở phía trong). Ở đây có lán họp của Trung ương Đảng và Chính phủ, lán cảnh vệ, nhà bếp, trên đồi có hầm làm việc, hệ thống hầm hào tránh máy bay. Tại đây Bộ chỉ huy tối cao của cuộc kháng chiến đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra nhiều quyết định quan trọng liên quan đến vận mệnh dân tộc. Tháng 10-1953 Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì cuộc họp của Bộ Chính trị thông qua chủ trương kế hoạch tác chiến Đông Xuân 1953 - 1954 và ngày 6-12-1953 Thường vụ Bộ Chính trị họp tại lán Tin Keo thông qua quyết định mở Chiến dịch Điện Biên Phủ, làm nên chiến thắng vẻ vang "*Lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu*". Trung tuần tháng giêng năm 1954, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, tổng tư lệnh quân đội, tư lệnh kiêm chính uỷ Chiến dịch Điện Biên Phủ đã đến Tin Keo chào Bác trước lúc lên đường đi chiến dịch. Bác căn dặn: "Cần nắm chắc Nghị quyết của Trung ương và Chủ trương của Bộ Chính trị là:

“Đánh chắc thắng”. Tổng tư lệnh ra mặt trận, Tung quân tại ngoại Bắc trao cho chủ toàn quyền”.

Tại ATK Định Hoá, nhiều cơ quan của Trung ương Đảng và Chính phủ trong những năm kháng chiến đã được đặt gần cơ quan của Hồ Chủ tịch như lán làm việc và nơi ở của Tổng Bí thư Đảng Trường Chinh ở Nhà Mòn, Phụng Hiến, nơi làm việc của cơ quan Bộ Tổng tư lệnh và Đại tướng Võ Nguyên Giáp ở Báo Biên (xã Báo Linh)v.v... Các quyết sách lớn của Đảng và Chính phủ phần lớn đều được quyết định ở ATK Định Hoá như hạ quyết tâm tiêu diệt địch, tấn công lên Việt Bắc mùa Đông năm 1947, quyết định mở Chiến dịch Biên giới năm 1950 và các Chiến dịch Trung Du, Hoàng Hoa Thám, Hà Nam Ninh, Chiến dịch Hoà Bình, Tây Bắc, Sầm Nứa, Chiến dịch Điện Biên Phủ, quyết định lấy ngày 27-7 làm ngày thương binh liệt sĩ. Năm 1954, đồng chí Phạm Văn Đồng từ đây đi họp Hội nghị Giơ ne vơ và sau khi ký hiệp nghị cũng trở về đây. Các hoạt động ngoại giao cũng diễn ra chủ yếu ở Định Hoá, Đại Từ. Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Pháp do Lê-ô-phi-giơ dẫn đầu đoàn cố vấn Trung Quốc, đoàn điện ảnh Liên Xô và nhiều nhà ngoại giao, nhà báo Quốc tế được Bác tiếp tại Định Hoá. Các đồng chí lãnh đạo Đảng bạn như Chủ tịch Xu-pha-nu-vông, đồng chí Cay Xôn Phôm Vi Hân, Tổng Bí thư Đảng nhân dân cách mạng Lào, đồng chí Sơn Ngọc Minh, Tổng Bí thư Đảng nhân dân cách mạng Cam Pu Chia đã ở và làm việc nhiều ngày trên đất Đại Từ. Định Hoá là ATK khu tuyệt mật đảm bảo an toàn và ổn định để các đồng chí lãnh đạo của Đảng và Chính phủ làm việc ít phải di chuyển. Một an toàn khu đảm bảo đúng những yêu cầu mà Bác Hồ đã đặt ra:

*Trên có núi, dưới có sông
Có đất ta trồng, có bãi ta chơi*

*Tiên đường sang bộ tổng
Thuận lối tới Trung ương
Nhà thoáng rào, kín mái
Gần dân không gần đường.*

Từ Tin Keo, Khuôn Tát (Định Hoá) vượt đèo De là sang đến đất Tân Trào (Tuyên Quang). Trong những năm kháng chiến chống Pháp ATK Tuyên Quang chủ yếu nằm ở hai huyện Yên Sơn và Sơn Dương, liền kề với xã Phú Đình (Định Hoá). Tại hai huyện này có các cơ quan Chính phủ kháng chiến, Ban Thường vụ Quốc hội quy tụ về một trung tâm là Văn phòng Chính phủ (đóng tại thôn Lập Bình, cạnh Tân Trào). Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng làm việc tại đây. Phần lớn các cuộc họp của Hội đồng Chính phủ cũng họp tại đây. (Hồ Chủ tịch làm việc gần đây, cách khoảng 500m đường chim bay). Hồ Chủ tịch và đồng chí Phạm Văn Đồng, thường kỳ 1-2 tháng lại vượt núi Hồng từ xã Bình Yên, xã Tân Trào sang họp Thường vụ Bộ Chính trị Trung ương Đảng, ít ngày lại trở về Tuyên Quang. Theo thống kê thì Hồ Chủ tịch làm việc và ở những địa điểm khác nhau trên đất Tuyên Quang khoảng 5 năm. Đặc biệt là thời gian Bác chỉ đạo Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 2 ở Kim Bình (Chiêm Hoá) và những tháng đầu năm 1954 Bác ở Kim Quan Thượng (Yên Sơn) chỉ đạo Chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng (7-5-1954). Tân Trào (Tuyên Quang) trước đây được biết là thủ đô cách mạng với đình Hồng Thái, cây đa Tân Trào, nơi họp Quốc dân Đại hội và thành lập Chính phủ lâm thời, nơi có lán Nà Lừa, nơi Bác ở, trong kháng chiến chống thực dân Pháp là Thủ đô kháng chiến (cùng với Định Hoá, Đại Từ, Chợ Đồn... lập nên ATK Trung ương), với các địa danh đi vào lịch sử: Thôn Lập Bình, Kim Quan Thượng, Kim Bình.v...

Nói đến Bắc Cạn trong cách mạng giải phóng dân tộc và kháng chiến chống Pháp là nói đến các địa danh như núi Cứu Quốc, Phủ Thông, Đèo Giàng, Đèo Gió, Chợ Mới, Chợ Đồn, nơi Bác Hồ và các đồng chí lãnh đạo Đảng và Chính phủ đã qua lại... Giờ đây những địa danh này đã được ghi dấu trong lịch sử đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc, những di tích này đã làm hoàn thiện bức tranh sinh động về an toàn khu Trung ương - Thủ đô kháng chiến - Thủ đô gió ngàn trên chiến khu Việt Bắc, gồm 6 tỉnh: Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang. Về mặt địa lý, ATK Trung ương bao trùm 3 ATK Thái Nguyên (chủ yếu là huyện Định Hoá, huyện Võ Nhai, huyện Đại Từ); ATK Tuyên Quang (chủ yếu là huyện Sơn Dương, huyện Yên Sơn, huyện Chiêm Hoá) và ATK Bắc Cạn (chủ yếu là Chợ Đồn). Đó là những bộ phận không thể tách lẻ ra khỏi ATK Trung ương.

Sáu mươi năm, trở lại ATK Trung ương, mỗi bước chân đi trên các vùng đất cách mạng và kháng chiến năm xưa ta như chạm vào lịch sử với những địa danh nổi tiếng: Khuôn Tát, Tỉn Keo, Khau Tý, Tân Trào... mà mừng tượng ra cảnh rừng Việt Bắc, ngày ấy qua cái nhìn lạc quan của Chủ tịch Hồ Chí Minh:

*Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay
Vượn hót chim kêu suốt cả ngày
Khách đến thì mời ngô nếp nướng
Săn về thường chén thịt rừng quay
Non xanh nước biếc tha hồ dạo
Rượu ngọt, chè tươi mặc sức say
Kháng chiến thành công ta trở lại
Trăng xưa, hạc cũ với xuân này.*

Và nhớ những tháng ngày gian lao trong cuộc kháng chiến 9 năm với sự đùm bọc, giúp đỡ của đồng bào các dân tộc Việt Bắc

"Thương nhau chia củ sắn lùi/Bát cơm xẻ nửa, chăn sui đắp cùng" giữa núi rừng trùng điệp "Núi giăng thành lũy sắt dày/Rừng che bộ đội, rừng vây quân thù". Nhớ những ngày bước vào Chiến dịch Điện Biên Phủ trong khí thế bùng bùng ra trận:

Quân đi điệp điệp, trùng trùng
Ánh sao đầu súng, bạn cùng mũ nan
Dân công đỏ đuốc từng đoàn
Bước chân nát đá, muôn tàn lửa bay.

Và trong những giờ phút thiêng liêng ấy ta càng nhớ hình ảnh Bác Hồ kính yêu, vị cha già, lãnh tụ tối cao của dân tộc những ngày ở chiến khu xưa:

Nhớ ông Cụ mắt sáng ngời
Áo nâu túi vải đẹp tươi lạ thường
Nhớ Người những sáng tinh sương
Ung dung yên ngựa trên đường sượt reo
Nhớ chân Người bước lên đèo
Người đi, rừng núi trông theo bóng Người.

Vẫn nhớ những vần thơ của Tố Hữu ngày rời chiến khu Việt Bắc về Thủ đô Hà Nội:

Mình về thành thị xa xôi
Nhà cao còn thấy núi đồi nữa chăng?
Phố đông còn nhớ bản làng,
Sáng đèn, còn nhớ mảnh trăng giữa rừng?
Mình đi, ta hỏi thăm chừng
Bao giờ Việt Bắc từng bừng thêm vui?

60 năm Việt Bắc đã thay đổi nhiều, vui nhiều, tung bồng đi lên trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Thị xã Bắc Cạn đã mở rộng gấp nhiều lần ngày trước với đường rộng, con đường dẫn về hồ Ba Bể băng băng xe chạy. Khu di tích lịch

sứ Tân Trào ngày càng được mở rộng, nâng cấp, hoàn chỉnh. Thủy điện Tuyên Quang với công suất lắp đặt là 342 MW hoà vào lưới điện Quốc gia. Tỉnh Thái Nguyên, thành phố Thái Nguyên thực sự trở thành trung tâm của các tỉnh chiến khu Việt Bắc, là cầu nối giữa Hà Nội và các tỉnh trong cả nước với miền Đông Bắc xa xôi. Thái Nguyên với tiềm năng công nghiệp gang thép, công nghiệp khai thác than và một vùng chè bát ngát xanh với chè Tân Cương nổi tiếng trong và ngoài nước.

Thoang thoang hương cốm bay

Búp xanh non như ngọc

Chè Thái Nguyên ngọt giọng

Ấm lòng khách tri âm.

Sáu mươi năm trở lại chiến khu xưa là ta trở lại “*Những đường Việt Bắc của ta/Đêm đêm rầm rập như là đất rung*”, nhớ lại thời: “*Chín năm làm một Điện Biên/Nên vành hoa đỏ, nên thiên sử vàng*”. Trên tuyến du lịch qua các di tích lịch sử nổi liền 3 tỉnh Thái Nguyên - Tuyên Quang - Bắc Cạn thăm đền thờ Bác Hồ ở chân đèo De, thăm nhà trưng bày di tích lịch sử Định Hoá, qua Tân Trào ngược Chợ Đồn, Bắc Cạn, lên nữa đến khu di tích lịch sử đầu nguồn Pác Bó Cao Bằng. Núi rừng Việt Bắc với nhiều phong cảnh đẹp, nhiều danh thắng hấp dẫn và mời gọi du khách như hồ Ba Bể (Bắc Cạn), thác Bản Giốc (Cao Bằng), hang Phượng Hoàng và suối Mỏ Gà (Võ Nhai)v.v... Những tuyến du lịch sinh thái nổi liền các danh thắng đã mở, xin mời du khách đến thăm lại Việt Bắc để cảm và nhớ ghi công ơn cách mạng, công ơn Bác Hồ kính yêu:

Ngàn năm xưa, nước non Hồng

Còn đây ơn Bác, nổi dòng dài lâu

Ngàn năm, non nước mai sau

Đời đời ơn Bác càng sâu, càng nồng.

ĐÌNH TÂN TRÀO

Nguyễn Thế Kỳ

*Lên Tuyên Quang nhớ về chiến khu xưa
Chiếc nôi lớn thuở dẫu cách mạng*

Nguyễn Đức Mậu

Chiếc nôi lớn mà nhà thơ nhắc đến ấy là Tân Trào. Thủ đô của Khu giải phóng gồm 6 tỉnh Đông Bắc, một địa danh đã đi vào lịch sử dân tộc, trở thành niềm tự hào thiêng liêng và trân trọng của cả nước. Tại đây có nhiều di tích ghi dấu những hoạt động của Bác Hồ, Trung ương Đảng và Chính phủ trong những ngày cách mạng còn trứng nước, như mái đình Hồng Thái, căn lán Nà Lừa, cây đa đôi đầu làng Tân Lập, dòng suối Khuôn Pén, Lũng Cò, ngôi nhà sàn cụ Nguyễn Tiến Sự... Nổi bật giữa quần thể di tích ấy là đình Tân Trào - một ngôi đình đơn sơ lợp cỏ, cột gỗ rêu phong, kiến trúc theo kiểu miền núi - nằm ở khoảng giữa trên đường đi từ nhà trưng bày lưu niệm đến cây đa đôi. Đình được dựng năm 1922, năm trị vì thứ 8 triều vua Khải Định. Hàng năm vào ngày 4 tháng Giêng âm lịch, đồng bào địa phương thường tổ chức rước kiệu, tế lễ, thờ thành hoàng làng, các vị công thần và mở hội truyền thống, tung còn, hát then.

Trong hai ngày 16 và 17-8-1945, đình Tân Trào đã chứng kiến một sự kiện trọng đại. Quốc dân Đại hội được tổ chức tại đình Tân Trào. Dự Đại hội có hơn 60 đại biểu ưu tú đến từ các

miền Bắc, Trung, Nam, Việt kiều ở nước ngoài, đại biểu các tầng lớp nhân dân, các đảng phái chính trị, các đoàn thể, các tôn giáo đại diện cho cả một dân tộc kiên quyết đứng lên đập tan xiềng nô lệ. Trong không khí hào hùng, sôi sục, khán trương chuẩn bị Tổng khởi nghĩa, Đại hội Quốc dân như một Hội nghị Diên Hồng của cách mạng Việt Nam ở thế kỷ XX. Ở Đại hội này, lần đầu tiên Bác Hồ tiếp xúc với đại biểu nhân dân trong cả nước, Bác là linh hồn thiêng liêng của Đại hội. Đại hội đã thông qua Lệnh Tổng khởi nghĩa trong toàn quốc; thông qua 10 chính sách lớn của Việt Minh cả về chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội, văn hoá giáo dục, tự do tín ngưỡng, tư tưởng, dân tộc bình đẳng, nam nữ bình quyền và chính sách đối ngoại; quy định Quốc kỳ là lá cờ đỏ sao vàng năm cánh; Quốc ca là bài Tiến quân ca của nhạc sĩ Văn Cao; bầu Ủy ban Giải phóng dân tộc Việt Nam (tiên thân của Chính phủ lâm thời) do lãnh tụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Ủy ban Thường trực có 5 người, gồm Bác Hồ, các đồng chí Phạm Văn Đồng, Nguyễn Lương Bằng, Trần Huy Liệu và Dương Đức Hiền. Khi đoàn đại biểu nhân dân xã Tân Trào đến chúc mừng Đại hội, nhìn thấy em nhỏ đi theo đoàn, người gầy gò vàng vọt, Bác nói với các đại biểu: *"Nhiệm vụ của chúng ta là làm sao cho các em bé như em bé này có cơm ăn, áo mặc, khỏe mạnh và được học hành"*. Câu nói của Bác đã gây xúc động thấm vào tình cảm của các đại biểu dự Đại hội.

Sáng ngày 17-8-1945, tại sân đình Tân Trào, Ủy ban Giải phóng dân tộc ra mắt Quốc dân và làm lễ tuyên thệ. Thay mặt Ủy ban, hướng lên lá cờ đỏ sao vàng năm cánh trên cột cờ, Bác đọc lời tuyên thệ ngắn gọn, súc tích: *"Chúng tôi là những người được Quốc dân đại biểu bầu vào Ủy ban Giải phóng dân tộc để lãnh*

đạo cuộc cách mạng của nhân dân. Trước lá cờ thiêng liêng của Tổ quốc, chúng tôi nguyện kiên quyết lãnh đạo nhân dân tiến lên, ra sức chiến đấu chống quân thù, giành lại độc lập cho Tổ quốc, dù phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng quyết không lùi bước. Xin thể!”. Giọng Bác nghiêm trang, lời thể đồng đạc, biểu hiện khí thế kiên cường, dũng cảm, một niềm tin tất thắng. Toàn thể đại biểu giờ cao nắm tay hô to: “Xin thể! Xin thể”. Máy loạt súng của đội du kích nổ vang dội vào vách núi chào mừng Ủy ban Giải phóng dân tộc và thành công to lớn của Đại hội Quốc dân lịch sử. Đã 60 năm trôi qua, lời thể của Đại hội Đại biểu Quốc dân ở Tân Trào, bên mái đình cổ kính như vẫn còn vang vọng, đó chính là lời thể của cả nước quyết đứng lên đập tan ách nô lệ giành lại nền độc lập tự do của Tổ quốc, là cội nguồn sức mạnh diệu kỳ để dân tộc ta làm cuộc cách mạng thành công mùa thu năm 1945 lịch sử.

CẢNH RỪNG VIỆT BẮC THẬT LÀ HAY

Đình Quang Tồn

Việt Bắc là quê hương của cách mạng, Việt Bắc còn là đầu não cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc. Những tháng ngày gian khổ ấy, Hồ Chủ tịch đã ở đây cùng Trung ương lãnh đạo cách mạng và kháng chiến. Sau những giờ làm việc mệt nhọc, Người đã làm thơ để ngâm ngợi. Với một nhãn quan sâu rộng, một tâm hồn cao đẹp, một trái tim yêu thương, Việt Bắc đã hiện lên qua thơ của Người với một phong cảnh vô cùng đẹp đẽ, với những đoàn quân ra hoả tuyến rầm rập núi rừng với các cuộc chinh huân, chinh quân... Việt Bắc tiêu biểu cho khí thế của dân tộc.

Trong sự nghiệp văn học mà Hồ Chủ tịch để lại, thiên nhiên luôn là một người bạn thân thiết của Người. Một thiên nhiên trong sáng, tươi vui và rạo rức như có tâm hồn. Đó là phong cảnh quê hương đất nước, phong cảnh thủ đô, phong cảnh nước bạn. Nhưng có lẽ thiên nhiên sống động nhất, tươi đẹp nhất chính là thiên nhiên Việt Bắc. Thiên nhiên ở đây là thiên nhiên tự do, thiên nhiên trong cách mạng và kháng chiến, dưới con mắt, trong tâm hồn của một lãnh tụ cách mạng đang làm chủ lịch sử. Thiên nhiên tươi tắn và rực rỡ lạ thường:

Tiếng suối trong như tiếng hát xa.

Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa

(Cảnh khuya)

Hai câu thơ đã gợi lên cảnh một đêm khuya vui và trong trẻo. Tiếng con suối nhảy du dương, êm ả. Một rừng trăng sáng của những cây lớn ngả bóng dài trùm trên mặt đất, lúc ẩn, lúc hiện xen lẫn giữa ánh sáng và bóng tối. Nhà thơ phải có tâm hồn sáng chùng nào thì cảnh khuya hiện lên mới đáng yêu đến thế!

Đây là một đêm xuân đầy trăng nữa trong "*Rằm tháng riêng*":

Rằm xuân lồng lộng trăng soi

Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân

Giữa dòng bàn bạc việc quân

Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền.

Trăng ở đây sáng như tấm lòng của người đón ánh trăng. Quả là một phong cảnh đầy xuân và đầy trăng. Ta hiểu vì sao từ bài thơ này mà ngày Rằm tháng giêng chính thức được Hội Nhà văn Việt Nam lấy làm "*Ngày thơ Việt Nam*" để tôn vinh truyền thống thơ ca của dân tộc. Còn viết Bắc ban ngày trong thơ Bác có một sức sống mãnh liệt:

- Đường non khách tới hoa đây

Rừng sáu quân đến tung bay chim ngàn

- Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay

Vượn hót chim kêu suốt cả ngày.

Một phong cảnh thật là lồng lộng, vui nhộn và rạo rức!

Bên cạnh những cảnh thiên nhiên tươi tắn, trong sáng và rộn rã, Việt Bắc còn được dựng lên với cả một bức tranh hiện thực sinh động của cuộc cách mạng, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc. Khí thế cách mạng ào ào như nước vỡ bờ, cuộn cuộn như dòng thác lớn cuốn đi tất cả những gì xấu xa và tối tăm. Sức triều dâng của một dân tộc được ẩn giấu tiềm tàng, giờ đã bật tung lên:

*Ào, ào, ào... ào, ào, ào... già nào, trẻ nào, lính nào, dân nào,
đàn ông nào, đàn bà nào!*

Hình ảnh người lãnh tụ của cuộc kháng chiến ở đây chính là Bác. Có điều, Bác không bao giờ tỏ ra mình là thiên tài, là lãnh tụ. Nhưng thực tế khách quan của một vài câu thơ nhỏ đã hiện lên hình ảnh của một lãnh tụ vô sản có tầm vóc lớn, đầy khí phách hào hùng:

*Chống gậy lên non xem trận địa
Vạn trùng núi đổ vạn trùng mây.*

Bên cạnh hình ảnh của Bác, Người cha, lãnh tụ của cuộc kháng chiến, còn được hỗ trợ bằng cả một tập thể lãnh đạo, một bộ tham mưu, đầu não của cuộc kháng chiến. Tuy không xuất hiện rõ hình ảnh của riêng ai, nhưng chỉ với một vài câu thơ cũng đủ thấy sự lo lắng, nhiều đêm thao thức của Trung ương trước vận mệnh của dân tộc, để bàn kế hoạch đưa kháng chiến đến thắng lợi:

*- Giữa dòng bàn bạc việc quân
Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền.*
(Rằm tháng riêng)

*- Bàn việc canh chày mới tạm ngơi
Gió mưa thu báo lạnh thu rồi*
(Đêm thu)

Có được một khí thế cách mạng hùng hậu là nhờ sự tổ chức và lãnh đạo của Đảng và Bác đã huy động được toàn bộ tinh thần và lực lượng. Một cuộc chiến đấu toàn dân toàn diện của chiến tranh thần dân, mà một hình thức quan trọng là chiến tranh du kích. Tất cả các lực lượng đã ra quân. Những cụ già với một khí phách hăng hái làm cho quân thù phải khiếp sợ:

*Tuổi cao, chí khí càng cao
Múa gươm giết giặc ào ào gió thu*

*Sẵn sàng tiêu diệt quân thù
Tiếng thom Việt Bắc ngàn thu lấy lòng*

(Tặng các cụ lão du kích ở Tân Trào)

Còn đây là những người bạn, người em của Kim Đồng đi liên lạc, đi bắt Tây “*Cháu làm liên lạc/Bị giặc bắt được/Lại trốn thoát ngay/Mang hai lính Tây/Theo về bộ đội*”, hoặc “*Cháu có can đảm/Giờ súng dọa Tây/Bắt nó hàng ngày/Lấy được súng nổ*”. Cái đẹp của các em chính là cái đẹp đĩnh cảm hồn nhiên của tuổi thơ, cái đẹp của những em Lượm trong lửa đạn, cái đẹp tiêu biểu cho cả thế hệ măng non của dân tộc nối bước cha anh.

Cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp còn là một bài ca của tuổi trẻ. Người thanh niên mới được Đảng giáo dục đã đi lên phối phối cùng dân tộc. Họ đã xung phong trên tất cả các mặt trận, họ hát vang những lời ca của tuổi thanh xuân anh hùng, ngày đêm xông xáo trên trận địa, đánh đồn phá bốt làm cho quân giặc phải kinh hoàng. Họ còn mang cả sức lực và trí tuệ để mở ra những con đường cho cách mạng, để các đoàn quân tiến lên. Tuy hình ảnh của tuổi trẻ in trong thơ Bác không nhiều, nhưng với một tình cảm yêu thương vô vàn của Người với thanh niên, Người đã tin tưởng và thấy hết sức mạnh của họ, khi Người đi thăm một lán trại thanh niên xung phong:

*Không có việc gì khó
Chỉ sợ lòng không bền
Đào núi và lấp biển
Quyết chí ắt làm nên*

(Khuyên thanh niên)

Mặc dù gian khổ khó khăn vô ngần, rừng núi ở đây vẫn vang tiếng hát, tiếng còi của những đội du kích, những đơn vị bộ đội.

những doanh trại thanh niên xung phong rộn rã. Ngay những đêm mưa thu lạnh mà rừng núi vẫn cứ vang động, rộn ràng:

- Bàn việc canh chầy mới tạm ngơi

Gió mưa thu báo lạnh thu rồi

Gió thu vang rừng núi.

Du kích về thôn rịt thuốc chữa voi

(Đêm thu)

- Chuông lâu chợt tỉnh giấc thu

Ấy tin thắng trận Liên khu báo về

(Tin thắng trận)

Quá thật, kháng chiến không phải là một cuộc ngao du, nhưng kháng chiến có một niềm vui lớn. Đây là những cơ quan tập thể đầu tiên của một xã hội mới. Sau này, những người kháng chiến phải xa Việt Bắc về Thủ đô, không ai không nhớ những ngày tháng reo vui ấy, mà tiêu biểu, da diết là tiếng lòng của nhà thơ Tố Hữu: “*Nhớ sao ngày tháng cơ quan/Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo*” (Việt Bắc).

Khí thế hùng dũng của cuộc kháng chiến dưới sự lãnh đạo của Đảng, với đường lối quân sự của cuộc chiến tranh nhân dân đã giành chiến thắng ngày đêm trên mặt trận. Hồ Chủ tịch đã có một hình ảnh thơ đẹp “*Tin vui thắng trận dồn chân ngựa*”. Tin chiến thắng dồn dập, phản ánh kết quả tất yếu của những khí thế tiên công, phản ánh cái vui, hồ hởi của cuộc kháng chiến, phản ánh sức mạnh của quân chúng kháng chiến, phản ánh việc “*Kháng chiến nhất định thắng lợi*”.

Những bài thơ nói về chiến khu Việt Bắc của Hồ Chủ tịch không nhiều; những bài, những câu nói trực tiếp lại càng ít. Nhưng với tầm nhìn sâu rộng của một lãnh tụ, nên mỗi câu, mỗi

bài thơ tuy nói về sự việc cụ thể mà có tầm khái quát, diện phản ánh rất rộng cho nên hình ảnh chiến khu Việt Bắc được dựng lên khá đầy đủ, chân thật. Những ai chưa một lần đến Việt Bắc có thể hình dung được phong cảnh đẹp đẽ của núi rừng, càng thêm yêu mến quê hương của cách mạng. Bức tranh hiện thực, sinh động được hiện lên không phải chỉ vì hiện thực có sức sống mãnh liệt mà đã được lọc qua một trái tim mệnh mông yêu thương, qua đôi mắt nhìn thấu suốt của Bác, làm cho chúng ta đọc thơ như thấy mình được hạnh phúc đứng ngay trong cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc ở giữa núi rừng Việt Bắc có Tân Trào lịch sử.

Cùng với sự nghiệp cách mạng sống mãi với non sông của Bác, hình ảnh của Việt Bắc kháng chiến qua thơ của Bác sẽ còn mãi mãi với dân tộc, cuộc kháng chiến mà chính Người lãnh đạo để giành độc lập tự do.

Thật là một vinh dự to lớn của đồng bào các dân tộc Việt Bắc nói chung và nhân dân các dân tộc Sơn Dương có Tân Trào lịch sử nói riêng.

TRỞ VỀ CỘI NGUỒN THỦ ĐÔ KHÁNG CHIẾN

Hoàng Phương

Vào đúng dịp kỷ niệm 61 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9, tại Tuyên Quang sẽ diễn ra một sự kiện văn hóa lớn, đó là “*Tuần Văn hoá - Du lịch Tuyên Quang năm 2006*”. Đây là dịp để du khách gần xa hiểu hơn về một mảnh đất không những giàu truyền thống cách mạng, mà còn là nơi có nhiều thắng cảnh đẹp làm say đắm lòng người.

Tuần Văn hoá - Du lịch Tuyên Quang sẽ chính thức được khai mạc vào 20h ngày 15-8. Dưới bóng đa Tân Trào lịch sử, một màn hát múa hoành tráng với sự tham gia của hàng trăm diễn viên chuyên nghiệp và không chuyên sẽ đưa du khách “*Về với Tân Trào - Thủ đô khu Giải phóng, Thủ đô Kháng chiến*”. Cũng tại đây: 15 người đẹp vào vòng chung kết cuộc thi “*Hoa hậu thành Tuyên*”, cùng các cô gái dân tộc Tày, Dao, Mông... trình diễn trang phục dân tộc đặc sắc. Những bộ váy áo sặc sỡ nhiều màu sắc của các dân tộc được các thiếu nữ xinh đẹp Tuyên Quang thể hiện, hẳn sẽ là hình ảnh đầy ấn tượng khó phai trong lòng du khách tham dự buổi lễ.

Đến với Tuyên Quang trong dịp này du khách sẽ được hướng dẫn thăm Làng Văn hoá - Du lịch Tân Lập, xã Tân Trào. Ngôi làng nhỏ của đồng bào dân tộc Tày nằm ngay gần cây đa Tân Trào, điểm đến của du khách bấy lâu. Đến với Làng Văn hoá - Du lịch Tân Lập hôm nay, du khách được tham quan, tìm hiểu về phong tục tập quán, tín ngưỡng, đời sống sản xuất của một làng người Tày cổ. Đội văn nghệ của làng sẵn sàng phục vụ khách quý những làn điệu then mượt mà, cùng giai điệu trầm bổng của cây

dân tính. Nếu muốn, du khách có thể ngủ lại trên những ngôi nhà sàn đã có lịch sử hàng trăm năm tuổi. Tại đình Tân Trào, một buổi lễ dâng hương Thành hoàng làng sẽ được người dân ở đây long trọng tổ chức. Cũng tại ngôi đình lịch sử này, 61 năm trước đây Quốc dân Đại hội đã họp thành lập Ủy ban Giải phóng dân tộc. Thay mặt Ủy ban, Bác Hồ - vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc đã đọc lời tuyên thệ: *"Chúng tôi là những người được Quốc dân Đại biểu bầu vào Ủy ban Giải phóng dân tộc để lãnh đạo cuộc cách mạng của nhân dân. Trước lá cờ thiêng liêng của Tổ quốc, chúng tôi nguyện kiên quyết lãnh đạo nhân dân tiến lên, ra sức chiến đấu với quân thù, giành lại độc lập cho Tổ quốc, dù phải hy sinh tới giọt máu cuối cùng quyết không lùi bước. Xin thề!"*. Đã 61 năm trôi qua, nhưng lời thề năm nào như còn vang vọng mãi nơi đây lời thề của một dân tộc kiên cường quyết vùng lên giành độc lập, tự do cho mình.

Khu du lịch Văn hoá - Lịch sử và sinh thái quốc gia Tân Trào với 160 di tích lịch sử, trong đó có 18 di tích được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích Quốc gia. Đây là điểm hành hương về nguồn của người dân khắp mọi miền của Tổ quốc. Cũng tại khu di tích lịch sử Tân Trào, trong các ngày từ 15 đến 19-8-2006 còn diễn ra nhiều hoạt động đáng chú ý như: Hội chợ triển lãm du lịch thương mại; các hoạt động thể thao dân tộc và các trò chơi dân gian; các hoạt động giao lưu, liên kết hợp tác phát triển du lịch giữa các tỉnh thuộc vùng chiến khu Việt Bắc, Thủ đô Hà Nội và Châu Vân Sơn, tỉnh Vân Nam (Trung Quốc). Nằm trong chương trình của Tuần Văn hoá - Du lịch Tuyên Quang năm 2006, sáng 19-8, đúng dịp kỷ niệm 61 năm ngày truyền thống lực lượng Công an nhân dân, tại khu di tích Nha Công an Trung ương, xã Minh Thanh sẽ diễn ra nhiều hoạt động sôi nổi.

Tuần Văn hoá - Du lịch Tuyên Quang còn có nhiều hoạt động diễn ra trên các huyện, thị xã trong tỉnh. Tại thị xã Tuyên Quang có hội thi “Đấu bếp giỏi” tỉnh Tuyên Quang lần thứ nhất và khai trương khu văn hóa ẩm thực vào chiều ngày 15-8. Tại hai huyện Hàm Yên và Nà Hang, sẽ diễn ra lễ công bố quyết định của Bộ Văn hoá - Thông tin công nhận hai danh thắng quốc gia là Động Tiên (Hàm Yên) và thác Pác Ban (Nà Hang). Ở Động Tiên, du khách có dịp chiêm ngưỡng một hang động lớn và đẹp trong khu vực với những nhũ đá muôn hình ngàn sắc đã có hàng nghìn năm tuổi. Ngược dòng sông Gâm du khách có thể tới thăm một miền đất đầy huyền thoại - đó là Nà Hang. Tại thị trấn nhỏ bé xinh đẹp này đang xây dựng một nhà máy thủy điện có tầm cỡ trong cả nước. Nà Hang, mảnh đất của những sự tích về “*Nàng tiên chú khách*” hay ước mơ về một đàn phượng hoàng với đủ 100 con bay về thung lũng Thượng Lâm. Còn nữa, đó là một thác Pác Ban đẹp đến nao lòng đã được Bộ Văn hoá - Thông tin công nhận là danh thắng quốc gia. Bồng bềnh trên những con thuyền ngược xuôi lòng hồ thủy điện sẽ đưa du khách ngắm cảnh rừng đại ngàn giữa vùng “*Hạ Long trên cạn*”. Nơi đây, giữa một miền trời nước, nắng ngàn gió núi với một không gian yên tĩnh và trong lành, sẽ là nơi thư giãn lý tưởng với mọi người.

Ông Hoàng Quốc Bình - Giám đốc Sở Thương mại và Du lịch cho biết: Việc tổ chức Tuần Văn hoá - Du lịch Tuyên Quang năm 2006 ngoài giới thiệu về mảnh đất, con người, văn hoá các dân tộc Tuyên Quang còn là dịp giới thiệu những chính sách ưu đãi đầu tư, mở rộng giao lưu, hợp tác phát triển du lịch với các tỉnh trong toàn quốc và quốc tế. Với các thế mạnh về văn hoá, lịch sử và môi trường, Tuyên Quang đã và đang có những điều kiện tốt nhất để tạo lập vững chắc cho thương hiệu “*Du lịch Tuyên Quang*”.

SƠN DƯƠNG NHỚ NGÀY ĐÓN BÁC

Hà Linh

Ngày 2 tháng 4 năm 1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh trở lại Làng Sào xã Hợp Thành, huyện Sơn Dương (Tuyên Quang) để lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp. Từ đó đến tháng 12 năm 1952, Người đã ở và làm việc tại 5 địa điểm khác nhau của Sơn Dương: Làng Sào (Hợp Thành), Khuôn Đào (Trung Yên), Lũng Tầu, Khẩu Lấu, Hang Bồng (Tân Trào), chủ trì nhiều hội nghị quan trọng của Đảng, Chính phủ để quyết định những vấn đề trọng yếu của cuộc kháng chiến kiến quốc.

KÝ ỨC NHỮNG CỤ GIÀ TUỔI TÁM MƯỜI

Cụ Ma Kim Ngọc, ở thôn Cây Mơ, xã Hợp Thành năm nay 86 tuổi, nhanh nhẹn như người chưa đến tuổi bảy mươi. Nhớ lại những chuyện xảy ra cách đây 60 năm, cụ kể rành mạch:

Ngày 2-4-1947, anh trai tôi là Ma Văn Hiến, cùng các ông Ma Văn Thư, Chủ tịch xã, Ma Văn Hạ, Phó chủ tịch xã, Lương Văn Cảnh, thủ quỹ của xã được cử đi Đãng Châu đón Bác về Làng Sào. Sau này mới biết là đón Bác, chứ lúc ấy chỉ biết sắp có cán bộ cấp trên về ở và làm việc tại nhà mình. Khoảng 12 giờ đêm, cả đoàn về đến làng, ngồi nghỉ dưới gốc đa. Lúc ấy nhìn vẻ trịnh trọng của đoàn người, nhất là dáng vẻ nhanh nhẹn của Cụ già cao dong dỏng, khăn trùm kín mặt, tay chống gậy, tôi đoán ngay là Bác Hồ. Niềm xúc động khiến tôi không nói nên lời. Ngay hôm sau, Bác chủ trì Hội nghị Trung ương tại nhà bà Đinh Thị Tư (nay đã ngoài 90 tuổi), cách nhà tôi khoảng 50 mét, gần cây đa làng. Hội nghị kéo dài đến chiều 6-4, bàn và quyết định nhiều vấn đề trọng đại của đất nước, trong đó có công tác vận

động đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào có đạo: phát triển và củng cố các đoàn thể, tuyên truyền và động viên toàn dân kháng chiến; nói cho dân hiểu rõ mục đích kháng chiến và bổn phận của mọi người dân trong cuộc kháng chiến, sẵn sàng hy sinh tất cả để cứu nước nhà... Những ngày ở nhà tôi tại Làng Sáo, Bác và mấy cán bộ làm việc ở 2 gian nhà trong, tự nấu nướng hàng ngày. Anh em tôi ở gian ngoài (lúc ấy gia đình đều đi sơ tán cả), chỉ giúp cán bộ những việc nước ngoài. Trước lúc rời nhà tôi đi chỗ khác, Bác gọi tôi đến hỏi:

- Chú có gia đình riêng chưa?

- Thưa Bác, cháu đã có vợ rồi ạ.

Bác dặn:

- Thế là tốt. Các cháu phải cố gắng phấn đấu, công tác cho thật tốt.

Rồi Bác bảo tôi châm 3 nén hương, Bác trình trọng thắp lên bàn thờ của gia đình rồi mới đi.

Đã 60 năm, nhưng tôi và cả gia đình vẫn nhớ định ninh lời Bác dặn. Nhờ thế mà tôi đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của một Cán bộ Huyện uỷ, một Bí thư Đảng uỷ xã từ 1955 đến 1986. Và đến nay tuổi đã cao, nhưng vẫn tham gia sinh hoạt Đảng đều đặn với các đảng viên trong chi bộ thôn.

Năm nay bước sang tuổi tám mươi: cụ bà Vi Thị Hồi, ở Làng Sáo là vợ ông Hoàng Văn Phúc - còn gọi là ông Hồ Trường - một trong 8 vị được Bác Hồ đặt tên (Trường, Kỳ, Kháng, Chiến, Nhất, Định, Thắng, Lợi). Thời gian gần một thế kỷ không xoá được nét đẹp của cụ thời còn trẻ và những kỷ ức từ cách đây sáu mươi năm. Nhớ chi tiết từng ngày sinh tháng đẻ của 5 người con trong gia đình, cụ Hồi kể lại những ngày Bác Hồ và Trung ương Đảng ở Làng Sáo bằng giọng nói còn sang sảng, lưu loát:

Hồi ấy nhà tôi nghèo lắm, cả làng đều nghèo ông Trường ở cùng Bác tại nhà ông Hiến, sau chuyển sang nhà bà Tư. Rồi cả cơ quan vào núi Lim. Thương nhà tôi nghèo, ông Trường xin phép Bác Hồ cho qua lại giúp đỡ. Rồi bố tôi ốm nặng không qua khỏi. Ông Trường mang đèn cò hậu sự, xin chịu tang. Vậy là chúng tôi nên vợ chồng. Các đồng chí trong cơ quan đều có quà mừng chúng tôi ông Trần Đăng Ninh tặng 4 mét vải đen, 4 mét vải trắng. Nhưng quà mừng mà chúng tôi quý nhất là chiếc khăn bà mã (khăn rằn) của Bác tặng. Chúng tôi lấy nhau rồi; ông ấy vẫn làm việc trong núi Lim. Ngày ngày tôi chỉ vào đó chốc lát dọn dẹp giúp chồng rồi về. Rồi kháng chiến thành công cơ quan chuyển về xuôi. Tôi ở lại Làng Sáo, thỉnh thoảng về Hà Nội thăm ông ấy. Sau mỗi lần như thế lại có tin mừng.

Kể đến đây, gương mặt cụ thoáng chút e thẹn như những người vợ còn trẻ. Cụ đưa mắt nhìn lên tấm Huân chương Kháng chiến hạng Ba do Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà Hồ Chí Minh ký tặng ông Trường năm 1961, giọng bùi ngùi:

- Nhớ lắm, chuyện hồi ấy đã lâu, nhưng chúng tôi chẳng quên.

Chẳng những cụ Hồi, cụ Ngọc không quên, mà mỗi người dân Làng Sáo, người dân Sơn Dương hôm nay đều ghi nhớ sự kiện Bác Hồ và Trung ương Đảng lần thứ 2 chọn nơi đây làm căn cứ địa để lãnh đạo thành công cuộc kháng chiến trường kỳ chống Pháp. Những kỷ ức từ sáu mươi năm trước đang là nguồn sức mạnh để Sơn Dương vững bước xây đời mới.

VÀ HIỆN TẠI Ở THỦ ĐÔ KHÁNG CHIẾN

Từ chỗ chỉ có 30 đảng viên ngày đầu kháng Pháp (Tháng 6-1947), nay Sơn Dương đã có 6.600 đảng viên. Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ 18 với tinh thần năng động, sáng tạo, chủ động hội nhập và đột phá để phát triển, đã xác định cơ cấu kinh tế của huyện là công nghiệp - nông; lâm nghiệp - thương mại du lịch (tỷ

trọng các ngành đến 2010 là 20% - 25% - 30% - 45%). Nhiều đề án phát triển đã được xây dựng và bắt đầu thực hiện như đề án phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, đề án phát triển lâm nghiệp, phát triển du lịch... chỉ 3 năm nữa, cả vùng Nam Sơn Dương sẽ là khu công nghiệp với các nhà máy chế biến cao lanh - fenspat, nhà máy chế biến vonfram, nhà máy chế biến và khai thác khoáng sản, nhà máy may, nhà máy sản xuất nhựa, nhà máy sản xuất gạch tuy-nen, nhà máy bê tông đúc sẵn, nhà máy chế biến quặng barit của công ty TNHH 27-7, rồi các lò gạch liên hoàn kiểu đứng... Trong đó, đã có nhà máy chế biến cao lanh-fenspat An Bình đi vào hoạt động, giải quyết việc làm cho hàng trăm lao động là con em các xã trong vùng. Không chỉ Nam Sơn Dương, mà các xã khác trong huyện cũng đều có những dự án phát triển, công nghiệp, tiểu-thủ công nghiệp như nhà máy giấy An Hoà, nhà máy thủy điện Ninh Lai, nhà máy xi măng Sơn Dương. Những dự án này được thực hiện sẽ đưa tỷ trọng ngành công nghiệp, xây dựng trong cơ cấu kinh tế của Sơn Dương trên 40% vào năm 2010, thay vì 26% như hiện nay.

Rừng Sơn Dương xưa đã chở che cho Bác Hồ và Trung ương lãnh đạo cuộc kháng chiến, nay đang được đầu tư hơn 109,7 tỷ đồng từ đề án phát triển nông lâm nghiệp giai đoạn 2006-2010 để trồng rừng sản xuất, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh, bảo vệ rừng. Với đề án này, sẽ có hơn 12 nghìn lao động được tạo việc làm, góp phần nâng cao thu nhập cho nhân dân trong vùng và tạo điều kiện cho các dịch vụ khác phát triển, nâng cao khả năng phòng hộ, bảo vệ môi trường sinh thái, góp phần giữ vững an ninh - quốc phòng...

Trong câu chuyện về những chương trình phát triển kinh tế - xã hội của Sơn Dương, đồng chí Phó Bí thư thường trực, Chủ tịch UBND huyện còn cho biết, Sơn Dương đang tập trung phát triển

du lịch, coi đây là một trong những bước đột phá để đi lên. Vùng chiến khu ATK thâm trầm bấy lâu, với 146 điểm di tích lịch sử đã gắn bó với những sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc sẽ trở nên nhộn nhịp bởi các khu di tích được tôn tạo, các làng văn hoá du lịch được mở ra, thu hút khách du lịch. Các thắng cảnh thiên nhiên kỳ thú và những kho tàng văn hoá dân gian của đồng bào các dân tộc cũng được “khâu” lại thành những tua, tuyến cho khách du lịch muôn phương. Kỷ niệm 60 năm Bác Hồ về Sơn Dương chính là dịp để Sơn Dương thêm quyết tâm phát huy thật tốt truyền thống từ những ngày Bác ở trực tiếp lãnh đạo cách mạng, xứng đáng với tên gọi “Thủ đô Cách mạng, Thủ đô Kháng chiến”.

Quyết tâm của Sơn Dương cũng là quyết tâm chung của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Tuyên Quang hôm nay, lấy truyền thống lịch sử văn hoá làm động lực lớn để phát triển.

NOI ẤY NGÀY ĐẦU TIÊN BÁC HỒ TRỞ LẠI TÂN TRÀO

Triệu Đăng Khoa

Những ngày này của 60 năm về trước, sau lời hiệu triệu đánh Pháp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cả dân tộc ta lại cảm hứng, cảm gương cùng với cuộc thuồng, gây gộc bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ, Chính phủ non trẻ của cách mạng Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo một lần nữa phải đương đầu với thù trong, giặc ngoài và trở về Việt Bắc căn cứ cách mạng xưa để lãnh đạo nhân dân kháng chiến trường kỳ, giữ gìn nền độc lập vừa giành được từ tay đế quốc.

Sau cái Tết nguyên đán Đinh Hợi sơ tán về Hà Tây tháng 4/1947, Bác Hồ cùng Trung ương Đảng và Chính phủ trở về Việt Bắc. Vinh dự cho nhân dân các dân tộc huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang một lần nữa được Đảng, Bác tin tưởng chọn làm Thủ đô kháng chiến. Ngày 2-4-1947, lần thứ hai trở lại Việt Bắc, Bác Hồ đã chọn thôn Làng Sào, xã Hợp Thành của huyện Sơn Dương làm nơi ở và làm việc đầu tiên, 60 năm đã trôi qua và hôm nay, giữa những ngày tháng Tư lịch sử này, Đảng bộ nhân dân các dân tộc huyện Sơn Dương đã làm sống lại sự kiện lịch sử ấy trong cuộc mít tinh lớn mang tên Mít tinh Kỷ niệm 60 năm ngày Bác Hồ trở lại Tuyên Quang.

Chung với ngày hội lớn của nhân dân các dân tộc, huyện Sơn Dương có các vị khách quý của Ban Tư tưởng văn hoá Trung ương, Bộ Công an, Quân khu II, các tỉnh bạn: Bắc Kạn, Thái

Nguyễn, Phú Thọ. Đặc biệt có 3 nhân chứng lịch sử được biết sự kiện này đã có mặt, đó là ông Tạ Quang Chiến, ông Ma Kim Ngọc, bà Vi Thị Hồi. Sự có mặt của 3 nhân chứng lịch sử và nghe các ông, bà kể lại những sự kiện diễn ra thời kỳ đó đã làm xúc động những người đến dự mít tinh. Như lời ông Tạ Quang Chiến, nguyên là một trong 8 người (Trường, Kỳ, Kháng, Chiến, Nhật, Định, Thắng, Lợi) bảo vệ và giúp việc Người lúc đó, đã nói: "Lễ kỷ niệm đầu tiên này sẽ làm hồi sinh lịch sử, giúp chúng ta nhìn nhận chính xác hơn những mốc quan trọng của chặng đường kháng chiến vĩ đại của dân tộc do Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp là Tổng Tư lệnh tối cao"... Ông Ma Kim Ngọc lúc ấy 26 tuổi, là Ủy viên Ủy ban xã, cũng là gia đình mà Hồ Chủ tịch đã ở ngay từ ngày đầu tiên Người trở lại chiến khu Việt Bắc lãnh đạo kháng chiến. Ông Ngọc bồi hồi nhớ lại: "Khoảng nửa đêm Bác Hồ về đến Làng Sào và tới ở gia đình tôi. Người giản dị trong bộ quần áo chàm của đồng bào miền núi, tay chống gậy... Những ngày ở gia đình tôi, Bác thường dậy rất sớm tập thể dục. Sau bữa ăn sáng Bác lại vào gian buồng làm việc..." Thời kỳ ấy nhân dân thôn Làng Sào đã đồng sức, đồng lòng tuyệt đối giữ bí mật và từ năm rau, thùng gạo, củ khoai họ cùng chia sẻ với đoàn cán bộ của Chính phủ Cụ Hồ.

Sau cuộc mít tinh kỷ niệm, chúng tôi tìm vào Làng Sào. Con đường đất đỏ rộng rãi đưa chúng tôi về với mảnh đất lịch sử xưa. Làng Sào bây giờ không còn những rừng nửa bạt ngàn như ông Tạ Quang Chiến kể. Làng trù phú với những căn nhà mái bằng, nhà hai tầng và cả những ngôi nhà trông như biệt thự. Anh Nguyễn Duy Biền, Bí thư chi bộ, Trưởng thôn Làng Sào dẫn chúng tôi đi thăm các gia đình, nhà trẻ, nhà văn hoá như muốn để nói lên rằng dân Làng Sào ngày xưa theo Đảng, Bác Hồ kháng

chiến, nay trong công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông thôn nông nghiệp cũng đang là địa phương năng động trong phát triển đời sống, kinh tế. Anh cho biết cả thôn Làng Sào có 84 hộ thì có gần 20 hộ giàu. Nhà nào cũng có ti vi, xe máy; có đến hơn 80% số gia đình có nhà xây kiên cố. Anh dẫn chúng tôi đến thăm nhà trẻ và nhà văn hoá thôn. Hai ngôi nhà do nhân dân đóng góp và Nhà nước hỗ trợ tám lợp làm nên rộng rãi, khang trang với trang bị bàn ghế khá hoàn hảo. Nơi đây các cháu mẫu giáo và nhà trẻ được học hành và chăm sóc theo mô hình “*Gánh cơm nuôi trẻ*”. Nơi đây cũng là điểm hội họp của thôn để bàn bạc các công việc của thôn xóm. Nhiều năm nay Làng Sào được công nhận là thôn bán văn hoá.

Theo chân anh Biền chúng tôi đến thăm bà Vi Thị Hồi, một trong ba nhân chứng của lịch sử năm ấy. Bà Hồi năm nay 79 tuổi, tóc bà đã bạc nhưng nhìn gương mặt của bà vẫn thấy một nét đẹp của người phụ nữ Tây nam xưa. Bà chính là người bạn đời sau cùng của ông Nhất (1 trong 8 anh em bảo vệ Bác lúc ấy). Bà kể lại rằng lúc đó nhà của bà ở chếch bên trên nhà ông Ngọc không xa. Một hôm thấy có đoàn cán bộ về ở trong nhà ông Ngọc trong đó có một ông cụ già suốt ngày thấy cụ ngồi làm việc, trông dáng vẻ hiền hoà và nhân hậu. Mãi sau này khi bà trở thành vợ của ông Nhất và chuyển lên Tân Trào theo đoàn mới biết ông cụ đó là Bác Hồ. Tôi gợi ý bà Vi Thị Hồi: “Bà hãy kể lại một kỷ niệm nào đó về Bác Hồ mà bà biết”. Bà thực thà kể: “Lúc đó tôi 19 tuổi tôi ít được tiếp xúc với Bác Hồ lắm. Chỉ khi đi làm ruộng, làm nương qua nhà ông Hiến, ông Ngọc lúc ấy, nhìn vào thấy cụ cầm cúi làm việc. Nhưng có một lần tôi được đến gần Bác nhất. Một hôm tôi đi làm qua nhà ông Ngọc, trên đầu đội cái nón thổ của đồng bào Tây tự tôi làm lấy. Thấy nón đẹp một anh cán bộ bảo vệ Bác

đòi mượn và đem vào trong nhà treo ngay gần chỗ Bác làm việc. Hôm sau đi làm không có nón, tôi đứng tần ngần ở ngoài cổng mà không dám vào. Ở trong nhà nhìn thấy tôi, Bác hỏi: “*Cháu cần gì?*” Tôi kính cẩn thưa: “*Thưa Bác hôm qua có anh cán bộ cầm cái nón của cháu vào đây, cháu muốn xin để đi làm ạ*”. Bác ôn tồn bảo: “*Ừ nón của cháu thì vào mà lấy*”. Thái độ ân cần của Bác và giọng nói ấm áp của Bác tôi vẫn nhớ tận bây giờ và đó là lần duy nhất tôi được đến gần Bác và nhìn thấy Bác.

Làng Sào đã lưu chân Bác Hồ 1 tháng 18 ngày sống và làm việc trong sự chở che của đồng bào, của rừng núi mênh mông. Ngày 20-5-1947 Người chuyển sang Thái Nguyên tiếp tục hành trình muôn dặm của cuộc kháng chiến trường kỳ. Khoảng thời gian ấy đủ để Làng Sào ghi danh vào lịch sử để mãi mãi sau này người Làng Sào tự hào về một thời khắc lịch sử mà lãnh tụ Hồ Chí Minh chọn làm điểm dừng chân đầu tiên. Người dân Làng Sào theo Đảng theo Bác giờ đang phấn đấu hết mình, xây dựng đời sống ấm no, xứng đáng với mảnh đất lịch sử.

SƠN DƯƠNG MỘT VÙNG QUÊ CÁCH MẠNG

Phạm Thuyết

Trong lịch sử hàng ngàn năm chống ngoại xâm bảo vệ và xây dựng đất nước của dân tộc ta. Trên mảnh đất Sơn Dương đã diễn ra nhiều sự kiện quan trọng, đặc biệt là thời kỳ tiền khởi nghĩa. Sơn Dương thuộc tỉnh Tuyên Quang là trung tâm khu căn cứ địa cách mạng, có Tân Trào được chọn làm Thủ đô khu giải phóng, Thủ đô kháng chiến.

Trong cuộc trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Sơn Dương tỉnh Tuyên Quang là an toàn khu của Trung ương Đảng chính phủ, các Ban ngành, Quân đội, xưởng sản xuất vũ khí, Kho bạc, kho lương thực, thực phẩm của nhà nước đóng trên khắp huyện Sơn Dương, huyện Sơn Dương cũng là mảnh đất lập nên những chiến công Bình Ca, Đèo Chấn, Đèo Khế, Đốc Đò, trận địa phòng không săn lùng máy bay Mỹ.

Lần theo dòng lịch sử qua các địa điểm trong huyện từ tiền khởi nghĩa trong kháng chiến chống thực dân Pháp, chống Mỹ, được các anh các chị Bảo tàng Tân Trào hướng dẫn các điểm di tích lịch sử vô giá của cách mạng năm xưa.

NGỌN LỬA SÁNG CHÓI ĐÌNH THANH LA NƠI KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN SỚM NHẤT TOÀN QUỐC

Đình Thanh La thuộc xóm Dồn xã Minh Thanh, xã Minh Thanh gồm 2 xã Minh Khai và Thanh La nhập lại. Đình nằm bên bờ Tả suối Lê, dòng suối Lê bắt nguồn từ xã Đạo Viện chảy qua

Công Đa, Minh Thanh đổ vào sông Phó Đáy ở xóm Lê. Đình Thanh La cột xà đều bằng gỗ, mái lợp lá cọ, cả mấy thôn xóm Dồn, Lê, Lũng Cò, Toa, thờ chung ngôi Đình này. Đình có từ thế kỷ XX.

Phong trào cách mạng vùng thượng nguồn sông Phó Đáy phát triển sớm, năm 1941 một tổ Cứu quốc quân đến vùng này hoạt động, cuối năm 1943 lãnh đạo Cứu quốc quân quyết định lấy Núi Hồng làm căn cứ phát triển phong trào Việt Minh.

Tháng 2 năm 1944 phân khu Nguyễn Huệ được thành lập, cơ quan lãnh đạo của phân khu đóng ở Ao Búc, ngày 25-2-1944 tại Khuổi Kịch (*Tân Trào*) Trung đội cứu quốc quân III được thành lập, trung đội đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ban lãnh đạo phân khu. Do yêu cầu về cán bộ thực hiện chỉ thị của Xứ uỷ Bắc Kỳ, Chi bộ nhà tù Chợ Chu (*Thái Nguyên*) đã tổ chức cho một đồng chí vượt ngục vào ngày 2-10-1944. Cuộc vượt ngục thắng lợi, các đồng chí Song Hào, Lê Hiếu Mai, Tạ Xuân Thu, Nhị Quý, Vũ Phong, Chu Nhữ, Hoàng Bá Sơn Trung Đình, Trần Tùng, Trần Thế Môn, được phân công về phân khu Nguyễn Huệ hoạt động cùng với lực lượng Cứu quốc quân III. Đồng chí Song Hào được cử làm Bí thư Khu uỷ. Khu uỷ ra báo "Kháng Nhật" để tuyên truyền giác ngộ quần chúng, lập xưởng sửa chữa vũ khí chuẩn bị cho khởi nghĩa vũ trang. Đến đầu năm 1945 chiến khu Nguyễn Huệ đã gồm một vùng rộng lớn Sơn Dương, Yên Sơn, Chiêm Hoá, Na Hang (*Tuyên Quang*); Đại Từ, Định Hoá (*Thái Nguyên*); Lập Thạch (*Vĩnh Phúc*); Đoan Hùng, Phù Ninh (*Phú Thọ*).

Ngày 9-3-1945 Nhật đảo chính Pháp, Trung ương Đảng ra chỉ thị "Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta". Nêu rõ: Đảo chính là biểu hiện của khủng hoảng chính trị sâu sắc, sau cuộc đảo chính này phát xít Nhật là kẻ thù chính, kẻ thù cụ thể

trước mắt duy nhất của nhân dân Đông Dương, phát động một cao trào Kháng Nhật gồm nhiều hình thức và sẵn sàng chuyển qua hình thức Tổng khởi nghĩa khi đã đủ điều kiện.

Tuy chưa nhận được chỉ thị trực tiếp, các đồng chí phụ trách phân khu ủy Nguyễn Huệ nhận định đây là thời cơ cách mạng thuận lợi, cần nhanh chóng hành động, tổ chức quần chúng đấu tranh giành chính quyền.

Thanh La được chọn làm điểm chỉ đạo. Nhân dân đã thấy rõ tội ác của Nhật. Phong trào cách mạng đã hoạt động công khai, có lực lượng vũ trang nòng cốt là đội cứu quốc quân III.

Cuộc thử sức bắt đầu bằng việc tước vũ khí của lính đông ở một xóm, bọn chúng gần như không có phản kháng. Tình hình chúng tổ kẻ địch đã hoang mang. Thời cơ giành chính quyền bộ phận đã tới, ngày 11-3-1945, cuộc mít tinh quần chúng do cứu quốc quân làm nòng cốt được tổ chức tại đình Thanh La. Cuộc mít tinh nhanh chóng chuyển thành tuần hành vũ trang với gậy gộc giáo mác và súng kíp đi đầu đoàn tuần hành là lá cờ đỏ sao vàng năm cánh phấp phới tung bay. Đoàn quân cách mạng đi đến đầu bọn hương đồng, tổng lý, kỳ hào ở đó tự động ra nộp súng ống, triện đồng, bằng sắc Quân cách mạng tịch thu bằng sắc ấy tuyên bố thành lập Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời các xã. Dọc đường tiến, quân ta đã thu vũ khí của một lực lượng địch ở Lũng Cò. Chiến đấu và diệt gọn bọn lính Pháp ở Phương Liên.

Sau những thắng lợi trên, khu ủy đã triệu tập hội nghị cán bộ ở Trúc Khê Hợp Thành. Hội nghị nhất trí nhận định đang trên đà thắng lợi, địch đang hoang mang, tan rã, lung lay tư tưởng... cần thừa thắng tiến quân giành chính quyền ở châu lỵ giải phóng toàn châu Sơn Dương. Thành lập Ủy ban lâm thời châu Tự Do.

Cuộc khởi nghĩa Thanh La, ngày 10-3-1945 nổ ra sớm nhất trong cả nước.

ĐỒN ĐĂNG CHÂU **NƠI THÀNH LẬP UBND CẤP HUYỆN ĐẦU TIÊN** **TRONG CẢ NƯỚC SAU GIẢI PHÓNG**

Huyện lỵ Sơn Dương nằm trên trục đường 13A nối Thái Nguyên - Tuyên Quang - Yên Bái. Đường 13A thông với Quốc lộ 2 đi qua Hà Giang, Việt Trì, Hà Nội lên ngược về xuôi thuận lợi, từ đây có đường xuôi Thiện Kế, Vĩnh Yên, đường mòn đi Lương Thiện, Tân Trào.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị, nhằm tăng cường hệ thống kìm kẹp chúng đã đặt châu lỵ ở đây và lập một đồn binh kiên cố. Đồn này gọi là đồn Đăng Châu nằm cách huyện lỵ chừng 100m về phía đông bắc. Đồn Đăng Châu ở trên một quả đồi, có tường xây bao quanh, bên trong là một lô cốt kiên cố của trại lính, kho lương thực, đạn dược. Đường 13A chạy qua trước mặt. Phía sau đồn Đăng Châu là cánh đồng trồng lúa nước.

Khi cơ sở cách mạng đã lan rộng khắp vùng Tuyên Quang, đồn Đăng Châu là một mục tiêu cần được giải phóng trước hết để thông đường dây liên lạc đi các ngã.

Diễn biến của cuộc chiến đấu giải phóng đồn Đăng Châu.

Phát huy thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Thanh La ngày 10 tháng 3 năm 1945. Các đồng chí phụ trách Phân khu ủy nhận định: Tình thế cách mạng, điều kiện cho phép, có thể tiến lên giành chính quyền ở châu lỵ.

Đêm ngày 12 tháng 3 năm 1945 các đơn vị vũ trang cùng quần chúng cách mạng bao vây đồn Đăng Châu. Sáng sớm quân ta nổ súng vừa tiến công vừa kêu gọi quân địch đầu hàng. Trước sức ép của lực lượng vũ trang và áp đảo của quần chúng cách mạng, sức chống đỡ của quân địch yếu dần. Cuối cùng chúng

phải kéo cờ trắng đầu hàng. Quân ta thu nốt 100 khẩu súng và nhiều lựu đạn: Riêng tên tri châu đã bỏ chạy từ trước. Súng ống, đạn được thu được liền trang bị cho các đơn vị. Các kho thóc trong đồn được mở chia cho đồng bào địa phương để kịp thời cứu đói.

Sau khi chiếm được đồn, Phân khu ủy Nguyễn Huệ họp nhận định Đãng Châu là một vị trí xung yếu, địch có thể sẽ chiếm lại. Tình hình diễn ra đúng với nhận định của phân khu ủy. Mấy ngày sau tri châu Hoàng Thế Tâm, tri phủ Yên Sơn Đèo Văn Phú và tên Nguyễn Văn Chung tay sai cho Nhật đem hơn 100 lính đồng và một số lính bảo an trở lại đánh chiếm Đãng Châu.

Ta chủ trương đánh chiếm Đãng Châu lần thứ hai. Sáng sớm ngày 15-3-1945 trận chiến đấu bắt đầu. Bị bọn chỉ huy thúc ép ban đầu địch bắn ra dữ dội. Các chiến sĩ quân giải phóng không sợ nguy hiểm dũng cảm xông lên. Trước khí thế của lực lượng vũ trang và quần chúng cách mạng, bọn cầm đầu địch phải xin điều đình. Ta đồng ý với điều kiện chúng phải ra khỏi vị trí cố thủ. Địch đã sẵn dao động lại bị uy hiếp sau đợt tấn công của quân ta nên tinh thần hoang mang. Các đồng chí chỉ huy và một trung đội của ta vào đồn. Trong khi điều đình, hai tên Phú và Chung thuyết phục quân cách mạng rút lui không kết quả, chúng trở mặt định sát hại hai đồng chí chỉ huy của ta. Lập tức chúng bị trừng trị. Tên tri phủ Yên Sơn Đèo Văn Phú và tên quan hai tay sai Nguyễn Văn Chung bị quân giải phóng bắn chết. Bất sống tên tri châu Sơn Dương Hoàng Thế Tâm.

Quân ta thừa thắng kêu gọi quân lính địch đầu hàng. Trận chiến đấu giải phóng đồn Đãng Châu lần thứ hai kết thúc thắng lợi.

Sự kiện giải phóng Đãng Châu là trận thử sức quan trọng của quần chúng cách mạng, biểu hiện rõ nét tình thế Cách mạng Tháng Tám. Từ khởi nghĩa từng phần tiến tới tổng khởi nghĩa.

Cho thấy sự lãnh đạo nhạy bén kịp thời nắm được thời cơ của Đảng ta. Giải phóng Đảng Châu dẫn đến thành lập Ủy ban nhân dân Châu Tự Do. Đó là Ủy ban nhân dân cấp huyện được thành lập đầu tiên trong cả nước.

Việc giải phóng đồn Đảng Châu thể hiện sự chỉ đạo rất đúng đắn kịp thời, sáng tạo của Đảng ta mà trực tiếp là ban lãnh đạo phân khu ủy Nguyễn Huệ.

TÂN TRÀO

THỦ ĐÔ KHU GIẢI PHÓNG, THỦ ĐÔ KHÁNG CHIẾN

Tân Trào là xã thuộc phía đông bắc huyện Sơn Dương cách huyện lỵ 12 km. Tân Trào giáp với xã Phú Đình, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên về phía đông, giáp Bình Yên về phía nam, giáp với Minh Thanh về phía bắc và phía tây. Xã Tân Trào có diện tích 56 km², 90% là rừng núi.

Xã có 8 thôn: Bồng, Tiên Phong, Cả (*còn gọi là Hồng Thái*), Thia, Tân Lập, Lũng Búng, Mỏ Ché, Vĩnh Tân và các xóm nhỏ Ngòi Nho, Lũng Tấu, Khuổi Kịch.

Dãy núi Bồng như bức tường thành ở phía tây, phía đông núi Hồng sừng sững làm thành ranh giới giữa Thái Nguyên và Tuyên Quang. Núi Thia thấp hơn liền dải với núi Hồng. Còn các núi nhỏ: Phú Màng án ngữ phía nam, Nản Đeng một dải núi đá hiểm trở.

Dòng sông Phó Đáy cắt ngang địa hình của xã, các dòng suối Khuổi Kịch, Khuổi Quý, Khuổi Pén, Khe Cả, Khe Bồng, Ngòi Thia đều chảy ra sông Phó Đáy.

Làng Tân Lập có tên là Kim Long. Kim Long, Thôn Cả, Thôn Bồng thuộc xã Kim Trạn. Thời kỳ Cách mạng Tháng Tám, Kim Long đổi thành xã Tân Trào, xã Kim Trạn đổi thành xã

Hồng Thái. Sau cách mạng xã Tân Trào đổi thành xã Tân Lập. Năm 1948 xã Tân Lập và xã Hồng Thái hợp nhất thành xã Tân Trào, làng Kim Long lấy tên là làng Tân Lập. Cư dân ở Tân Trào có 7 dân tộc Tày, Kinh, Nùng, Cao Lan, Dao, Hoa, Sán Dìu. Đồng bào ở đây chủ yếu làm nghề nông.

Nhân dân các dân tộc Tân Trào sớm có truyền thống đấu tranh chống áp bức. Năm 1941 đồng chí Nguyễn Cao Đàm một cán bộ cách mạng đến núi Hồng tuyên truyền. Từ đó cơ sở dần dần phát triển sang các xóm Khuổi Kịch, Khởi Phát, Ngòi Nho, Lũng Tấu. Tháng 3 năm 1945 Việt Minh xã Tân Trào được thành lập.

Theo Chỉ thị của Bác Hồ trước tình hình phong trào của cách mạng lớn mạnh. Thời cơ diễn biến ngày càng thuận lợi, cần chọn ngay một cơ sở cách mạng tốt, địa hình thuận tiện làm nơi liên lạc với miền xuôi, miền ngược và nước ngoài. Xem xét một vùng Tuyên Quang, Thái Nguyên. Cuối cùng Tân Trào đã được chọn làm vùng trung tâm.

Tháng 5 năm 1945 Bác Hồ từ Pác Bó chuyển đến Tân Trào. Tại Tân Trào Bác Hồ chỉ đạo thành lập khu giải phóng. Tân Trào trở thành Thủ đô giải phóng.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Bác Hồ, Trung ương Đảng, Chính phủ trở lại Tân Trào. Một lần nữa Tân Trào giữ vị trí trung tâm căn cứ địa. Ở đó có những di tích lịch sử quan trọng.

ĐÌNH HỒNG THÁI **NƠI ĐÓN TIẾP ĐẠI BIỂU VỀ DỰ QUỐC DÂN** **ĐẠI HỘI ĐẦU TIÊN**

Đây là một ngôi đình làng Cả, xã Tân Trào được mang tên liệt sĩ Phạm Hồng Thái từ ngày cách mạng giành chính quyền. Đình Hồng Thái nằm ở hữu ngạn sông Phó Đáy hướng đông nam

lấy núi Thia làm áng. Đình được cất dựng năm 1918, làng ở phía sau, đình làng có giếng Ngọc, nước trong suốt không bao giờ cạn. Trước mặt đình là cánh đồng rộng chạy dài đến chân núi Bồng. Con đường từ Tân Trào ngược thượng nguồn sông Phó Đáy vượt qua đèo Chấn chạy qua một phía đầu đình.

Về chất liệu xây dựng toàn bộ cột, kèo đều bằng gỗ. Đình có 3 gian 2 chái lợp lá gồi - kiến trúc đình có dáng dấp kiểu nhà sàn đơn giản ít chạm trổ.

Trong ngôi đình có câu đối nói về địa thế nơi đây:

Để giang tả bả Rình nguyên hội

Ngọc Tỉnh hữu triều Thụy Khí chung.

(Sông Đáy vòng bên trái nguồn linh thiêng tụ lại

Giếng Ngọc châu bên phải khí đẹp chung đúc về).

Ngôi đình này là nơi Bác Hồ dừng chân đầu tiên khi Người đến Tân trào - Đồng chí Võ Nguyên Giáp đi đón từ trước lúc này về cùng với Bác, các đồng chí phụ trách phân khu Nguyễn Huệ: Song Hào, Tạ Xuân Thu, Lê Trung Đình đón Bác ở đây “Đi đầu đoàn người là một đồng chí đã có tuổi mặc áo chàm, dáng người mảnh dẻ, khuôn mặt xương xương, nước da rám nắng, chòm râu đen nhánh, lưa thưa. Đồng chí bước thoăn thoắt, chiếc mũ dạ đen đội đầu, mảnh khăn mặt trắng vắt vai tay cầm một chiếc gậy nhỏ. Mới thoát nom chúng tôi có thể biết ngay đó là Người mà chúng tôi đã từ lâu mong đợi.

Bác bước vào đình Hồng Thái nhìn bao quanh khung cảnh và các đồng chí xung quanh vẻ rất hài lòng. Tất cả chúng tôi đều xúm xít lại. Bác bắt đầu câu chuyện bằng những lời thăm hỏi ân cần về sức khỏe chung của chúng tôi và hỏi Ủy ban Châu về tình hình phong trào của địa phương.

Đình Hồng Thái cũng là nơi đón tiếp các đại biểu dự Quốc dân Đại hội.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp đình trụ sở Ban bảo vệ ATK (*An toàn khu*). Mọi người muốn vào các cơ quan Trung ương công tác phải qua đình Hồng Thái xuất trình giấy tờ có chữ ký của đồng chí phụ trách mới được vào.

(Song Hào dưới lá cờ vẻ vang của Đảng)

LÁN NÀ LỪA

NƠI Ở VÀ LÀM VIỆC CỦA BÁC HỒ TIỀN KHỞI NGHĨA

Lán Nà Lừa ở lưng chừng khu rừng Nà Lừa (*tiếng Tày gọi là Ruộng Trên*), thuộc xã Tân Trào, huyện Sơn Dương. Rừng Nà Lừa cách làng Tân Lập hơn một cây số về phía đông dưới chân núi Hồng dòng suối Khuôn Pén. Từ núi Khau Nhì chảy qua một mé rừng. Từ núi Khái Nhì chảy qua một mé rừng. Từ đây có đường mòn qua đèo De đi chợ Chu (*Thái Nguyên*).

Về Tân Trào. Bác Hồ ở trong làng với gia đình ông Nguyễn Tiến Sự chừng hơn một tuần. Sau đó Bác chuyển lên ở lán để giữ bí mật và tiện làm việc. Đây là căn lán nhỏ, đơn sơ, cột làm bằng cây gỗ, chôn xuống đất, dui mè bằng tre nửa, mái lợp lá gồi. Lán được ngăn thành 2 nửa. Một bên là chỗ Bác Hồ làm việc có đặt chiếc máy chữ lúc nào Bác cũng mang theo một số sách báo và một số vật dụng đơn sơ khác. Một bên là chỗ Bác nghỉ, xung quanh lán có lán cảnh vệ, lán đặt điện đài.

Những văn kiện, chỉ thị, các chủ trương kế hoạch được Bác Hồ khởi thảo từ căn lán này. Đó thực sự là đại bản doanh của vị Tổng Tư Lệnh chỉ huy cuộc tổng khởi nghĩa. Tại đây, Bác Hồ đã triệu tập hội nghị cán bộ ngày 4-6-1945 quyết định thống nhất

chiến khu thành khu giải phóng, với Tân Trào là Thủ đô Thống nhất các lực lượng vũ trang thành Quân giải phóng. Người từ lán đi bộ chừng 10 km đường rừng sang xã Minh Thanh chỉ đạo việc làm sân bay tiếp nhận viện trợ của đồng minh. Trong thời gian này, giữa lúc công việc khẩn cấp, Bác Hồ bị bệnh nặng, các đồng chí phục vụ, bà con địa phương lo lắng thuốc men, chăm sóc Bác. Có lúc Bác yếu mệt quá Bác dặn lại đồng chí Võ Nguyên Giáp: "Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới dù hy sinh tới đâu dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập".

Bác viết thư kinh báo đồng bào toàn quốc cũng ở căn lán này. Từ đây Bác triệu tập và chủ trì Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng chỉ đạo Quốc dân đại hội.

Tân Trào là thủ đô xanh của cách mạng, lán Nà Lừa là "Thủ Phủ bằng tre, nửa lá" được tôn tạo và gìn giữ. Khách trong nước và ngoài nước hàng năm đến thăm nơi ở của Bác Hồ năm xưa.

ĐÌNH TÂN TRÀO

NƠI QUỐC DÂN ĐẠI HỘI ĐẦU TIÊN BẦU RA ỦY BAN DÂN TỘC GIẢI PHÓNG

Đây là ngôi đình làng Kim Long, tức làng Tân Lập ngày nay. Đình ở mé ngoài làng về hướng tây, cách làng khoảng 400m. Khu đất nền đình nổi lên giữa cánh đồng. Trước mặt hướng Nam là ngọn núi Aurum dưới khe núi dòng Khuôn Pén chảy qua trước đình. Sau đình là núi Khau Tân um tùm với dòng suối Khuôn Kịch trong mát ôm lấy đình và thôn Kim Long. Hai phía Đông Tây đôi núi giống như long phượng đứng chầu:

Trong đình có câu đối:

*Phượng xuất tây thiên triều quý địa
Long quy động hải lập đình trung
(Đằng tây xuất hiện ngọn núi giống như hình con phượng
đình châu. Đằng đông con rồng uốn khúc quay về đình).*

Cảnh trí đẹp đẽ, thế đất lợi về quân sự:

*Kim Long đất hiểm tứ bề
Kẻ địch muốn chết thì về Kim Long.*

Đình Tân Trào được dựng năm Quý Hợi (1923), kiến trúc thuần gỗ, ba gian, hai gian cạnh và nửa sau gian giữa có sân ván cao 0,8m. Sau cúng tế đặt trên cao chia làm hai phần thượng cung và vọng cung. Nghệ thuật chạm trổ chỉ tập trung ở hương án đặt trước vọng cung.

Hội làng ở đình vào ngày 4 tháng 1 âm lịch. Hội có trò chơi: Tung còn, hát then, dạy học, bán thuốc v.v...

Trước tình hình thế giới và trong nước ngày càng thuận lợi khởi nghĩa vũ trang đang tiến lên cao trào. Bác Hồ và Trung ương Đảng đã quyết định tích cực chuẩn bị cho Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng và Quốc dân đại hội đại biểu. Bác giục phải chuẩn bị cho kịp đại hội quan trọng này vào tháng 7.

Bác nói: “*Có thể còn thiếu một số đại biểu nào đó chưa về kịp cũng hợp nếu không thì không kịp với tình hình chung*”.

Ngày 16 tháng 8 năm 1945, trong không khí hết sức khẩn trương. Quốc dân đại hội đã khai mạc tại Tân Trào. Đại hội có hơn 60 đại biểu. Có đủ đại biểu khắp Bắc, Trung, Nam. Đại biểu Việt Kiều ở Thái Lan, Lào, đại biểu tầng lớp nhân dân, các đảng phái chính trị. Các đại biểu đã phải vượt qua bao chặng đường vất vả và gian nguy để đến được Tân Trào.

Trong những ngày này đình Tân Trào được trang hoàng đẹp hơn. Cờ đỏ treo ở chính giữa. Đại hội họp ở gian bên trái (*Từ đình nhìn ra*). Gian giữa triển lãm sách báo cách mạng và các thứ vũ khí thu được của địch. Gian bên phải làm nơi ăn, uống. Dù khó khăn và gấp rút đại hội vẫn có sự chuẩn bị chu đáo, phía trong kê một chiếc bàn dài dùng làm bàn chủ tịch đoàn. Ghế đại biểu làm bằng mai ghép lại.

Chủ tịch đoàn gồm Bác Hồ, đồng chí Trường Chinh, đồng chí Nguyễn Lương Bằng, đồng chí Phạm Văn Đồng. Đại hội thảo luận hai vấn đề là Tổng khởi nghĩa và bầu Ủy ban Dân tộc giải phóng. Còn có báo cáo của các đồng chí Hoàng Quốc Việt, Hoàng Đức Thỉnh, Nguyễn Đình Thi. Đại hội thông qua 10 chính sách lớn của Mặt trận Việt Minh. Đó là chính sách của nước Việt Nam mới. Đại hội quyết định toàn dân đứng lên vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền. Lệnh tổng khởi nghĩa thông qua. Ủy ban Dân tộc giải phóng được bầu ra bằng phiếu kín gồm 10 vị. Bác Hồ được bầu làm Chủ tịch Ủy ban. Khi cần thì Ủy ban sẽ chuyển thành chính phủ lâm thời.

Đoàn đại biểu nhân dân xã Tân Trào đến chào mừng đại hội có cả các em nhỏ đi theo đoàn. Nhìn các em nhỏ thân hình gầy guộc, Bác Hồ nói với đại hội đại ý là: Các em nhỏ đáng lẽ được vui chơi được ăn no mặc lành, ở đây các em mới chỉ mười tuổi hằng ngày đã phải đi chăn trâu, lấy củi công nước. Nhiệm vụ của Ủy ban Dân tộc giải phóng là làm sao giành được độc lập, tự do cho cả nước làm cho các em của chúng ta được ăn no, mặc lành và được đi học.

Câu nói của Bác đã gây xúc động sâu sắc trong lòng các đại biểu. Sáng ngày 17 tháng 8, Ủy ban Dân tộc giải phóng đã ra mắt quốc dân và làm lễ tuyên thệ "*Trước lá cờ thiêng liêng của Tổ quốc*

chúng tôi nguyện kiên quyết lãnh đạo nhân dân tiến lên ra sức chiến đấu chống quân thù giành lại độc lập cho Tổ quốc. Dù phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng quyết không lùi bước. Xin thế”.

Từ những sự kiện quan trọng ấy, đình Tân Trào được xếp trong những di tích quốc gia đặc biệt quan trọng.

KHUỔI KỊCH

NƠI THÀNH LẬP TRUNG ĐỘI CỨU QUỐC III

Xóm nhỏ Khuổi Kịch ở về phía đông bắc xã Tân Trào. Dân cư thưa thớt đây là xóm của đồng bào Dao, sinh sống phần lớn dựa vào nương rẫy. Tháng 2 năm 1944 cuộc họp cán bộ ở Khuổi Kịch phổ biến nghị quyết của Thường vụ Trung ương nhấn mạnh công tác xây dựng căn cứ địa và phát triển lực lượng vũ trang. Cuộc họp đi đến kết luận thành lập trung đội Cứu quốc quân III. Ngày 25 tháng 2 năm 1944 lễ thành lập trung đội Cứu quốc quân III được tổ chức tại rừng Khuổi Kịch. Trung đội có 24 đội viên do đồng chí Khánh Phương chỉ huy. Thay mặt Trung ương Đảng đồng chí Hoàng Quốc Việt giao nhiệm vụ và trao cho trung đội lá cờ đỏ sao vàng.

Từ trung đội này phát triển lên trở thành lực lượng quan trọng của quân giải phóng. Quân giải phóng là nòng cốt đánh tan các cuộc vây quét của Nhật và thổ phỉ đồng thời cũng là nòng cốt trong các cuộc khởi nghĩa ở địa phương.

Để kịp với thời cơ khởi nghĩa, theo chỉ thị của Bác Hồ phải khẩn trương mở trường đào tạo cán bộ. Thực hiện chỉ thị đó Trường Quân chính Kháng Nhật được thành lập Khuổi Kịch. Đồng chí Hoàng Văn Thái vừa làm Hiệu trưởng kiêm chính trị viên. Chương trình huấn luyện khóa 1 có 2 môn chính trị và quân sự. Về chính trị gồm có chương trình Việt Minh, công tác chính

trị trong quân đội cách mạng, kinh nghiệm công tác vận động quần chúng, điều lệ các đoàn thể cứu quốc, xây dựng Ủy ban nhân dân các cấp, công tác bí mật, về *quân sự*. Học tập điều lệnh đội ngũ chiến thuật du kích đánh mai phục, đánh úp...

Thời gian khóa học tuy ngắn nhưng nhà trường đã đào tạo được lớp cán bộ kịp thời tòng về các địa phương chỉ huy các đơn vị vũ trang làm nòng cốt khởi nghĩa giành chính quyền. Trường Quân chính Kháng Nhật là nơi đào tạo cán bộ đầu tiên của quân đội ta. Nhiều học viên của trường về sau trưởng thành là những cán bộ cao cấp trong quân đội nhân dân Việt Nam.

ĐỒNG KHUÔN - XÃ PHÚ LƯƠNG NƠI THÀNH LẬP ỦY BAN CÁCH MẠNG NHÂN DÂN CHÂU KHÁNG ĐỊCH 1945

Thôn Đồng Khuôn, xã Phú Lương là nơi cư trú của đồng bào Dao Quần Chẹt sinh sống bằng nghề nông. Thôn ở phía sau núi Bàu đường mòn vào thôn hiểm trở.

Năm 1944 nhận chỉ thị của phân khu ủy Nguyễn Huệ, đồng chí Lê Dục Tôn dời thôn Bình Dân xã Bình Yên về thôn Đồng Khuôn hoạt động gây cơ sở cách mạng giác ngộ đồng bào vùng này.

Đầu tháng 4 năm 1945 khi cơ sở cách mạng vững vàng đồng chí mở lớp chính trị, huấn luyện tự vệ cho các xã vùng (*hạ huyện*) như: Vân Phú có đồng chí Đội Lào, Sầm Dương có đồng chí Cẩm, Đông Lợi có đồng chí Hồng Đại, Đội Nhỡ và một số các đồng chí khác ở các xã trong vùng.

Lớp học có 24 học viên khi bế mạc một số vào giải phóng quân, số còn lại về cơ sở tổ chức và huấn luyện các đội tự vệ chiến đấu làm nhiệm vụ bảo vệ cách mạng và xóm làng, phối hợp

với giải phóng quân lật đổ chế độ của địch, thành lập chính quyền cách mạng nhân dân ở các xã.

Ngày 15 tháng 5 năm 1945 tức sau một tháng phá kho thóc của địch ở Khổng Xuyên. Dưới sự lãnh đạo của phân khu uỷ khu B Nguyễn Huệ, đồng chí Lê Đức Tôn thay mặt phân khu uỷ thành lập Ủy ban cách mạng nhân dân Kháng Địch gồm các xã vùng hạ huyện Sơn Dương ngày nay.

Ủy ban châu gồm các ủy viên thuộc nhiều dân tộc Kinh, Dao, Sán Dìu, Cao Lan... Đồng chí Tiến Thanh được bầu làm Chủ tịch Ủy ban cách mạng nhân dân lâm thời châu Kháng Địch. Ông Hoàng Đạo Thành làm Phó chủ tịch.

Ủy ban cách mạng nhân dân châu Kháng Địch ở và làm việc tại Đồng Khuôn, xã Phú Lương một thời gian sau đó về Mỹ Bằng, xã Tam Đa ở và làm việc.

Đồng bào dân tộc Dao ở Đồng Khuôn cũng như nhân dân xã Phú Lương phát huy truyền thống cách mạng của quê hương, đã hăng hái thi đua sản xuất lương thực, thực phẩm, góp phần vào sự thắng lợi 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, cũng như trong công cuộc cách mạng của dân tộc ta sau này.

KHUÔN TRẠM, XÃ LƯƠNG THIỆN

NƠI CẮT MÁU ĂN ĂN THỂ NGUYỆN THEO CÁCH MẠNG

Thôn Khuôn Trạm, xã Lương Thiện là nơi cư trú của đồng bào Dao làm nghề nông và nương rẫy. Cuối năm 1941 phong trào cách mạng phát triển ở một số vùng cao miền núi nơi có đồng bào dân tộc Dao cư trú. Các đồng chí cán bộ cách mạng Đặng Nguyễn Minh, Nguyễn Cao Đàm, Triệu Khánh Phương... về Khuôn Trạm tuyên truyền giác ngộ. Đồng bào Dao ở thôn này đã tin tưởng và tự nguyện theo Đảng, theo cách mạng. Đầu năm

1942 tại nhà ông Lý Khuôn đã diễn ra buổi lễ ăn thề giữa các cán bộ cách mạng với các gia đình người Dao. Buổi lễ ăn thề được tổ chức bí mật theo nghi lễ và phong tục của người Dao địa phương. Phong trào cắt máu ăn thề được lan rộng trong vùng nhưng rất bí mật và tin tưởng một lòng theo cách mạng.

Năm 1943, phong trào cách mạng đã lan rộng vào vùng núi Hồng được các đồng chí cán bộ cách mạng tuyên truyền giác ngộ, đồng bào Dao vùng này rất hiếu và nguyện theo Đảng, theo cách mạng. Cơ sở cách mạng đầu tiên được xây dựng đầu tiên tại nhà ông Triệu Siêu Hương. Tại gốc máng Khuôn Trạn, đã diễn ra hội nghị của đại biểu 3 xã Tân Trào, Kháng Nhật, Lương Thiện vào tháng 11 năm 1943 do các đồng chí Chu Văn Tấn, Triệu Khánh Phương chủ trì và tổ chức hội nghị. Hội nghị quyết định đẩy mạnh việc xây dựng và mở rộng cơ sở cách mạng lấy núi Hồng làm trung tâm phát triển ra các vùng xung quanh. Ba Hòn là nơi ở hoạt động của các đồng chí cán bộ cách mạng bằng chiếc lán nhỏ và bí mật từ năm 1941.

BÌNH DÂN - XÃ BÌNH YÊN

NƠI Ở VÀ LÀM VIỆC CỦA CỤC QUÂN GIỚI, CỤC NGOẠI THƯƠNG 1947 - 1954

Tại một quả đồi cuối thôn Bình Dân, đầu năm 1943 đồng chí Lê Dục Tôn đã ở và hoạt động tuyên truyền giác ngộ cách mạng cho quần chúng nhân dân trong vùng. Khi cơ sở cách mạng bám rễ vững vàng đầu năm 1944 đồng chí Lê Dục Tôn rút khỏi Bình Dân.

Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, Bình Dân được chọn làm địa điểm ở và làm việc của Cục Quân giới thuộc Bộ quốc phòng do đồng chí Trần Đại Nghĩa làm Cục trưởng từ năm 1947 đến năm 1949.

Cùng ở với Cục Quân giới có trạm thông tin vô tuyến Trung ương ở và làm việc phục vụ các cơ quan Trung ương Đảng và Chính phủ, đồng chí Nguyễn Cháp Kinh phụ trách trạm.

Đầu năm 1948, Bình Dân được chọn làm hội trưởng của Cục Ngoại thương nơi đây diễn ra nhiều cuộc họp của các cơ quan Cục. Tại đây năm 1951 đã diễn ra các cuộc họp của sở Mậu dịch Trung ương thuộc Bộ Kinh tế. Cơ quan sở do đồng chí Hoàng Quốc Thịnh làm Giám đốc.

Từ năm 1947 đến năm 1954 có các phiên họp của Hội đồng Chính phủ nhiều cuộc họp Đảng, Đoàn, các cuộc họp liên tịch đề ra nhiều quyết sách quan trọng của cách mạng Việt Nam, đề ra các kế hoạch cụ thể phù hợp trong từng thời điểm cách mạng góp phần đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác của cách mạng Việt Nam.

ĐÌNH LÀNG CẬN, XÃ THƯỢNG ẤM

NƠI Ở CỤC TÌNH BÁO, NHÀ IN QUỐC GIA 1951 - 1954
NƠI THÀNH LẬP ỦY BAN CÁCH MẠNG CẤP XÃ
ĐẦU TIÊN CỦA HUYỆN SƠN DƯƠNG

Đình làng Cận, thôn Đông Cận, xã Thượng Ấm thờ thần Hoàng Làng. Trước Đình là sân đình quy vuông khoảng 400 mét, hàng năm nhân dân trong làng đến tế lễ cầu mong mạnh khỏe, được mùa màng, gia súc đông đàn.

Ngày 5 tháng 4 năm 1945 được sự chỉ đạo của Phân khu Nguyễn Huệ, đơn vị giải phóng quân do đồng chí Hoàng Ngọc Sơn chỉ huy cùng với nhân dân diễn ra cuộc mít tinh đấu tranh giành chính quyền. Thành lập Ủy ban cách mạng lâm thời, đồng chí Niên Hải Du được bầu làm chủ tịch. Lá cờ đỏ sao vàng xuất hiện phấp phới tung bay trên xã Thượng Ấm. Đồng chí Lương Thế Nho là người địa phương đầu tiên tham gia quân giải phóng

sau này ông là Thượng tá quân đội. Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự Hà Tuyên.

Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, Cục tình báo Trung ương ở và làm ở thôn Thượng Ấm, xã Thượng Ấm. Từ năm 1951 đến năm 1952 do đồng chí Hoàng Hiệu phụ trách Cục.

Những năm 1951 -1954 nhà in Quốc gia cũng ở và làm việc tại Đồng Cạn do đồng chí Dương Văn Tường làm Giám đốc. Nhà in Tô Hiệu, nhà in Hồng Phong, nhà in Việt Hưng ở Đại Từ và Yên Sơn.

Sau khi tập trung các sản phẩm của các nhà in Quốc gia đã cho xuất bản và phát hành trong toàn khu giải phóng từ Thanh Hóa ra với nội dung tuyên truyền thắng lợi của cách mạng. Trường kỳ kháng chiến nhất định thành công và những trận chiến thắng của quân và dân ta trên các mặt trận toàn quốc.

ĐỊA ĐIỂM PHÂN KHU B NGUYỄN HUỆ Ở VÀ LÀM VIỆC TẠI AO BÚC - TRUNG YÊN

Làng Khuôn Trút, thôn Ao Búc, xã Trung Yên nằm cách con đường 2C chừng 1 km nối liền sang huyện Yên Sơn đi thị xã Tuyên Quang ngày xưa là con đường mòn dùng cho nhân dân trong vùng đi lại sinh hoạt và sản xuất. Làng gồm gần 50 gia đình phần đông là người Dao Coóc Mùn sinh sống bằng nghề nông làm ruộng và nương rẫy.

Năm 1944 các đồng chí cán bộ cách mạng: Song Hào, Tạ Xuân Thu, Trần Thế Môn, Đặng Hồng Hải, Khánh Phương cùng đại diện một số gia đình người Dao Coóc Mùn ở Ao Búc đã bí mật tổ chức Hội nghị tại Khuôn Trút bàn kế hoạch chuẩn bị lực lượng chớp thời cơ khởi nghĩa giành chính quyền từ xã, huyện, tỉnh.

Tại Ngòi Cạn, đồng chí Lê Hiếu Mai phụ trách cùng với các đồng chí Trần Thế Môn, Khánh Phương, Song Hào... Lãnh đạo cơ quan báo “Độc Lập” in tài liệu cách mạng, in truyền đơn với nội dung: Giác ngộ cách mạng, hướng dẫn quần chúng tham gia đấu tranh giành chính quyền.

Năm 1945 đồng chí Trần Thế Môn tổ chức một số gia đình người Dao mở xưởng lò rèn tại nhà ông Lý Văn Định, thôn Ao Búc để sản xuất và sửa chữa vũ khí thô sơ như: Súng kíp, giáo mác, đinh ba, kiếm... Trang bị cho du kích bảo vệ cơ sở cách mạng phục vụ khởi nghĩa như: Khởi nghĩa Thanh La, tiến đánh đồn Đàng Châu và các nơi trong vùng...

Thung lũng Khuôn Trút là chỗ ở và làm việc của phân khu ủy Nguyễn Huệ nay vẫn còn di tích.

LŨNG TÁU - ĐÔNG MẠN

NƠI Ở VÀ LÀM VIỆC CỦA BÁC HỒ 1948 - 1949

Xóm Lũng Tấu ở phía Đông Bắc xã Tân Trào. Về phía tả ngạn sông Phó Đáy. Đây là địa điểm đầu tiên khi Bác Hồ trở lại Tân Trào lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Bác Hồ ở Lũng Tấu lần thứ nhất từ nửa cuối tháng 9 đến giữa tháng 12 năm 1948. Từ đây Bác chủ trì 3 phiên họp của Hội đồng Chính phủ, ban hành các sắc lệnh tổ chức lại chính quyền nhân dân trong thời kỳ kháng chiến viết bài “*Chủ nghĩa cá nhân*”. Trong đó, Bác chỉ rõ những biểu hiện cụ thể hậu quả nguy hại và cách tẩy sạch chủ nghĩa cá nhân.

Từ cuối tháng 1 đến tháng 4 năm 1949, Bác Hồ ở Lũng Tấu lần thứ hai. Trong khoảng thời gian này Bác đến nói chuyện với hội nghị cán bộ toàn quốc của Đảng. Bác nói: Mọi việc đều nhằm

vào điểm làm cho kháng chiến hoàn toàn thắng lợi. Ngày 1 tháng 2 năm 1949 Bác đã ký sắc lệnh thành lập Trường Cao đẳng kỹ thuật đào tạo cán bộ các ngành: Công chính, hỏa xa, bưu điện, khoáng chất, kiến trúc, địa chính... Đồng Man ở gần làng Lũng Tàu đây là nơi các đồng chí Trường Chinh - Tổng Bí thư Đảng và Văn phòng Tổng Bí thư ở và làm việc từ năm 1948 đến năm 1949.

Nơi đây mặt trận Việt Minh, cơ quan thi đua Ái Quốc Trung ương cũng ở và làm việc từ năm 1948 đến 1949.

Cũng tại đây cơ quan Liên đoàn Lao động Việt Nam và các đồng chí Hoàng Quốc Việt, Nguyễn Lương Bằng, Trần Huy Liệu, Nguyễn Xiển và Ban tổ chức Trung ương Đảng, Văn phòng Trung ương ở và làm việc trong một thời gian.

HANG BÒNG KHẤU LẤU

NOI Ở CỦA BÁC HỒ TỪ 1949 - 1952

Hai địa điểm Hang Bòng - Khấu Lấu ở gần nhau nằm về phía Tây xã Tân Trào bên sông Phó Đáy. Bác Hồ ở hai địa điểm này thời gian xen nhau. Từ tháng 4 năm 1949 đến năm 1952 tổng cộng đến 3 năm, khoảng thời gian nói trên Bác Hồ nhiều lần đi công tác rồi lại trở về một trong hai địa điểm này.

Núi Bòng cao chừng 200m, hang ở gần chân núi Trần cao thoáng đãng, cửa hang nhìn ra cánh đồng và dòng sông Phó Đáy. Trước hang giáp chân núi có giếng nước. Vị trí cửa hang Bòng có thể quan sát tầm xa kín đáo nhưng không quá khuất. Khu vực Khấu Lấu gồm những đồi thấp ở hai bờ sông Phó Đáy nơi tiếp giáp Tân Trào và Bình Yên. Vực Hồ liền kề Khấu Lấu nằm bên hữu ngạn sông Phó Đáy. Thời gian ở Vực Hồ - Hang Bòng - Khấu Lấu Bác Hồ đã tiến hành những công việc như sau:

Tháng 4 năm 1949: Ra sắc lệnh thành lập Bộ đội địa phương.

Tháng 7 năm 1949: Ra sắc lệnh giảm tô 25%.

Tháng 11 năm 1949: Ra sắc lệnh nghĩa vụ quân sự quy định tất cả công dân. Nam từ 18 đến 45 tuổi phải có 2 năm tại ngũ.

Tháng 1 năm 1950: Hồ Chủ tịch ra Liên Xô, Trung Quốc. Sau này chuyển đi này quan hệ ngoại giao giữa hai nước Việt Nam và Liên Xô và Trung Quốc được thiết lập.

Tháng 2 năm 1950: Ra sắc lệnh tổng động viên nhằm huy động tất cả nhân tài, vật, lực cho cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm. Thực hiện khẩu hiệu "*Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng*".

Tháng 6 năm 1950: Bác Hồ đi chỉ đạo chiến dịch biên giới.

Tháng 12 năm 1950: Bác Hồ đi thăm Chính phủ Lào ở thôn Đá Bàn, xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn.

Tháng 5 năm 1951: Bác ra sắc lệnh thành lập Ngân hàng quốc gia Việt Nam.

Tháng 4 năm 1952: Bác chủ trì hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ ba khóa XI. Bác Hồ đã phân tích tình hình thế giới trong nước và nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

Tháng 9 năm 1952: Nói chuyện tại Hội nghị chiến dịch Tây Bắc. Bác nói mục đích của chiến dịch là tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng dân mở rộng vùng tự do.

Tháng 12 năm 1952: Chủ trì phiên họp của Hội đồng Chính phủ. Khoảng thời gian này Bác Hồ làm nhiều bài thơ động viên

cuộc kháng chiến: Chúc mừng năm mới (1950), Sáu mươi tuổi, Lên núi, Đồi trắng, Nhớ chiến sĩ, Đi thuyền trên sông Đáy...

Cũng tại hang Bồng Khấu Lầu Trường Nguyễn Ái Quốc ở và làm việc. Trường đã mở 5 lớp chính Đảng cho cán bộ cao cấp các bộ, ban ngành và cán bộ hải ngoại. Từ cuối năm 1952 đến tháng 10 năm 1954.

XÓM THIA TÂN TRÀO

NƠI Ở CỦA HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ,

BAN TUYÊN HUẤN TRUNG ƯƠNG 1950 - 1952

Xóm Thia, xã Tân Trào nằm ở tả ngạn sông Phó Đáy cách bờ sông chừng 100 mét. Trên đường vào thôn Tân Lập cuối xóm có con ngòi nhỏ đổ ra sông Phó Đáy cũng gọi là ngòi Thia đúng là "Ngòi Thia sông Đáy. Suối Lê voi dầy" đẹp, nước trong xanh hữu tình.

Trước xóm là cánh đồng tiếp đến núi Thia.

Nơi đây Hội đồng Chính phủ, Văn phòng Chủ tịch phủ, Văn phòng Thủ tướng ở từ năm 1950 đến năm 1952.

Cũng nơi đây đồng chí Phạm Văn Đồng ở và làm việc khoảng thời gian Bác Hồ ở Hang Bồng Khấu Lầu năm 1950 và đến năm 1952 tại một hang đá nơi chân núi Thia.

Ban Tuyên giáo Trung ương cũng ở và làm việc ở trên quả đồi phía sau xóm Thia gần con đường đi vào thôn Tân Lập.

Tại địa điểm Thia Trường Nguyễn Ái Quốc đã ở và mở hai lớp chính huấn cho các vị nhân sĩ, trí thức.

Nhân dân xóm Thia hết lòng ủng hộ và giữ bí mật bảo vệ an toàn cho các cơ quan Trung ương ở và làm việc.

LẬP BINH

NƠI Ở VÀ LÀM VIỆC CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ VÀ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Lập Binh là một thôn của xã Bình Yên thuộc huyện Sơn Dương nằm bên tả sông Phó Đáy. Lập Binh cách huyện lỵ 10 km. Cách các xã Lương Thiện, Minh Thanh, Tân Trào những nơi Bác Hồ và các cơ quan Trung ương ở và làm việc cũng khoảng 10 km. Đây là một thôn nhỏ có chừng hơn mười ngôi nhà sàn ở ven đồi kể thác Dắng.

Từ năm 1943 - 1944 phong trào cách mạng đã phát triển đến Bình Yên đồng bào các dân tộc ở đây hăng hái tham gia mặt trận Việt Minh.

Tháng 12 năm 1946 đồng chí Nguyễn Lương Bằng được Bác Hồ cử lên Việt Bắc để chuẩn bị căn cứ cho cuộc kháng chiến. Lập Binh là một trong nhiều địa điểm được chọn.

Đầu năm 1947 Văn phòng Chủ tịch phủ, Thủ tướng phủ chuyển đến Lập Binh. Sau nhiều lần đổi tên văn phòng có mặt danh là Ban Kiểm tra 12, đồng chí Phan Mỹ làm Chánh văn phòng.

Tháng 6 năm 1949 đồng chí Phạm Văn Đồng từ Nam Trung Bộ ra nhận chức Phó Thủ tướng làm việc ở Lập Binh. Đồng chí Trần Việt Phương làm Trưởng phòng bí thư của Phó Thủ tướng. Tháng 12 năm 1949, Ban Thanh tra Chính phủ thành lập cũng đóng tại Lập Binh đồng chí Hồ Tùng Mậu làm Tổng thanh tra, đồng chí Trần Đăng Ninh làm Phó Tổng thanh tra. Sau khi đồng chí Hồ Tùng Mậu hy sinh đồng chí Nguyễn Văn Trân đảm nhiệm chức vụ thay.

Văn phòng Chủ tịch phủ, Thủ tướng phủ có các phòng bí thư, thư ký Hội đồng Chính phủ, nghiên cứu, hành chính, thống kê, vô tuyến điện, giao tế, y tế và các ban ngành kinh tế, huấn học...

Đồng chí Vũ Đình Huỳnh phụ trách phòng bí thư, đồng chí Cù Huy Cận làm Thứ trưởng Tổng thư ký Hội đồng Chính phủ. Đồng chí Bùi Công Trùng Ban kinh tế. Đồng chí Hà Phú Hương làm Trưởng ban huấn học. Bác sĩ Lê Văn Chánh chuyên lo sức khỏe cho Bác Hồ.

Cơ quan lớn, nhiều bộ phận nên nhà làm việc, nhà ở khá nhiều: Văn phòng của đồng chí Phạm Văn Đồng, phòng ở và làm việc của cán bộ, phòng khách, hội trường, nhà ăn và ngôi nhà sàn nhỏ của Bác Hồ nghỉ trưa hoặc nghỉ lại đêm mỗi khi không tiện qua sông về nơi ở thường xuyên.

Toàn bộ nhà cửa do đơn vị bộ đội xây dựng vật liệu là gỗ, tre, nứa, lá nhưng khung trang và kín đáo. Các nhà dựng trên đồi khuất dưới tán cây cổ thụ. Nếu có chỗ tán cây không che kín thì phủ lên nóc một lớp cây ký sinh như cây tổ quạ hoặc những cây họ dương xỉ.

Cơ quan Chủ tịch phủ - Thủ Tướng phủ đóng ở Lập Bình. Từ năm 1947 đến tháng 7 năm 1954 cũng có lần chuyển đi các địa điểm khác.

Tại Lập Bình đã có nhiều phiên họp của Quốc hội, Hội đồng Chính phủ. Bác Hồ, Trung ương Đảng Chính phủ đề ra những quyết sách lãnh đạo cuộc kháng chiến từng bước đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Văn phòng Chủ tịch phủ - Thủ tướng phủ là bộ máy tham mưu, giúp việc Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ điều hành chính phủ kháng chiến là nơi tổng hợp tình hình công tác của các

bộ, ban, ngành. Ủy ban hành chính các liên khu. Các tỉnh báo cáo Chủ tịch nước và Thủ tướng. Truyền đạt sự chỉ đạo của chính phủ đến các Bộ, các địa phương, phục vụ hoạt động đối ngoại.

Văn phòng là bộ phận hoàn tất các văn bản để ban hành sắc lệnh của Chủ tịch nước, nghị định thông tư của Thủ tướng Chính phủ, các văn bản của Hội đồng Quốc phòng và Quốc phòng tối cao.

CHI LIÊN

TRỤ SỞ BAN THƯỜNG TRỰC QUỐC HỘI MẶT TRẬN LIÊN VIỆT NƠI Ở VÀ LÀM VIỆC CỦA ĐỒNG CHÍ TÔN ĐỨC THẮNG

Thôn Chi Liên, xã Trung Yên, huyện Sơn Dương cách thị trấn chừng gần 30 km. Nằm trên bờ tả ngạn sông Phó Đáy phía Đông thôn này có núi Chi Liên cao 100m. Trung Yên - Minh Thanh - Tân Trào phong trào cách mạng phát triển sớm là địa bàn trọng yếu của chiến khu Nguyễn Huệ. Thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, Trung Yên nằm trong ATK (*An toàn khu*).

Đầu năm 1953 đồng chí Tôn Đức Thắng cùng cơ quan Ban Thường trực, Quốc hội, Mặt trận Liên Việt từ ngôi Khoác nơi Trung Yên và Tân Trào giáp nhau chuyển đến thôn Chi Liên.

Tại Chi Liên từ lưng núi xuống có nhà làm việc của Ban Thường trực Quốc hội, nhà bếp, nhà ăn, nhà làm việc của Mặt Trận Liên Việt hầm an toàn nhà ở của đồng chí Tôn Đức Thắng. Hầm an toàn hình chữ L dài gần 20 mét có 2 cửa, một cửa phía sông Phó Đáy, một cửa phía sườn núi. Hầm được lát gỗ tròn, 3 mặt có rãnh thoát nước.

Nhà của đồng chí Tôn Đức Thắng ở sát bờ sông. Nhà sàn 2 gian, cột gỗ vách nửa lợp lá cọ.

Thời gian này đồng chí Tôn Đức Thắng ở và làm việc. Ngày 14-1-1947 Bộ trưởng Bộ Nội vụ, tháng 8-1947 Thanh tra đặc biệt toàn quốc, tháng 11 - 1947 đến tháng 01 - 1950 Phó ban Thường trực Quốc hội, tháng 2 - 1950 đến tháng 8 - 1955 quyền Trưởng ban Thường trực Quốc hội (*Trưởng ban là cụ Bùi Bằng Đoàn lúc đó nghỉ chữa bệnh*), linh mục Phạm Bá Trục là Phó ban Thường trực Quốc hội. Ban Thường trực và Văn phòng Quốc hội có các đồng chí và các vị Hoàng Quốc Việt, Tôn Quang Phiệt, Y Ngông nick Đam, Nguyễn Tấn Gi Trọng mặt trận Liên Việt có các vị: Xuân Oanh, Nguyễn Cảnh...

Tại Chi Liên đồng chí Tôn Đức Thắng chủ trì các hội nghị:

Hội nghị Liên tịch Ban Thường trực Quốc hội Ủy ban Mặt trận Liên Việt (*Tháng 2 năm 1953*).

Hội nghị Ủy ban Mặt trận Liên Việt toàn Quốc mở rộng (*Tháng 11 năm 1953*).

Hội nghị khối Mặt trận Liên Việt chuẩn bị cho việc tiếp quản Thủ đô (*Tháng 10 năm 1945*).

Trong thời gian nói trên đồng chí Tôn Đức Thắng còn dự và chủ trì phiên họp Quốc hội ở Lập Bình (*12-1953*) về cải cách ruộng đất. Đồng chí Tôn Đức Thắng thường xuyên đến Kim Quan báo cáo với Trung ương và Bác Hồ.

Trong những năm kháng chiến gian khổ đồng chí Tôn Đức Thắng trực tiếp lãnh đạo cơ quan Thường trực Quốc hội. Mặt trận Liên Việt góp phần quan trọng xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, tham gia kháng chiến. Đồng chí Tôn Đức Thắng còn kiêm các chức vụ Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Tổng thanh tra đặc biệt của chính phủ, Hội trưởng Hội hữu nghị Việt, Trung, Xô...

Di tích Chi Liên đã được xếp hạng hầm an toàn, nhà làm việc của đồng chí Tôn Đức Thắng đã được tôn tạo và gìn giữ.

ĐỒNG CHÙA

TRỤ SỞ BỘ NGOẠI GIAO QUỐC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Khu vực Chùa xóm Dồn thuộc xã Minh Thanh huyện Sơn Dương đó là một quả đồi thấp gần suối Lê. Một nhánh suối Lê chảy quanh ven đồi phía Đông, phía Tây Bắc có núi Cháy.

Sau ngày toàn quốc kháng chiến đầu năm 1947, cơ quan Bộ Ngoại giao theo đường Việt Trì - Phú Thọ. Tuyên Quang chuyển đến ATK (*An toàn khu*).

Thời gian đầu Bộ Ngoại giao ở Kim Quan sau chuyển đến xã Minh Thanh lúc này cán bộ nhân viên đều ở nhà dân. Đồng chí Bộ trưởng ở nhà ông giáo Hội.

Cuối năm 1950 Bộ Ngoại giao về lại Minh Thanh, huyện Sơn Dương. Nhà của Bộ Ngoại giao ở Đồng Chùa được xây dựng vào thời gian này.

Cơ quan của Bộ Ngoại giao số lượng cán bộ không đông nên nhà cửa phần nhiều nhỏ, gọn. Từ phía sau suối Lê đi lên nhà bếp, nhà ăn... tiếp đến là Hội trường vừa là nhà tập thể. Trên cùng là nhà làm việc. Nhà của Bộ trưởng Hoàng Minh Giám và gia đình ở xóm Cây Vải gần một hang đá. Bà con ở đây gọi là hang ông Minh (*Bí danh Bộ trưởng là Minh*).

Do yêu cầu nhiệm vụ cơ quan Bộ Ngoại giao lúc này bổ sung thêm cán bộ chia thành các bộ phận Phòng nghiên cứu, phòng tuyên truyền, phòng kế hoạch, quản trị. Đồng chí Phan Hiền làm Đồng lý văn phòng.

Những năm đầu cuộc kháng chiến nhiệm vụ chủ yếu của Bộ Ngoại giao là tuyên truyền để nhân dân thế giới thấy rõ và ủng

hộ cuộc kháng chiến của nhân dân ta. Bộ Ngoại giao phối hợp chặt chẽ với Đài tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam trong các hoạt động tuyên truyền đối ngoại.

Tháng 5 năm 1947, Bộ góp phần tổ chức chuẩn bị cuộc gặp của Bác Hồ và các cao ủy Pháp, Bộ trưởng Hoàng Minh Giám đi cùng Bác Hồ.

Tháng 4 năm 1947, cơ quan đại diện chính phủ Việt Nam tại Thái Lan được thành lập. Tháng 2 năm 1948 cơ quan đại diện Chính phủ Việt Nam được thành lập ở Mianma, Ấn Độ.

Từ năm 1947 - 1949 đã có 12 phòng thông tin của ta ở nước ngoài được thành lập ở Pari, Luân Đôn, Niu Oóc, Niudêli...

Đầu năm 1950 Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố: Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với Chính phủ nước nào tôn trọng quyền bình đẳng, chủ quyền lãnh thổ và chủ quyền quốc gia của nước Việt Nam để cùng nhau bảo vệ hòa bình và xây đắp nền dân chủ thế giới. Cũng thời gian này Bác Hồ đi thăm Liên Xô, Trung Quốc.

Tại Đông Chùa, Bộ trưởng Hoàng Minh Giám nhân danh Chính phủ Việt Nam gửi thông điệp tuyên bố công nhận nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và tỏ ý sẵn sàng đặt ngoại giao cấp đại sứ. Tiếp đó là thông điệp gửi chính phủ Liên Bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết, Chính phủ các nước dân chủ nhân dân trên thế giới.

Trong năm 1950 Việt Nam thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc, Liên Xô, Triều Tiên, Tiệp Khắc, Rumani, Hungari, Anbani, Ba Lan...

Từ Đông Chùa các bộ ngoại giao lần lượt đi công tác tại các đại sứ quán nước ta ở Bắc Kinh, Matxcova...

Vào giữa năm 1951, Bác Hồ thăm Bộ Ngoại giao tại Đồng Chùa, Minh Thanh. Bác động viên cán bộ nhân viên ngoại giao phục vụ sự nghiệp kháng chiến cứu quốc, chuẩn bị quan hệ ngoại giao hơn nữa.

Cuối năm 1953, Bộ Ngoại giao chuẩn bị tài liệu cử cán bộ ngoại giao tham gia đoàn đàm phán tại Hội nghị Giơnevơ về việc lập lại hòa bình ở Đông Dương. Tám năm (1947 - 1954) tại Đồng Chùa cán bộ nhân viên Bộ Ngoại giao bằng những chiến công thầm lặng góp phần quan trọng vào thắng lợi của công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Di tích Đồng Chùa Minh Thanh đã được xếp hạng và tôn tạo.

ĐỒNG ĐƠN

TRỤ SỞ NHÀ CÔNG AN TRUNG ƯƠNG

Thôn Đồng Đơn thuộc xã Minh Thanh, huyện Sơn Dương, bên tả ngạn suối Lê. Khu vực này gồm hai quả đồi là gò Cây Đen và gò Chè. Chân đồi phía Tây là đồng Lũng Cò, phía sau có núi Đền che chở. Đồng Đơn cũng như toàn xã Minh Thanh nằm ở trung tâm kháng chiến, thuận tiện giao thông địa thế hiểm yếu, kín đáo.

Sau ngày toàn quốc kháng chiến, Nhà Công an Trung ương từ Phú Thọ chuyển đến Minh Thanh. Khi mới đến cán bộ nhân viên đều ở nhà dân. Đồng chí giám đốc Nhà ở nhà ông Chuột (*Bác Hồ đã ở gia đình này khi chỉ đạo làm sân bay Lũng Cò*). Nhà cửa của cơ quan Nhà do bộ phận công tác đội xây dựng làm tại đồi Cây Đen (*Đồi A*) có khu hậu cần nhà bếp, nhà ăn, kho thóc gạo, nhà của nhân viên tiếp tế liên lạc, vận tải, Công tác đội, nhà của các bộ phận chuyên môn, nhà làm ảnh, nhà in. Tại Đồi

Chè (*Đôi B*) có hội trường lớn, nhà của bộ phận tình báo, thông tin điện đài. Tất cả nhà cửa làm bằng gỗ, tre, nứa, lá đều ở dưới bóng cây. Có hệ thống giao thông hào nối hai đồi và các bộ phận phòng thủ, chiến đấu khi có chiến sự. Thời kỳ này đồng chí Lê Giản làm Giám đốc Nha từ năm 1946 đến năm 1952. Tổ chức của Nha có các bộ phận: Chính trị, tình báo, tuyên giáo, nghiên cứu, huấn học, trật tự, tư pháp (*Đều gọi là ty*), điện đài, thông tin, hậu cần, phòng căn cước, nhà in và văn phòng nha Ty Chính trị do đồng chí Nguyễn Doãn Nhọc làm trưởng ty. Ty Tuyên - Nghiên - Huấn do đồng chí Hoàng Mai làm Trưởng ty. Đồng chí Trần Hiệu làm Trưởng Ty tình báo. Ty Trật tự - Tư pháp do đồng chí Lê Văn Lăng làm Trưởng ty. Đồng chí Nguyễn Văn Tiêu làm Trưởng phòng căn cước Nhà in nội san "*Rèn luyện*" do đồng chí Nguyễn Văn Tuất phụ trách, thông tin điện đài do đồng chí Nguyễn Hữu Trác phụ trách. Chánh văn phòng nha công an lúc đó là đồng chí Đào Văn Bao v.v...

Một số hoạt động của Nha công an: Tháng 2 năm 1948 phát hành nội san "*Rèn luyện*", tiền thân của Báo Công an nhân dân.

Tháng 6 năm 1949, Hội nghị điều tra toàn quốc.

Cuối năm 1949, thành lập đại đội vũ trang chiến đấu nhiệm vụ là phối hợp với các đơn vị vệ quốc đoàn bảo vệ Bác Hồ. Trung ương Đảng, Chính phủ tại An toàn khu. Cũng năm này đào tạo công an hệ trung cấp học viên từ trung bộ trở ra. Tháng 1 năm 1950: Hội nghị Công an toàn quốc lần thứ V có các đại biểu Sở Công an Nam Bộ. Đồng chí Phạm Hùng làm Trưởng đoàn. Bác Hồ gửi thư cho hội nghị, Bác nhắc nhở lực lượng công an nhân dân phải thực hiện:

- "Xây dựng bộ máy công an tức là công an phải có tinh thần phục vụ nhân dân là bạn thân, đồng thời phải dựa vào các đoàn

thể mà tổ chức giáo dục nhân dân trọng công việc phòng gian và trừ gian để nhân dân thiết thực giúp đỡ công an.

- Cách tổ chức công an phải giản đơn thiết thực tránh các tệ hình thức giấy má.

- Lễ lối làm việc phải dân chủ. Cấp trên phải thường xuyên kiểm tra cấp dưới, cấp dưới phải phê bình cấp trên. Giúp nhau kinh nghiệm và sáng kiến, giúp nhau tiến bộ. Tự phê bình và phê bình theo tinh thần thân ái và lập trường cách mệnh.

- Phải hoan nghênh nhân dân phê bình công an để đi đến hiểu công an, yêu công an giúp đỡ công an...”.

Tháng 2 năm 1950 sát nhập bộ phận tình báo, quân đội vào nha công an.

Tháng 3 năm 1950 mở lớp đào tạo cán bộ khóa “*Tổng phần công*” có hơn 100 học viên dự.

Tháng 9 năm 1950 Nha công an dời Đồng Đơn chuyển đến Yên Nguyên, huyện Chiêm Hóa.

Trong những năm ở Đồng Đơn, Nha công an Trung ương đã chỉ đạo lực lượng công an tiêu phí trừ gian xây dựng cơ sở nắm chắc tình hình địch kiểm soát nội bộ, lập đội trừ gian. Đội công an xung phong, xây dựng mạng lưới giao thông liên lạc. Tại vùng căn cứ làm trong sạch địa bàn, chống các hoạt động do thám của địch. Phát động nhân dân thực hiện phong trào “Phòng gian bảo mật” với khẩu hiệu “Ba không” đặt các đồn, trạm, các khu vực trọng yếu, giữ gìn trật tự xã hội hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ lãnh tụ, các cơ quan đầu não của Đảng, Chính phủ, bảo vệ căn cứ kháng chiến.

Những năm kháng chiến chống Pháp các bộ, ban, ngành Trung ương cũng lên ở và làm việc tại thôn Đồng Đơn:

Bộ Giao thông công chính do đồng chí Trần Đăng Khoa làm Bộ trưởng, đồng chí Lê Dung làm Thứ trưởng lên ở từ năm 1947 đến năm 1952.

Năm 1947 đến năm 1951, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam do đồng chí Hoàng Quốc Việt làm Chủ tịch cũng lên thôn Đồng Đon ở và làm việc.

Bộ Canh nông do đồng chí Ngô Tấn Nhơn làm Bộ trưởng, đồng chí Nghiêm Xuân Yếm làm Thứ trưởng ở từ năm 1948 đến năm 1951.

Năm 1948 đến năm 1951, Bộ Tư pháp do đồng chí Vũ Đình Hòe làm Bộ trưởng, đồng chí Nguyễn Công Trùng làm Thứ trưởng, đồng chí Đinh Văn Ba làm Chánh văn phòng dưới Bộ còn có: Vụ Hình bộ do luật sư Nguyễn Văn Hương làm Vụ trưởng, Nha Viên Chức kế toán do đồng chí Nguyễn Duy Thụ phụ trách và Hội đồng tự luận của Bộ cũng lên ở làm việc tại thôn Đồng Đon.

Từ năm 1951 đến năm 1952, Nha thông tin tuyên truyền cũng lên ở và làm việc tại thôn Đồng Đon. Đồng chí Trần Văn Giàu làm Tổng giám đốc. Nha gồm các bộ phận: Bộ phận nghiên cứu do đồng chí Đào Tùng phụ trách. Ban biên tập do đồng chí Lê Châm phụ trách. Bộ phận điện đài do đồng chí Bé Tâm phụ trách.

Nha lúc bấy giờ có khoảng 40 người. Nhiệm vụ chủ yếu là thu thập tin tức trong nước và thế giới, truyền tải tin tức đường lối kháng chiến và các chính sách của Đảng và Chính phủ tới nhân dân toàn quốc.

Bộ Ngoại giao cũng lên ở và làm việc tại thôn Đồng Đon từ năm 1951 đến năm 1954 do đồng chí Hoàng Minh Giám làm Bộ trưởng. Nhiệm vụ quan trọng của Bộ là: Đưa tiếng nói chính nghĩa, lập trường quan điểm của Đảng, Chính phủ ta đến với thế

giới tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của nhân dân thế giới với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của dân tộc ta.

Thôn Đồng Đơn còn được đón nhận cơ quan Trung ương Đoàn Thanh niên Việt Nam lên ở và làm việc vào những năm 1953 đến năm 1954 đồng chí Nguyễn Lam làm Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn cùng các đồng chí: Phong Nhã, Tôn Sơn và Tôn Đức Lượng.

Di tích Đồng Đơn xã Minh Thanh thuộc huyện Sơn Dương được xếp hạng và đã xây dựng nhà trưng bày, phục hồi một số nhà cửa, các bộ phận và trồng cây xanh.

ĐỒNG CHIÊM - ĐÁ LỖ CẤP TIẾN

**NƠI Ở VÀ LÀM VIỆC CỦA NHÀ NGHIÊN CỨU KỸ THUẬT
BỘ QUỐC PHÒNG - BỘ NỘI VỤ 1945 - 1948**

Đồng Chiêm - Đá Lỗ xã Cấp Tiến. Trong những năm kháng chiến chống Pháp từ năm 1948 đến năm 1953 là nơi ở và làm việc của Nha Kỹ thuật thuộc Cục Quân giới. Lớp sĩ quan quân đội đầu tiên của quân đội nhân dân Việt Nam - Bộ Nội Vụ...

Tại Đồng Chiêm từ đầu năm 1948 đến năm 1950 Nha nghiên cứu kỹ thuật thuộc Cục Quân giới Bộ quốc Phòng đã ở và làm việc do đồng chí Hoàng Đình Phu trực tiếp phụ trách. Cơ quan này gồm 5 phòng và các xưởng mẫu sản xuất vũ khí. Nha đã nghiên cứu chế tạo thành công đại bác không giật (SKZ60), mìn nổ chậm hẹn giờ, thủy lôi, địa lôi và một số loại vũ khí khác phục vụ quân đội. Nha còn nghiên cứu chế tạo, thử loại vũ khí trước khi chuyển đến các cơ sở sản xuất vũ khí của quân đội. Xưởng có 70 cán bộ nhân viên, đồng chí Hoàng Kim Khái làm xưởng trưởng, đồng chí Nguyễn Văn Tư xưởng phó.

Xưởng đã góp phần đáng kể phục vụ quân đội đánh thắng giặc Pháp trong các chiến dịch trên chiến trường cả nước.

Tại Đá Lỗ từ năm 1951 đến năm 1953 Bộ Nội vụ đã ở và làm việc, đồng chí Phan Kế Toại giữ chức Bộ trưởng, Thứ trưởng do đồng chí Trần Duy Hưng đảm nhiệm.

Tại thôn Tiến Thắng tháng 5 năm 1949 lớp sĩ quan đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam được thành lập gồm có 51 học viên tốt nghiệp Trường Sĩ quan lục quân khóa IV. Sau lớp huấn luyện này các học viên được bổ sung cho các đơn vị trong quân đội. Lớp học viên này đồng chí Bá Thu phụ trách chung, đồng chí Lê Đình Lộ phụ trách chính trị.

Trong thời gian ở Đá Lỗ - Đồng Chiêm - Tiến Thắng các cơ quan Bộ Nội vụ - Xưởng nghiên cứu vũ khí - Lớp huấn luyện sĩ quan quân đội ở và làm việc được nhân dân địa phương giúp đỡ và giữ bí mật góp phần thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc ta.

THÔN TRẠI MÍT - HÀO PHÚ

NƠI Ở VÀ LÀM VIỆC CỦA XƯỞNG VŨ KHÍ TK1 1949 - 1954

Thôn Trại Mít xã Hào Phú nằm trên trục đường từ Kim Xuyên đi Sơn Dương cách huyện lỵ 50km (*Khu hạ huyện*). Phía Đông giáp Đông Lợi - Chi Thiết. Phía Tây giáp xã Hồng Lạc. Thôn nằm dưới chân một quả đồi phần lớn là những cây mít cành to nhiều tán. Cách sông Lô 2 km thuận tiện đường thủy.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1949 đến 1954 Ban Giám đốc Xưởng vũ khí TK1 thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam lên ở và làm việc. Tại đây xưởng đã mở 3 khu sản xuất vũ khí khu A. Chuyên sản xuất lựu đạn cháy và

mỏ vịt... Khu B sản xuất các loại súng. Khu C sản xuất đạn cối và Badôka. Ba khu nằm xung quanh quả đồi dưới tán những cây mít an toàn nhân dân thôn Trại Mít đã tích cực giúp đỡ xưởng về chỗ ở, lương thực, thực phẩm và vận chuyển vũ khí ra bến Kim Xuyên đi theo đường thủy cung cấp cho các đơn vị quân đội.

Ông Nguyễn Đình Bắc Giám đốc xưởng cùng ban giám đốc lúc bấy giờ hết lòng khen ngợi nhân dân thôn Trại Mít đóng góp sức người, sức của cho xưởng TKI hoàn thành nhiệm vụ.

THÔN TRUNG TÂM - XÃ KHÁNG NHẬT **NƠI Ở VÀ LÀM VIỆC CỦA NHA THÔNG TIN** **TUYÊN TRUYỀN TRUNG ƯƠNG 1949 - 1950**

Thôn Trung Tâm, xã Kháng Nhật đồng bào dân tộc Dao Quần Chẹt cư trú, nghề chính là làm nông nghiệp, ngoài ra đồng bào Dao ở đây còn biết làm nấm hương, biết lấy thuốc nam bằng lá cây chữa bệnh rất hiệu nghiệm. Nhân dân thật thà, chất phác, một lòng theo cách mạng.

Vào đầu năm 1949 rời Hà Nội, Nha Thông tin tuyên truyền lên ở và làm việc cho đến hết năm 1950. Bộ phận nha lúc bấy giờ gồm: Bộ phận nghiên cứu, bộ phận sưu tầm tư liệu do đồng chí Lê Chân phụ trách, bộ phận văn phòng do đồng chí Phạm Đình Đăng phụ trách, bộ phận nhiếp ảnh, điện ảnh do nhà nhiếp ảnh Nguyễn Đăng Bảy phụ trách kiêm bộ phận điện vụ. Đồng chí Trần Văn Giầu làm Tổng Giám đốc Nha lúc bấy giờ phụ trách chung.

Đồng bào dân tộc Dao Quần Chẹt thôn Trung Tâm, xã Kháng Nhật hết sức giúp đỡ Nha Thông tin Trung ương hoàn thành nhiệm vụ.

LÀNG SÁO - HỢP THÀNH
NƠI TRUNG ƯƠNG MỞ NHIỀU HỘI NGHỊ
QUAN TRỌNG 1949 - 1953

Làng Sáo, xã Hợp Thành nơi ở và làm việc trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp của Văn phòng Quốc phòng tối cao do đồng chí Nguyễn Văn Rạng làm Chánh văn phòng vào đầu năm 1949. Văn phòng có nhiệm vụ giúp việc cho Hội đồng Quốc phòng tối cao do Chủ tịch Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

Từ ngày 20 đến ngày 28 tháng 4 năm 1949 tại Làng Sáo đã diễn ra Hội nghị kháng chiến hành chính toàn quốc lần thứ nhất (*Hội nghị Thanh Sơn*) do Hội đồng quốc phòng tối cao tổ chức. Hội nghị quan trọng này có 40 cán bộ lãnh đạo các bộ, ban, ngành Trung ương như: Bộ Quốc phòng Đại tướng Võ Nguyên Giáp Bộ trưởng kiêm Tổng tư lệnh quân đội nhân dân Việt Nam; đồng chí Phan Anh Bộ trưởng Bộ Kinh tế; đồng chí Ngô Tấn Nhơn Bộ trưởng Bộ Canh nông; đồng chí Lê Văn Hiến Bộ trưởng Bộ Tài chính...

Hội nghị bàn về cục diện cách mạng Việt Nam, tình hình thế giới và củng cố căn cứ địa cách mạng. Các đại biểu đã nghe Đại tướng Võ Nguyên Giáp trình bày vấn đề quân sự, đồng chí Lê Văn Hiến Bộ trưởng Bộ Tài chính Phó Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng tối cao đọc diễn văn khai mạc và bế mạc hội nghị.

Tháng 5-1950 tại Làng Sáo diễn ra hội nghị Thư pháp toàn quốc. Đầu năm 1951, cũng tại Làng Sáo Bộ Giao Thông và Nha Công chính chuyển đến ở và làm việc, đồng chí Trần Đăng Khoa làm Bộ trưởng đồng chí Lê Dung làm Thứ trưởng, tháng 9 năm 1951 chuyển đi, đến 1953 lại chuyển về Làng Sáo cho tới tháng 5 năm 1954 thuộc Bộ Giao Thông còn Nha bưu điện do đồng chí

Trần Quang Bình giữ chức giám đốc. Nha Khí tượng do ông Nguyễn Xiển làm giám đốc, Nha Công chính hòa xa do đồng chí Bùi Văn Các làm giám đốc. Trường cao đẳng công chính do đồng chí Nguyễn Như Quý làm hiệu trưởng cũng ở và làm việc tại đây.

Những năm kháng chiến chống mỹ, huyện ủy - Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương, các phòng, ban, thuộc huyện cũng sơ tán về đây ở và làm việc tại khu vực Làng Sáo.

XÃ TỨ THỊNH

NHIỀU CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG Ở VÀ LÀM VIỆC 1947 - 1954

Xã Tứ Thịnh gồm các thôn bản Tú Trạc, Cầu Bì, Đa Năng, Đông Hoan... Nằm trên Quốc lộ 13A và đường đi Tân Trào. Con sông Phó Đáy chảy qua trước mặt thôn Cầu Bì, về đồi núi có những đồi thoải thoải nay trở thành những đồi chè xanh tốt.

Xã gồm 1.511 gia đình và có 9 dân tộc anh em cư trú sinh sống bằng nghề nông và cây chè đó là: Kinh, Tày, Cao Lan, Nùng, Mông, Sán Chí, Hoa... Những năm kháng chiến chống thực dân Pháp các cơ quan của Trung ương lên ở và làm việc.

Tại Tú Trạc, Bộ Canh nông đã ở và làm việc từ năm 1947 đến năm 1948. Lúc bấy giờ đồng chí Ngô Tấn Nhơn giữ chức Bộ trưởng. Thứ trưởng do đồng chí Nghiêm Xuân Yêm đảm nhiệm. Bộ chuyên nghiên cứu về cây trồng đặc biệt là cây lúa sao có giống lúa năng suất cao. Cũng tại đây nơi làm kho vũ khí của Tiểu đoàn II tiểu đoàn bảo vệ khu ATK. Từ năm 1947 đến năm 1954 cũng thời gian này trạm giao thông thuộc ATK cũng ở và làm việc.

Tại Cầu Bì, Bộ Tài chính đã ở và làm việc từ năm 1947 đến năm 1949. Lúc bấy giờ đồng chí Lê Văn Hiếu làm bộ trưởng, cũng tại đây Trạm cung cấp 19 của An toàn khu chuyên cung cấp

hàng hóa đồ dùng cho các cơ quan Trung ương Đảng và Chính phủ đóng ở khu ATK từ năm 1947 đến năm 1954. Năm 1949 Thứ trưởng Bộ Tư pháp Trần Công Tường cũng ở và làm việc tại Cầu Bì, xã Tú Thịnh.

Năm 1951, Vụ Kế toán Ngân hàng Quốc gia Việt Nam do đồng chí Cao Văn Đăng, Đặng Đình Hòe, Vũ Đình Cầu. Cũng tại Cầu Bì cơ quan vụ đã tổ chức long trọng đón nhận Sắc lệnh số 15/SL của Bác Hồ về việc thành lập Ngân hàng Quốc gia Việt Nam.

Tại Đông Hoan, Bộ Lao động ở và làm việc năm 1947 do đồng chí Nguyễn Văn Tạo làm bộ trưởng.

Năm 1947. Tại thôn Đa Năng Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam đã ở và làm việc, hàng ngày đài phát thanh phát đi những chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ, những tin tức trong nước và trên thế giới góp phần động viên cổ vũ nhân dân các dân tộc cả nước đoàn kết một lòng kiên quyết đánh đuổi thực dân xâm lược. Do điều kiện phải di chuyển đài chỉ ở thời gian ngắn từ 22 tháng 4 đến 19 tháng 5 năm 1947.

LÀNG NIẾNG - XÃ MINH THANH **NƠI Ở VÀ LÀM VIỆC CỦA BAN THƯỜNG TRỰC** **QUỐC HỘI 1947 - 1949**

Làng Niếng ở gần cuối xã Minh Thanh làng có 37 gia đình, lúc đó phần đông là đồng bào Tày cư trú làm nghề nông. Những năm kháng chiến chống Pháp các cơ quan Trung ương lên ở và làm việc tại đây.

Bộ Nội vụ ở và làm việc từ năm 1948 đến năm 1950, nhiệm vụ chủ yếu của Bộ là giữ vững và xây dựng nền móng chính

quyền nhân dân, xây dựng bộ máy chính quyền từ Trung ương đến địa phương. Bầu cử Hội đồng nhân dân giúp Trung ương bổ nhiệm, bãi nhiệm cán bộ lãnh đạo. Chăm lo các vấn đề cán bộ công chức, tổ chức đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, kiểm tra nội bộ: Những năm ấy đồng chí Phan Kế Toại làm Bộ trưởng, đồng chí Trần Duy Hưng làm Thứ trưởng đồng chí Phạm Khắc Hòe làm Đồng lý văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức chính quyền do đồng chí Lưu Văn Sâm đảm nhiệm. Đồng chí Lê Tất Đắc làm Vụ trưởng Vụ tổ chức cán bộ. Tại Làng Niếng từ năm 1947 đến năm 1949 Ban Thường trực Quốc hội cũng ở và làm việc, đồng chí Bùi Bằng Đoàn làm trưởng ban, đồng chí Tôn Đức Thắng làm phó ban Thường trực Quốc hội.

Những năm 1947 đến năm 1954 Viện Vi trùng học thuộc Bộ Y tế ở và làm các việc bào chế thuốc tân dược và sản xuất vắc xin, nghiên cứu thuốc nam, đồng chí Hoàng Tích Chư làm Viện trưởng.

Những năm các cơ quan Trung ương ở và làm việc tại đây được nhân dân Làng Niếng và xã Minh Thanh hết lòng giúp đỡ nơi ẩn trốn ở và tuyệt đối giữ bí mật thực hiện nghiêm chỉnh khẩu hiệu "Ba không".

KHU DI, XÃ ĐÔNG LỢI

NƠI Ở VÀ LÀM VIỆC XƯỞNG VŨ KHÍ TK1 1946 - 1954

Xóm Khu Di, xã Đông Lợi nằm sát chân núi Lịch kín đáo, ruộng bậc thang nương rẫy ở đây thoải thoải, đồi cây rậm rạp. Nơi sinh sống của 60 gia đình đồng bào dân tộc Cao Lan chuyên làm nghề nông.

Từ năm 1946 đến năm 1954 phân xưởng vũ khí TK1 thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam do ông Nguyễn Đình Bắc làm giám đốc đã lên ở và làm việc đầu tiên. Xưởng chuyên sản

xuất vũ khí đạn dược phục vụ quân đội ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Cũng tại đây năm 1949, Bộ trưởng Nguyễn Công Tào từ làng Lê, xã Minh Thanh xuống chủ trì Hội nghị Bắc - Trung - Nam của Bộ Lao động hợp trong hai ngày.

Tại Cây Lim năm 1947, Trường Huỳnh Học Huệ và Trường Canh nông của Trung ương ở và làm việc và mở lớp học ngắn hạn. Đồng chí Thứ trưởng Bộ Canh nông Nghiêm Xuân Yếm từ Tú Trạc xuống dự và nói chuyện với lớp học.

Năm 1952 tại Khu Di, đồng chí Trần Doanh Tuyên được sự ủy nhiệm của Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam Hoàng Quốc Việt đã lên thăm công nhân và nhân dân, ông ở nhà ông La Đức Xuân (*Cao Lan*). Trong thời gian ở thăm ông đã nói chuyện động viên khen ngợi nhân dân các xóm Khu Di, Cây Lim và trong vùng đã hết lòng giúp đỡ xưởng và các cơ quan Trung ương chỗ ở, nơi làm việc góp phần mình vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

(Hiện nay có biển ghi nhận di tích cắm tại Khu Di)

GÒ ĐÌNH KIM XUYÊN, XÃ HỒNG LẠC

NƠI Ở VÀ LÀM VIỆC CỦA XƯỞNG VŨ KHÍ TKI 1947 - 1954

Thôn Kim Xuyên có Gò Đình nằm ở đầu xã Hồng Lạc trên bờ sông Lô trung tâm kinh tế chính trị văn hóa xã hội của 13 xã cùng hạ huyện Sơn Dương. Những năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược có các cơ quan: Bách hóa tổng hợp, lương thực, thực phẩm, bưu điện, bệnh viện, tài chính, hiệu sách nhân dân, ngân hàng... Ở và làm việc tại đây.

Bến xe ca đưa hành khách ngược Sơn Dương - Tuyên Quang, xuôi Vĩnh Yên, Hà Nội. Bến canô chở hàng và hành khách ngược

Tuyên Quang, xuôi Hà Nội. Có thể nói Kim Xuyên trên bến dưới thuyền tập nập giao lưu hàng hóa.

Cũng những năm đó cơ quan Huyện ủy - Ủy ban nhân dân huyện đặt "Cụm" tại đây hàng tháng giải quyết công việc của huyện và chỉ đạo sản xuất lương thực...

Năm 1947 đến năm 1954 tại Gò Đình xưởng vũ khí TK1 do ông Nguyễn Đình Bắc làm giám đốc ở và làm việc chuyên sản xuất thuyền các loại. Canô và vũ khí đạn dược đồng thời tập kết vũ khí ở các xưởng Trại Mít (*Hào Phú*), Khu Di (*Đông Lợi*) để vận chuyển vũ khí qua đường thủy đến các đơn vị bộ đội phục vụ kháng chiến chống Pháp.

Những năm xưởng vũ khí TK1 thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam ở và làm việc được nhân dân Gò Đình - Kim Xuyên hết lòng giúp đỡ và giữ bí mật góp phần mình vào cuộc kháng chiến thành công.

ĐÈO CHẤN

TRẬN CHIẾN ĐẤU ĐÁNH GIẶC NHẬT

Đèo Chấn nằm trên con đường từ Tân Trào đi Minh Thanh thuộc huyện Sơn Dương. Đèo Chấn cách huyện lỵ 15km. Đèo không cao, triển núi phía Tân Trào lên thoải thoải. Phía Thanh La sườn núi dốc hơn. Thời đó từ huyện lỵ phải đi qua Thanh La (*Minh Thanh*) mới đến Tân Trào.

Từ tháng 5 năm 1945 Bác Hồ về Tân Trào khu giải phóng được thành lập, cao trào kháng Nhật cứu nước dâng lên cuộn cuộn. Hồng dập tắt phong trào cách mạng mà lúc đó Tân Trào là trung tâm. Phát xít Nhật nhiều lần mở những cuộc càn quét vào khu căn cứ. Nhưng mỗi lần càn quét là một lần chúng chuốc lấy thất bại. Cuối tháng 5 năm 1945 tập trung một lực lượng lớn,

quân Nhật mở cuộc hành quân tấn công vào khu giải phóng. Ngày 25-7-1945, địch hùng hổ vượt bến Bình Ca. Lực lượng của chúng gồm 500 binh lính, sĩ quan với đầy đủ xe cộ lừa ngựa. Thời điểm ấy các đơn vị chủ lực của ta đã tung đi các ngả chuẩn bị khởi nghĩa. Ở trung tâm khu giải phóng chỉ còn một đơn vị do đồng chí Trần Thế Môn phụ trách. Khi được tin địch tấn công các đồng chí rất lo cho việc bảo vệ an toàn cơ quan chỉ đạo, bảo vệ Bác Hồ. Các đồng chí đề nghị Bác Hồ chuyển sâu vào trong núi. Bác phân tích tình hình so sánh thế lực giữ ta và địch. Người chỉ thị "Địch không thể vào được nếu ta quyết tâm chiến đấu và biết tổ chức đánh chặn chúng lại mặc dù lực lượng ta rất nhỏ. Nhận chỉ thị của Bác các chiến sỹ ta hạ quyết tâm chiến đấu thắng lợi để bảo vệ khu giải phóng, bảo vệ Bác. Đồng chí Song Hào thảo luận cùng đồng chí Trần Thế Môn chia làm hai cánh quân nhanh chóng tiến ra phục kích ở đèo Chấn con đường duy nhất nếu địch muốn vào Tân Trào".

Quân Nhật tiến qua các làng của Thanh La không một bóng người. Lúc đầu chúng còn dè dặt. Về sau chủ quan cho rằng quân cách mạng đã rút đi để tránh phải đương đầu với chủ lực của chúng. Địch không cẩn giữ vững đội hình nữa cho những toán vào bản cướp bóc lương thực, lợn, gà, vịt. Kiên trì và bình tĩnh đợi cho đại bộ phận quân địch lọt vào trận địa mai phục bấy giờ ta mới nổ súng. Bị đánh bất ngờ binh lính Nhật kêu la hoảng hốt đập lên nhau mà chạy. Ngay sau loạt đầu, hàng chục tên Nhật đã bị dền tột. Sau ít phút quân Nhật trấn tĩnh lại củng cố đội hình phản công; Súng cối các cỡ bắn như đổ đạn. Cây cối cành lá rụng rào rào, đất sỏi bay tung tóe. Dần dần địch phát hiện lực lượng của ta rất mỏng. Chúng càng ra sức xối xả nhả đạn vào hai bên bìa rừng. Có lúc hỏa lực của địch áp đảo hỏa lực của ta. Tuy vậy các chiến sỹ quân giải phóng gan dạ bình tĩnh lợi dụng mòm đá.

thân cây những vật che đỡ chắc chắn bên bị chiến đấu. Đang lúc cuộc chiến đấu đến phút căng thẳng nhất thì đột nhiên nổi lên những loạt đạn bắn tại sườn. Quân Nhật bối rối chúng ngỡ rằng lúc đó chủ lực của ta mới tham chiến. Thực ra chỉ là một tiểu đội hoạt động ở gần nghe tiếng súng biết địch vào căn cứ liền cấp tốc quay về. Từ lúc đó trận đánh trở nên quyết liệt hơn. Bị đòn đau địch vội vàng thu nhặt những tên bị thương đốt xác những tên chết. Bọn có lừa, ngựa, xe cộ rút theo đường 13A sang Thái Nguyên. Số còn lại rút qua Làng Nhà (*xã Kim Quan, huyện Yên Sơn*) theo đường núi quay lại thị xã Tuyên Quang.

Trận đèo Chấn chẳng những đánh bại cuộc hành quân lớn của giặc Nhật mà còn đánh quy mọi mưu toan tấn công khu giải phóng của chúng. Sau chiến thắng thanh thế của cách mạng ngày càng cao nhân dân các dân tộc trong vùng càng tin vào Việt Minh. Củng cố dân quân du kích vững vàng sẵn sàng chờ địch để đánh.

TRẬN ĐÁNH GIẶC NHẬT TẠI ĐỐC ĐỎ HỢP HÒA

Đầu tháng 4 năm 1945, dưới sự lãnh đạo của Phân khu ủy Nguyễn Huệ, đồng chí Hoàng Bắc Dũng, Kim Ngọc chỉ huy các đội tự vệ vũ trang cùng với nhân dân trong vùng tiến đánh đồn Thiện Kế với khí thế cách mạng hùng hực, bọn lính ở đồn hoang mang lo sợ tháo chạy. Đồn Thiện Kế được giải phóng quân ta tiến đánh và giải phóng đồn Anbe xã Hợp Hòa, nhân dân hồ hởi tham gia toàn quân khởi nghĩa ủng hộ vũ khí lương thực, thực phẩm. Trung tuần tháng 4 năm 1945 một đại đội tự vệ cứu quốc được thành lập tại Hợp Hòa. Kịp thời làm nòng cốt cho phong trào khởi nghĩa giành chính quyền ở vùng trung huyện.

Năm 1945, phát xít Nhật tập trung khoảng 500 binh lính từ Vĩnh Yên tiến lên hồng đánh chiếm lại đồn Thiện Kế và đồn điền

Anbe Hợp Hòa. Ngược lên đánh vào An toàn khu (Khu căn cứ cách mạng). Ý đồ của chúng không thực hiện được. Nhận được chỉ thị của phân khu ủy đại đội tự vệ cứu quốc dưới sự lãnh chỉ huy của đồng chí Bắc Dũng cùng với du kích trong vùng tổ chức phục kích chân dốc, một đội quân phục kích ở đầu dốc chờ địch lọt vào vòng vây quân ta nổ súng đánh chặn 2 đầu. Địch bị bất ngờ không kịp trở tay hoang mang tháo chạy lui về Vĩnh Yên. Khu căn cứ địa được bảo vệ an toàn. Trận này ta tiêu diệt được 12 tên. Thu được một số đạn, kịp thời trang bị cho các đội du kích làm nòng cốt cho phong trào khởi nghĩa giành chính quyền trong vùng. Sau trận đánh này nhiều nơi nhân dân thấy bọn tổng lý run sợ, chính quyền địch tan rã đã chủ động cử đại biểu đi đón Việt Minh về giải phóng quê hương.

CHIẾN THẮNG BÌNH CA LẦN 2

Thôn Thái An xã Vĩnh Lợi nằm sát bờ sông Lô về địa hình, địa thế có lợi cho việc đánh địch trên đường thủy. Tại đây Tiểu đoàn 42, Trung đoàn 147 đã đánh lui một trận đổ bộ của quân đội Pháp bằng súng bazoka, súng trường vào ngày 12-10-1947, bắn chìm một tàu chiến của Pháp một chiến công đầu tiên mở màn cho những chiến công tiếp theo trên sông Lô góp phần làm thất bại âm mưu dùng gọng kìm bao vây căn cứ địa Việt Bắc của thực dân Pháp.

Đầu tháng 11-1947 nhằm hỗ trợ cho lực lượng từ Chiêm Hóa rút về thị xã Tuyên Quang từng đoàn tàu của địch liên tục ngược xuôi trên sông Gâm, sông Lô để nghi binh uy hiếp quân ta. Mặt khác chúng tăng cường lực lượng từ Việt Trì đánh lên Đoàn Hùng nhằm kéo giãn lực lượng của ta.

Ngày 3-11-1947 từ thị xã Tuyên Quang địch dùng 2 canô chở gần 200 quân xuôi dòng sông Lô đổ bộ lên bến Bình Ca mở

một mũi tiến công vào vùng Sơn Dương hòng thu hút lực lượng kháng chiến. Lần này ta không bố trí pháo binh đánh tàu mà tập trung đánh địch trên bờ. Một tiểu đoàn vệ quốc do đồng chí Trường Minh chỉ huy phối hợp với quân tự vệ hai huyện Sơn Dương và Yên Sơn tổ chức trận địa trên đường vào Chợ Xoan.

Tận dụng yếu tố bất ngờ, ta để chúng lọt vào trận địa phục kích mới nổ súng. Địch chống trả quyết liệt bởi chúng biết phía trước chính là đường rút lui trong khi đó ta quyết tâm đánh bật địch trở lại.

Kết quả địch thiệt hại hơn 100 tên bỏ lại nhiều vũ khí đạn dược buộc phải quay lại Bình Ca xuống tàu rút về thị xã Tuyên Quang khu căn cứ cách mạng vẫn được bảo vệ an toàn.

Di tích Bình Ca đã được xếp hạng nhân dịp Kỷ niệm 50 năm Ngày chiến thắng Việt Bắc thu đông 1947. Bia chiến thắng Bình Ca đã được xây dựng vị trí bia sát trận địa pháo năm xưa. Thôn Thái An, chợ Xoan có công đóng góp làm nên chiến thắng Bình Ca năm xưa.

CHIẾN THẮNG ĐÈO KHẾ

BẢO VỆ AN TOÀN KHU CĂN CỨ ĐỊA CÁCH MẠNG

Đèo Khế, thôn Trúc Khê, xã Hợp Thành, bên kia đèo thuộc Văn Lãng - Đại Từ - Thái Nguyên. Bên này thuộc xã Hợp Thành - huyện Sơn Dương - Tuyên Quang. Đỉnh đèo là ranh giới giữa hai tỉnh Thái Nguyên - Tuyên Quang, đường đi ngoằn ngoèo hiểm trở.

Tháng 3 năm 1945, đồn Đãng Châu được giải phóng. Ủy ban cách mạng lâm thời được thành lập. Quân Nhật lỏng lẻo tiến quân từ Thái Nguyên qua Đèo Khế hòng cướp lại đồn Đãng Châu làm bàn đạp tiến vào khu căn cứ cách mạng. Tháng 4 năm 1945

được lệnh đội du kích thôn Trúc Khê, do đồng chí Hoàng Đức Thành chỉ huy đã bí mật phục kích chặn đánh, chúng phải rút lui. Nhưng chúng không từ bỏ ý đồ tiến đánh vào khu căn cứ cách mạng. Tháng 5 năm 1945, chúng lại tiếp tục hành quân lần này chúng đi ô tô, hùng hổ tiến thẳng vào khu căn cứ. Quân giải phóng và đội du kích xã Hợp Thành dưới sự chỉ huy của các đồng chí Nhị Quý và Lý Thanh, phục kích ở chân Đèo Khế chặn đánh. Quân Nhật thất bại bỏ chạy. Quân giải phóng và đội du kích thu được nhiều chiến lợi phẩm. Trong đó có một ô tô con và ba thùng súng đạn. Đến cuối tháng 5 năm 1945 chúng lại hành quân theo con đường khác tiến vào khu căn cứ. Đội du kích Làng Sào bí mật phục kích tại Góc Đa chặn đánh quân Nhật. Lại một lần nữa quân Nhật thất bại thảm hại bỏ chạy theo con đường sang Thái Nguyên.

Trong ba trận phục kích của quân giải phóng và đội du kích xã Hợp Thành đánh quân Nhật từ tháng 4 đến cuối tháng 5 năm 1945 làm cho chúng từ bỏ ý đồ tấn công. Khu căn cứ cách mạng được bảo vệ an toàn.

TRẬN ĐỊA TÊN LỬA PHÒNG KHÔNG ĐỘI KỶ LÂM, THÔN KỶ LÂM, XÃ KỶ LÂM

Thôn Kỳ Lâm, xã Kỳ Lâm nằm dưới chân quả đồi gọi là đồi Kỳ Lâm. Thôn gồm 300 gia đình Tày và Kinh cư trú làm nghề nông. Trước mặt thôn nhìn ra sông Phó Đáy. Cách cầu sắt Sơn Dương chừng 800m. Thôn nằm trong thị trấn Sơn Dương ngày nay.

Năm 1966, bộ đội tên lửa của chúng ta dùng quả đồi làm trận địa phòng không đánh máy bay Mỹ xâm phạm vùng trời Sơn Dương. Được sự giúp đỡ của chuyên gia nước ngoài bộ đội tên

lừa của ta phối hợp với dân quân địa phương đánh máy bay Mỹ khi chúng đánh cầu sắt Sơn Dương làm cho máy bay hoảng loạn, góp phần bắn rơi 3 máy bay Mỹ trên bầu trời Sơn Dương.

Tại trận chiến đấu này hai đồng chí chuyên gia Cuba đã hy sinh trong khi dũng cảm kiên cường chiến đấu. Trước khi tắt thở các đồng chí nhắc câu nói bất hủ của Chủ tịch Phiden Cuba "*Tổ quốc hay là chết*". Thi thể hai đồng chí được phủ bằng quốc kỳ Việt Nam. Hình ảnh này khắc sâu mãi mãi trong lòng nhân dân các dân tộc huyện Sơn Dương...

Nhìn lại thời kỳ 20 năm trước trong kho tàng lưu trữ số liệu của huyện vào những năm 1987. Sản lượng lương thực Sơn Dương mới đạt 36.897 tấn bình quân lương thực tính theo đầu người là: 189 kg/năm, nạn thiếu đói lúc giáp hạt diễn ra thường xuyên. Đời sống công nhân viên chức gặp nhiều khó khăn hộ đói nghèo chiếm khoảng 45% tổng số hộ trong toàn huyện.

Sau 20 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng nhân dân các dân tộc trong huyện đoàn kết chặt chẽ phát huy truyền thống của huyện anh hùng trong cứu nước vượt qua thách thức sáng tạo trong lao động, tạo đà chuyển biến toàn diện về chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục và an ninh quốc phòng.

Đặc biệt là Đảng bộ vững mạnh chỉ đạo xây dựng, gìn giữ, tu bổ các điểm di tích lịch sử cách mạng của huyện góp phần vào khu du lịch của tỉnh Tuyên Quang thủ đô kháng chiến, thủ đô giải phóng của cả nước thỏa lòng mong đợi cho khách du lịch trong và ngoài nước hành hương về cội nguồn tham quan và chiêm ngưỡng một vùng quê cách mạng năm xưa.

CHUYỆN KỂ VỀ BÁC TÔN BÊN DÒNG PHỐ ĐÁY

Lê Mậu Lâm - Trần Nhương

Con đường từ thị trấn Sơn Dương đi Tân Trào và từ Tân Trào đi Trung Yên, nơi bác Tôn ở và làm việc năm xưa sạch sẽ và phong quang sau những cơn mưa rào giữa mùa chớm lạnh. Nằm trên sườn đồi Chi Liền (thuộc thôn Chi Liền, nay là thôn Đồng Mả) xã Trung Yên, cạnh sông Phó Đáy hiền hoà, căn nhà sàn nhỏ nép dưới những tán cây xanh mát có cửa nhìn ra phía sông. Bờ kè sông Phó Đáy đã được làm lại, không còn những bậc thang khoét vào đất mà thay bằng những bậc xi măng dẫn xuống mé nước. Nơi đó năm xưa Bác Tôn hằng ngày xuống tắm giặt, thư giãn sau những giờ làm việc căng thẳng. Phía sau căn nhà Bác Tôn ở, ngôi nhà cấp 4 nhỏ lưu giữ những kỷ vật về Bác Tôn và tình cảm của đồng bào với Bác. Đó là mảnh chăn mầu đỏ Bác Tôn tặng ông Thanh Văn ở Tân Trào; chiếc áo ka-ki sẫm mầu tặng ông Ma Văn Chấn ở xã Kim Quan; chiếc áo trấn thủ tặng ông Giai ở xã Tân Lập và cả tờ công trái quốc gia ghi tên đồng chí Tôn Đức Thắng mua ngày 1-4-1951... đã hơn nửa thế kỷ trôi qua nhưng vẫn phẳng phất đầu dây bóng dáng giản dị, gần gũi của Bác Tôn sống gắn bó với đất, với nước và với đồng bào dân tộc Tày, Dao, Nùng một thời chia ngọt sẻ bùi. Cụ Ma Văn Ái, một trong những đồng chí trực tiếp bảo vệ cơ quan Quốc hội và bảo vệ Bác Tôn nhớ lại: "Phong thái đĩnh đạc mà giản dị, tình cảm của Cụ có sức thu hút lớn. Tôi nhớ thời gian đó cuộc sống rất thiếu thốn nhưng hề thấy đồng bào thiếu thứ gì Cụ có là cho ngay, nhất là với người già và cháu nhỏ. Trong sinh hoạt hằng ngày Cụ đều tự làm. Nhiều khi chúng tôi thấy Cụ bận quá ngổ ý muốn làm giúp việc giặt giũ.

dọn dẹp nhưng Cụ không cho, nói là phải vận động để tốt cho sức khoẻ..." Ông Nguyễn Văn Vĩnh, năm nay 76 tuổi, hiện đang sống ở thôn Quan Hạ (xã Trung Yên) kể: "Cuối năm 1945, khi cơ quan Quốc hội chuyển về tiếp quản Thủ đô, tôi đến gặp Cụ để hỏi mượn căn nhà Cụ đang ở cho gia đình tôi ở, Cụ vui vẻ đồng ý ngay, lại còn cho nhiều vật dụng sinh hoạt. Vườn rau do Cụ và anh em trồng cả nhà tôi ăn đến hết năm sau. Cụ Tôn giống như người Tây mình thôi mà". Những người già ở Trung Yên như cụ Mai Liên, cụ Triệu Minh Cương nhớ lúc còn trẻ con thường hay ra bên Đáy tắm, nghe Cụ Tôn kể chuyện có hôm quên cả về. Nhiều người được Bác Tôn cho thứ gì, cứ giữ mãi để nhớ và kể cho con cháu về "Cụ già miền Nam" tốt bụng. Chẳng thế mà sau này, khi Bảo tàng Tuyên Quang tổ chức sưu tầm hiện vật về Bác Tôn, đồng bào liền mang đến để nhờ bảo tàng giữ hộ. Hiện những chiếc áo bông, đôi dép hay chiếc giá sách của Bác Tôn vẫn còn được lưu giữ ở bảo tàng. Chỉ có như vậy hôm nay chúng tôi mới thấy được bằng chứng sống động nhất về Bác Tôn trong những năm tháng sống và làm việc tại đây. Vào cuối năm 1953, cơ quan Ban Thường trực Quốc hội, Mặt trận Liên Việt chuyển từ Tân Trào về thôn Chi Liên (xã Trung Yên) lúc đó đồng chí Tôn Đức Thắng đang giữ chức vụ Quyền Trưởng Ban Thường trực Quốc hội, Chủ tịch Mặt trận Liên Việt. Dưới sự chỉ đạo của đồng chí Tôn Đức Thắng, hai cơ quan đã hoạt động sôi nổi, tích cực, góp phần quan trọng cùng các cơ quan Trung ương Đảng, Chính phủ lãnh đạo cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc. Tại đây, đồng chí Tôn Đức Thắng đã đón tiếp và làm việc với Đại sứ quán Liên Xô và Trung Quốc; chủ trì Hội nghị liên tịch giữ Ủy ban Liên Việt toàn quốc; chủ trì Hội nghị Ủy ban Liên Việt toàn quốc mở rộng; chủ trì phiên họp Đại biểu Quốc hội, kỳ họp thứ 3 (từ ngày 1 đến 4-12-1953); chủ trì cuộc họp khối Mặt trận Liên Việt về việc tiếp quản Thủ đô Hà Nội (tháng 10-1954).

Tiếp chúng tôi trong trụ sở Đảng uỷ, UBND xã, Bí thư Đảng uỷ xã Trung Yên Nông Quang Minh tự hào cho biết: "Người dân Trung Yên nhớ và làm theo Bác Tôn bằng những hành động cụ thể để xứng đáng là vùng đất truyền thống cách mạng. Hiện nay cả xã chỉ còn 5% số hộ nghèo, 100% số trẻ em trong độ tuổi được đến trường. Cả xã cũng từng bước thực hiện có hiệu quả học tập và làm theo tám gương đạo đức Bác Hồ, Bác Tôn hằng hái tâng gia lao động, sản xuất, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí...". Xã thường xuyên tổ chức cho học sinh các trường học, đoàn thanh niên, các thôn, bản làm tổng vệ sinh đường làng ngõ xóm, các khu di tích vào mỗi thứ 7 hằng tuần; giao lưu, kể chuyện, học tập về nguồn mỗi tháng từ một đến ba lần; tổ chức cắm trại vào những dịp lễ lớn... Trên địa bàn xã Trung Yên hiện có 17 di tích là trụ sở của các cơ quan Trung ương đóng trong thời gian kháng chiến. Nổi bật nhất phải kể đến di tích cơ quan Quốc hội, nhà và hầm Bác Tôn, Bộ Nội vụ, Nha Thông tin, Thông tấn xã... Đó là niềm tự hào và cũng là nhiều thuận lợi cho cấp uỷ Đảng, chính quyền và nhân dân xã trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội. Nhân dân xã Trung Yên phải xứng đáng với truyền thống cách mạng bằng những hành động thiết thực, đó là phải xoá đói, giảm nghèo, thực hành nếp sống văn hoá, văn minh trong việc cưới, việc tang...

Tháng Tám này, bên dòng sông Phó Đáy hiền hoà bắt nguồn từ Cao Bằng đổ về xuôi và hoà vào sông Lô, sông Hồng chảy qua Thủ đô Hà Nội. Hành trình của nó như còn mang bóng hình Bác Hồ, Bác Tôn và biết bao anh hùng, liệt sĩ trong cuộc kháng chiến trường kỳ giải phóng đất nước.

TRONG PHÊ BÌNH PHẢI CÓ TÌNH ĐỒNG CHÍ THƯƠNG YÊU LẤN NHAU

Nguyễn Việt Thanh

Giám đốc Sở VHITDL tỉnh Tuyên Quang

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, nâng cao đạo đức cách mạng phải chống chủ nghĩa cá nhân. Muốn chống chủ nghĩa cá nhân, một trong những biện pháp quan trọng là thực hành tự phê bình và phê bình nghiêm chỉnh trong Đảng.

Nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình, theo Hồ Chí Minh là:

- Tự phê bình và phê bình phải có tình đồng chí thương yêu giúp đỡ lẫn nhau, thấu lý, đạt tình.

- Tự phê bình và phê bình phải ráo riết, triệt để, không nề nang, không thêm, không bớt, không dùng những lời mĩa mai, cay độc, châm chọc, phải vạch rõ cả ưu điểm lẫn khuyết điểm, phê bình căn cứ vào việc làm, chứ không suy diễn, quy kết.

Cách tự phê bình và phê bình của Bác Hồ luôn hàm chứa nội dung sâu sắc, bao dung, luôn thể hiện từ "*Tình đồng chí thương yêu lẫn nhau*". Xin kể lại câu chuyện của đồng chí Vũ Kỳ, thư ký riêng của Bác Hồ, nói về tự phê bình và phê bình của Người (câu chuyện này chúng tôi ghi lại trong buổi làm việc với đồng chí Vũ Kỳ để đề nghị đồng chí viết bài về Bác Hồ, nhân kỷ niệm 105 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh).

Ngày 19-5-1948, tại chiến khu Việt Bắc. Hôm đó, tôi (đồng chí Vũ Kỳ) có mời một số đồng chí về ăn cơm với Bác, nhưng có lẽ vì bận công tác đột xuất nên không ai đến được.

Nghĩ sinh nhật Bác mà để Bác phải ngồi ăn cơm một mình, tôi đánh bạo thưa với Bác:

- Thưa Bác, hôm nay cho phép cháu được ăn cơm với Bác.

Bác nheo nheo cặp mắt hiền từ nhìn tôi, rồi tùm tùm cười:

- Chú tự mời thì chú tự đến.

Nghe Bác nói tôi hơi lòng, hơi dạ.

Trong bữa cơm hôm đó, tôi thưa với Bác một số vấn đề về công tác phê bình, đoàn kết của bộ phận phục vụ:

- Cháu làm việc với Bác đã lâu, nhưng chưa một lần nào cháu thấy Bác nặng lời với cháu. Thế mà chỉ mấy anh em, chúng cháu thỉnh thoảng lại cáu gắt với nhau.

- Bác vừa ăn vừa nghe tôi nói, rồi ôn tồn bảo tôi:

- Chú làm việc với Bác lâu, thì Bác làm việc với chú cũng lâu chứ, thế mà Bác có thấy bao giờ chú cáu gắt với Bác đâu.

Tôi đang ngỡ ngàng về cách đặt vấn đề của Bác, thì đã nghe Bác nói tiếp, vẫn với giọng hiền từ:

- Hai Bác cháu ta có gì khó khăn thì bàn bạc với nhau, cùng giải quyết việc gì mà phải nặng lời, việc gì mà phải cáu gắt. Đó chính là do Bác tôn trọng chú, chú tôn trọng Bác. Chú cứ tự nghĩ xem, trong quan hệ công tác, các chú thật sự tôn trọng nhau chưa? Theo Bác, sở dĩ, chú hay cáu gắt với anh em, cái chính là do chú chưa tôn trọng anh em đúng mức.

Suy nghĩ về những lời dạy của Bác, tôi càng thấm thía. Nếu quả đúng là cá tính thì tại sao chỉ nóng với cấp dưới, chứ không bao giờ dám "nóng" với cấp trên.

Bữa ăn hôm ấy có thêm món chuối tiêu trắng miệng do tự tay Bác trồng. Lúc ngồi vào bàn ăn, Bác thân mật dặn tôi, ăn cơm vừa phải còn để bụng ăn chuối tiêu. Khi vừa ăn chuối Bác vừa hỏi:

- Chú thấy bánh ga tô có ngon không?

- Thưa Bác ngon lắm ạ.

- Thế Bác mời chú ăn cơm, không nói cho chú biết sẽ có chuối hay bánh ga tô tráng miệng, cứ để chú ăn no căng bụng, thì lúc ăn bánh ga tô còn ngon nữa không?

- Thưa Bác, lúc đó thì bớt ngon ạ.

Tôi đang cố suy nghĩ xem Bác nói chuyện này để nhằm giáo dục vấn đề gì đây thì Bác tiếp tục hỏi:

- Bớt ngon mà Bác cứ bắt chú ăn, liệu chú có khó chịu không?

- Thưa Bác, khó chịu ạ.

Bác cứ dẫn dắt như thế, rồi kết luận:

- Bánh ga tô ngon, nhưng ăn không đúng lúc cũng không ngon. Tự phê bình và phê bình cũng vậy. Phải đúng lúc và đúng cách và điều quan trọng là phải biết tôn trọng lẫn nhau.

Trong bản Di chúc vô giá để lại cho toàn Đảng, toàn dân ta, Bác viết: "Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng" và trong phê bình "*phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau*". Vì thế, Người căn dặn, khi tự phê bình và phê bình cần phải để phòng: Việc đầu cơ, lợi dụng phê bình để đạt mục đích tự tư, tự lợi; tránh khuynh hướng "*dĩ hoà vi quý*" (không tự phê bình cũng chẳng phê bình ai) và thái độ cực đoan, máy móc, "*đối với những người có khuyết điểm và sai lầm thì như đối với hổ mang, thuồng luồng*".

Tháng 6 năm 2008

TÔI LÀ NGƯỜI DÂN, TÔI CŨNG CÓ QUYỀN PHÊ BÌNH BỘ ĐỘI CHỦ

Trần Minh Trường *sưu tầm*

Vào khoảng đầu tháng 6-1945, tiết hè thật là oi ả. Đơn vị chúng tôi sau mấy ngày hành quân vất vả được lệnh trú quân xây dựng lán trại trong một khu rừng khá đẹp ở gần thôn Tân Lập (xã Tân Trào, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang). Cán bộ và chiến sĩ trong đơn vị ai lấy đều cố sức chặt nữa, dựng nhà... Chẳng bao lâu lán trại nhìn cũng khang trang, đẹp mắt. Chỉ phải cái, phần vì mệt mỏi, phần thì do thói quen luộm thuộm của nhà nông (chúng tôi hầu hết là nông dân mà) nên vào trong lán trại của chúng tôi thì thấy ngay cảnh bừa bộn, nhiều khi đến khó chịu. Trong nhà ở của anh em, giường chiếu tuy ngay ngắn, nhưng người thì "*chống ngược*", người thì nằm xuôi (để hướng ra cửa sổ cho mát), dưới gầm giường thì chao ôi, đủ thứ đồ đạc bằng mây, tre mà anh em làm trong lúc rỗi, đôi khi có cả những cái "*bu gà*" còn đang đan dở nữa...

Chuyện đó lúc đầu thì cũng có dăm ba ý kiến nhưng sau chẳng ai nhắc đến nữa, bởi vì từ cán bộ đến chiến sĩ ai cũng thâm nghĩ: "*Thôi, dân dân sẽ ổn định*". "*Rồi đâu khắc vào đó mà!*"...

Cho đến một hôm... vào lúc nửa buổi sáng, chúng tôi thấy có mấy bác "*đông bào*" đến thăm (chúng tôi vẫn thường gọi nhân dân quanh vùng là "*đông bào*"). Ban chỉ huy đơn vị được giới thiệu đây là đoàn đại biểu của nhân dân địa phương, nên sau khi trò chuyện, theo yêu cầu của các đại biểu, chúng tôi dẫn họ đi

thăm quan nhà ở, nhà ăn và xung quanh khu lán trại... Sau khi đi một vòng, quay về nhà của Ban chỉ huy đơn vị, một đại biểu dáng trông mảnh khảnh và là người già nhất trong đoàn có ý kiến phê bình cách sinh hoạt luộm thuộm, bừa bộn, thiếu nền nếp của đơn vị. Cái đó thì đúng quá rồi, nhưng dù sao với tư cách chỉ huy bộ đội, tôi cũng vẫn tự ái, nên đáp:

- Phê bình chúng tôi, chuyện ấy đã có cấp trên của chúng tôi.

Ý tôi muốn ám chỉ “không phải việc của cụ”.

Cụ già nhìn tôi rồi ôn tồn trả lời:

- Tôi là người dân, tôi cũng có quyền phê bình, góp ý với bộ đội chứ! Bộ đội cách mạng là bộ đội của dân cơ mà!

Lúc này thì tôi thấy rõ ràng mình sai, nên đành xin lỗi cụ và các đại biểu, đồng thời hứa sẽ sửa chữa.

Ngay sau đó, tôi được biết, cụ già phê bình chúng tôi chính là Cụ Hồ Chí Minh và bài học đầu tiên mà Người dạy cho tôi cũng chính là điều đầu tiên mà bất cứ người chiến sĩ nào cũng ghi nhớ: Phải tôn trọng nhân dân.

CÙNG CỐ LÀ GÌ?

Trần Thị Minh Châu

Đồng chí Trần Thị Minh Châu nhớ lại:

Hồi ở Tân Trào (huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang), có lần tôi được giao nhiệm vụ giảng chính trị cho một lớp học vô tuyến điện. Trước đó đã có mấy lớp, nhưng chủ yếu học viên là công nhân hoặc nông dân. Lớp này hầu hết là anh em trí thức trẻ. Điều đó làm tôi hết sức lo lắng, nhờ mình giảng có những gì thiếu sót...

Biết vậy, nên buổi lên lớp đầu tiên Bác đã đến dự. Bác ngồi ở bàn cuối như một học viên.

Trong khi giảng bài, tôi nói nhiều lần về “củng cố phong trào” và đưa ra một số danh từ mới.

Trong giờ giải lao, Bác hỏi:

- Thưa, “củng cố” là gì ạ?

Cả lớp chờ đợi, còn tôi nóng bừng cả mặt nhưng vẫn lấy can đảm giải thích:

Thưa Bác, củng cố là làm cho nó vững vàng lên.

Bác nói:

- Sao đồng chí không giảng thế cho chúng tôi dễ hiểu.

Tiếp thu lời Bác, trong các bài giảng sau, tôi đều chọn những từ phổ thông, dễ hiểu, dễ nhớ để truyền đạt cho học viên.

NHU GIỮ ĐỒNG BẠC TRẮNG

Đoàn Minh Tuấn

Một bữa chị em phụ nữ thôn Tân Lập (xã Tân Trào, huyện Sơn Dương) tập trung xay thóc, giã gạo chuẩn bị lương thực (cho cán bộ, bộ đội) thì Bác đi công tác qua, dừng lại hỏi chuyện:

- Chị em có biết mình xay thóc, giã gạo thế này là để làm gì không?

Mọi người chưa hiểu, nên đưa mắt nhìn nhau. Bác nói tiếp:

- Xay thóc, giã gạo để cán bộ và bộ đội có cơm ăn đánh Tây, đuổi Nhật. Như vậy là chị em ta cũng góp phần đánh Tây, đuổi Nhật đó.

Bác lại hỏi:

- Nếu chị em ta có đồng bạc trắng thì cất giấu ở đâu cho khỏi mất?

Chị em vui vẻ trả lời Bác. Người thì nói là cho vào hòm khoá lại. Người thì cho là bỏ vào túi vải luôn mang ở bên mình...

Đợi mọi người nói hết, Bác kết luận:

- Ai nói cũng đúng. Cất như vậy là kín. Bây giờ ở bản ta có cán bộ, bộ đội, chúng ta cũng phải giữ bí mật bảo vệ họ cán thân như giữ đồng bạc trắng. Vì nếu để lộ ra thì dễ hỏng mất việc nước.

NHIỆM VỤ CỦA ỦY BAN DÂN TỘC

Đoàn Minh Tuấn

Hôm bố mặc Đại hội Quốc dân (họp tại đình Tân Trào, xã Tân Trào, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang ngày 16, 17-8-1945), một đoàn đại biểu nhân dân xã Tân Trào đã mang quà đến chào mừng.

Trong đoàn còn có em bé chừng chín, mười tuổi đi theo. Bác cử đồng chí Trần Huy Liệu ra cảm ơn, rồi nhắc thêm:

- Đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban giải phóng phải cảm ơn chị em phụ nữ địa phương đã góp công sức lớn vào công việc chung.

Nhìn em bé gầy yếu, Bác bước đến cầm tay em rồi quay về phía các đại biểu nói:

- Ở tuổi này, đáng lẽ các em được vui chơi, được đi học, được ăn no, mặc lành. Nhưng ở đây, hàng ngày các em phải chân trâu, lấy củi, cống nước mà ăn không đủ no, mặc không đủ ấm...

Ngừng một lát, Bác nói tiếp:

- Nhiệm vụ của Ủy ban dân tộc giải phóng là làm sao để giải phóng dân tộc để cho nhân dân được hạnh phúc, cho con em ta được ấm no, học hành. Chúng ta hứa phấn đấu để đạt được mục đích ấy.

Câu nói trên đã gây xúc động sâu sắc trong lòng các đại biểu về nhiệm vụ ấy, về sau Bác còn nhắc nhở luôn.

ĐỪNG BÀY VẼ LÀM GÌ

Đoàn Minh Tuấn

Những ngày đầu mới về bản, Bác ăn cơm được ít, mà lại làm việc suốt. Nhiều đêm gà gáy lần thứ hai, thức giấc vẫn thấy Bác chong đèn đọc sách, ghi chép.

Nhìn dáng Bác gầy, vẻ mệt nhọc, mọi người đều ái ngại. Lại càng áy náy hơn khi thấy bữa ăn quá đạm bạc của gia đình.

Một lần ông Tiến Sự xuống sân như bắt được một con gà lên đình thịt. Thấy vậy Bác nhất định bắt thả gà ra. Bác bảo:

- Đừng bày vẽ làm gì, tôi có phải là khách đâu. Gia đình ăn thế nào thì tôi cũng ăn thế!

Rồi Bác tiếp: “Nếu cán bộ nào đến ở cũng mổ gà thì nhà lấy đâu làm gà vậy”.

Thấy ông Sự còn băn khoăn, Bác hỏi:

- Nhà ta có vùng không, có lá chè xanh không?

Ông Sự đáp: “Đạ thưa, vùng có mấy ống, còn chè xanh trên nương nhiều lắm”.

Bác nói:

- Thế thì không lo. Ta dùng măng chấm muối vùng, lấy nước chè chan cơm. Ăn như thế là ngon rồi.

TÔI ĐI LẤY THUỐC CHO

Việt Dũng

Đồng chí Việt Dũng kể:

Hồi cơ quan rời làng lên ở núi Nà Lừa (xã Tân Trào, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang), một lần tôi bị sốt rét.

Phải buổi anh em đi công tác vắng hết. Cơn sốt ập đến, tôi đã quẩn chân chặt mà hai hàm răng đánh vào nhau lập cập. Hết sốt rét lại sang sốt nóng, đầu nhức buốt khó chịu.

Đang mê man, bỗng thấy một bàn tay mát dịu đặt lên trán và một giọng nói ấm áp:

- Đồng chí nào mệt đấy?

Nhận ra tiếng Bác, tôi vội thưa:

- Thưa Bác cháu bị sốt rét.

Bác bảo:

- Chú cố ngồi dậy, dựa lưng vào cột cho tỉnh hẳn. Tôi đi lấy thuốc cho.

Bác đi rồi, tôi nghĩ: Chắc Bác đang làm việc, tại mình nói mê hay run quá làm động sàn nên Bác mới biết được. Mình là y tá, chưa giúp Bác được việc gì, thì chính Bác lại tự tay chăm sóc mình.

Rồi Bác đến, đưa cho tôi hai viên ký ninh trắng dẹt trong một chiếc lọ con cũng chỉ còn vài viên.

Cầm hai viên thuốc quý Bác cho mà lòng tôi rung rung...

KÝ ỨC TÂN TRÀO

Trần Thị Minh Châu *kể*

Phan Sỹ Phúc *ghi*

Hơn 50 năm đã qua, song trong tôi ký ức về những ngày ở Tân Trào vẫn luôn luôn sống động. Khi Khu giải phóng được thành lập (4-6-1945), đang tham gia phong trào du kích ở Võ Nhai, Đình Bảng, tôi chuyển về Tân Trào và được giao phụ trách Văn phòng của Ủy ban Khu giải phóng. Lúc này, Ủy ban có hai bộ phận: Bộ phận quản lý do anh Khang (tức Hoàng Văn Thái) - lúc đó có tên là Lý phụ trách. Còn Văn phòng do tôi - lúc đó lấy tên là Chi phụ trách. Trong thời gian này, Văn phòng Khu giải phóng chỉ có mình tôi là nữ. Đối với cán bộ thì ai Bác cũng quý, song với tôi là nữ nên Bác còn ưu ái hơn.

Những ngày gần tới Tổng khởi nghĩa, Bác ốm luôn và gầy lắm. Có lúc Bác không thể đi lại được. Mọi người ai cũng lo lắng, nhất là anh Văn chạy ngược chạy xuôi tìm cách chữa cho Bác. Ai cũng cố gắng bồi dưỡng cho Bác. Một hôm, nhân có người từ Hà Nội lên mang theo được một ít hạt sen, tôi bàn với các anh nấu cháo gà với hạt sen cho Bác và được các anh đồng ý. Tôi ninh một con gà với hạt sen và một ít sâm, ninh xong rồi mà không ai dám đưa lên cho Bác, vì sợ Bác phê bình. Mọi người bàn chỉ có tôi là nữ, mang lên cho Bác may ra Bác thông cảm mà nhận. Tôi bỏ cháo vào một cái cà mèn vuông rồi đưa lên. Tôi cũng rất lo. Lên tới lán Nà Lừa nơi Bác ở, thấy Bác đang ngủ, tôi khẽ khàng để cái cà mèn vào phía đầu giường của Bác rồi đi ra. Song, sợ chờ lâu cháo nguội và cũng chẳng còn cách nào hơn, tôi lấy một hòn

sôi ném vào phèn lán. Thấy động Bác choàng dậy và quờ tay trúng cái cà mèn, rất may là nó không đổ. Ở bên ngoài, tôi vừa theo dõi vừa nghĩ:

“Bác mở ra biết là cái ăn mà vẫn không biết ai đưa lên, lỡ Bác không ăn là tôi không hoàn thành nhiệm vụ anh em giao phó”.

Bác mở cà mèn, một lúc sau sẽ ra một ít xúc ăn. Đợi Bác ăn xong, tôi mới vào lán, Bác hỏi:

- Cô Chi mang cái này lên phải không?

- Vâng, thưa Bác, cháu mang lên nhưng lúc đó Bác đang ngủ nên cháu để lại đây chờ Bác!

- Lần sau cô đừng làm thế này nữa. Bác không ăn đâu. Lần này, cô mang lên, Bác ăn một ít, còn đây cô mang về chia cho anh em.

- Thưa Bác, nhưng mà anh em đông lắm, chia thế nào được ạ! Cứ để lại đây chiều cháu hâm nóng lên để Bác ăn.

- Bác không ăn nữa đâu. Anh em đông thì không chia được thật. Nhưng bây giờ cô cứ đưa về xem chú nào ốm nhất thì đưa cho chú ấy ăn.

Tôi đành phải mang về và rất sợ các anh ở nhà phê bình. Tối nơi, tôi kể lại chuyện cho các anh nghe và sau đó chuyển cho đồng chí Phạm Văn Đông và một đồng chí nữa, hai người ốm nhất lúc đó ăn. Sau này, anh Văn có kể lại: Một buổi tối, tỉnh lại sau cơn sốt, Bác nói với anh Văn rằng: Lúc này, thời cơ thuận lợi đã tới, dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn, cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập. Câu nói lịch sử khẳng định quyết tâm của Bác trước thời cơ Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trên phạm vi cả nước đã chín muồi.

Sau ngày Tổng khởi nghĩa thắng lợi, Chính phủ làm thời bắt đầu về Hà Nội. Bác, anh Văn và một số đồng chí được về, một số người có cả tôi phải ở lại. Đến lúc Bác chuẩn bị về, lúc đó chúng tôi (gồm cả anh Hoàng Hữu Nam, anh Đàm Quang Trung...) mới buồn ra mặt. Buồn, song không kêu ca phàn nàn gì, ai cũng thắc mắc là tại sao mình lại không được về. Sáng hôm Bác lên đường về Hà Nội; chúng tôi không ai dậy cả, Bác thấy vậy bèn cho người đi gọi bảo là triệu tập để họp. Khi chúng tôi đến, Bác bảo:

- Bác biết các cô, các chú người nào cũng muốn về Hà Nội vì đã bao nhiêu năm nay thời cơ cách mạng cướp chính quyền đến ai cũng muốn đi lắm chứ. Nhưng đợt này Bác về mà các chú, các cô không được về là vì các cô, các chú nên nhớ rằng cách mạng phải có đường tiến và có đường lui. Đừng tưởng rằng kỳ này chúng ta về là sẽ không quay trở lại rừng núi, trở lại căn cứ nữa đâu. Cho nên, bây giờ Bác giao cho các cô, các chú nhiệm vụ ở lại giữ căn cứ này. Đây cũng là một nhiệm vụ quan trọng chứ không phải lý do gì mà không cho các cô, các chú về xuôi đâu!

Lúc này chúng tôi mới hết thắc mắc. Ai cũng vui vẻ, hoá ra chúng tôi ở lại đây vẫn có nhiệm vụ Bác giao, chứ không phải là Bác đã bỏ rơi, không cho chúng tôi về xuôi.

MÌNH KHÔNG ĂN THÌ DÂN ĂN

Nguyễn Hữu Kháng *kể*

Hồ Vũ *ghi*

Mỗi lần chuyển cơ quan đến địa điểm mới Bác lại nhắc nhở chiến sĩ bảo vệ và cán bộ các cơ quan lo việc trồng rau, trồng đu đủ, trồng chuối... để cải thiện đời sống.

Lần này có lệnh di chuyển khi khu vườn bên sông Phó Đáy (xã Tân Trào, huyện Sơn Dương) các loại rau vừa bẻ rễ tươi tốt, giòn su su vừa bói quả.

Các chiến sĩ bàn nhau thu hoạch vớt được thứ gì thì hay thứ ấy. Có anh còn định chạy sang cả vườn Bác để mót thêm.

Nào ngờ, thấy Bác đang chăm chú bắt ngọn cho dây bầu leo giàn và vun gốc bí ngô. Thấy thế, chiến sĩ nọ hỏi:

- Thưa Bác, cơ quan ta không chuyển nữa ă?

Bác hỏi lại: "Vì sao?"

Chiến sĩ thưa:

- Dạ, vì thấy Bác vẫn vun xới, cháu tưởng...

Hiểu đầu đuôi Bác vừa làm, vừa nói:

- Sao các chú nghĩ lạ vậy. Ta cứ trồng. Mình không ăn thì dân ăn. Vả lại đoạn đường này ta còn phải qua lại nhiều, đề phòng khi thiếu rau thì đã có sẵn nơi mà lấy chứ.

Nghe ra, chiến sĩ nọ vội chạy về báo anh em đừng vội thu hái rau trái còn non.

THANH GƯƠM BÁC TRAO CHO VỊ TƯỚNG

Kim Dung

Thượng tướng Trần Văn Trà không bao giờ quên kỷ niệm lần đầu tiên được gặp Bác Hồ kính yêu. Câu chuyện diễn ra như một giấc mơ, giữa những ngày toàn quốc kháng chiến ở núi rừng Việt Bắc. Đó là vào một ngày của năm 1948 lịch sử. Trần Văn Trà đại diện cho lực lượng vũ trang cùng một trung đội bảo vệ cùng đi để bảo vệ đoàn đại biểu quân chính Nam Bộ do đồng chí Phạm Văn Bạch dẫn đầu ra công tác và thăm Chủ tịch Hồ Chí Minh ở chiến khu Việt Bắc. Vượt qua bao nhiêu dặm đường, đầy khó khăn cản trở, lòng mỗi người con Nam Bộ luôn hướng về miền Bắc, hướng về Bác Hồ.

Được tin Đoàn đại biểu Nam Bộ đến Sơn Dương, Hội đồng Chính phủ phái ba người là cha Phạm Bá Trục, Nguyễn Văn Tạo và Trần Duy Hưng đi đón tại địa điểm đặc biệt.

9 giờ sáng ngày 3-10-1948, Đoàn đại biểu Nam Bộ đến gặp Chính phủ. Cuộc đón tiếp rất đơn giản và thân mật. Hồ Chủ tịch ra đón rồi hôn từng người một ở ngoài cửa.

Ông Trần Văn Trà báo cáo về quân sự. Sau khi ba đại biểu Nam Bộ báo cáo xong, các đại biểu Nam Bộ đem những tặng phẩm kỷ niệm của nhân dân miền Nam nhờ đoàn gửi kính biếu Bác Hồ và Chính phủ. Trong số này, có một tác phẩm làm cho Bác Hồ hết sức cảm động là bức họa hình Hồ Chủ tịch và ba em

BẢN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

thiếu nhi tượng trưng ba miền Trung - Nam - Bắc. Ba em bé vây quanh Bác Hồ, một em nắm râu Bác. Bác Hồ rơm rớm nước mắt khi biết bức họa này của một họa sĩ đã lấy máu mình vẽ lên bức tranh này, vừa đẹp vừa mang đầy ý nghĩa.

Bác Hồ ngắm mãi những bức họa tả cảnh chiến trường miền Nam, những trận thắng oanh liệt của bộ đội ta.

Thượng tướng Trần Văn Trà nhớ mãi bữa cơm tiền đoàn. Hôm ấy trong không khí thân mật. Bác Hồ đã trao cho ông một thanh gươm và nói:

- Bác trao cho chú thanh gươm quý giá này đưa về cho đồng bào Nam Bộ để diệt thù. Chú báo cáo với đồng bào rằng lòng Bác, lòng Đảng lúc nào cũng ở bên cạnh đồng bào. Chúng ta đồng lòng vì nước, nhất định chúng ta sẽ thắng.

Giọng của Bác ấm vang chứa chan tình cảm gửi gắm ông đến đồng bào miền Nam. Nhận thanh kiếm quý giá của Người gửi tặng, ông hiểu đó cũng chính là mệnh lệnh mà Bác Hồ đã giao cho các tướng sĩ tiến lên tiêu diệt quân thù để giải phóng quê hương...

NHỚ BÁC

Vi Thị Hối kể

Phạm Thuyết ghi

Tôi nhớ vào tháng 4 năm 1947. Bác Hồ, Trung ương Đảng, Chính phủ trở lại Làng Sào - Hợp Thành huyện Sơn Dương tỉnh Tuyên Quang để chỉ đạo cuộc trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược nước ta.

Đầu năm 1948 bố tôi là ông Vi Văn Tình đội trưởng đội du kích Làng Sào ốm nặng. Bác Hồ nói với bố tôi cho ông Phúc tức Trường “đi lại” trông nom giúp đỡ, cũng vào năm ấy ông Trường báo cáo với cơ quan được Bác Hồ đồng ý cho người đến hỏi và cưới ngay, tôi tác thành với ông Trường. Bác Hồ còn tặng tôi chiếc khăn “Bà Má” mới tinh. Tuy chiếc khăn lâu ngày không còn nữa nhưng kỷ vật ấy khắc sâu trong tôi, trong cuộc đời một cô gái Tây vát vả vì nghèo như tôi. Sống trong vất vả và nghèo túng nhưng vợ chồng tôi rất hạnh phúc:

Thi thoảng Bác và cơ quan lại cho chồng tôi về thăm nhà, tôi hình dung chắc là cơ quan gần nhà nhưng tôi không dám hỏi nhà tôi. Dần dần tôi cũng biết và đến lán cơ quan cảnh vệ chân núi Lim thăm chồng.

Anh ạ!

Mỗi một lần như thế chỉ được một tối thôi...

BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

Ngừng một lúc bà kể tiếp:

Nhưng cũng có được mấy đứa con kháng chiến đấy anh ạ. Năm 1950 tôi sinh đứa con đầu lòng tên nó là Hoàng Thị Thu tôi thường gọi nó là Hồ Thị Thu. Lấy họ Bác để nhớ, để ơn và cũng là kỷ niệm ngày Bác thay tên đổi họ cho ông Trường nhà tôi.

Tôi biết Bác bận trăm công, ngàn việc, lo cho nước, lo cho dân nhưng Bác vẫn quan tâm đến hạnh phúc cho mọi công dân trong đó có tôi. Thật là một tấm gương đạo đức của Bác trong sáng mãi mãi cho mọi người học tập và noi theo.

Riêng tôi tấm gương đạo đức ấy khắc sâu trong tôi và tôi luôn kể lại về Bác cho các con cháu họ hàng nhà tôi nghe học tập và noi theo./.

BÁC HỒ THĂM SƠN DƯƠNG

Phạm Thuyêt

Năm 1961 Bác Hồ lên thăm Sơn Dương tại Tân Trào, nhân dân các dân tộc huyện Sơn Dương náo nức, vui mừng, phấn khởi cử đại diện về huyện đón Bác sau 16 năm xa cách ai ai cũng muốn nhìn vị lãnh tụ kính yêu của mình.

Đình Tân Trào thuộc huyện Sơn Dương lại một lần nữa đón Bác. Cuộc mít tinh của nhân dân địa phương và đại biểu các dân tộc toàn huyện được tổ chức trên cánh đồng sau đình. Từ chỗ máy bay đỗ Bác đi thẳng vào đình rồi ra nói chuyện với nhân dân. Bác hỏi thăm tình hình sản xuất nông nghiệp, xây dựng đời sống mới của nhân dân các dân tộc huyện Sơn Dương và quê hương Tân Trào.

Bác Hồ ân cần hỏi đồng chí cán bộ xã, các gia đình ở đây đã vào hợp tác xã nông nghiệp hết chưa. Khi biết còn các hộ vì ở phân tán nên chưa vào, Người nhắc phải lập tổ đổi công cho các gia đình ở xa đó.

Sau cuộc mít tinh Bác xuống bờ ruộng ngồi trò chuyện thân mật và mời các cụ già thuốc lá. Tôi và anh Hải Hà vinh dự đứng gần đó nhưng Bác không cho. Xong tôi nghĩ: Được nhìn thấy Bác, Người mạnh khỏe là tôi sung sướng và hạnh phúc lắm rồi.

Bác vào đình uống nước và nói chuyện với các đồng chí địa phương bên chiếc bàn nhỏ kê trước hương án của đình. Bác nghĩ

BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

trưa và ăn cơm ngay bên bờ Khuôn Pén. Trước cửa đình nơi Bác đã từng xuống đó trước khi họp Quốc dân Đại hội.

Bác còn lên thăm gia đình ông Nguyễn Tiến Sự nơi Bác ở ban đầu trước khi lên lán Nà Lừa.

Bác Hồ về Sơn Dương lần cuối cùng sau những năm kháng chiến chống thực dân Pháp. Nhân dân các dân tộc huyện Sơn Dương cũng như trong vùng khắc sâu mãi mãi trong lòng những hình ảnh của Bác ở và làm việc tại Sơn Dương. Đặc biệt là những lời thăm hỏi nhắc nhở ân cần của Bác lên thăm Sơn Dương. Riêng tôi thấm thía cho đến bây giờ vì sao Bác không cho tôi và anh Hải Hà thuốc lá...

TÂN TRÀO HÔM NAY

Hoàng Linh

Ông Viên Phúc Tấn, năm nay 83 tuổi. Hơn 50 năm tuổi Đảng, ở thôn Cả, là một trong những người chứng kiến sự đổi thay sâu sắc trên quê hương cách mạng. Ông đã từng làm Bí thư Đảng uỷ xã giai đoạn 1961 - 1965, làm Chủ tịch UBND xã Tân Trào từ năm 1969 đến 1975. Ông Tấn tâm sự: Ngày trước, đời sống của dân mình còn đói kém lắm, tất bật quanh năm lo cái ăn mà chẳng đủ. Nhờ ơn Đảng, Bác Hồ về chỉ lối, đời sống của đồng bào ngày một no ấm, thời gian qua đi càng thấy rõ sự đổi thay trên quê hương. Đường giao thông đi lại thuận tiện hơn, có điện, có trạm y tế, trường học được xây dựng khang trang, nhà nhà dư thừa thóc ngô...

Anh Phan Văn Hiền, Bí thư Đảng uỷ xã cho biết, chuyển biến tích cực nhất của xã trong nhiều năm qua là chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi đã cải thiện đời sống cho nhân dân. Từ năm 1996 trên 90% diện tích gieo cấy ở Tân Trào đều được trồng bằng lúa lai, tổ chức gieo cấy cùng trà, cùng loại trên cùng một cánh đồng. Tổng sản lượng lương thực nay đã đạt trên 2.100 tấn/năm, năng suất lúa bình quân đạt 66 tạ/ha, bình quân lương thực đạt 515 kg/người/năm, tăng gần 200kg so với 5 năm trước. Ngoài cây lúa, cây ngô, nhân dân chú trọng phát triển các loại cây công nghiệp như: Chè, lạc, đỗ tương với diện tích tương đối lớn, bình quân hàng năm cây chè cho sản lượng gần 300 tấn, cây

lạc 24,5 tấn, cây đỗ tương 20,4 ha. Chăn nuôi cũng phát triển ổn định vững chắc, đàn gia súc, gia cầm tăng nhanh về số lượng, chất lượng qua các năm. Tổng đàn trâu hiện có 827 con, đàn bò 360 con, đàn lợn hơn 2.000 con, đàn gia cầm có hơn 20.000 con. Tuy vậy đến nay xã vẫn còn 228 hộ nghèo, chiếm 23%. Trong năm nay cấp uỷ, chính quyền xã quyết tâm bằng mọi biện pháp giảm 40 hộ nghèo.

Tân Trào còn chú trọng xây dựng hạ tầng giao thông, thủy lợi, điện lưới quốc gia, trường học... Đến nay 100% số hộ sử dụng điện lưới quốc gia. Trên địa bàn xã có một Bưu cục quốc gia và trạm phát sóng điện thoại di động, phục vụ thông tin liên lạc kịp thời. Nhà văn hoá thôn bản và trạm y tế được xây dựng phục vụ nhu cầu sinh hoạt và khám chữa bệnh của nhân dân. Trường học được xây dựng kiên cố, khang trang tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập của con em đồng bào các dân tộc trong xã. Tân Trào đã hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập THCS và đạt chuẩn quốc gia về y tế xã. Phong trào văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao được duy trì và phát triển mạnh, liên tục đoạt giải tại các hội thi cấp huyện. Nhiều năm qua xã luôn thực hiện tốt phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá*". Hiện 100% thôn bản và trên 90% số hộ trong xã đạt danh hiệu văn hoá.

Anh Viên Tiến Thăng, Chủ tịch UBND xã cho biết, Tân Trào có một tiềm năng và lợi thế rất lớn để đẩy mạnh phát triển kinh tế theo hướng dịch vụ, thương mại và du lịch. Để từng bước đáp ứng nhu cầu tham quan du lịch của du khách trong và ngoài nước, hơn bao giờ hết Tân Trào đang phát huy tinh thần tự chủ, khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của địa phương về điều kiện tự nhiên, sinh thái, truyền thống văn hoá, lịch sử và các nguồn lực

khác. Đã có những hộ dân xây dựng khách sạn, nhà nghỉ, dịch vụ an dưỡng... Đã có một làng văn hoá du lịch ở thôn Tân Lập được hình thành. Tại đây cũng đã thành lập một đội văn nghệ chuyên biểu diễn các tiết mục mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc phục vụ khách tham quan. Và cũng tại đây đang hình thành một làng nghề truyền thống mây tre đan nhằm tạo việc làm cho bà con, góp phần làm đa dạng, phong phú thêm sản phẩm hàng hoá phục vụ du khách trong và ngoài nước. Từ đầu năm đến nay, khu di tích lịch sử Tân Trào đã đón trên 160 nghìn lượt khách tham quan, tăng 43% so với cùng kỳ năm 2006.

Tân Trào đang chuyển mình cùng với sự thay đổi của đất nước, ngày càng giàu đẹp, văn minh, tương xứng với vị thế của quê hương cách mạng, trung tâm Thủ đô Khu giải phóng và Thủ đô Kháng chiến.

LÀNG VĂN HOÁ - DU LỊCH TÂN LẬP

Thanh Hùng

Tân Lập là một thôn của xã Tân Trào (Sơn Dương), xưa có tên là Kim Long. Thôn có 23 hộ gia đình dân tộc Tày, với những ngôi nhà sàn truyền thống xây dựng từ trước năm 1945. Hiện nay, Tân Lập còn 12 ngôi nhà sàn nguyên vẹn, trong đó có những ngôi nhà được xem như di tích gốc, từng nuôi giấu, trở che Bác Hồ, Đại tướng Võ Nguyên Giáp và các đồng chí lãnh đạo Đảng thời kỳ trước Cách mạng Tháng Tám 1945. Đó là ngôi nhà của gia đình cụ Nguyễn Tiến Sự, Chủ nhiệm Việt Minh làng, nơi Bác Hồ ở và ngôi nhà của gia đình cụ Hoàng Trung Dân, nơi Đại tướng Võ Nguyên Giáp ở và làm việc trong tuần đầu từ Pác Bó (Cao Bằng) về Tân Trào. Giống như các ngôi nhà sàn khác trong làng, hai ngôi nhà này đều cột gỗ, mái lá cọ, có máng nước rửa chân trước khi bước lên cầu thang. Trong thời gian ở làng Tân Lập hàng ngày Bác Hồ dậy từ lúc 5 giờ, tập thể dục rồi ngồi vào bàn làm việc. Mỗi giờ nghỉ, Bác đều quan tâm thăm hỏi mọi người trong làng. Bác còn tặng bút, vở cho con cụ Nguyễn Tiến Sự, khuyến khích cụ cho con đi học.

Ngay trước làng Tân Lập có cây đa Tân Trào - Nơi chúng kiến sự kiện: Đại tướng Võ Nguyên Giáp thay mặt Ủy ban Khởi nghĩa đọc bản Quân lệnh số 1 và hạ lệnh cho Quân Giải phóng xuất quân tiến về giải phóng thủ đô Hà Nội. Đây là cây đa đôi, cành lá xum xuê bóng rợp, tán rộng tới 600 mét vuông. Phía tây cây đa có cây si cành lá xanh tốt. Trên cành đa thấp thoáng nhiều cụm phong lan nở tím vào mùa hè. Đây là loài hoa đẹp và tao nhã, mà thời kỳ làm việc ở Tân Lập, Bác Hồ rất thích.

Trải qua hơn nửa thế kỷ, làng Tân Lập cùng với cây đa Tân Trào vẫn còn giữ những nét nguyên sơ như ban đầu. Ngày 31-10-2005, Chủ tịch UBND tỉnh đã phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình. Phục hồi, bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử cách mạng và kháng chiến trên địa bàn tỉnh, giai đoạn từ năm 2006 - 2010, trong đó có xây dựng, bảo tồn làng Tân Lập thành Làng Văn hoá - Du lịch. Nay đã xây dựng xong, hệ thống đường làng, đường điện được kiên cố, hiện đại hoá. Nhà cửa, khuôn viên của từng hộ gia đình, hệ thống nước sạch, chuồng chăn nuôi gia súc, gia cầm, công trình vệ sinh... được bố trí và xây dựng phù hợp với nếp sống văn hoá và phong tục của đồng bào dân tộc Tày... Đội văn nghệ của làng được củng cố, bồi dưỡng nghiệp vụ; các hộ được tập huấn, hướng dẫn văn hoá ứng xử, giao tiếp.

Bây giờ vào làng, du khách sẽ đi trên đường bê tông xi măng dài hơn 200m, mặt đường rộng 3.5m. Đường vào các hộ gia đình cũng được đổ bê tông hoặc rải sỏi, rộng 1.2m, theo phương châm dân tự làm, Nhà nước hỗ trợ xi măng và phụ gia. Đồng bào đã sưu tầm, chế tác lại nhiều dụng cụ sản xuất, sinh hoạt như cối xay, cối giã gạo (cối đập chân), khung cửi dệt thổ cẩm, rổ, rá, dằm, sàng, bao (vỏ) dao, cạm bẫy, nỏ; các nhạc cụ dân tộc như đàn tính, sáo trúc. Không chỉ đội văn nghệ, bà con còn sưu tầm, tập lại các làn điệu dân ca dân tộc Tày, Nùng, Dao...

Làng có 7 ngôi nhà sàn bảo đảm đủ điều kiện đón khách du lịch có nhu cầu nghỉ lại. Ngôi nhà sàn của cụ Nguyễn Tiên Sự và cụ Hoàng Trung Dân đã được sửa chữa, chỉnh trang, bổ sung thêm tư liệu, sắp xếp y như ngày Bác Hồ và Đại tướng Võ Nguyên Giáp ở. Các thành viên của 2 gia đình này đã được hướng dẫn để giới thiệu cho du khách đến tham quan.

Làng Văn hoá - Du lịch Tân Lập đã sẵn sàng đón du khách và bè bạn bốn phương.

LÀNG SÀO XƯA AI NHỚ, AI QUÊN

Nguyễn Trọng Hùng

Chúng tôi về xã Hợp Thành, huyện Sơn Dương đúng dịp 60 năm sau “*Sự kiện Làng Sào*” - đêm 2-4-1947, Bác Hồ trở lại Tuyên Quang cùng Trung ương Đảng, Chính phủ lãnh đạo cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược. Cảnh sắc làng xưa hẳn đã đổi thay nhiều, nhưng cây đa làng - nơi Bác dừng chân trước khi vào nghỉ tại nhà ông Ma Văn Hiến, vẫn xanh tốt toả bóng trùm cả một khoảng đất rộng. Nhân chứng cũ ở đâu, ai còn, ai mất; làng ta giờ ai nhớ, ai quên day day trong lòng tôi giữa trời mưa xuân nặng hạt...

NHỚ LỜI BÁC DẶN

Ông Ma Kim Ngọc, em trai ông Ma Văn Hiến (sinh năm 1919, mất năm 1973) đón chúng tôi không chút bất ngờ trong ngôi nhà khá khang trang ở thôn Cây Mơ, cách nhà cũ của ông chừng hơn một cây số. Ông khoẻ và trẻ hơn cái tuổi 86 của mình (sinh năm 1921). Đặc biệt là, ông vẫn minh mẫn, giọng nói vẫn sang sảng, khúc chiết. Ông kể: “Đêm ấy (2-4-1947), tôi được phân công ở nhà. Nhà tôi rộng, 5 gian, xung quanh bưng ván gỗ xoan. Gia đình tôi, cũng như hầu hết các gia đình đều “*tàn cư*” vào trong lán ở Củ Đạo, gần núi Lim. Anh tôi, ông Ma Văn Hiến là chủ nhiệm Việt Minh xã được Bí thư Huyện uỷ Sơn Dương là ông Chu Nhữ, tức Chu Quý Lương cử đi đón Bác ở Đàng Châu, huyện lỵ Sơn Dương bây giờ, cùng các ông Ma Văn Thư, Chủ tịch xã; Ma Văn Hạ, Phó chủ tịch xã; Lương Văn Cảnh, Thủ quỹ

xã. Tôi không biết đi đón từ mấy giờ, nhưng đến khoảng nửa đêm thì Bác tới. Tôi không nhận được ra Bác ngay vì Bác đội mũ, bum khăn, tay chống gậy. Đi cùng Bác có hai người, sau tôi biết là ông Kỳ, ông Lợi. Bác nghỉ ở gian buồng, ông Kỳ, ông Lợi ở ngoài, còn anh em tôi ở nhà ngang (bếp). Tôi hằng ngày được giao lo củi, nước, còn việc nấu ăn phục vụ Bác đều do các ông đi theo Bác lo”...

Sau này ông Ngọc cũng mới biết, ngày hôm sau, vào lúc 2 giờ chiều ngày 3-4, Bác đã chủ trì Hội nghị cán bộ Trung ương Đảng, họp tại địa điểm nhà bà Đinh Thị Tư (nay đã ngoài 90 tuổi), cách nhà ông khoảng 50 mét, gần cây đa làng. Hội nghị kéo dài đến chiều 6-4, bàn và quyết định nhiều vấn đề trọng đại của đất nước, trong đó có công tác vận động đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào có đạo; phát triển và củng cố các đoàn thể; tuyên truyền và động viên toàn dân kháng chiến; nói cho dân hiểu rõ mục đích kháng chiến và bốn phận của mọi người dân trong cuộc kháng chiến, sẵn sàng hy sinh tất cả để cứu nước nhà... Trong thời gian này, đội du kích Làng Sào do ông Vi Văn Tinh chỉ huy được giao nhiệm vụ bảo vệ vòng ngoài nơi Bác Hồ và các cơ quan Trung ương ở và đóng trụ sở làm việc.

Thưa ông, ông còn nhớ kỷ niệm sâu sắc vào lúc Bác Hồ ở nhà ông không ạ! Tôi từ tốn hỏi.

Nhớ chứ! ông Ngọc vui vẻ nói - Quên sao được! Một hôm, Bác gọi tôi lại bên Bác và hỏi: "Chú đã có gia đình chưa?", rồi Bác nói "chú phải có gia đình" và dặn: "chú phải cố gắng phấn đấu, công tác cho thật tốt". Trước khi Bác rời Làng Sào, Bác gọi tôi đến trước bàn thờ của gia đình, bảo: "chú Ngọc, đốt cho Bác ba nén nhang". Bác thắp hương lên bàn thờ rồi dặn tôi: "Chú ở nhà, Bác đi công tác". Từ đây tôi không lần nào được gặp lại Bác, nhưng luôn nhớ và làm theo lời Bác dặn.

Ông Ma Kim Ngọc, liên tục từ 19-5-1955 đến 10-11-1986 là Bí thư chi bộ và Bí thư Đảng uỷ xã Hợp Thành, đã được tặng Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng. Ông tự hào rằng, dù trong hoàn cảnh nào ông cũng ghi sâu lời Bác. Chỉ tiếc cuối năm 1947, căn nhà ấm hơi Người của gia đình ông đã phải đốt đi cùng bao nhà khác để tiêu thổ kháng chiến...

MỐI TÌNH KHÁNG CHIẾN

Ông Ngọc sau ngày ấy còn nhiều lần gặp lại một người đã theo Bác về đây và trở thành chàng rể của Làng Sáo này. Đó là ông Trường (thường gọi là Nhất Trường), tên Bác Hồ đặt cho cùng với bảy ông nữa thành cụm từ Trường - Kỳ - Kháng - Chiến - Nhất - Định - Thắng - Lợi. Ông Nhất Trường tên thật là Hoàng Văn Phúc, quê ở huyện Lạc Bình, tỉnh Lạng Sơn. Ông có tên là Hồ Nhất Trường, tên ghi trong Huân chương Kháng chiến hạng Ba, do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký tặng ngày 10-2-1961.

Chúng tôi đi vào sau cây đa, nơi Bác dừng chân đêm 2-4-1947 một quãng ngắn là đến nhà bà Vi Thị Hối (sinh năm 1928), vợ ông Nhất Trường. Nét xinh đẹp của cô gái Tày 19 tuổi năm xưa vẫn phảng phất trên gương mặt bà. Bà Hối là con gái ông Vi Văn Tinh, đội trưởng du kích Làng Sáo. Bà Hối nhớ lại: "Ngày ấy thương gia đình tôi quá nghèo, Bác Hồ nói với bố tôi rằng ông Trường "đi lại" để giúp đỡ. Đầu năm 1948, bố tôi ốm nặng, ông Trường báo cáo cơ quan, Bác Hồ đồng ý, cho người đến hỏi rồi đi luôn. Tôi nhớ, mừng hạnh phúc của chúng tôi, ông Trần Đăng Ninh tặng cho 4 mét vải láng đen, 4 mét vải phin trắng. Các anh em trong cơ quan ông Trường thì tặng cho chăn, màn. Sau này Bác Hồ mới tặng tôi chiếc khăn "Bà Má" (khăn rằn) mới tinh. Rất tiếc là kỷ niệm thiêng liêng thế mà không giữ được đến bây giờ"... Bà Hối dừng lại chấm nước mắt, nhưng miệng vẫn cười

tươi: "Sống trong vất vả nhưng vợ chồng tôi rất hạnh phúc. Thi thoảng chồng tôi lại được về thăm nhà. Chắc là Bác Hồ và Trung ương Đảng đang ở đâu trong chiến khu ta gần đây thôi. Tôi đoán thế. Cũng có lúc tôi vào lán cảnh vệ ở chân núi Lim thăm chồng - Bà cười. Mỗi lần chỉ được một tối thôi nhưng cũng có được mấy đứa con kháng chiến"... Bà nhớ vanh vách từng ngày tháng năm sinh con: Con cả ...10-1950, con thứ hai ...8-1951, con thứ ba là Hoàng Văn Sơn ...7-1955. Sau này được thêm hai người nữa vào năm 1956 và 1961. Bà bảo kể dài dòng thế để mà nhớ ơn cách mạng đã lập chiến khu ở quê hương mình, nhớ ơn Bác đã tác thành và vun đắp cho ... "Nay thằng Sơn và em trai nó là Cương đều công tác ở Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Bà Hối vui mừng khoe - Còn chị nó bán hàng nơi gốc đa ngoài kia đấy"...

LÀNG NGHÈO, NHUNG...

Chúng tôi tìm đến nhà anh Nguyễn Duy Biền (sinh năm 1952). Bí thư chi bộ, Trưởng thôn Làng Sáo. "Làng này, xã này đầy đặc di tích lịch sử đã được Nhà nước công nhận. Nào là nơi ở và làm việc của Bác Hồ và một số cơ quan Chính phủ (Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính) ở Làng Sáo; Báo Cứu Quốc ở thôn Cây Mơ; Cơ quan Đảng Xã hội ở Đất Đỏ; lán Cảnh vệ 1 và 2 ở Bến Mán; Trường Quân chính ở thôn Cây Chanh (trước gọi là Trúc Khê)... Điều vinh dự, niềm tự hào đó được ghi rõ trong cuốn lịch sử Đảng bộ xã Hợp Thành (1943-2005) để mãi khắc cốt ghi lòng công ơn Đảng, Bác Hồ. Nhưng... Anh Biền dừng lại cười vé không được vui. Nói thật, Làng Sáo còn nghèo lắm, nghèo nhất xã. Toàn thôn có 85 hộ, 376 nhân khẩu, 50% là dân tộc Tày, hiện có 33 hộ nghèo, chiếm gần 40%. Nhưng cái nghèo không phải như của gia đình bà Hối xưa đâu. Toàn thôn nhà xây tới gần 70%, tỉ lệ "phủ sóng" nhà nào cũng có; đếm vội

trong thôn được 74 cái xe máy, nhiều nhà 2 xe... Khó khăn nhất là thiếu việc làm. Thanh niên thôn này năm ngoái đi xuất khẩu lao động 14 người, năm nay dự kiến thêm 10 người nữa. Còn làm ăn xa trong nước chẳng kể được. Ti vi, xe máy, nhà xây ở "khoản này" mà ra cả, toàn cánh "chạy" quặng thôi.

Anh Biên tâm sự, ngoài làm ruộng, trồng rừng, chăn nuôi nhỏ lẻ ra, dân làng chưa biết làm gì. Trong thôn có mỗi nhà ông Mỹ có 2 lò gạch, còn nhà bà con nuôi nhiều mới có 4-5 con trâu, bò. Chưa có cái trang trại, doanh nghiệp nào. Thôn hiện có 17 cựu chiến binh, 10 hộ gia đình chính sách. Những hộ nghèo đều được vay vốn ưu đãi, được miễn thuế nông nghiệp, thuế đất, được cấp bảo hiểm y tế. Năm ngoái xã giao xóa 7, thôn giảm được 11 hộ nghèo. Năm nay giao 6, chắc cuối năm ít cũng xóa được 10 hộ nghèo. "*Xóa nghèo thì dễ, làm giàu mới khó*" anh Biên khẳng định.

Quả thật, vào Làng Sáo, đi trên con đường bê tông dài hàng cây số, với hai bên đường nhà đồng bào có chỗ đông vui như một thị tứ, cửa hàng cửa hiệu không phải không có, chẳng ai nghĩ đất này nghèo: Tôi quan sát thấy nhiều gia đình có vườn cây ăn quả khá trù phú, ao chuôm mùa này vẫn sẵn nước... Anh Biên bảo tôi, đừng nhìn bề ngoài. Cái đáng nói là niềm tự hào về truyền thống cách mạng. Nhưng cũng phải thẳng thắn mà nhìn nhận rằng, dân làng mới chỉ chịu khó làm ăn, mà chưa ham học. Cả làng đến nay mới có mỗi một người tốt nghiệp đại học, đó chính là anh Hoàng Văn Sơn, con trai bà Vi Thị Hôi và ông Nhất Trường đó... Điều này chắc sẽ làm day dứt bao người, trước hết là Đảng bộ, chính quyền xã Hợp Thành. Hẳn không ai được phép quên lịch sử nhưng nhớ đến là phải biết mình phải làm gì, làm như thế nào...

ĐỔI MỚI TRÊN QUÊ HƯƠNG CÁCH MẠNG TÂN TRÀO

Lê Xuân Lâm

Xã Tân Trào (Sơn Dương), có 8 thôn, với 5 dân tộc gồm: Tày, Dao, Kinh, Nùng và Cao Lan. Toàn xã có 959 hộ với 1.056 khẩu, diện tích tự nhiên là 4.954 ha, trong đó rừng và đất rừng chiếm gần 3.000 ha, diện tích cấy lúa nước và đất trồng màu có gần 200 ha, còn lại là đất ở và vườn nhà. Nghề chính của bà con là sản xuất nông nghiệp, trồng cây lâm nghiệp, trồng cây công nghiệp chè, chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi thả cá. Trước đây, đời sống của mỗi gia đình đồng bào còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ đói nghèo thường chiếm tới trên 70% số hộ trong xã. Từ khi thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, dưới sự lãnh đạo của Đảng uỷ, chính quyền xã, Tân Trào là một trong những xã đi đầu của vùng thượng huyện Sơn Dương về chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi. Nhiều giống lúa mới, ngô mới được đưa vào sản xuất đại trà trên đồng ruộng. Năng suất lúa bình quân đạt 64,2 tạ/ha mỗi vụ, ngô đạt 43 tạ/ha, tăng gấp 3 lần giống lúa, ngô cũ trước đây, lương thực bình quân đạt 486 kg/người/năm.

Phong trào sản xuất theo mô hình vườn, ao, chuồng (VAC) phát triển rộng khắp các thôn, bản. Hầu hết các gia đình đều có vườn trồng rau, trồng cây ăn quả, trồng các loại cây có giá trị kinh tế cao như: Na dai, hồng ngọt không hạt, nhãn lông, vải thiều, táo, măng bát độ, luồng (Thanh Hoá)... Từ việc chuyển đổi cây trồng đã mang lại hiệu quả kinh tế cao cho nhiều hộ. Toàn xã

có 20% số hộ có ao nuôi thả cá, bình quân mỗi hộ nuôi 2,9 con lợn, 1,1 con trâu, bò, 35 con gà vịt, ngoài ra có 15 gia đình phát triển nuôi 210 con dê thả trong trang trại, 4 gia đình nuôi 110 đờ ong lấy mật. Sản xuất, chăn nuôi đạt hiệu quả, nhiều hộ trước đây nghèo khó, thiếu ăn, nay vươn lên có cuộc sống ổn định và khá giả. Điển hình những gia đình sản xuất giỏi của xã như gia đình ông Nông Quang Huy ở thôn Lúng Búng nuôi 10 con trâu, bò, cải tạo vườn tạp trồng 300 cây nhãn lồng, gần 100 cây vải thiều, đập đập ngăn suối nuôi thả cá, nuôi dê, nuôi lợn một năm có tổng thu nhập đạt 90 triệu đồng, trừ chi phí còn lãi gần 60 triệu đồng; gia đình ông Viên Đức Minh ở thôn Bông đi lên từ trồng cây vườn đồi. Ông quy hoạch gần 1 ha vườn đồi, trồng cây lấy gỗ trên cao, khu thấp trồng cây ăn quả: Na dai, táo, xen canh trồng sắn, dong riềng, một năm thu nhập từ vườn đồi đạt 25 triệu đồng tiền lãi, chưa kể chăn nuôi gà, lợn; gia đình ông Hoàng Ngọc thôn Tân Lập phát triển vườn, ao, chuồng, rừng (VACR), một năm thu nhập đạt 30 triệu đồng tiền lãi, chưa kể diện tích cấy lúa và trồng màu; gia đình anh Lê Văn Phúc ở thôn Lúng Búng đầu tư chăn nuôi lợn, gà, sắm máy xay xát gạo, nghiền thức ăn gia súc, mỗi năm xuất chuồng từ 2,5 đến 3 tấn lợn, gà thịt, thu đạt trên 30 triệu đồng tiền lãi; gia đình anh Lý Văn Du ở thôn Tân Lập đi lên từ nuôi ong lấy mật, với 45 đờ ong mật, mỗi năm thu đạt bình quân được 220 lít mật ong nguyên chất trị giá trên 12 triệu đồng, chưa kể đến thu từ nông nghiệp và chăn nuôi gia súc, gia cầm. Các hộ học hỏi nhau, thi đua phát triển kinh tế, các hộ khá và giàu ngày một tăng, hộ nghèo ngày một giảm. Trong xã đến nay không còn hộ đói, các gia đình diện chính sách đều có cuộc sống ổn định. Đời sống dân trí người dân ngày một nâng cao, xã không có người mù chữ, các em trong độ tuổi đều tốt nghiệp phổ thông cơ sở và phổ thông trung học, trong những năm qua nhiều em thi

đổ vào các trường cao đẳng và đại học. Nếp sống văn hoá mới, ăn ở vệ sinh có nhiều tiến bộ, 100% số hộ có giếng nước sạch dùng, 100% số hộ làm chuồng gia súc xa nhà, 100% số hộ đều có nhà xí hợp vệ sinh. Năm 2005, 2006 xã có trên 90% số hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá.

Công tác trồng và bảo vệ rừng Tân Trào thực hiện khá tốt, từ năm 1996 đến nay nhân dân trong xã đã trồng được trên 300ha rừng phòng hộ, diện tích rừng khép kín màu xanh, không còn đất trống đồi trọc, ngoài việc trồng và bảo vệ rừng tốt, bà con trong xã còn trồng hàng ngàn cây bóng mát ven đường quốc lộ nơi địa phận của xã.

Có được kết quả trên do tổ chức Đảng, chính quyền xã đoàn kết, thống nhất, các tổ chức, đoàn thể tích cực hoạt động thúc đẩy phong trào thi đua phát triển kinh tế - xã hội đã đẩy lùi những hủ tục lạc hậu và tệ nạn xã hội, trật tự an ninh an toàn xã hội giữ vững Tinh làng nghĩa xóm thân thiện, mọi gia đình bình đẳng, hoà thuận, hạnh phúc. Đảng bộ xã liên tục nhiều năm đạt trong sạch, vững mạnh, các tổ chức đoàn thể đều đạt tốt, xuất sắc. Trong xã 100% số hộ có điện lưới sử dụng, 98% số hộ có tivi, 85% số hộ có xe máy, 45% số hộ làm được nhà xây mái bằng, 55% số hộ nhà gỗ, không còn nhà tạm. Tuyến đường Trung tâm xã đã có điện cao áp thấp sáng, bộ mặt làng quê ngày một đổi mới. Trong xã có phòng khám đa khoa khu vực, phục vụ sức khoẻ cho nhân dân trong vùng, có bưu điện, trạm truyền thanh, có chi nhánh ngân hàng phục vụ phát triển sản xuất và đời sống cho bà con trong xã và trong khu vực ATK.

Phát huy truyền thống đoàn kết các dân tộc, tinh thần lao động siêng năng và sáng tạo, người dân Tân Trào từng bước xây dựng quê hương ngày một đổi mới, giàu đẹp và văn minh, xứng đáng là xã Anh hùng, một địa danh lịch sử.

VĂN HOÁ - THÔNG TIN SƠN DƯƠNG 62 NĂM XÂY DỰNG VÀ TRƯỞNG THÀNH

Ma Quốc Thế

Hiện Sơn Dương có 9 dân tộc anh em sinh sống ở 424 thôn bản của 33 xã thị trấn với tổng dân số gần 18 vạn người.

Cùng với sự phát triển của đất nước văn hoá - thông tin huyện Sơn Dương đã trải qua 62 năm xây dựng và trưởng thành (1945-2007). Các hoạt động văn hoá - thông tin qua các thời kỳ đã phục vụ kịp thời các nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ địa phương, góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân thực hiện thắng lợi công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ngay từ khi miền Bắc mới được giải phóng các thiết chế văn hoá cơ sở ở Sơn Dương đã được trưởng thành và phát triển. Phong trào văn nghệ quần chúng, thông tin cổ động phát triển mạnh ở các xã như Kỳ Lâm, Hợp Thành, Kháng Nhật, Tân Trào, Minh Thanh, Đại Phú, Văn Phú, Tam Đa, Hồng Lạc, Lâm Xuyên... Các chòi thông tin được thành hệ thống biển tường, áp phích được xây dựng làm phương tiện tuyên truyền đã đóng góp vào công cuộc xây dựng XHCN ở miền Bắc, cung cấp sức người, sức của chi viện cho miền Nam đánh Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử 30-4-1975, đất nước được hoàn toàn giải phóng, non sông liền một dải.

Tự hào với truyền thống quê hương cách mạng anh hùng, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Sơn Dương đã đoàn kết

xây dựng quê hương ngày càng đổi mới. Công tác văn hoá - thông tin đã được các cấp uỷ Đảng, chính quyền coi trọng xây dựng phát triển, là mũi nhọn hàng đầu trong công tác tư tưởng. Các thiết chế văn hoá cơ sở và cơ sở vật chất trang thiết bị hoạt động được đầu tư phát triển. Với những đóng góp tích cực của ngành văn hoá - thông tin trong giai đoạn 1991-2005, 7 năm liền được Bộ Văn hoá - Thông tin tặng cờ đơn vị thi đua tiên tiến xuất sắc và nhiều bằng khen của các Bộ ngành Trung ương và tỉnh Tuyên Quang tặng. Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo của huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện Sơn Dương, sự chỉ đạo trực tiếp của Sở Văn hoá - Thông tin, Văn hoá - thông tin huyện đã phát triển không ngừng đi lên nay toàn huyện đã xây dựng 19 nhà văn hoá xã, 375 nhà văn hoá thôn, bản duy trì hoạt động 542 đội văn nghệ quần chúng, 155 tủ sách, thư viện cơ sở, đẩy mạnh cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá", hàng năm tổ chức liên hoan, hội diễn, hội thi từ 2 đến 3 cuộc toàn huyện. Hàng nghìn buổi biểu diễn phục vụ nhân dân các dân tộc trong huyện. Các tiết mục dân tộc và sinh hoạt văn hóa của các dân tộc được chú trọng khai thác phát triển như sinh hoạt văn hoá của dân tộc Tày, Cao Lan, Nùng, Dao... Các làn điệu dân ca như tình ca, hát giao duyên dân tộc Cao Lan, Páo dung dân tộc Dao, hát then, hát lượn (dân tộc Tày, hát sọng cô dân tộc Sán Dìu, hát vãn, hát chèo dân tộc Kinh... các điệu múa như múa xúc tép, múa kiếm, múa cờ dân tộc Cao Lan, múa nón, múa bát, múa xênh tiền dân tộc Tày... những tiết mục của các dân tộc đã được các nghệ nhân cải biên nâng cao nhưng vẫn giữ nét đặc trưng đậm đà bản sắc dân tộc.

Ngoài việc xây dựng phong trào cơ sở, văn hoá - thông tin Sơn Dương đã chú trọng nâng cao chất lượng cán bộ từ huyện đến cơ sở, đến nay các xã, thị trấn đã có cán bộ chuyên trách văn hoá - thông

tin có trình độ trung cấp trở lên. Trung tâm Văn hoá - Thông tin và Thể thao huyện có đội ngũ cán bộ vững về chuyên môn nghiệp vụ, "*Giỏi một việc, biết nhiều việc*" có 80% số cán bộ được đào tạo cơ bản chuyên ngành văn hoá - thông tin, tổ chức hoạt động và xây dựng phong trào cơ sở phục vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị nhiệm vụ địa phương, tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế xã hội mà Đại hội Đảng các cấp đã đề ra.

Nhân dịp kỷ niệm 62 năm Cách mạng Tháng Tám. Quốc khánh 2-9 và 62 năm Ngày truyền thống ngành văn hoá - thông tin 28-8-1945 - 18-8-2007), được sự nhất trí của Thường trực Huyện uỷ Sơn Dương, Sở Văn hoá - Thông tin Tuyên Quang cho phép xuất bản cuốn truyền thống "*Ngành văn hoá - thông tin huyện Sơn Dương*" (1945-2005), đây là sự đóng góp tích cực của tập thể cán bộ ngành văn hoá - thông tin huyện Sơn Dương trong suốt chặng đường hơn 60 năm qua và đây cũng là dịp để cán bộ công nhân viên chức văn hóa - thông tin Sơn Dương bày tỏ lòng biết ơn và tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, thủy chung son sắt đi theo con đường cách mạng mà Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn, tích cực cùng Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Sơn Dương xây dựng quê hương cách mạng anh hùng ngày càng đổi mới trên con đường hội nhập.

SƠN DƯƠNG MỘT VÙNG ĐẤT ĐẦY TIỀM NĂNG

Trần Huy Văn

Núi Lịch đứng từ xa nhìn lại, nó như một con rồng khổng lồ đầu vươn cao ở phía Tây Bắc huyện Sơn Dương thuộc xã Đông Thọ một phần của xã Thanh Phát. Với những tường thành bằng đá cao chất ngất, bồm cao nhất của con rồng ấy là đỉnh chín trăm ba ba. Vậy là chỉ thiếu sáu mươi bảy mét nữa là cao hơn mặt nước biển đúng một ngàn mét, số liệu này do Pháp đo và ghi cột mốc ở đỉnh động núi này. Ở phía dưới của bức tường thành đá ấy có một hang động, có những nhũ đá buông xuống từ trần động như nanh của những con rồng miệng há ra. Động có tên là: Động Trờ Trờ. Bởi cứ những ngày trờ trờ, trong động phát ra những âm thanh kỳ lạ, đứng xa cũng nghe thấy. Một luồng khói trắng từ trong động tuôn ra làm mờ mịt cả một vùng.

Trong động chia thành nhiều ngách ngoằn ngoèo, hun hút chưa ai dám đi đến tận cùng các ngách này cả.

Trên đỉnh chín trăm ba ba có một hồ nước nhỏ. Người dân trong vùng gọi là Ao Xanh, hay Ao Tiên cũng vậy. Riêng cái tên Ao Tiên gắn liền với một huyền thoại. Từ xa xưa lắm rồi, các nàng tiên trên trời cứ mỗi độ xuân về thường xuống hạ giới, hoá thành các thôn nữ, cụ già, chim muông để đi du chơi khắp nơi. Ngày rằm cuối cùng của ba tháng xuân, tụ hội cả về đây xuống hồ nước tắm, gột sạch bụi trần gian trước khi về trời. Vì vậy Ao Tiên còn có một cái tên nữa là Hồ Tiên tắm. Những ngày ấy đỉnh

núi có mây ngũ sắc vờn quanh, rực sáng khác thường. Muông thú về đây nhiều lắm. Những cây hoa Hải Đường khoe sắc đỏ lông lầy. Trên bờ Ao Tiên còn có dấu tích một hòn đá giống một thiếu nữ khoả thân, rêu phong phủ kín. Người ta bảo đó là một nàng tiên mê mãi cỡi trần thế không muốn về trời, đã bị nhà trời quơ phạt hóa thành đá để mãi mãi sống kiếp đoá đây dưới trần gian. Đường lên đỉnh chín trăm ba ba cheo leo, hiểm trở, chỉ cần sơ sẩy một chút là lăn xuống vực sâu. Chỉ những thợ săn lão luyện mới dám men men tới đỉnh này. Hồ nước nhỏ, trên đỉnh núi đá quanh năm không bao giờ cạn. Từ đây dãy Núi Lịch chia thành nhiều nhánh, cũng từ đây là điểm khởi đầu của ba dòng suối. Một dòng chảy theo hẻm núi về phía Thanh Phát. Hai dòng chảy theo hai hẻm núi chảy xuôi mãi rồi hợp dòng ở địa phận Cao Ngồi rồi chảy ra thác Đồng Bừa.

Núi Lịch chạy dài cắt đôi huyện Sơn Dương, phần đuôi của con rồng núi mãi tận phía Đông Nam huyện thuộc xã Sơn Nam, khoảng rộng nhất cũng là chỗ xoè ra rộng nhất của Núi Lịch chính là Cao Ngồi cũng phải tới trên hai mươi cây số. Càng về phía đuôi con rồng, núi càng thấp dần, chiều dài cũng phải tính đến con số từ bảy mươi đến tám mươi cây số, một dãy núi đáng kể đấy chứ.

Theo lời các cụ già kể, từ những năm sáu mươi trở về trước, mười ba xã hạ huyện Sơn Dương và cả dãy Núi Lịch hùng vĩ kia vẫn là rừng nguyên sinh, cũng có khai thác nhưng chỉ để phục vụ làm nhà cửa không có gì đáng kể. Riêng Núi Lịch còn giữ lại được đến bây giờ, chắc chắn đã là rừng quốc gia, cần được bảo vệ rồi. Biết đâu sẽ là điểm đến của bao khách du lịch muốn tìm hiểu khám phá rừng.

Thời ấy nó nguyên sơ đến mức trong kháng chiến chống Pháp những khu rừng của ba xã Hồng Lạc, Hào Phú, Đông Lợi

được chọn làm nơi sản xuất vũ khí. Thành Pháp cho máy bay đến ném bom na pan đốt cháy, nhưng vẫn không sao ném trúng các khu sản xuất vũ khí. Ở thôn Phú Kiện, xã Đông Lợi còn ghi cột mốc đề: Nơi sản xuất vũ khí 1946 - 1954. Đi lên Cao Ngồi tôi sẽ chỉ cho ông xem.

Những gì đang nhìn thấy kia, một màu xanh ngút ngàn, chạy dài như không có điểm cuối cùng được trồng lại theo dự án một ba lam của lâm trường, giờ đã được giao cho dân. Rừng nguyên sinh còn nhưng rất ít mãi ở đỉnh núi cao, hay những nơi có khai thác cũng không có cách nào vận chuyển được gỗ ra ngoài.

- Tôi có nghe kể về đền thờ Nghiêm Thuận đấy, nó ở chỗ nào vậy?

- Cũng nghe kể về đền thờ Nghiêm Thuận đấy. Tôi cũng chẳng biết tại sao lại có đền thờ Nghiêm Thuận, hai ông vua huyền thoại cổ xưa của Trung Quốc mà lại được thờ ở Việt Nam. Đền thờ ấy nằm ở lưng chừng núi phía đông của đỉnh cao nhất của Núi Lịch, thuộc xã Chi Thiết đi lên. Nơi dựng đền là phiến đá rộng mọc chồm ra từ sườn núi, trông giống cái ngai vàng của vua. Đền thờ làm bằng gỗ, lợp lá gồi. Ở đó có một giếng nước thiên tạo bằng đá không bao giờ cạn. Ông nội tôi nếu còn sống năm nay là một trăm tuổi, cụ kể thời thanh niên, tính ra cũng phải trước năm một chín bốn mươi, cũng đã được lên dự tiệc ở đền này. Tiệc mổ trâu, làm lễ trang trọng lắm, khách bốn phương đến đến. Ở dưới chân núi có những cánh đồng khách phương xa đến tụ tập ở đây trước khi lên tế lễ. Đền bây giờ ở xã Chi Thiết vẫn còn có tên Đồng có từ ngày ấy như Đồng Trò, đồng để diễn những trò chơi. Đồng Bái, đồng để dành cho những ai không lên được đến làm lễ bái vọng. Đồng Gạo, còn gọi là cây gạo, gạo để vào thúng xếp chồng lên nhau để phục vụ khách nơi xa đến ăn. Ở

khu vực đền có năm cây thông cổ thụ. Tất cả đền cây thông đều bị phá trụi nay chỉ còn nền đền và những phiến đá kê chân cột đền. Quanh khu vực đền đền bây giờ không ai dám đến khai phá, coi đó là chốn linh thiêng.

Người dân còn kể: Quanh bãi đất của đền có nhiều cây ăn quả. Chắc là hoa quả mang lên tế lễ vương hạt ra mọc lên. Đi làm nương hái ăn bao nhiêu cũng được nhưng nếu lấy một ít mang về là cứ quần quanh trên núi không sao về được. Chỉ khi bỏ lại các thứ hoa quả ấy mới về nhà được. Ai đến khu đền này có lời báng bổ thể nào cũng gặp điều không hay.

- Thế còn thác Đồng Bừa và đền thờ Bà Chúa Ngàn?

- Đồng Bừa ông chẳng định đến sao?

- Đến, nghe kể trước càng tốt.

- Đã nói đến thác nước nó chỉ đẹp khi có nước chảy, còn không nó chẳng khác gì một bãi đá lộ nhô chẳng có giá trị gì hết. Về mùa hanh khô này, mấy năm trước thác Đồng Bừa không có nước chảy, có chăng chỉ là những mạch nước li ti chảy theo kẽ đá. Giờ đã có nước chảy thành một dòng nhỏ, đơn giản rừng đã được trồng lại, đã giữ được nước một dòng chảy chưa thể phô diễn được gì về vẻ đẹp thác.

Thời rừng Núi Lịch chưa bị tàn phá, thác Đồng Bừa nước chảy quanh năm. Về mùa mưa thác đổ dữ dội, đứng xa hàng chục cây số đã nhìn thấy một vệt nước trắng xoá tuôn chảy từ lưng chừng núi. Đến gần nhìn ngược lên cứ như nước đổ từ trên trời xuống, kỳ vĩ siết bao. Thác Đồng Bừa không đổ thẳng, cửa thác rộng chia làm ba luồng chảy, lòng thác cơ man nào là đá, được nước bào mòn nhẵn bóng. Nước từ trên cao đổ xuống bị đá chặn lại, nước lổn lên tung bọt trắng, bụi nước mù mịt. Ngay giữa

ngày hè, ngồi cạnh thác chỉ dăm phút đã thấy lạnh. Giờ thì chỉ mùa mưa, sau những trận mưa lớn dón dập ở thượng nguồn, thác Đổng Bừa mới thật sự phô diễn vẻ đẹp hoang sơ, man dại của nó. Chỉ vài ngày không có mưa thác nước hiền dân cứ như chai rượu được rót đến giọt cuối cùng vậy.

Thác nước cho dù là thiên tạo, cũng phải được con người chăm bẵm nuôi dưỡng, giữ gìn, bảo vệ. Khai thác rừng đến cạn kiệt, nguồn nước làm sao giữ được mà cung cấp cho thác. Rừng đã được trồng lại, thác Đổng Bừa mùa này mới chỉ có một dòng nhỏ, hy vọng một ngày không xa nó lại được phô diễn khách bốn phương đến chiêm ngưỡng quanh năm, chứ đâu phải như bây giờ chỉ mùa mưa mới có khách đến.

- Còn đền thờ bà Chúa Ngàn?

- Tôi đã hỏi nhiều cụ già, chẳng ai biết đích xác, mỗi người có lời kể khác nhau, nhưng đều có một cốt chung. Có người gọi là đền thờ Bà Chúa Ngàn, có người lại gọi là đền Đất Sơn. Có người lại gọi là đền Bà Chúa có tên Ngọc Dung. Cũng có người lại gọi là đền Bà Chúa Thượng Ngàn. Tôi đã gặp cụ già đã trên tám mươi tuổi là cụ Liên xã Đông Lợi, nhà ở cạnh đền đã từng làm thủ từ trông coi đèn hương cho đền, cụ kể: Tương truyền rằng Bà Chúa Ngàn có tên là Ngọc Dung có nhan sắc lại có tài múa hát đánh đàn. Một lần được hầu rượu cho Lịch Sơn Thần. Trên đường về đến địa phận của thác Đổng Bừa bây giờ đã bị một con trăn thân cuốn lấy rồi nuốt, khi còn hớ hai cánh tay và cái đầu bà kêu chồng đến cứu nhưng không kịp. Nuốt được bà con trăn quán thảo làm nát cả một vùng rồi lao xuống vực chết. Vết lao của con trăn xuống vực làm thành thác Đổng Bừa bây giờ.

Thương tiếc bà, người đời xưa lập đền thờ cúng bà ngay trên đỉnh thác.

Đèn làm bằng gỗ, trong đèn có tượng bằng đá, một con trăn nuốt một người còn hở hai cánh tay và cái đầu. Đèn làm gân thác bị sói mòn, đèn bị thác cuốn đi, mắc lại ở cửa thác, bức tượng đá bị vỡ ra làm nhiều mảnh. Người ngày xưa thu gom lại dựng ngôi đèn ở cửa thác. Có người thủ từ trông coi đèn hương quanh năm. Gân đây mới được xây cất lại bằng gạch. Ngày xuân khách tứ phương đến thắp hương tế lễ, cầu lộc, cầu tài, cầu được ước thấy, nghe nói đèn linh thiêng lắm.

- Núi mà tên chủ đồn điền Pháp Roaydờba xây nhà nghỉ mát là núi nào?

- Đỉnh cao thứ hai sau đỉnh chín trăm ba ba, sườn của nó đứng đây cũng nhìn thấy kia. Thầy Được chỉ cho tôi đỉnh cao thứ hai ấy. Nó thuộc địa phận xã Đông Lợi. Đỉnh núi ấy còn có tên gọi là núi Gianh vì trên đỉnh của nó là nơi mà dưới thời thực dân Pháp do hộ chủ đồn điền Roaydờba, cho làm nơi quân ngựa quanh đồi Gianh vào các ngày lễ hội hàng năm. Trên đỉnh của nó chỉ có cỏ gianh, chưa được trồng cây như bây giờ. Nhà nghỉ mát của hắn bây giờ cũng chỉ là một bãi hoang phế, còn nền nhà và móng đổ nát. Các cụ kể chỉ những ngày nghỉ hắn dùng ngựa chọn những thợ săn thân tín cả người Việt, người Pháp lên núi săn và nghỉ tại đó. Đứng trên đỉnh núi ấy có thể nhìn bao quát cả một vùng rộng lớn, tận miền trung du Phú Thọ, đền Hùng, Việt Trì, nhìn rõ vết uốn lượn của dòng sông Lô đoạn từ Đoan Hùng, đến Phan Lương thuộc xã Lâm Xuyên rồi dòng Thanh Gian. Thằng Pháp gọi dòng sông Lô như vậy chảy thẳng về Việt Trì giữa hai tỉnh Phú Thọ và Phúc Yên. Còn mười ba xã hạ huyện Sơn Dương đều trong tầm mắt. Ông thấy cái khôn ngoan của người Pháp chưa. Đâu chỉ là để phóng tầm mắt để thưởng ngoạn một vùng đất đai rộng lớn non nước hữu tình mà để ngồi một chỗ biết nhiều chỗ.

- Thế còn cái chết của con trai tên Badoa?

- Cũng có nhiều lời đồn, người thì bảo hần lãn xuống vực chết trong một lần đi săn. Người thì bảo hần leo lên thác Đổng Bira, khi lên thác không thắp hương khấn vái Bà Chúa Ngàn nên bị bà quật chết. Nó chết kiểu gì cũng được, mảnh đất này đâu phải của bố con hần mà tác oai tác quái. Mai lên thác Đổng Bira cũng phải chuẩn bị một cái lễ nhỏ đấy. Không xem thường các bậc thần linh đâu. Còn lên Cao Ngõi hay còn gọi là khu Bảy Nhà. Người ta đã xan ủi một con đường tới đó, mới làm thô thôi, có thể đi xe máy được. Tốt nhất là đi bộ để còn ngắm cảnh. Đi xe máy đến lối rẽ, gửi xe cuộc bộ lên đó. Đến chân thác Đổng Bira tôi ngắm nhìn một lúc lâu. Thấy Được nói với tôi: - Sờ tận tay day tận trán rồi, ông thấy thác Đổng Bira có khác tôi miêu tả là mấy không. Hãy dùng trí tưởng tượng đi khi đỉnh thác kia cứ mỗi giây có hàng trăm mét khối nước đổ xuống theo lòng thác này mới thấy hết sự hùng vĩ của nó. Giờ nó như một bãi đá chết, một dòng nước chỉ đủ chảy vào con mương dưới chân thác để đưa nước về đồng ruộng xã Đông Lợi. Chắc ông đã hiểu vì sao xã Đông Lợi là vừa lúa của mười ba xã hạ huyện Sơn Dương rồi chứ. Về mùa mưa không ít người từ khắp nơi về đây chiêm ngưỡng con thác này. Con thác đang có sự hồi sinh của rừng. Có dám bò theo lòng thác lên ngọn thác không?

- Cũng chẳng để làm gì. Để đến mùa mưa đến thăm một lần nữa, để thấy hết sức sống của nó.

- Được thôi, lên Cao Ngõi chứ.

Đến lối rẽ lên Cao Ngõi thầy Được bảo tôi: Từ đây trở lên là địa phận Cao Ngõi rồi, nói lên Cao Ngõi là nói đến khu Bảy Nhà. Từ đây đến đó phải mất bảy cây số. Nên nhớ mỗi bước đi là bước lên cao dần. Người ta tính độ dài của dốc để đặt tên cho nó. Dốc hai trăm năm mươi, dốc ba trăm, dốc sáu trăm, con dốc dài nhất

là dốc tám trăm. Vượt qua dốc tám trăm, con đường như làn sóng lướt thấp dần, thấp dần đến khu Bảy Nhà.

Con đường mới san ủi này, còn nguyên màu đất mới, chạy theo lối của con đường ô tô lâm nghiệp, lên khu Bảy Nhà chớ gỗ về các bên ở ven sông Lô. Nó bám theo bờ con suối một bên là rừng Đá Bàn một bên là rừng Cao Ngồi. Tất cả rừng cây tầng tầng lớp lớp chạy đến tận tận mù xanh kia đều là rừng trồng. Tuổi của rừng nhiều nhất là chín năm cứ thế tính lần đến những năm gần đây. Ông nhìn xem đẹp không?

- Đẹp thật, rừng cây lên đều tăm tắp, tất cả là keo, đôi chỗ có chen những rừng thông. Rừng khép tán, dưới mặt đất không có nổi một bụi cây nhỏ, một lớp lá rụng phủ đầy.

- Đây, thử thả đi tản bộ dưới tán cây rừng kia cũng thú vị đấy nhỉ, cứ như trong phim ấy.

- Dẫu sao mình vẫn thích rừng nguyên sinh hơn, giá giữ được như ngày xưa thì tốt hơn rừng trồng này nhiều. Rừng nguyên sinh thảm động thực vật phong phú đa dạng hơn. Rừng trồng lại đẹp thật đấy, đơn điệu quá. Nhất là động vật gần như không còn.

Các cụ kể, con đường tôi với ông đang đi đây, ngày xưa chỉ là lối mòn. Buổi chiều gần tối, từng đàn động vật đủ loại chạy qua đường xuống suối uống nước. Thợ săn chọn thú để bắn chứ đâu phải gặp con gì bắn con nấy. Giờ có đi cả ngày cũng chẳng gặp con thú nào đâu.

- Đây sao rừng bên kia suối gọi là Đá Bàn mà tôi chẳng thấy có hòn đá nào hết.

- Đến khu Bảy Nhà đi thêm khoảng gần cây số nữa, sẽ thấy một dãy núi đá kể tiếp nhau, có thành dựng đứng chạy dài đến

tận bản Lục Liễu của Thanh Phát. Đá Bàn đậy vào năm 1945 nơi mà giải phóng quân mở lớp học chính trị quân sự (Đồng Khuân). Cho một số cán bộ Việt Minh vùng trung và hạ huyện Sơn Dương dưới sự chỉ đạo của đồng chí Lê Lục Tôn. Rừng chỉ còn là những cây si mọc ra từ vách núi và cơ man phong lan hoa đỏ. Còn bên này trên đường tôi với ông đang đi đây là rừng luồng và vầu, mọc thành một bức tường thành bằng hai thứ cây ấy dày dạn đến mức không còn chỗ cho măng mọc nữa. Cũng từ đây trở đi, rừng còn giữ được vẻ nguyên sinh của nó.

Ở chỗ bắt đầu có núi đá ấy có một thác nước có tên là thác Ngồi nước chảy từ độ cao mười mét chảy thẳng đứng xuống một thềm đá rộng. Ngọn thác cũng không kém phần kỳ vĩ, nhất là mùa mưa. Ngày hè không ít học sinh các trường trung học rủ nhau đến đây, mấy chục cô cậu học trò tắm, đùa vui dưới chân ngọn thác này. Nước mát lành nguyên sơ từ thượng nguồn đổ về, không vương một chút bụi hồng trần ai. Đến nước lọc ở các thành phố cũng không thể sánh nổi. Thác này liệu có đúng là điểm đến của một tua du lịch không.

- Hấp dẫn đấy.

Lên đỉnh dốc tám trăm, thầy Được hỏi tôi:

- Có thấy cảm giác gì khác biệt chưa?

- Cứ như bước chân vào chốn xa lạ khác thường ấy.

Tất cả tĩnh lặng, chẳng gặp người trên đường, chỉ có tiếng gió xào xạc trên các ngọn cây, và tiếng nước suối réo rắt chảy, một không gian yên ả đến vô cùng.

- Đã nhìn thấy khoảng rừng trống trước mặt phía xa kia không. Một thung lũng thật bằng phẳng, ven thung lũng phía sát rừng Đá Bàn là suối, bao bọc xung quanh là rừng cây. Đúng ở

dưới xa tí mù kia chẳng ai dám nghĩ, ở trên cao này lại có một thung lũng như thế, lại có một bản dân cư của người Cao Lan, khu Bảy Nhà đang sinh sống đã từ lâu lắm rồi. Khu Bảy Nhà đây, Bảy Nhà là tên gọi từ ngày xưa giờ đã có thêm bốn nhà nữa, do con cái họ được tách ra ở riêng. Cuộc sống của bản dân cư khu Bảy Nhà cũng giống như cuộc sống sinh hoạt của bao dân cư khác, khác chăng là ở địa thế. Họ ở lọt thõm vào giữa một miền núi cao với những cánh rừng đại ngàn. Chính họ là một phần của cả dãy Núi Lịch đây hấp dẫn này. Tôi đã nghĩ lại ở khu Bảy Nhà không biết bao lần. Lúc đầu cũng nghĩ giá mình cứ sống mãi ở đây chắc không thể chịu nổi. Nhưng rồi càng ở lại càng thấy nhiều điều thú vị. Một cuộc sống tự do, tự làm tự hưởng, không phải bon chen với ai. Cuộc sống ở chốn lam sơn cùng cốc đã gắn kết bảy nhà lại với nhau, cùng chia sẻ ngọt. Chăn nuôi trồng trọt làm gì được nấy, không thiên tai, không dịch bệnh thiên nhiên ban tặng đủ thứ. Một chiếc máy phát điện mini chạy bằng sức nước đủ điện thắp cho cả ngày lẫn đêm. Một máng dẫn nước trong sạch từ thượng nguồn về nhà. Giờ lại có con đường mới được mở việc đi lại không còn trắc trở gì nữa. Này liệu có được xếp vào chốn bồng lai tiên cảnh của hạ giới không!

- Cũng còn phải tùy quan niệm của từng người.

Từ đỉnh dốc tám trăm con đường gợn sóng thấp dần đến khu Bảy Nhà. Đến nhà trưởng thôn Tuyên đã ngoài sáu mươi tuổi, gặp lại người quen, thầy Đước nói chuyện với chủ nhà bằng tiếng Cao Lan, ríu rít tôi nghe không hiểu gì. Ông Tuyên quay sang tôi hỏi: Ông mới lên đây lần đầu. Khách lạ chủ nhà phải dẫn khách đến cầu nước, rửa chân tay cho mát. Rồi dẫn khách vào nhà. Ông Tuyên rót một cốc nước lá cây đây bảo tôi: Uống đi, nước lá cây rừng, uống để giải nhiệt. Tôi uống cốc nước, thấy dễ chịu hẳn.

Ngồi chưa kịp nói chuyện gì, ông Tuyên đã bung một mâm thức ăn, chủ yếu là măng: Luộc, sào, măng chua nấu với thịt lợn, rồi rượu. Ông bảo:

- Tục ở đây khách đến nhà, có gì tiếp nấy vừa uống rượu vừa nói chuyện. Rượu tự nấu, uống thử xem có gì khác lạ không. Tôi đi nhiều, uống nhiều rượu các nơi, người ta khen rượu ngô Nà Hang là đặc sản thua xa rượu ở đây. Cái chính rượu ở đây được làm bằng men lá cây chỉ ở đây mới có, rượu lấy được kiệt. Những tay bợm rượu, uống say hay phá bĩnh, rượu ở đây uống say chỉ thấy buồn ngủ, làm một giấc tỉnh dậy lại như thường. Giá như ngày xưa mỗi khi có khách chỉ cần lấy ít thịt thú rừng hun khói trên gác bếp xuống, rửa sạch, thái ra, cho lên bếp, là được đĩa nhậu ngon lành.

- Bây giờ còn thú rừng không?

- Còn, nhưng hiếm, đã lâu lắm rồi hôm qua mới thấy một con hươu non chừng bảy, tám cân về cánh đồng trước nhà, bọn chó đốm, con hươu nhảy xuống ao, lũ trẻ bắt được. Khi tôi đến lũ trẻ bảo: Có mổ nó không ông.

- Trá nó về rừng thôi, để nó còn sinh con đẻ cái nhiều mãi ra chứ. Có hươu về là điều tốt đấy. Chả mấy nữa rừng lại có nhiều muông thú. Rừng không có muông thú làm sao gọi là rừng được.

Nghe lời tôi lũ trẻ thả con hươu ra, nó nhảy tót lên rừng. Một dấu hiệu tốt lành rừng đã hồi sinh trở lại đấy.

- Trên các ngọn suối đầu nguồn có còn tắc kê nước và rùa vàng không, trước ở đây nhiều lắm mà.

- Tắc kê nước, lâu lắm không gặp, vì nước suối đầu nguồn nhiều năm có nước đầu. Ngày xưa có nước quanh năm chứ. Giống ấy lại chỉ sống ở ngọn suối trên cao ấy. Nó quý hiếm lắm.

Một cân thịt tắc kè nước đánh đổi mười cân thịt bò, ấy là nói về chất bổ ấy. Còn khi được hong khô, tán nhỏ chữa bệnh hen xuyên đặc biệt công hiệu. Trước nhà đây cũng hong khô được vài con, người ta đến xin cho hết. Ngọn suối giờ đã có nước không biết nó có còn tái sinh được không, tiết chủng thì thật đáng tiếc. Còn rùa vàng vẫn còn, chỉ nuôi làm cảnh thôi, con to nhất cũng chỉ bằng lòng bàn tay là cùng.

Buổi chiều tôi với thầy Được theo chân ông trưởng thôn Tuyên đi thăm những cây hoa hải đường cổ thụ còn sót lại, ông kể cho nghe lai lịch của khu Bảy Nhà, kể lần khu Bảy Nhà phải hạ sơn rồi lại quay về đây... Xem ra những điều tôi được nhìn thấy, được nghe kể về Núi Lịch chưa được là bao. Nhưng có một điều chắc chắn này: Một miền rừng núi đã bị khai thác, tàn phá đốt trụi đến khánh kiệt, đã được hồi sinh trở lại. Hồi sinh trở lại thật rồi, một vùng núi, một miền đất đai, một đại ngàn ẩn chứa bao tiềm năng, bao điều kỳ thú, ngất say lòng người. Biết đâu một ngày không xa nữa chốn non xanh nước biếc này sẽ là điểm đến của bao khách du lịch gần xa. Với những gì hiện có ở đây đã có không ít người tìm đến để chiêm ngưỡng đấy thôi.

Một khi thác Đồng Bừa, thác Ngõi quanh năm nước chảy, quanh năm phô diễn vẻ đẹp nguyên sơ đây sức sống của nó; một khi đền thờ Bà Chúa Ngàn, đền thờ Nghiêm Thuần được tôn tạo lại như vốn nó đã có; một khi đỉnh núi Gianh có ngôi nhà để đứng trên đó phóng tầm mắt thu gọn cả một vùng non nước trong tầm nhìn và một khi Cao Ngõi - Khu Bảy Nhà trở thành trung tâm đưa đón khách du lịch... mảnh đất này liệu có còn vắng lặng đến đây như đến một chốn xa lạ nữa chăng? Trên đường về nghe gió thổi xào xạc trên các ngọn cây bạt ngàn của rừng, tôi cứ nghĩ miên man như thế.

MÃI MÃI LÀ BỘ ĐỘI CỤ HỒ

Trịnh Thanh Phong

Ông đang tập tễnh vác cuốc ra vườn, thì thấy khách rẽ vào cổng, vội chống cuốc xuống đất nhìn, nhận ra người quen, ông niềm nở.

- Thấy xe đẹp tưởng là ông cán bộ nào về làng, hoá ra là chú (ông vẫn gọi tôi như lúc còn trẻ). Thôi vào nhà đi. Nói rồi ông lại tập tễnh quay vào nhà mở to cánh cửa, tôi bước vào theo và ngồi bệt ngay vào góc cái ghế trường đã cũ kê ngay ngắn ở giữa ngôi nhà cấp bốn lợp ngói còn chưa có trần chống nóng, xoài tay hít thở cái không khí quen thuộc của quê nhà cho khoái rồi bảo:

- Giá nhà mình có cái cây to ở cổng vào thì ngôi nhà này không biết mùa hè...

- Cũng đang gầy, mới chuyển ra đây được vài năm thôi, vừa nói ông vừa ngước tay lấy hộp trà ở trên nóc cái tủ. Nhìn ông, thấy cái chân giả hở ra, tôi ngậm ngùi nhớ về một thời xa ngái.

Là người cùng thời với nhau nhưng tôi kém ông khoảng rằm tuổi, nhà ông ở cuối làng giáp với bãi sông rộng chỉ để làm bãi chăn trâu bò, làng gọi là soi công. Thuở bé đám mục đồng chúng tôi thường lừa trâu ra đấy bày trò đánh trận giả. Quân xanh quân đỏ đuổi nhau toán loạn, chán trò cả đám cùng ùa vào nhà ông, cứ vục đầu vào vại nước uống ừng ọc. Có hôm thấy bà mẹ ông rang đầy một sàng ngô, ngô bà cụ rang nở bung như hoa. Cả đám đứng tròn mắt nhìn, ông cười bảo bà cụ:

- Bấm cho mỗi đứa một vốc, bà cụ chưa kịp nói gì thì cả đám đã sà vào sàng ngô tranh nhau vốc. Ông cười hì hì: - Đã bảo mỗi đứa một vốc thôi, ăn hết, tối nhà tao nhịn à!... Đám chúng tôi không cãi lại ông mà mỗi đứa bốc một vốc ngô rồi vù ra ngoài soi bãi. Mãi sau này tôi mới biết nhà ông nghèo, không đủ gạo nên phải rang ngô ăn, ăn ngô rang uống nước là căng bụng, quên đi cái đói. Ông lớn lên trong hoàn cảnh ấy. Bố ông mất sớm, mẹ ông đi bước nữa, sinh thêm được ba đứa em cứ lít nhít đứa lớn công đứa bé, mẹ ông lại bệnh tật, ông bố dượng cũng yếu nên cả nhà rất khổ. Năm 1965 giặc Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại ra khắp miền Bắc, ông lên đường nhập ngũ. Bây giờ tôi cũng đang sắp bước vào cái tuổi bẻ gãy sừng trâu nhưng buổi tiền các ông lên đường đám chúng tôi vẫn lóc nhóc chạy theo sau. Ông vỗ vai từng đứa bảo:

- Anh đi trước, các chú đi sau, điểm hẹn ở Trường Sơn nhé. Còn ở nhà cố gắng chăm học, chăm làm đừng ra bãi soi đánh trận giả nữa, lớn đùng cả rồi đấy... và ông cười rất rộn, đám chúng tôi cùng cười theo. Tiếng cười ấy bây giờ vẫn còn trong trẻo, vọng vang mãi trong tôi.

Bẵng đi một thời gian, vào mùa hạ năm 1968 thấy ông tập tễnh về làng, đám thanh niên xóm chúng tôi xúm đến nghe ông kể chuyện chiến trường, chuyện ông bị thương... Thế rồi chiến tranh cứ mỗi ngày một ác liệt, lớp chúng tôi lại nối bước các ông lên đường ra tiền tuyến. Sau ngày ba mươi tháng tư đất nước hoà bình thống nhất, người còn kẻ mất, nhà nhà vui buồn đều chan chứa. Cán lính tráng chúng tôi trở về người chuyển ngành vào các cơ quan nhà nước, người về quê cấy cà theo nghiệp của cha ông, riêng tôi thì lang bạt theo nghiệp tướng, những năm 1980 tôi hay về quê. Hồi ấy phong trào hợp tác hoá nông nghiệp đang

ở vào thời kỳ mỗi huyện, mỗi xã một pháo đài, làng tôi cũng nằm trong cái guồng máy ấy. Bà con phải di chuyển nhà cửa vào gò rừng để lấy đất quy hoạch phát triển kinh tế tập thể theo hướng quy mô. Thế là cái làng vốn cổ kính ngàn đời được dỡ bung ra, mỗi nhà bám lấy quả gò mà sinh cơ lập nghiệp. Chính thời gian này ông lại về nghỉ chế độ, cái chân cà nhắc, lại vợ đại con nhỏ, đất đai chia về cầm côi đầu vào đó cả rồi. Làng xóm phận ai người ấy lo, ai cũng nghèo, cũng túng. Nhờ vả, bầu vùi vào đâu được. Thế là ông lẳng lẳng một mình đi tìm đất. May còn cái thềm đất hoang chỗ chân núi Châm Niu và gò Vai bên cạnh có cái khe nước suốt ngày róc rách. Có nước là có sự sống, ông quyết định bới đất làm nhà ở đây. Loay hoay mãi ngôi nhà cũng được dựng lên gọi là có cái tổ. Vợ con ông yên ổn ở đây. Nhớ một lần về quê tôi tắt đường đến thăm nhà bác ở chỗ Hang Mồ, đi qua thấy ngôi nhà cheo leo, con đường lên nhà lại dốc đá ngoằn ngoèo. Ông đang thực hổ trông chuối. Thấy gia cảnh, nhìn cái chân giả của ông, tôi thở dài bảo:

- Bác Lâm ơi! Phải tìm chỗ khác mà trú, chân cẳng bác tập tễnh thế này vợ vẫn ngã chết!... Ông chỉ cười, nụ cười đầy cam chịu, bây giờ còn hẳn hiện nguyên vẹn trong tôi. Thấy tôi bơ thờ, ông Lâm vừa đổ nước pha trà vừa cười vừa nói:

- Chú nghĩ gì mà thần thờ vậy?

- Nhìn cơ ngơi này, em chạnh nhớ túp lều của bác ở chỗ gò Vai mấy năm trước đây Khổ quá bác nhỉ?

- Thời buổi lúc bấy giờ còn kiếm được cái chỗ để chui ra chui vào là tốt lắm rồi, cánh lính về làng những năm ấy ai cũng thế, chả nhẽ cứ vác cái chân què ra để đòi nợ dân, đòi nợ chính quyền à. Mình còn sống trở về vẫn là số may, đông đội bao nhiêu

người nằm lại họ được cái gì? Chú cứ vào thăm cái núi mộ ở Trường Sơn càng thấy công sức của mình chả thấm thía gì. Nghĩ vậy tôi bậm lòng cặm cùi sống, khổ một chút nhưng nằm lại nơi chiến tuyến để có cuộc sống tốt cho dân, chả nhẽ về lại đòi đất của dân thì hổ quá. Mình nghĩ vậy và sống vậy nên chắc vong hồn đồng đội nó phù nên mỗi ngày cũng khá dần lên. Vừa nói ông vừa cười hà hà, tiếng cười rất thoải mái và cũng rất bằng lòng với tất cả những gì gia đình ông đang có.

Tôi lại đảo mắt nhìn quanh gia cảnh. Ngôi nhà cấp bốn còn mộc mạc nhưng đã được kê liền đó là cái bếp đã xây xong chưa quét vôi, có hệ thống nhà tắm, nhà vệ sinh lát đá hoa có hình thù nếp sống đô thị hoá. Trước cửa dọc theo lối cổng vào là cái máy xay xát và cái quán bán hàng vật. Tôi bặc bạch hỏi.

- Chắc ông đang có kế hoạch làm ăn lớn?

- Lớn với bé gì, con cháu nó sinh sôi được con cháu cũng phải vận động lên, còn sức giúp được con cháu cái gì thì cứ cố, cũng gắng gầy lấy cái nền để cho con cháu nó hơn ta chứ và ông lại cười ha ha. Thấy cái mạch của ông vui tôi lại hỏi.

- Ông được cả thầy mấy cháu nhỉ?

- Bốn, một gái, ba gái. Đã dựng vợ gả chồng cho ba đứa, có cháu nội, cháu ngoại cả rồi. Còn cô út tốt nghiệp lớp 12 nhưng thi đại học dẫm vào bước chân anh chị nó trượt vô chuối cả, đành ở nhà. Nghĩ cũng tội nhưng làm thế nào được. Năng lực của nó có thể thì được thế, mình có học thay được đâu, chỉ biết cố làm ra tiền để nuôi các cháu thôi. Giá mấy đứa nhà tôi mà đậu đại học thì công việc của chúng nó chả lo gì, tôi có cái xuất ưu tiên thương binh mà. Ông cố giấu tiếng thở dài rồi lại nói tiếp: Nhưng mà không sao, xã hội cũng phải có người làm việc này, người làm

việc kia chứ. Ai cũng làm cán bộ thì lấy ai làm nông dân, làm nông dân là làm ra lúa gạo, trâu bò lợn gà... các cụ ngày xưa có câu: *"Nhất sĩ nhì nông, hết gạo chạy nông, nhất nông nhì sĩ"*. Và thời còn mặt trận cùng đồng đội nằm phơi lưng trên chiến hào quần nhau với địch lòng vẫn mơ về cây lúa. Bây giờ đất nước hoà bình mình về với ruộng đồng, với cây lúa sinh con đẻ cái ra trên ruộng đồng cứ sao lại tìm đường chạy chốn cây lúa! Nghĩ vậy tôi bàng lòng và quyết mua thổ đất này.

- Thổ đất!... Tôi ngập ngừng, ông Lâm lại cười hà hà:

Chú lại nghĩ nó là cái bãi tha ma của làng ngày xưa chứ gì.

- Vâng tôi đang định nói thế.

- Đúng, dân làng Châm, làng Thông ta gọi đây là cái gò Mâu - gò Mâu tức là gò Ma. Nhiều người ở đây rồi nhưng không đậu, phải nhổ neo. Thế mới đến lượt tôi chứ. Đến lượt tôi thì ưa lại phù nên làm gì được nấy. Các cháu khôn lớn tuy cái việc học không đạt theo mong muốn nhưng đứa nào cũng nên nghiệp, vợ chồng con cái ổn định, mong được thế. Còn cửa nhà, chú nhìn là thấy. Tạm tạm thế đã, việc quan trọng bây giờ là phải biết tạo ra công việc cho các cháu nó làm...

- Nhà mình đã có cái máy xay xát, tôi gợi chuyện.

- Cũng mới sắm được thôi. Giọng ông trầm xuống, bàn tay khê đưa lên mái tóc màu sương: Lấy cái máy này là để tạo thế cho cả nhà đồng thời cũng để mình có việc. Cái chân tuy què nhưng sức lực còn rọc rạch được, các cháu khỏe gánh vác việc ngoài đồng, mình ở nhà chạy máy xay xát lúa, ngô cho bà con, tiền công cũng chả lãi lời bao nhiêu đâu nhưng tạo được nguồn vốn cầm bả để phát triển chăn nuôi. Nhà nông muốn có bát ăn bát để phải kết hợp tuần hoàn giữa cây và con và còn phải biết tính toán

cây gì, con gì cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh nhà mình nữa. Đùa với thiên hạ thời nay không có sức đâu không khéo còn đổ bể cả đấy. Tôi phải luôn cân nhắc, làm gì cũng phải nắn cái bị của nhà mình. Các cụ đã dạy: "*Có thực mới vực được đạo*". Hoang tưởng, đua đòi là lại dẫm vào cái vòng đời khát ngày xưa! Sắm cái máy xay xát này, tạo thêm nguồn vốn cộng với chút đỉnh lương bổng, tiền trợ cấp thương tật hùn vào làm chăn nuôi, nuôi con vật cổ truyền như lợn gà, thế là tạo được việc làm cho cả "*bà lão*" nhà tôi nữa. Cũng nhờ giới phù hộ mấy năm đàn lợn nái cứ đẻ sồn sồn, cám bã sẵn, tống vào nó lớn như thổi. Giá các chú về sớm mấy bữa thì tha hồ chụp ảnh, lợn giống nhà tôi con nào cũng đẹp như tranh vẽ, khách tranh nhau mua hết rồi. Ngoài đàn lợn nhà còn chăn nuôi thêm gà vịt, vịt hết mùa cày cứ lùa xuống tràm Xảo hôm nào cũng cho rá trứng. Từ nhiều nguồn thu cóp lại thế là trả hết nợ nần.

- Nhà nợ nhiều không?

- Cũng không nhiều nhưng so với hoàn cảnh mình thì lắm. Ông lại khề đưa tay lên mái tóc phai sương, vắt cái chân cụt lên thành ghế, giọng trầm trầm: Lúc mua thổ đất này, chuyển ngôi nhà từ chỗ Gò Vai ra đây hết ngót hai chục triệu đồng, nhà nước hỗ trợ tình nghĩa được khoảng 5 triệu còn lại là vay. Mấy năm com cóp trả xong nợ, đầu óc thanh thoi nhiều. Bây giờ làm được là đưa vào tích lũy, thu nhập ở quê không nhiều đâu nhưng mỗi thứ một tí, cộng với lương bổng mỗi năm cũng được đôi chục. Còn phải chắt chiu chú ạ. Trước mắt vẫn phải tạo vốn để tập trung vào sản xuất. Sản xuất ở đồng đất mình vẫn phải giữ cây lúa, cây ngô làm gốc ruộng vườn ít phải nghĩ cách không cho đất nghỉ. Đấy, cứ gặt xong là đất lại cày lật lên phơi, xem trời đất thuận màu gì gieo thứ ấy... con thì có việc làm, không phải lêu

đều mà thu nhập cũng tăng thêm, ở quê năng nhặt là khác chặt bị chú ạ. Tôi cũng đã thống nhất với các cháu cố gắng làm lụng, tích cóp, khi thấy cái hậu bao đầy dần cũng phải xây cái nhà lớn thật đẹp góp cùng với bộ mặt của dân làng và để mình an ở cho nó sướng. Cố chi mà phải chịu khổ suốt đời. Ông lại cười hà hà, cái chân cụt cũng rung theo. Nhìn cái chân cụt của ông, nhà thơ Đinh Công Thuỷ đi cùng tôi hỏi:

- Chắc lúc trở trời cái chân của chú đau lắm nhỉ? Chú có khi nào nhớ cái phần của nó mất đi không?

- Đau chứ, nhớ lắm chứ và những đường nét đang tươi rói trên gương mặt ông vụt tắt, giọng ông trầm đặc và câu chuyện của ông như hút hồn chúng tôi về những ngày chiến tranh ác liệt.

Cái chân nó lìa mình từ chiến dịch mùa xuân năm 1968. Nó súng tấn công thì mình ở thế thắng, đơn vị lọt vào thành sâu quá, khi địch củng cố được lực lượng chúng phản công, ta phải rút ra. Khỏi nói, thương vong nhiều lắm. Người chết, người bị thương chồng chất lên nhau, tiểu đội tôi phải chốt giữ để cho đơn vị đưa thương binh, tử sĩ ra. Khi hoàn thành nhiệm vụ, anh em lặn vào đường rừng, đêm tối mò mẫm, khi gió máy hắt đi trước thì không sao, tôi đi sau lại vướng quá mìn típ. Nó bung lên, thế là cái chân vèo mắt, máu toé ra, tôi ngất lịm, đến lúc tỉnh dậy thì thấy nằm ở trạm phẫu. Máy hôm cô y tá thở thê: Khổ cái người công anh ra trạm, khi quay lại bị pháo chụp không tìm thấy xác!... Chiến tranh mà!... ông Lâm thở dài. Cứ mỗi lần nhìn cái chân lại nhớ đồng đội vì thế chả dám đòi hỏi gì. Mình còn được sống, cho dù cuộc sống đầy gian khổ nhưng vẫn hơn. Là thương binh thật nhưng tôi vẫn thấy mình nợ nần đồng đội, nợ nần những người nằm lại nhiều quá vậy nên phải gắng sức, không phiền muộn gì

kể cả với vợ con mình. Mỗi ngày sống bản thân vẫn cố làm lấy một việc giúp con cháu cho dù việc ấy rất nhỏ như chăm vườn tược, nom nhà, trông cháu... cố gắng làm theo lời Bác Hồ dạy: *"Thương binh tàn nhưng không phế"*. Ông ngừng lời, cái chân cụt lại rung rung và ông nhẹ nhàng nâng cái ấm rót nước mời chúng tôi uống. Mân mê chén trà, tôi thấy ông đang hiện lên giữa ngôi nhà này như một bức tranh đẹp vừa biết nhường nhịn, hy sinh vừa biết giành giật mà thật nhân hậu, hiền lành. Tôi cứ ngồi lặng ngắm ông và ghi nhận một điều giản dị: Ông mãi mãi xứng đáng là bộ đội Cụ Hồ.

Làng Châm xã Lâm Xuyên tháng 7 - 2008

VỀ LẠI BÌNH YÊN

Đỗ Hùng

Hẹn trước với Bí thư Đảng uỷ xã Bình Yên (Sơn Dương) Hầu Văn Quy, nên vừa bước chân đến trụ sở xã, anh giới thiệu ngay cho tôi làm quen với Phó Chủ tịch UBND xã Lưu Văn Lương - con rể cụ Trần Quang Vinh, một trong những người cao tuổi ở thôn Lập Bình hiện nay đã vinh dự được gặp Bác Hồ.

Chúng tôi được cụ Vinh kể cho nghe câu chuyện cách đây 61 năm. Đó là vào năm 1947, thôn Lập Bình vinh dự được Bác Hồ và Trung ương Đảng chọn làm nơi đặt "*Đại bản doanh*" của Văn phòng Chủ tịch phủ - Thủ tướng phủ. Ông Vinh kể rằng: Buổi trưa và buổi chiều hàng ngày các chú bảo vệ thường đến thăm các gia đình và căn dặn mọi người đây là nơi làm việc của cách mạng, già trẻ, gái trai khi đi làm nương rẫy, đi chăn trâu tuyệt đối thực hiện "3 không": Người lạ hỏi không biết, người lạ bảo không nghe, người lạ cho không thấy! Cả thôn phải có trách nhiệm bảo vệ cách mạng: Khi ấy tôi 14 - 15 tuổi được bố, mẹ tôi bảo rằng, Cụ Kế chính là Bác Hồ, là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc tuyên ngôn độc lập ngày mùng 2 tháng 9 năm 1945 ở Quảng trường Ba Đình. Trước năm 1945, Cụ Kế ở Tân Trào và nay tiếp tục trở về Tân Trào để lãnh đạo kháng chiến. Cụ đang ngày đêm lãnh đạo kháng chiến đánh đuổi bọn thực dân Pháp, bọn cường hào ác bá áp bức đàn áp nhân dân, con cũng phải tuyệt đối thực hiện "3 không" đấy!

Hỏi đó tôi được bố mẹ giao nuôi 2 con trâu. Một lần chăn trâu ở đường mòn gán thác Dã, tôi gặp các chú bảo vệ thường

qua nhà và một cụ già mặc áo nâu. Tôi đứng dậy chưa kịp chào thì cụ già đã bước gần tôi hỏi "Cháu mấy tuổi rồi, có đi học không?" tôi ngược nhìn cụ già đội nón, khăn mặt vắt vai. Nhận ra "Cụ Ké" qua gương mặt, chòm râu, đôi mắt hiền từ, tôi lễ phép thưa: Dạ thưa Bác, cháu năm nay 14 tuổi. Cháu có đi học ạ! Bác gật đầu khen ngoan, biết giúp đỡ bố mẹ việc nhà...

Cụ Vinh kể tiếp, ở xã Bình Yên, không chỉ mình tôi, còn nhiều người khác cũng đã vinh dự được gặp Bác Hồ như ông Lưu Đình Thi, Lưu Văn Mai, Triệu Phúc Đường, Trần Ngọc Đại. Ông Trần Ngọc Đại là du kích thôn, được Cụ Ké tặng tấm ảnh chân dung của Người có chữ ký. Ở Bến Gênh sông Phó Đáy, cuối xã Bình Yên hiện có tấm bia đề dòng chữ "*Nơi Bác Hồ thường qua sông đi họp Hội đồng Chính phủ 1948 - 1949*", ông Triệu Phúc Đường khi đó là du kích, thường được phân công chèo Cụ Ké qua sông bằng chiếc mảng nữa... Kể đến đây, cụ Vinh bỗng dừng lại, đôi mắt cụ xa xăm như để nhớ và hồi tưởng. Cụ chậm rãi nói "*Mãi mãi không thể nào quên* "!

Tôi hỏi cụ Vinh: Hiện nay Đảng bộ xã Bình Yên, trong đó có con rể cụ đang tổ chức, chỉ đạo cho các đảng viên trong xã "*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*". Nghe vậy, cụ Vinh trầm ngâm đôi lát rồi nói, tôi được nghe kể nhiều câu chuyện "*Bác Hồ với Tuyên Quang*", "*Bác Hồ với Sơn Dương, với Tân Trào*", mỗi câu chuyện về Bác Hồ đều có tác động nhất định đối với nhiều người dân và cán bộ về đạo đức, lối sống, về thực hiện tiết kiệm trong chi tiêu, sinh hoạt, giáo dục con cháu, phát triển kinh tế, xoá đói giảm nghèo. Đầu năm nay rét đậm, rét hại ảnh hưởng rất lớn đến chăn nuôi gia súc, gia cầm, tôi nhớ vào cuối năm 1968, khi ấy Bác Hồ đã 78 tuổi, Bác có bài báo "*Cần chăm sóc trâu bò trong vụ rét sắp tới*". Bài báo rất ngắn gọn nhưng hết sức đầy đủ. Bác viết vào cuối mùa thu để cho mọi người có thời gian chuẩn bị chống rét, chứ không phải để đến khi

rét quạt ngã trâu bò mới viết. Bác đề ra những biện pháp chống rét cho trâu bò như bảo đảm chuồng trại, cất giữ nguồn thức ăn cho trâu bò trong mùa sương giá. Điều khiến tôi hết sức xúc động, là với cương vị Chủ tịch nước mà Bác nắm rõ những hoạt động ở cơ sở. Bác nhấn mạnh: "Việc chăm sóc trâu bò là nhiệm vụ chung của cả hợp tác xã. Cán bộ và nhân dân địa phương đều ra sức làm tốt, là thiết thực tham gia vào sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước. Bài báo ngắn gọn của Bác viết cách đây đúng 40 năm nhưng ý nghĩa thời sự vẫn cho hôm nay, có tác dụng lớn đối với nông dân và các cấp lãnh đạo về công tác chăm sóc trâu, bò. Vì vậy, theo tôi thì không chỉ cán bộ, đảng viên phải học Bác, làm theo Bác, mà tất cả mọi người đều phải học tập, làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Đoàn viên chi đoàn Đồng Minh, Trần Đình Thảo và vợ là Trần Thị Xuân, cán bộ văn hoá xã Bình Yên tâm sự: Đức tính cần cù, tiết kiệm và khiêm tốn của Bác Hồ đặc biệt được vợ chồng chúng tôi vận dụng, học tập. Mục đích của chúng tôi là ngoài củng cố, phát triển kinh tế gia đình, thì cả hai đều phải gương mẫu công tác, phấn đấu trở thành đảng viên.

Bí thư Đảng uỷ xã Hậu Văn Quy khẳng định, cùng với các Đảng bộ trong huyện, năm 2008 Đảng bộ Bình Yên xác định là năm đẩy mạnh thực hiện Cuộc vận động "*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*". Vừa qua Đảng bộ đã tiến hành đánh giá kết quả giữa nhiệm kỳ thực hiện nghị quyết đại hội Đảng bộ xã lần thứ VI: sơ kết 1 năm thực hiện cuộc vận động và tổ chức sâu rộng đợt học tập các chuyên đề "*Chủ tịch Hồ Chí Minh với vấn đề thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, quan liêu*" và tác phẩm "*Sửa đổi lối làm việc*" của Hồ Chí Minh; phát động phong trào thi đua lập thành tích kỷ niệm 118 năm Ngày sinh nhật Bác 19-5; kỷ niệm 60 năm Ngày Bác Hồ ra lời kêu gọi. Thi đua Ái quốc 11 - 6; gắn với học tập và thực hiện các

ng nghị quyết của Trung ương Đảng (khoá X). Qua học tập xã nhận thấy vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như: Vẫn để xảy ra dịch bệnh lở mồm long móng ở đàn gia súc, phá rừng làm nương rẫy, đặc biệt ở các thôn Đồng Minh, Bình Dân, Cao Tuyên, Khẩu Lấu; một bộ phận cán bộ, đảng viên trình độ, năng lực và ý thức trách nhiệm chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra.

Để mọi người hiểu đúng về mục đích, bản chất, hình thức của cuộc vận động này, Ban chỉ đạo xã quán triệt học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh là học ở tinh thần của Bác, chứ không phải học để làm giống y như Bác. Học tinh thần của Bác là để nâng cao giá trị đạo đức của mỗi cán bộ đảng viên và mỗi người dân trong xã. Chính vì vậy, đến nay riêng đối với đảng bộ, qua học tập 94 đảng viên tại 10 chi bộ cơ sở đã hoàn thành xây dựng tiêu chuẩn đạo đức lối sống của cán bộ, đảng viên theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh. Nhằm tạo chuyển động thật sự trong lề lối, tác phong làm việc của cán bộ và nâng cao hiệu quả hoạt động của cả bộ máy, từ đầu năm 2008, đảng bộ yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên, hội viên các tổ chức đoàn thể tập trung vào các mục tiêu chăm lo đời sống đồng bào các dân tộc; vận động bà con hàng hái tăng gia sản xuất, xây dựng gia đình văn hoá, giữ gìn an ninh trật tự. Hàng tháng trong sinh hoạt chi bộ và các tổ chức phải có nội dung nhận xét về tình hình đạo đức lối sống của từng thành viên. Những cán bộ, đảng viên đã có ý kiến đóng góp, tham gia của quần chúng phải nghiêm túc sửa chữa, khắc phục, có báo cáo cụ thể với cơ quan, chi bộ nơi công tác. Trước năm 2008, Bình Yên có mô hình "gánh cơm nuôi trẻ" được nhiều nơi trong tỉnh học tập, thì nay đang ra sức phấn đấu thoát khỏi xã đặc biệt khó khăn, có nhiều mô hình trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

NGỌN LỬA THANH LA

Quê Lâm

Minh Thanh là một xã nằm ở phía Đông - Bắc của huyện Sơn Dương. Từ lâu mảnh đất và con người nơi đây đã gắn liền với cách mạng, với vận mệnh của Tổ Quốc. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Minh Thanh đã giữ vững vai trò là căn cứ địa cách mạng, là nơi ở, làm việc của 36 bộ, ban, ngành của các cơ quan Trung ương để lãnh đạo cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc. Cùng với Tân Trào - Thủ đô khu giải phóng, thủ đô kháng chiến, Minh Thanh là một trong những địa danh có nhiều điểm di tích lịch sử đã và đang được đồng bào các dân tộc nơi đây gìn giữ với niềm tự hào vì đã được Trung ương chọn làm nơi căn cứ. Trong số hàng chục điểm di tích còn lưu giữ được trong lòng mảnh đất Minh Thanh, đình Thanh La là nơi gắn liền với việc thành lập chính quyền cách mạng và cuộc khởi nghĩa đầu tiên trong cả nước.

Đình Thanh La khởi dựng từ đầu thế kỷ XIX và trải qua nhiều lần tu sửa, ngôi đình hiện nay được trùng tu vào năm Đinh Sửu (1937) dưới triều vua Bảo Đại năm thứ 12. Đình dựng lên để phục vụ nhu cầu tín ngưỡng và là nơi hội họp, sinh hoạt văn hoá của người dân trong làng. Đồng thời đây cũng là nơi thờ các vị thành hoàng, đại diện cho các vị nhiên thần quanh vùng. Với lối kiến trúc thuần gỗ, mái lợp lá cọ, nhìn tổng thể đình Thanh La có dáng dấp một ngôi nhà sàn miền núi, gồm 3 gian, 2 chái. Kiến trúc của ngôi đình đơn giản, ít chạm trổ và không cầu kỳ như các

ngôi đình truyền thống ở các tỉnh vùng châu thổ sông Hồng. Tuy nhiên, tại nơi dựng đình theo thuật phong thủy, đây là khu đất đẹp, có thể dễ dàng cơ động toả đi các xã: Trung Yên, Tân Trào, Bình Yên, Kim Quan... của huyện Yên Sơn. Với vị trí thuận lợi đã tạo cho ngôi đình một vai trò quan trọng trong chiến khu Việt Bắc. Ngày 10-3-1945, ngôi đình được các đồng chí Khu uỷ phân Khu Nguyễn Huệ chọn làm nơi lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong vùng đứng lên khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền đầu tiên trong cả nước. Ngày 16-3-1945, một cuộc mít tinh lớn được tổ chức ngay tại sân đình Thanh La. Uỷ ban lâm thời Châu Tự Do được thành lập, bao gồm các xã vùng thượng huyện Sơn Dương và đây cũng là chính quyền cấp châu, huyện đầu tiên trong cả nước được thành lập. Với sự ra đời Uỷ ban lâm thời Châu Tự Do đã tạo điều kiện để đón Bác Hồ từ Cao Bằng về Tân Trào ở, làm việc và chỉ đạo cuộc tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945, đưa Tân Trào trở thành trung tâm của khu giải phóng, trung tâm của khu căn cứ địa Việt Bắc.

Ngược dòng lịch sử, vùng Tân Trào - Núi Hồng nằm ở phía Bắc huyện Sơn Dương là nơi có phong trào cách mạng sớm phát triển của Tuyên Quang. Từ năm 1941 - 1942, đồng chí Đặng Nguyên Minh, là người cán bộ dân tộc Dao về hoạt động xây dựng cơ sở cách mạng từ đó phong trào phát triển mạnh mẽ, lan rộng khắp các xã vùng thượng huyện Sơn Dương. Đầu tháng 3 năm 1943, có rất nhiều dấu hiệu biến động chính trị, các tổng lý, kỳ Hào, quan lại và binh lính ở các xã luôn bị gọi đi tập trung ở tổng, ở huyện, hoang mang đến cực độ. Sau khi nhận được tin trên và thực hiện theo chỉ thị của đồng chí Tân Hồng trước ngày 9-3-1945, đồng chí Song Hào đã triệu tập cuộc họp tại vực Đào bao gồm: Tạ Xuân Thu, Chu Đức Lương cùng một số đồng chí khác. Cuộc họp đã thống nhất 2 nội dung: Phân tích thời cơ khởi

nghĩa, may cờ để chuẩn bị tiên hành khởi nghĩa. Ngay ngày hôm sau, các đồng chí Khu uỷ phân khu Nguyễn Huệ trở về khá đông đủ và chọn Thanh La làm trọng điểm để chỉ đạo bởi Thanh La gắn với trung tâm lãnh đạo của Phân khu nhất; đồng thời đây cũng là cơ sở cách mạng phát triển tốt. Đồng chí Tạ Xuân Thu được giao nhiệm vụ trực tiếp chỉ huy lực lượng vũ trang mà nòng cốt là đội cứu quốc quân III, cùng đông đảo quần chúng nhân dân Thanh La kéo đi tịch thu băng sắc, ấn, triện đồng của bọn trưởng lý, kỹ hào, tước vũ khí của bọn lính đông. Lực lượng mỗi lúc một đông, khí thế bừng bừng của quần chúng nhân dân kịp mang theo mã tấu, súng kíp, đinh ba... Đoàn quân cách mạng kéo đến đầu Hương đông kéo ra nộp súng; Tổng lý, kỹ hào mũ áo chỉnh tề ra nộp triện đồng, băng sắc. Thừa thắng tiến lên, quân ta tiếp tục tiến đánh và giải phóng Phượng Liên cùng các xã vùng phụ cận.

Như vậy, đình Thanh La thuộc xã Minh Thanh không những gắn liền với sự kiện lịch sử quan trọng trong thời kỳ tiền khởi nghĩa mà trong suốt 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, đình Thanh La còn là nơi mở các lớp học chính trị của Việt Minh. Đặc biệt, tháng 9 năm 1949 đã diễn ra cuộc họp quan trọng của Bộ Nội vụ... Từ những sự kiện trọng đại tại đình Thanh La trong những ngày tiền khởi nghĩa và trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược đã đánh dấu bước chuyển mình quan trọng của cách mạng Việt Nam. Đồng thời, đây không chỉ là một công trình kiến trúc, là nơi diễn ra những sinh hoạt văn hoá văn nghệ của đồng bào địa phương mà ngôi đình lưu giữ những giá trị lịch sử quan trọng, góp phần không nhỏ vào thành công của ngọn lửa cách mạng Tháng Tám và thắng lợi của cuộc kháng chiến chống quân xâm lược của người dân Tuyên Quang nói riêng và Việt Nam nói chung.

Sau hơn 60 năm kể từ ngày các đồng chí thuộc phân khu Nguyễn Huệ đã chọn Minh Thanh làm nơi diễn ra cuộc khởi nghĩa và thành lập chính quyền cách mạng đầu tiên trong cả nước, nhưng những giá trị của một giai đoạn lịch sử vẫn còn giữ được qua các thế hệ người dân Minh Thanh. Đặc biệt, một số hiện vật gắn liền với cuộc khởi nghĩa đã và đang được Bảo tàng Tân Trào - ATK gìn giữ như những báu vật. Trong số các hiện vật đó, đáng chú ý là bức phù điêu được tạc dựng mô tả lại cuộc khởi nghĩa Thanh La và bức tượng cao trên 1m. Đây là bức tượng, đại diện cho 3 dân tộc trong buổi ra mắt Ủy ban lâm thời châu Tự Do (1945). Ngoài ra còn có các hiện vật bằng kim loại gắn liền với cuộc khởi nghĩa như: giáo, mác... theo quân chúng đứng lên đánh đuổi Nhật, Pháp để giành lại chính quyền về tay nhân dân. Đặc biệt, tại Bảo tàng Tân Trào - ATK hiện vẫn còn lưu giữ một số lá Quốc kỳ mà hơn 60 năm trước đã được chính người dân Minh Thanh khêu thủ công, giương cao trước đình Thanh La trong ngày diễn ra cuộc khởi nghĩa.

Những người con của mảnh đất Minh Thanh từng tham gia trong đội quân khởi nghĩa năm xưa, nay nhiều người đã trở về với tiên tổ, số nhân chứng của một giai đoạn lịch sử còn lại thì đều đã bước vào tuổi "*xưa nay hiếm*". Trở lại Minh Thanh lần này, được sự giúp đỡ của chính quyền địa phương, chúng tôi đã có cuộc gặp gỡ với cụ Nguyễn Văn Triều - một trong những nhân chứng lịch sử hiện đang sinh sống tại thôn Niềng, cách trung tâm xã Minh Thanh 3 km. Cụ Triều năm nay đã bước sang tuổi 83, nhưng phong thái vẫn còn minh mẫn lắm, nhất là khi chúng tôi gọi lại quãng thời gian hơn 60 năm xưa. Cụ đã kể lại không khí của quân chúng nhân dân sục sôi ý chí cách mạng, sẵn sàng huy động sức người, sức của cho cuộc khởi nghĩa diễn ra đầu tiên trong cả

nước trong kỷ ức của cụ cũng luôn nhớ như in những ngày cùng lực lượng thanh niên xã Minh Thanh bí mật tham gia phục vụ cách mạng, làm giao liên liên lạc. Sau khi cuộc khởi nghĩa thắng lợi, Nguyễn Văn Triều được bố trí vào tổ cán bộ trực tiếp đi thu các triển đồng, giấy tờ của đám tổng lý kỳ hào trong khu vực.

Từ ngọn lửa cách mạng của đồng bào các dân tộc qua cuộc kháng chiến chống Pháp, bước vào thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước, với truyền thống lịch sử, truyền thống trong lao động sản xuất, thực hiện lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc xã Minh Thanh đã đẩy lên phong trào thi đua ra sức đẩy mạnh sản xuất, sẵn sàng chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến. Đồng thời chuẩn bị bước vào chiến tranh phá hoại của Mỹ ở miền Bắc. Tính từ năm 1945-1975, cả xã có gần 100 thanh niên lên đường nhập ngũ chiến đấu. Trong đó có 17 con em đã anh dũng hy sinh vì độc lập của Tổ quốc; 75% số hộ gia đình có người thân tham gia cách mạng. Toàn dân đóng góp được gần 100 tấn lương thực, trên 250 tấn thực phẩm các loại. Thực hiện khẩu hiệu "*Thóc không thiếu 1 cân, quân không thiếu 1 người*", đồng bào các dân tộc Minh Thanh đã cùng sẻ chia vì tiền tuyến, vì miền Nam ruột thịt. Vừa kháng chiến, vừa lao động sản xuất, trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước Minh Thanh liên tục nhiều năm liền được tỉnh công nhận là xã điển hình, mẫu mực trong phong trào sản xuất, chăn nuôi giỏi; lá cờ đầu trong phong trào văn hoá - xã hội thi đua đi giết giặc dốt. Hàng năm luôn hoàn thành chỉ tiêu đóng góp cho nhà nước, được Chính phủ tặng Huân chương Lao động hạng Ba và nhiều phần thưởng giá trị khác.

Ngọn lửa truyền thống cách mạng, truyền thống yêu nước đấu tranh chống giặc ngoại xâm của người dân Minh Thanh vẫn

luôn cháy mãi qua các thế hệ. Khi bước vào thời kỳ đổi mới, đồng bào các dân tộc xã Minh Thanh lại cùng nhau đoàn kết xây dựng đời sống mới, tập trung khai thác tiềm năng thế mạnh của địa phương để biến mảnh đất lịch sử ngày càng phát triển đi lên cùng với các địa phương khác trong cả nước. Để thực hiện được điều đó, Minh Thanh xác định công tác lãnh đạo của cấp uỷ đảng đóng góp vai trò quan trọng mà nòng cốt là đội ngũ đảng viên. Công tác phát triển đảng luôn được chú trọng trong đội ngũ đoàn viên thanh niên. Vì vậy, từ chỗ có 7 đảng viên được thành lập năm 1947, đến nay đảng bộ có gần 170 đảng viên trực tiếp sinh hoạt tại 15 chi bộ. Trong đó số đảng viên thuộc đồng bào dân tộc thiểu số chiếm gần 90%. Nhờ sự đoàn kết trong toàn Đảng bộ nên Minh Thanh đã tăng cường được sức mạnh tổng hợp, lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đảng bộ qua các kỳ đại hội, xây dựng và củng cố, nhiều năm liên tục đều đạt Đảng bộ "*Trong sạch, vững mạnh*", dù sức lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi công cuộc công nghiệp hoá - hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn, miền núi.

Minh Thanh có diện tích tự nhiên 120 km², ba phần tư diện tích là rừng núi, dân số trên 5 nghìn người. Xã có 7 dân tộc anh em, gồm: Tày, Dao, Cao Lan, Mông, Sán Chí... sinh sống ở 14 thôn bản. Mặc dù còn gặp không ít khó khăn, từ xuất phát điểm là một xã nghèo, điều kiện hạ tầng cơ sở không đủ đáp ứng nhu cầu đòi hỏi ngày càng cao của công cuộc đổi mới, được sự quan tâm đầu tư của Nhà nước, Minh Thanh đã từng bước thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, đưa nền kinh tế không ngừng tăng trưởng qua thực tế hàng năm. Đó là việc vận dụng các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước vào đời sống xã hội; vận động các tầng lớp nhân dân chuyển dịch cơ cấu cây

trồng vật nuôi, áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Đồng thời khuyến khích phát triển kinh tế hộ gia đình theo mô hình VAC - R, qua đó tăng giá trị kinh tế trên một đơn vị diện tích canh tác; góp phần xoá đói giảm nghèo và làm giàu chính đáng. Nhờ vậy, tỉ lệ hộ đói nghèo của xã đã giảm đáng kể. Năm 2007, tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt trên 3.000 tấn, tăng 24,8 tấn so với năm 2006. Năm 2008, số hộ có mức sống khá, giàu chiếm 55%, số hộ thuộc diện nghèo giảm xuống còn 35,4%. Kinh tế tăng trưởng, giáo dục, y tế, văn hoá - xã hội cũng có bước phát triển đáng kể. Đặc biệt, Cuộc vận động "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống mới ở khu dân cư*" do Mặt trận Tổ quốc phát động đã được đông đảo người dân Minh Thanh nhiệt tình hưởng ứng. Qua đó góp phần phát triển kinh tế, giữ gìn bản sắc dân tộc trong xu thế hội nhập như hiện nay. Minh Thanh hôm nay đang khởi sắc đi lên cùng các địa phương khác trong cả nước nhờ phát huy ngọn lửa truyền thống cách mạng. Năm 1998, xã vinh dự được Nhà nước phong tặng danh hiệu "*Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân*". Đây là sự ghi nhận của Đảng và Nhà nước đối với những đóng góp của cấp ủy, chính quyền và đồng bào các dân tộc trong xã qua từng giai đoạn lịch sử đấu tranh và trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Sơn Dương tự tình khúc

Lê Tuấn Lộc

*Thôi cứ gọi phố huyện mình là Đăng Châu
Tên phố cũ làm thành kỷ niệm
Ai về phố huyện Sơn Dương
Trong chiều buông lặng lẽ
Đăng Châu lãng đăng mây ngàn
Đăng Châu chiều mưa tan
Trời trong như ngọc bích
Phố huyện đêm tĩnh mịch
Đăng Châu thanh bình
Thoang thoang bình minh Đăng Châu
Bóng người Dao xuống chợ
Váy đen xếp tầng tầng kém gì Hà Nội
Gấu viền sắc sỡ dăng ten
Đăng Châu hàng cây long não xanh
Bóng cầu vạn vác choong đi dào quặng
Xa xanh nút đá vút cao
Từ núi hoang sơ huyền bí
Thôi mình ở lại với Đăng Châu
Một chút tình dang dở
Bảy giờ chắc đi là nhớ
Biết là ta phải lòng nhau
Thôi mình ở lại với Đăng Châu
Sông Mã, Tỉnh Thanh, La Sơn chia tay nhé
Tôi hay liễu mạng thế
Khi yêu tôi sống hết mình
Thôi mình ở lại với Đăng Châu
Bốn mùa hoa nở*

Mùa xuân trắng rừng hoa mơ
Đỏ trời hoa gạo
Hè về đỏ đường hoa phượng rơi
Ve ran gọi mùa thi đến rồi
Nhớ thừa học trò thơ dại
Thu sang điểm đỏ rừng hoa chuối
Như lửa cháy lòng ta khôn nguôi
Trắng ngàn hoa lau
Báo mùa đông đến rồi
Hoa trắng như một thời hoang dã
Như một trời xa lạ
Bồng bênh mây nước Đăng Châu
Tội trách mình đa tình mộng mơ đến thế
Vui đâu châu dấy một đời
Đăng Châu chót yêu rồi
Phải đâu mình vụng dại
Lòng tôi còn mãi
Sông Đáy trong xanh
Suối Lê long lanh
Chè Tuyên mê mẩn búp non xanh
Đại ngàn xanh
Chiến khu Kim Bình
Lán Nà Lừa, Mái đình Hồng Thái
Đường đèo dốc quanh co mềm mại
Núi lòng ta ở lại
Tình Đăng Châu mãi mãi.

* Đăng châu tên huyện Sơn
Dương trong thời kỳ kháng chiến
chống Pháp.

Nơi thành lập UBHC cấp huyện
sớm nhất toàn quốc.

Dưới bóng da Tân Trào
NXBVH

Đêm Tân Trào

Phạm Thuyết

Đêm Tân Trào

*Nằm nhà sàn tôi mơ về quá khứ
Gặp Bác Hồ thuở đó làm thơ
Bản thảo còn nằm trên phiến đá
Hồ Hàng Bông sóng sánh những vần thơ
Thành cơm gạo
Trọn ước mơ
Vầng trăng tròn soi bóng Bác đêm khuya
Thuyền độc mộc lướt dòng sông Đáy.
Vững tay chèo đưa dân tộc thoát lầm than
Tháng năm về hoa phượng nở ngập tràn
Những thiên thần hiện ra trong giấc ngủ
Đánh bại quân thù mở chiến khu
Núi Hồng Việt Bắc lập thủ đô
Đêm Tân Trào giữa mùa măng nứa.
Nằm nhà sàn tôi mơ về quá khứ
Hồ Hàng Bông gọi lên lời tâm sự
Tôi nao lòng đọc mãi áng thơ trăng.*

Về Sơn Dương hôm nay

Nhạc: LUONG THUY
Thơ: NGOC HIẾP

Allgeretto - Phần khởi - Tự hào



Anh có về quê em Sơn Dương vùng chiến khu



xưa anh dũng kiên cường. Thủ đô xanh một thời kháng



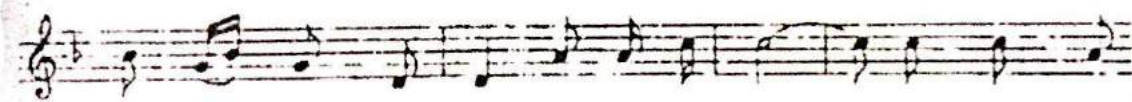
chiến nơi khai sinh đất nước anh hùng. Về Sơn Dương



với người yêu thương. Có những cánh rừng xanh ánh trắng



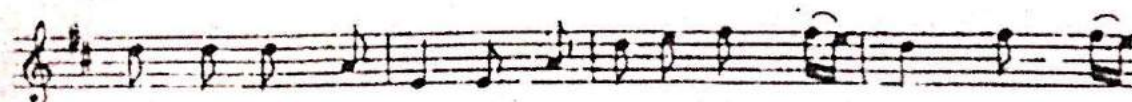
buông dòng đất thâm canh bát ngàn ngô lúa, chè xôi



xao mía đường mát ngọt đàn bò ung dung, ung dung gặm



cỏ ta mơ về nhà máy tương lai. Những con



đường bê tông rộng mở, chờ niềm vui đi suốt tháng ngày. Tiếng máy



reo vui tiếng máy cày, đàn gà xa, lung linh ánh

diên mái trường âm vang tiếng trẻ học bài. Sơn
 Dương, về Sơn Dương hôm nay, từ Tân Trào, Minh Thanh,
 đến Sơn Nam Hào Phú đang viết lên những
 bản tình ca mới. Gọi trời thu tháng tám xanh
 thêm, suối Thta reo núi Hồng gió hát truyền thống ông
 cha mãi giữ gìn ngàn năm. Sơn Dương
 chuyển mình trên đường lên Sơn Dương, đất với
 người toả sáng niềm tin. Sơn Dương đất với
 người toả sáng niềm tin.

Sơn Dương quê tôi sáng danh anh hùng

Vừa phải, tự hào, hùng tráng Nhạc và lời: QUỐC THỂ

Sơn Dương quê tôi ngàn đời vang mãi khúc quân hành ca

Bao năm kiên trung chống quân xâm lược bảo vệ cách mạng Khu A T

K khu an toàn nơi khai sinh Tổ quốc. Khu A T

K thăm tỉnh non nước rạng ngời quê hương Sơn Dương Tổ quốc ngời

ca chiến công vẻ vang Quê tôi mây núi chập chùng Sông Đáy reo

mừng bản hùng ca Xôn Quê xao tôi hoa lá chen

vui trên đường về Lán Bắc Sơn Dương mãi sáng danh
nhau xây dựng cuộc sống mới Fine (hết)

là quê hương anh hùng. Sơn Dương quê tôi xây tấc cao

mới tiếp bước cha anh Nhân dân tin yêu một lòng sắt son tiến theo cơ

Đảng Chung sức chung lòng vai sát vai cùng dựng xây quê hương

Sơn Dương quê tôi là một chiến khu rạng ngời Giang sơn (Sơn...)

SƠN DƯƠNG NHỮNG NĂM THỰC HIỆN CUỘC VẬN ĐỘNG “TOÀN DÂN ĐOÀN KẾT XÂY DỰNG ĐỜI SỐNG VĂN HOÁ Ở KHU DÂN CƯ”

Bùi Mạnh Cường

Huyện Sơn Dương có 33 xã thị trấn, 424 thôn bản với 38.059 hộ gia đình, hơn 17 vạn dân và 9 dân tộc anh em đang đoàn kết xây dựng quê hương. Nghề nghiệp chủ yếu là sản xuất nông, lâm nghiệp, đời sống kinh tế an ninh, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững và ổn định, đời sống văn hoá ngày được nâng cao, các phong tục tập quán, hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan trong việc cưới, việc tang, lễ hội và trong lao động sản xuất được đẩy lùi xoá bỏ.

Sau 10 năm phối hợp triển khai thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư” và phong trào “Xây dựng nếp sống văn hoá”, nay là phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”, Trung tâm VH-TT Sơn Dương với trách nhiệm là cơ quan Phó ban Thường trực của BCD huyện đã chủ động thường xuyên hàng năm lập kế hoạch phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện và các cơ quan thành viên Ban chỉ đạo huyện triển khai tốt cuộc vận động. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện tăng cường chỉ đạo củng cố kiện toàn các Ban chỉ đạo cơ sở xã, thị trấn nâng cao chất lượng hoạt động, xây dựng cơ sở vật chất, hướng các hoạt động văn hoá - thông tin thể thao về cơ sở nhằm nâng cao và cải thiện

đời sống sinh hoạt văn hoá tinh thần cho nhân dân các dân tộc trong huyện. Đến nay toàn huyện có 34 ban chỉ đạo cuộc vận động phong trào *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá"*. 424 thôn bản trong huyện đã có bản quy ước được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt ban hành thực hiện. Duy trì thường xuyên hoạt động của 9 nhà văn hoá xã, nhà văn hoá cụm xã, 374 nhà văn hoá thôn bản, 33 trạm truyền thanh cơ sở, 424 cụm loa truyền thanh không dây, duy trì hoạt động của 542 đội văn nghệ quần chúng cơ sở, 865 đội thể thao. Hàng năm phục vụ kịp thời các nhiệm vụ chính trị của địa phương, từng bước nâng cao đời sống sinh hoạt văn hoá tinh thần cho nhân dân các dân tộc trong huyện.

Thực hiện nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII), Nghị quyết Hội nghị lần thứ 10 BCH Đảng bộ tỉnh (khoá XII), Nghị quyết 12 BCH Đảng bộ huyện (khoá XVI) về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, Chỉ thị 27 của Bộ Chính trị, các quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về xây dựng nếp sống văn minh, thực hành tiết kiệm trong việc cưới, việc tang, lễ hội đã được các cấp uỷ Đảng, chính quyền quan tâm chỉ đạo. Triển khai thực hiện đạt hiệu quả. Nhiều tiết mục văn nghệ và các sinh hoạt văn hoá được các nghệ nhân khai thác, cải tiến nâng cao với dạng sân khấu hoá nhưng vẫn giữ gìn vốn cổ và đậm đà bản sắc văn hoá dân tộc như múa hát, múa nón, múa quạt dân tộc Tày; múa tết nhảy, múa kiếm dân tộc Dao; múa cờ, múa kiếm, múa xúc tép dân tộc Cao Lan, múa khèn dân tộc Mông... Các làn điệu dân ca như hát si, hát lượn, hát then, hát cọi dân tộc Tày, Nùng, hát páo dung dân tộc Dao, hát sọng cô dân tộc Sán Diêu, hát dao duyên, hát sinh ca dân tộc Cao Lan... Việc cưới, việc tang, được thực hiện tiết kiệm, văn minh, lịch sự, hợp

vê sinh. Không có trường hợp tổ chức đám tang, đám cưới dài ngày gây lãng phí tốn kém; đã có nơi tổ chức tốt đám cưới đời sống mới tại hội trường cơ quan và hội trường nhà văn hoá thôn như chi đoàn Công ty Chế Tạo Trào, chi đoàn Đồng Bền 2, xã Thượng Âm...

Từ năm 2001 đến nay, Trung tâm Văn hoá - Thông tin và thể thao thường xuyên tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện phối hợp cùng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện chỉ đạo thực hiện cuộc vận động và bàn bạc thông nhất tiêu chí đánh giá bình xét phân loại khu dân cư, thôn bản văn hoá và gia đình văn hoá sát thực với tình hình của địa phương, phối hợp tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ văn hoá xã và Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, thị trấn ngay từ quý I hàng năm, thống nhất biểu mẫu báo cáo, tổ chức hội nghị sơ kết cuộc vận động khen thưởng kịp thời để khích lệ phong trào. Đến ngày 30-12-2004, toàn huyện có 271 thôn/424 thôn đạt tiêu chuẩn thôn bản văn hoá, bằng 64%; 26.753 hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá bằng 73%. Qua đánh giá bình xét phân loại toàn huyện đã có 93 thôn đạt danh hiệu thôn, bản văn hoá 3 năm liên tục, 101.845 hộ đạt danh hiệu gia đình văn hoá 3 năm liên tục và 6.484 hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hoá 5 năm liên tục.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
PHẦN I: THỦ ĐỘ KHÁNG CHIẾN	
1. Một lòng làm theo lời Bác. Hoàng Bình Quán <i>Ủy viên Trung ương Đảng, Bi thư Tỉnh ủy tỉnh Tuyên Quang</i>	5
2. Kho tàng di tích lịch sử. Tạ Quang Chiến	18
3. Kỷ niệm về những năm tháng phục vụ Bác Hồ. Nguyễn Kiên	23
4. Sơn Dương Thủ độ Kháng chiến - Thủ độ Cách mạng. Nguyễn Đình Quang <i>Tỉnh ủy viên, Bi thư Huyện ủy Sơn Dương</i>	27
5. Một tấm gương sáng đời đời. Trần Quốc Cừ	45
6. Quốc dân Đại hội Tân Trào - Tiên thân của Quốc hội. Phù Ninh	49
7. Hành trình Bác Hồ đến Tân Trào lần thứ hai. Mạc Ninh	52
8. Đến với Thủ độ Kháng chiến. Hoàng Quảng Uyên	57
9. Đình Tân Trào. Nguyễn Thế Kỳ	66
10. Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay. Đình Quang Tồn	69
10. Trở về cội nguồn Thủ độ Kháng chiến. Hoàng Phương	75
11. Sơn Dương nhớ ngày đón Bác. Hà Linh	78

12. Nơi ấy ngày đầu tiên Bác Hồ trở lại Tân Trào.
Triệu Đăng Khoa 83
13. Sơn Dương một vùng quê cách mạng.
Phạm Thuyết 87
14. Chuyện kể về Bác Tôn bên dòng Phó Đáy.
Lê Mậu Lâm, Trần Nhung 134

PHẦN II: KỶ NIỆM SÂU SẮC VỀ BÁC HỒ KHI Ở SON DƯƠNG

1. Trong phê bình phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau.
Nguyễn Việt Thanh
Giám đốc Sở VH-TT-DL tỉnh Tuyên Quang 137
2. Tôi là người dân,... **Trần Minh Hường** 140
3. Cùng cố là gì? **Trần Thị Minh Châu** 142
4. Như giữ đồng bạc trắng. **Đoàn Minh Tuấn** 143
5. Nhiệm vụ của Ủy ban dân tộc.
Đoàn Minh Tuấn 144
6. Đừng bày vẽ làm gì. **Đoàn Minh Tuấn** 145
7. Tôi đi lấy thuốc cho. **Việt Dũng** 146
8. Ký ức Tân Trào.
Trần Thị Minh Châu kể - Phan Sỹ Phúc ghi 147
9. Mình không ăn thì dân ăn.
Nguyễn Hữu Kháng kể - Hồ Vũ ghi 150
10. Thanh gươm Bác trao cho vị tướng.
Kim Dung 151
11. Nhớ Bác. **Vi Thị Hồi kể - Phạm Thuyết ghi** 153
12. Bác Hồ thăm Sơn Dương. **Phạm Thuyết** 155
- ## PHẦN III: THỦ ĐÔ KHÁNG CHIẾN NGÀY NAY
1. Tân Trào hôm nay. **Hoàng Linh** 157
2. Làng văn hóa - du lịch Tân Lập. **Thanh Hùng** 160
3. Làng Sảo xưa ai nhớ, ai quên. **Nguyễn Trọng Hùng** 162

4. Đổi mới trên quê hương cách mạng Tân Trào.	Lê Xuân Lâm	167
5. Văn hóa - thông tin Sơn Dương 62 năm xây dựng và trưởng thành.	Ma Quốc Thế	170
6. Sơn Dương một vùng đất đầy tiềm năng.	Trần Huy Văn	173
7. Mãi mãi là bộ đội cụ Hồ.	Trịnh Thanh Phong	185
8. Về lại Bình Yên.	Đỗ Hùng	193
9. Ngọn lửa Thanh La.	Quế Lâm	197
10. Sơn Dương những năm thực hiện Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư".	Bùi Mạnh Cường	210

PHẦN IV: THƠ NHẠC VỀ SƠN DƯƠNG

1. Sơn Dương tự tình khúc.	<i>Thơ:</i> Lê Tuấn Lộc	204
2. Đêm Tân Trào.	<i>Thơ:</i> Phạm Thuyết	206
3. Về Sơn Dương hôm nay.	<i>Nhạc:</i> Lương Thủy <i>Thơ:</i> Ngọc Hiệp	207
4. Sơn Dương quê tôi sáng danh anh hùng.	<i>Nhạc và lời:</i> Quốc Thế	209

Tham khảo tư liệu:

- Bảo tàng Tuyên Quang.
- Bác Hồ với Tuyên Quang.
- Bác Hồ với Sơn Dương.
- Di tích lịch sử cách mạng Sơn Dương.
- Di tích lịch sử Tuyên Quang.
- Lịch sử Đảng bộ Sơn Dương.
- Các báo Văn nghệ, Nhân dân, Quân đội, Tuyên Quang, Báo văn nghệ Tân Trào.

SƠN DƯƠNG MỘT VÙNG QUÊ CÁCH MẠNG

Chịu trách nhiệm xuất bản
MA QUỐC THỂ
*Giám đốc Trung tâm văn hóa
thông tin thể thao huyện Sơn Dương*

Sưu tầm biên soạn
PHẠM THUYẾT

Sửa bản in
LÊ MINH

Trình bày bìa
TRẦN HOÀN

Ảnh bìa I, II, III
ĐỖ LONG - MINH TUẤN

- In 700 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm, tại Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Tuyên Quang
- Giấy phép xuất bản số: 36/GP-XB.
- In xong và nộp lưu chiểu tháng 9 năm 2009.